

làng văn

140

Tháng 4.96



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
Thẩm-mỹ, trám, giải-phẫu,
răng giả, rút gân, v.v.
ĐẶC-BIỆT:
Trồng răng trong xương (Implant)
Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nha-sĩ **ĐÌNH THÁI NHÂN**
Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
Chirurgien Dentiste
Clinique Dentaire Đình & Trần
6075 chemin Chambly
St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466



BROSSARD
NHA-SĨ

Dr. **HOA T. NGO, D.M.D.**
CHIRURGIENNE DENTISTE
7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(đối-diện RENO DÉPÔT)
Tél: (514) 926-8000

Quý bạn yêu nhạc Việt, xin đón mua:
MÂY SÓNG
Tuyển tập 30 ca-khúc và thơ phổ nhạc của
LINH-PHƯƠNG
(từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đăng, Cung Vũ,
Vũ Hối, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung,
Thanh Hiền, Hồng Lan, Linh Quân)
Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
PHÁT-HÀNH THÁNG 2.1996

ALCO

INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật-sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng-khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal, H3W 1Z4
Tel: **482-9153**

CHUÔNG-KHẾ / NOTAIRE
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: (514) 398-0855

CÔNG TY ĐIA ỐC
ĐÌNH VŨ
(Victor)
REALTIES
MUA NHÀ & BÁN NHÀ CƠ-SỞ THƯƠNG MẠI
(514) 862-2683
(514) 253-4694

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.A.C.

279 Place de la Poudrière
Verdun. Qc. H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tel: (514) 767-2874

*Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi
trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt c'ep*



Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
1750 Cr. Rousseau
Brossard, J4X 1S7
CANADA
Ấn-bản 1995
Canada: 10\$
Nơi khác: 10\$US

Tin vui cho quý vị phụ-huynh:
Làng Văn đang in

**EM HỌC
CHỮ VIỆT**

theo phương-pháp mới nhất,
dành cho trẻ Việt ở hải-ngoại
và người ngoại-quốc

Biên-soạn: **BÚT CHÌ**
Minh-họa: **NGUYỄN NHẬT TÂN**
Giá bán: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH GẦN NHẤT

Phát-hành cuối tháng 3.1996
hai băng thiên đầu-tiên của **NGUYỄN PHONG**
tạp-chí Làng Văn Canada thực-hiện và phát-hành

**BÊN KIA
CỦA TỬ**

Nguyễn Phong

**TỬ-THƯ
TÂY-TẠNG**

Nguyễn Phong

BÊN KIA CỦA TỬ

và
TỬ THƯ TÂY-TẠNG

qua giọng đọc **NGUYỄN HƯƠNG & NGUYỄN HỮU NGHĨA**

giá mỗi cuốn 6 mỹ-kim (mua hai cuốn cùng lúc: 10 mỹ-kim)
Liên-lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

làng văn

E-Mail: langvan@ilap.com
HOMEPAGE:
http://www.saiannonet.com/langvan/

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIII - No 140 - April 1996
Bộ 13 - số 140 - tháng 4, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Thư xuân Nguyễn Hộ, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	2
Tin vắn.....	4
Trái đất 30 ngày qua.....	9
Trong làng, Ngoài ngõ.....	10
Đại-hội Văn Bút VNHN kỳ V khóa 2 tại Houston.....	12
Tin tị-nạn.....	21
Tin Việt-nam.....	24
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	26
Tuyệt thư, Nguyễn Hương.....	29
Đầu xuân kể chuyện Cali, Người Cali.....	32
Thư ngõ, Sơn Tùng.....	35
Nhìn lại một chặng đường, Sơn Tùng.....	36
Tin vắn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	38
Tại ngục vịnh Kiêu, Hoàng Hải Thủy.....	46
Tiếp-xúc với chữ nghĩa sau cuộc đổi đời, Hồ Trường An.....	52
Bài cuối cho Los, thơ Nghiêu Minh.....	57
Sắt-se mấy giọt sầu, Hoàng Nga.....	58
Tháng tư, 20 năm sau, thơ Cao Hoàng Nhân.....	61
Thông-diệp tháng 4, thơ Nguyễn Văn Cường.....	63
Những trò chơi xuân, Lập Phương.....	64
Con ngáo ộp Cholesterol, Nguyễn Xuân Lê.....	66
Mùa xuân gọi, thơ Lê Văn Thịnh.....	67
Hương xuân, Nguyễn Hoàn Nguyên.....	68
Cõi giới, thơ Ông Thế Hùng.....	71
Tiếng kêu của máu, Hoàng Hải Thủy.....	73
Những câu thơ dương tính, thơ Nguyễn Quốc Chánh.....	75
Em còn có nụ cười, thơ Phạm Tâm Phổ.....	76
Cuộc đời vô-định, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	80
Tháng tư còn đó, thơ Nguyễn Huy Phước.....	85
Chào người, thơ Phan Các Chiêu Hằng.....	89
Hoa trôi trên sóng nước, Nguyễn Phong.....	90
Mưa tháng tư, thơ Ngọc Hân.....	95
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....	96
Em về, thơ Bùi Hữu Trí.....	98
Chuyện lạ xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	99
Em đi để gió vô-thường bay qua, thơ Huỳnh Liễu Ngạn.....	101
Dòng sông đầm lẹ, thơ Phan Long Yên.....	102
Chém đá, Sắc Không.....	107
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	110
Nhắn tin tị-nạn.....	114

Ảnh bìa: Mãn-khai của Cung Vũ, 1993

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Cung Vũ - Diên Khánh
Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Hải Thủy - Hoàng Nga - Hồ Trường An
Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dững - Lê Văn Lân - Mỡ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Nguyễn Minh Minh - Sắc Không - Sơn Tùng
Tư Tình - Thái Văn Kiểm - Tống Minh Long Quân
Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Trần Văn Lệ - Vạn Giả
Vân Nương - Việt Chi - Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Xuân Lý - Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phương - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - E. Phương
Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngạn
Hứa Hoàn - Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung
Nguyễn Hưng - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Khanh - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn ĐứcBAT Ngàn - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Văn Cường
Nguyễn Việt - Ông Thế Hùng - Phạm Hoàng Hộ
Phạm Tâm Phổ - Phạm Thắng - Phạm Vũ Dũng
Phan Long Yên - Phan Thịnh - Phùng Nhân
Quỳ Hương - Thanh Hữu Huyền
Thanh An - Thảo Nguyên - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - Trường Sơn Lê Xuân Nhi
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giả - Vi Vi - Việt Phong
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Dũng
Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đức Vũ
Nguyễn Khai - Nguyễn Đông - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà	Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng	Hồa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim	Québec: Nguyễn Bá Đình
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương	Võ Thắng Tiết (Nam CA)
Linh Phương (Florida)	Nguyễn Huy Phước (NJ)

Tri-án các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao
Linh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tấn Nhiên,
Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nữ-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;
Pháp: 50 quan; Úc: 10\$; Bắc Âu: 50 krone;
Nhật: 1000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Thẻ-lệ mua báo: trang 109 / Giá quảng-cáo: trang 120

Thư Xuân của Nguyễn Hộ và Giải-Pháp Hòa-Bình

Nguyễn Hữu Nghĩa

Ngày 19.2.1996, Nguyễn Hộ, một khuôn mặt được Hà-nội gọi là thành-phần đối-lập, đã ra Thư ngỏ chúc tết đồng-bào và kêu-gọi thành-lập Mặt Trận Dân-chủ, hòa-giải hoà-hợp dân-tộc và chống nổi dậy bằng bạo-lực. Bức thư được phổ-biến rộng-rãi tại quốc-nội và hải-ngoại, trên nhiều hệ-thống thông-tin khác nhau, kể cả các phương-tiện truyền-thông quốc-tế.

Từ lá thư xuân...

Bức thư có đoạn viết: "Trong 21 năm qua, từ ngày áp đặt chính sách độc tài toàn trị trên cả nước, đảng Cộng sản đã gây nhiều tội lớn với dân tộc. Họ đã làm đất nước suy sụp, làm tan nát tình tự dân tộc, làm suy đồi phong hóa, hủy hoại môi trường sinh sống, để mất cả chủ quyền kinh tế và bán một phần quan trọng đất đai có giá trị kinh tế chiến lược cho người ngoại quốc. Vậy mà họ vẫn ngạo mạn, tự cho mình độc quyền cai trị đất nước và đàn áp thô bạo những người yêu nước như Đỗ Trung Hiếu, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ và hàng ngàn tù nhân lương tâm khác. Trong đất nước Việt Nam ngày hôm nay, người lương thiện và có trí tuệ thì ngồi tù hay bị trừ

dập còn những kẻ tham nhũng, bất lương thì cao sang quyền quý. Một đất nước như vậy không tiến lên được mà cũng không thể hòa bình lâu dài được. Đó là điều làm chúng ta phẫn nộ, nhưng đó cũng là điều khiến chúng ta phải lo lắng. Chúng ta càng phẫn nộ hơn nữa vì, để chuẩn bị cho Đại-hội VIII sắp tới của đảng Cộng-sản Việt-nam, phe thủ cựu đã áp đặt một cương lĩnh cực kỳ phản động, chủ trương rập khuôn theo Trung-quốc, tăng cường chế độ cộng sản khắc nghiệt, bóp ngạt mọi quyền tự do căn bản, triệt tiêu mọi ý kiến và sáng kiến.

Chúng ta không thể thụ động. Vì quyền lợi và sự tồn vong của đất nước, chúng ta phải phản công lại và đánh bại ý đồ đen tối này..."

Bàn về phương-thức phản-công, Nguyễn Hộ kêu-gọi "phải tranh đấu để thiết lập chế độ dân-chủ đa-nguyên bằng phương thức bất bạo động, lấy hòa-giải và hòa-hợp dân-tộc làm tinh thần chỉ-dạo."

Nguyễn Hộ chỉ-trích chủ-trương bạo-động quân-sự: "Đến nay vẫn còn một số người chưa tỉnh ngộ, vẫn còn đi theo lối mòn cũ, chủ trương bạo lực vũ trang để lật đổ chính quyền cộng sản. Họ đi ngược lại trào lưu của thời đại là hòa bình và đối thoại, họ cũng chưa ý thức được rằng quần chúng Việt Nam đã quá chán ghét chiến tranh, cho nên họ đã liên tiếp thất bại.

Họ lao đầu vào chỗ mạnh nhất của chính quyền cộng sản, một chính quyền có quân lực hùng hậu sẵn sàng nghênh đón bạo lực."

Về việc hòa-hợp hòa-giải, Nguyễn Hộ thú-nhận: "Đúng thực là lực lượng bảo thủ, ngoan cố, gian ác trong ban lãnh đạo cộng sản không hề muốn hòa giải và hòa hợp dân tộc, mặc dầu họ đã hòa giải ngay cả với những kẻ thù mà trước đây họ coi là không đội trời chung."

Dù Cộng-sản không chịu hòa-hợp hòa-giải, nhưng Nguyễn Hộ kêu gọi toàn dân nên "kiên-trì" và "chỉ hòa giải với những người cộng sản lương thiện và tiến bộ, đã và đang đấu tranh đòi dân chủ hóa đất nước, đòi bãi bỏ độc quyền chuyên chính."

Nguyễn Hộ khuyên: "Trong suốt quá khứ đã có rất nhiều cán bộ, đảng viên cộng sản bị bách hại vì bất đồng chính kiến với ban lãnh đạo. Chúng ta hòa giải với những người đó, và chúng ta thực hiện hòa giải toàn dân để tạo sức mạnh quần chúng tổng hợp đánh bại tập đoàn cộng sản thủ cựu."

Trở lại với lối biện-chứng theo duy-vật sử-quan, Nguyễn Hộ khuyến-khích: "Còn bốn năm nữa chúng ta sẽ bước vào thiên niên kỷ thứ ba. Đó là một cột mốc vô cùng trọng đại, cả loài người chờ đợi một kỷ nguyên mới và một cuộc sống mới. Nếu vào thế kỷ 21 mà chúng ta vẫn còn phải chịu đựng một chế độ độc tài thì đó sẽ là một mối nhục cho cả ngàn năm sau. Chúng ta không thể chấp nhận mối nhục đó. Chúng ta chỉ còn bốn năm nữa để phấn đấu, thời gian đó thực là ngắn ngủi. Cách đây một ngàn năm, tổ tiên ta đã hùng dũng bước vào thiên niên kỷ thứ hai bằng cách vứt bỏ ách nô lệ của Trung-quốc, mở đầu kỷ nguyên độc lập dân tộc. Chúng ta phải xứng đáng với ông cha. Chúng ta phải bước vào thiên niên kỷ thứ ba bằng cách vứt bỏ ách độc tài cộng sản."

Ở đoạn-kết bức thư, Nguyễn Hộ kêu gọi dân-chúng thuộc mọi quá khứ chính-trị, kể cả đảng viên "tiến bộ", kết-hợp thành-lập Mặt Trận Dân-chủ để đấu-tranh cho dân-chủ đa nguyên bằng phương-pháp bất-bạo-động và

hòa-giải hoà-hợp dân-tộc.

...đến việc loại-trừ giải-pháp nổi dậy

Bức thư không đề ra một khung hoạt-động, một chương-trình cụ-thể hay một thời-gian nhất-định nào, để thành-lập Mặt Trận Dân-chủ, hay thực-hiện công-cuộc đấu-tranh chống bạo-lực. Nguyễn Hộ chỉ nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bức thư: “không nên nổi dậy”, “đừng dùng bạo-lực.”

Đấu-tranh ôn-hòa tất-nhiên là thượng-sách để tranh-thủ dân-chủ tự-do. Đấu-tranh ôn-hòa ít nguy-hiểm hơn đấu-tranh bạo-động, vì an thân, đỡ tổn máu xương, nên dễ được chấp-nhận. Nhưng muốn thành-công với phương-pháp đấu-tranh ôn-hòa phải hội đủ ba yếu-tố: sức mạnh kinh-tế, áp-lực chính-trị và tiềm-lực quân-sự làm hậu-thuần.

Hai điều-kiện kinh-tế và chính-trị, Hoa-kỳ có đủ và đã liên-tục áp-dụng gần hai mươi năm qua, chưa tạo được hoàn-cảnh khả-dĩ mang lại dân-chủ cho Việt-nam.

Ép không xong, Mỹ bỏ cấm vận, rồi thiết-lập bang-giao với CSVN, chế-độ này vẫn không thay-đổi, trừ một vài hình-thức trình-diễn dân-chủ đã lỗi-thời mà tài-phiệt Mỹ đòi hỏi để tạo điều-kiện thuận-lợi cho tòa Bạch-ốc có lý-do giải-bày với dân-chúng và cựu chiến binh của họ.

Trước sự rơi rồi lại siết, mở rồi lại trói của cộng-sản trong tám năm qua, không ai còn tin vào thiện-chí “dân-chủ-hóa” chế-độ của tập-đoàn thống-trị Hà-nội nữa.

Nếu chỉ có sức mạnh kinh-tế và áp-lực chính-trị thôi, chưa đủ ép cộng-sản thoái-bộ, trả quyền dân lại cho dân. Mỹ đã cấm-vận, đã bao-vây kinh-tế CSVN liên-tục gần hai mươi năm. Các quốc-gia Tây Âu đã liên-tục dùng áp-lực chính-trị và ngoại-giao, cắt giảm hay hủy-bỏ viện-trợ, vẫn không cứu nổi toàn bộ những tù-nhân lương-tâm đang bị Hà-nội tước đoạt nhân-quyền.

CSVN không sợ sức mạnh kinh-tế

và áp-lực chính-trị bằng đe-dọa quân-sự ngấm-ngâm từ phương Bắc. Mỹ, với đủ thứ ràng-buộc, sẽ không bao giờ can-thiệp quân-sự vào Việt-nam; nhưng với Trung Cộng thì hoàn-toàn khác. Trong vụ binh-biến Lạng-sơn năm 1979, cả Bắc-kinh lẫn Hà-nội đều học được một bài học. Trung Cộng biết, muốn trừng-phạt Hà-nội, phải tập-trung nhiều sức hơn; và Việt Cộng cũng biết, muốn an-hưởng lợi-lộc, trong cuộc đi giầy, phải biết nghiêng về phía Bắc-kinh.

Hà-nội không thể dân-chủ-hóa vì hai lý-do. Một là chính-sách toàn-tài giúp họ trấn-áp dân-chúng, bảo-vệ quyền-bính của đảng một cách hữu-hiệu. Hai là do áp-lực của Trung Cộng. Hoa-lục không muốn Việt-nam trở thành một cứ-điểm dân-chủ, hợp với Nam Hàn, Nhật-bản, Đài-loan và Tân-gia-ba thành một vòng đai bao-vây họ nên không ngừng đe-dọa.

Việt Cộng cố tránh chiến-tranh với Trung Cộng, vì biết chắc, kết-quả sẽ không giống như lần trước, lúc Trung Cộng mới ra quân lần đầu sau 30 năm hoà-bình và là lúc binh-lực Việt Cộng đang mạnh nhờ kinh-nghiệm 20 năm chiến-tranh.

Mặt khác, VC không sợ bao vây kinh-tế và áp-lực ngoại-giao bên ngoài bằng chính sức mạnh kinh-tế và áp-lực chính-trị của toàn dân bên trong. Nó ghê-gớm hơn nhiều, nếu tập-trung được. Qui-tắc vận-dụng quần-chúng ám-ảnh Hà-nội: chỉ có đại khối dân-chúng Việt-nam mới có thể làm tê-liệt guồng máy cầm quyền cộng-sản.

Cấm-vận từ bên ngoài chỉ làm cho chế-độ cộng-sản yếu đi, làm quốc gia cộng-sản nghèo đi và chậm tiến, như Cuba, Bắc Hàn và Việt-nam; nhưng không làm sụp-đổ các chế-độ này, nếu không vận-dụng được sức mạnh nội-tại, tức sức mạnh toàn dân bên trong.

Bao vây kinh-tế từ bên ngoài mười năm, hai mươi năm không làm cho guồng máy cai-trị tắc nghẽn, nhưng một vụ tổng đình-công, bãi khóa, bãi thị toàn diện kéo dài vài tháng sẽ làm

cả guồng máy đứng lại và hỗn-loạn.

Nghẽn tắc, nhưng chưa rạn nứt và tan-rã, nếu không có một yếu-tố thứ ba thúc vào: giải-pháp quân-sự.

Ngoài kinh-tế và chính-trị nội-tại, dân-chúng Việt-nam còn có một thứ vũ-khí khác mà cộng-sản rất sợ, đó là tiềm-lực quân-sự, qua hình-thức toàn dân vùng dậy. Không cần tới bom A bom H, hỏa-tiến vi-trùng, phi-đạn hóa-học, hàng-không mẫu hạm, B-52,... năm 1945, Việt Minh cướp được chính-quyền bằng súng mót, súng trường, tầm vông, vạt nhọn. Hơn ai hết, trong hoàn-cảnh hiện-tại, cộng-sản Hà-nội khiếp-sợ trước một vụ nổi dậy toàn diện bằng AK-47, bằng M-16 của chính thanh-niên, sinh-viên, cựu chiến-sĩ phục-viên, bộ-đội rã ngũ, và đảng-viên bất mãn, hơn là các loại vũ-khí tối-tân của các nước Tây Âu dùng ở vùng vịnh Ba-tư hay chiến-trường Ba-nhĩ-cán,...

Trong xã-hội cộng-sản, mỗi Đại-hội đảng là một cơn “quốc biến.” Mỗi lần sắp họp, con ác-thú no mồi ấy dân ra từng phần vì tranh-thủ quyền-lực nội-bộ. Từ thế đầu lừng nhau để chống quần-chúng, Trung-ương đảng mặt đối mặt, trương hết sức mạnh phe cánh và thủ-đoạn chính-trị để triệt-hạ nhau. Sự kiện ấy tái-diễn đều-đặn, giúp các tổ-chức không cộng-sản rút tĩa kinh-nghiệm và tạo thời-cơ để lãnh-đạo quần-chúng vùng lên. Chỉ cần một cánh cộng-sản thất-thế khởi-loạn chống lại số đông trong đảng là quần-chúng có cơ-hội vùng lên đòi lại quyền dân, đặt nền móng đầu-tiên xây-dựng một xã-hội dân-chủ tự-do. Chính vì thế, mỗi lần tái-phố-trí, đảng Cộng-sản lại e-sợ trước sự rạn-nứt dẫn tới bạo-động, mở đường cho dân-chúng nổi dậy nên tìm đủ mọi lý-lẽ để vuốt-ve, xoa dịu và đe-dọa.

Lá thư xuân của Nguyễn Hộ được úp mở phổ-biến từ quốc-nội ra tới hải-ngoại trong thời-gian chuẩn-bị Đại-hội kỳ VIII, một mặt lên án Trung-ương đảng thối-nát, một mặt kiên-quyết loại-trừ giải-pháp bạo-động, rõ-ràng nhằm đáp-ứng nhu-cầu sửa sai nội-bộ bằng đấu-tranh ôn-hòa để tránh những thiệt-hại sâu-xa.

Ở đoạn trên, Nguyễn Hộ kêu gọi đoàn-kết để đánh bại thành-phần “cộng-sản thù cừu”, ở đoạn dưới, Nguyễn Hộ kêu-gọi “vứt bỏ ách độc-tài cộng-sản” nhưng chỉ bằng hoà-giải hoà-hợp.

Nguyễn Hộ chỉ-trích “những người chưa tỉnh-ngộ, vẫn còn đi theo lối mòn cũ, chủ-trương bạo-lực võ-trang để lật-đổ chính-quyền cộng-sản, đi ngược lại trào-lưu hoà-bình và đối-thoại”, nhưng ông ta không chứng-minh được rằng trên trái đất này, đã có một chính-quyền cộng-sản nào êm thấm đi xuống mà dân-chúng không tổn một giọt máu, một viên đạn? Phép lạ sẽ không xảy ra nếu con người không thực sự nguy-khốn và khao-khát chờ-mong.

Dân-chúng Việt-nam yêu-chuộng hoà-bình, đặt giải-pháp hoà-bình lên hàng đầu trong mọi cuộc đấu-tranh. Tuy-nhiên, giải-pháp hoà-bình chỉ áp-đảo được cường-quyền nếu có tiềm-lực quân-sự đi kèm. Đối-phương chỉ chấp-nhận “củ cà-rốt” khi chúng ta có “cây gậy” trên tay.

Quảng vũ-khí đi, chỉ nói chuyện kinh-tế và chính-trị, bỏ quên hay lơ-là với tiềm-lực quân-sự của toàn dân, chẳng khác nào cậu bé David quảng ná đi và quất vào mặt anh chàng khổng-lồ Goliath, đòi bình-đẳng và tương kính. Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó, mọi người đều đoán được!

Thư xuân của Nguyễn Hộ, cuối cùng, đã nương không-khí sum-hợp, vui-vẻ của ngày Tết để một lần nữa kêu-gọi dân-chúng Việt-nam tự loại bỏ sức mạnh tiềm-tàng của mình trong cuộc đấu-tranh gay-gắt vào những ngày giờ cuối cùng của chế-độ.

Muốn thắng-lợi, người Việt không thể buông bỏ vũ-khí trước khi đánh trận cuối-cùng, trên chiến-trường hay trong chính-trường. Chúng ta không loại trừ bất kỳ một ưu-thế hay một tiềm-năng nào khả-dĩ mang lại tự-do dân-chủ cho toàn dân trong một thời-gian hợp-lý. Chúng ta không có quyền “kiên-trì” hi-sinh hết thế-hệ này đến thế-hệ khác, trong khi đất nước bị tàn-phá từng ngày!.. ●

tin văn

Kiên Trung phụ-trách



Trung Cộng làm dữ trước ngày bầu cử của Đài-loan

Đầu đề bàn tán trong tháng 3.96 của thế giới là cuộc “thực tập quân sự” của Trung Cộng ở Đông-hải. Trung Cộng huy-động đến 150.000 quân, bao gồm cả hải lục không quân, tiềm thủy đình, chiến hạm, tàu đổ bộ, hoả-tiến, phản lực chiến đấu cơ, trên một vùng biển rộng 17.000n cây số ở eo biển Đài-loan, chỗ gần nhất chỉ cách Đài-loan 25 cây số. Vụ tập trận trên hải-lộ chính của Đài-loan đã phong-tỏa hòn đảo trong nhiều ngày. Trong suốt thời gian Trung Cộng tập trận, các hải thuyền phải tránh xa Trung-hoa dân-quốc.

Trong vòng 8 tháng, Trung Quốc tập trận qui-mô tới 3 lần ở ngoài khơi Đài Loan và càng lúc càng tiến đến sát đảo quốc này.

Các lãnh tụ Trung Cộng cũng chẳng úp mở gì cả về mục tiêu chính của cuộc thực tập quân sự “dần mặt” Đài-loan trước ngày bầu cử tổng-thống: nếu chọn con đường độc lập thì một cuộc tấn công sẽ có qui mô “nhỏ” cỡ này.

Vụ điệu võ dương oai của Trung Cộng đã không làm cho dân Đài Loan run-sợ như ý các lãnh tụ Tàu Đỏ mong muốn. Mặc dù một số dân chúng tích trữ gạo muối, đổi đồ la Mỹ phòng thân, thị trường chứng khoán Đài-loan chỉ dao động ít ngày, dân Đài-loan không nao núng. Hành động hiếp đáp của Trung Cộng đã có phản ứng ngược, phong trào đòi “Đài Loan của người Đài loan” lên

cao. Ứng cử viên Tổng thống Lý Đăng Huy (đương kim tổng thống), người chủ trương một Đài-loan “không thuộc Trung Cộng”, nhờ Trung Cộng nhe nanh múa vuốt mà được thêm hậu thuẫn của dân đảo.

Những cuộc biểu tình chống Trung Cộng diễn ra hàng ngày ngay trong tâm hỏa-tiến “bắn thử” của “người anh em.”

Về mặt quốc-tế, cuộc tập trận của Trung Cộng bị nhiều nước sỉ vả. Hoa Kỳ đã điều động nhiều chiến hạm, 2 hàng không mẫu hạm và 3 tàu ngầm, tiến sát đến vùng biển để “quan sát”. Ngoài ra Hoa Kỳ cũng đang nghiên cứu các biện pháp trừng phạt kinh tế Hoa Lục.

Mỹ và Pháp cũng đã chính-thức lên tiếng chỉ-trích Trung Cộng chủ ý đe dọa Đài-loan trong vụ tập trận sát bờ biển đảo này và bắn cả hỏa tiễn thật. Chính-phủ Hoa Kỳ đã triệu ngoại giao đoàn Trung Cộng ở thủ-đô Hoa-thịnh-đốn lên để nghe công-hàm ngoại-giao. Bộ trưởng Quốc-phòng Mỹ, ông William Perry, đã bày tỏ sự bất bình, xác-định rằng Bắc-kinh đang khiêu khích Đài-loan, và đó là một sai lầm nghiêm-trọng.

Chính-phủ Pháp cũng chỉ trích Bắc-kinh, cho rằng thái độ của Trung Cộng đã làm xáo-trộn sự ổn định trong vùng châu Á.

Riêng Nhật-bản vẫn giữ thái độ ngậm miệng ăn tiền, chấy nhà hàng xóm bình chân như vại. Sợ Trung Cộng mích lòng, Nhật chỉ cho chuyên-viên đếm số thuyền bè qua lại trên eo biển Đài-loan để làm thống-kê!

Sau vụ thao-duyet Hải-quân, ngày

15.3, Trung Cộng tiếp-tục “thao-diễn” Lục quân, dàn 15 sư-đoàn đông nghệt miền duyên hải phía Đông Nam, đối diện Đài-loan, phô-trương thanh-thế với sát khí đằng đằng.

Trước nay Trung Cộng đã nhiều lần đe dọa dùng vũ lực để thôn tính Đài-loan. Tuy-nhiên trong gần nửa thế-kỷ nay, đảo quốc này luôn luôn sẵn-sàng đối đầu với cuộc đổ bộ của Trung Cộng. Trước áp-lực quân-sự mới đây, Đài-loan cảnh-cáo “sẽ phản-công tức-khắc” nếu hỏa-tiến Trung Cộng bay vào hải-phận Đài-loan, dù bay thật hay bay lạc!

Ngày 23.3 này dân Đài Loan sẽ đi bầu đông-đảo. Đây là cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp đầu tiên trong lịch sử đảo quốc từ ngày Tưởng Giới Thạch cầm quyền.

Muốn gỡ thế diện trước những phản ứng ngược của cuộc tập trận và tăng thái độ găm giữ, Trung Cộng vừa công bố sẽ tiếp tục một cuộc thao diễn mới khởi sự từ ngày 18.3 tại vùng biển phía Bắc. Phát ngôn viên bộ Ngoại-giao Trung Cộng cũng lên truyền hình “cải chính” rằng Trung Cộng chưa hề tuyên bố với Mỹ rằng họ sẽ không tấn công Đài-loan!

Cuối-cùng, ngày 23.3, bất-chấp sự đe-dọa nặng-nề của Trung Cộng, 76% dân-chúng Đài-loan từ thanh-niên 18 tuổi đến cụ già 117 tuổi đã

đi bầu và đương-kim Tổng-thống Lý Đăng Huy, 73 tuổi, tái đắc-cử tổng-thống với 54% tổng-số phiếu, tiếp-tục cai-trị 21 triệu dân của đảo-quốc giàu-có này.

Do Thái cương quyết chống khủng bố Palestine

Những vụ khủng bố bằng bom tự sát của nhóm quá khích Hamas (Palestine) liên tiếp trong tuần lễ cuối tháng 2 đầu tháng 3 đã làm Do-thái điêu-đứng. Tới 58 người chết trong 4 vụ nổ bom liên-tiếp. Xe buýt và các nơi công cộng trở thành những nơi nguy hiểm cho tính mạng đã làm dân Do Thái bức bối, phản đối chính phủ về chính sách hoà hoãn với Palestine.

Thủ tướng Do Thái, ông Shimon Peres, đã chính thức tuyên chiến với bọn khủng bố. Lính Do Thái lục soát các làng mạc, lùng bắt các kẻ khủng bố và triệt hạ nhà cửa của các phần tử nằm trong danh sách.

Dưới áp lực của Do Thái, Yasser Arafat cũng phải tỏ thái độ với các thành viên tổ chức quá khích Hamas bằng cách cho cảnh sát Palestine truy tìm họ gắt gao.

Do Thái đã đóng cửa biên giới vùng West Bank và Gaza, không cho phép người Palestine vào làm việc, buôn bán. Việc này ảnh hưởng trầm

trọng tới đời sống của người Palestine. Họ phản đối mạnh, cho rằng Do Thái giân cá chém thớt, gây khổ sở cho những người vô tội nhưng chính phủ Do Thái vẫn giữ thái độ cương quyết: nếu muốn không bị vạ lây thì hãy tố giác bọn khủng bố.

Lo ngại những diễn biến này sẽ làm tan vỡ tiến trình hoà bình mong manh tại Trung Đông, các quốc gia trên thế giới đã triệu tập hội nghị “chống khủng bố” ngày 13.3 vừa qua.

Tất cả 29 nguyên thủ quốc gia đã tham dự, thiếu đại diện Syria và Lebanon. Tại hội nghị, Arafat khẳng định không chấp nhận khủng bố, tuy nhiên trách móc Do Thái về việc cấm cửa dân Palestine.

Để trấn an Do Thái, Hoa Kỳ đã hứa viện trợ những phương tiện kỹ thuật cao cấp nhằm chống khủng bố trị giá 100 triệu mỹ kim.

Toà án Nhật ở Okinawa xử lính Mỹ

Tuần lễ đầu tháng 3.1996, toà án Okinawa đã xử ba lính Mỹ trong vụ hiếp dâm tập-thể một nữ-sinh Nhật mới 12 tuổi, hồi tháng 9.1995 trước đây.

Các bị can Marcus Gill và Rodrico Harp bị phạt 7 năm tù về tội hiếp dâm, Kendrick Ledet lãnh 6 năm rưỡi về tội đồng loã bắt cóc.

Vụ hiếp dâm đã gây công phẫn trong quần chúng Nhật và làm nổi lên chiến dịch bài Mỹ tại Okinawa trong thời gian qua. Thống đốc Okinawa, ông Masahide Ota, đã từ chối không gia hạn hợp đồng thuê đất đảo của các căn cứ quân sự Mỹ. Trong lúc đó cả chính phủ Clinton lẫn chính phủ của Thủ tướng Nhật Ryutaro Hashimoto đều muốn duy trì sự hiện diện của quân đội Mỹ trên đất Nhật. Với vị trí chiến lược của hòn đảo, hiện số quân Mỹ trú đóng tại Okinawa (24.000 lính) lên đến 75% lực lượng Hoa Kỳ tại Nhật.

Những căn cứ quân sự của Mỹ bị dân Okinawa lên án là đem lại nhiều khổ sở cho dân đảo và chiếm hết những vùng đất tốt. Tuy nhiên, sự



Cảnh cấp-cứu một vụ nổ bom tự-sát tại Do-thái

hiện diện của quân đội Mỹ cũng là một trong những nguồn sống chính của Okinawa.

Tháng tới, Tổng thống Hoa Kỳ sẽ thăm Nhật, chuyện các căn cứ quân sự sẽ là vấn đề hàng đầu trong cuộc công du này.

Quốc vương Sihanouk lại muốn từ chức

Ông hoàng Sihanouk của Cam bốt vừa ngỏ ý muốn thoái vị vì lý do sức khỏe. Sihanouk năm nay 73 tuổi, cho biết ông bị bấu não. Hồi năm 1993, ông đã phải sang Trung-hoa trị bệnh ung thư.

Sihanouk đề nghị người con trai của ông, thái tử Ranariddh (hiện đang là đồng Thủ tướng cùng với Hunsen) sẽ là người kế vị ông.

Theo thủ tục của Cam bốt, nếu Sihanouk chết, Hội đồng tuyển chọn sẽ tìm người kế vị. Hội-đồng này gồm hai vị đồng thủ tướng, các chủ tịch và phó chủ tịch Quốc hội, hai cao tăng của Giáo hội Phật giáo Cam bốt.

Đây là lần thứ 19 ông hoàng Sihanouk "đọa" từ-chức từ lúc lên ngôi quốc-vương Cao-miên cho đến lúc nhậm chức Tổng-thống quốc-gia này.

Nghị-sĩ Bob Dole: ứng-cử-viên của đảng Cộng-hòa trong kỳ bầu Tổng-thống Mỹ

Tỉ phú Stephen Forbes đã chính thức công bố bỏ cuộc đua trong đảng Cộng hòa để thành ứng cử viên tổng thống. Forbes tuyên bố hậu thuẫn thượng nghị sĩ Bob Dole trong cuộc bầu cử này.

Stephen Forbes là tỉ phú ngành truyền thông, nắm giữ nhiều tạp chí tại Mỹ. Khi nhập cuộc, ông đã tiêu hết 30 triệu mỹ kim tiền túi. Chủ trương của ông là thay thế cách tính thuế lợi tức hiện tại của Hoa Kỳ bằng một loại thuế duy nhất 17% đã được nhiều người Mỹ chú ý. Chủ trương này bị giới phê bình nhận xét là "vũ khí của giới giàu có", làm giàu trên xương máu giai cấp trung lưu.

Việc Forbes bỏ cuộc đã giúp Pat Buchanan, nhân vật chủ trương thủ cựu, lên vị trí đối thủ nguy-hiểm của Bob Dole.

Buchanan không bao giờ được đảng Cộng-hòa tin-cậy cho ra tranh cử tổng-thống, nhưng lại dư khả năng làm cho đảng rạn nứt, thậm-bại trong mùa bầu-cử. Cựu Tổng thống George Bush mấy năm trước đây bị đánh bại và mất ghế tổng-thống, không hẳn vì Bill Clinton tài, mà vì bị kẻ nội-thù Buchanan giỏi phá.

Cuối cùng Nghị-sĩ Bob Dole, 72 tuổi, ông vua của đảng Cộng-hòa, đã toàn thắng trong cuộc chạy đua nội-bộ, trở thành ứng-cử-viên Tổng-thống Mỹ trong kỳ bầu-cử vào tháng 11 này.

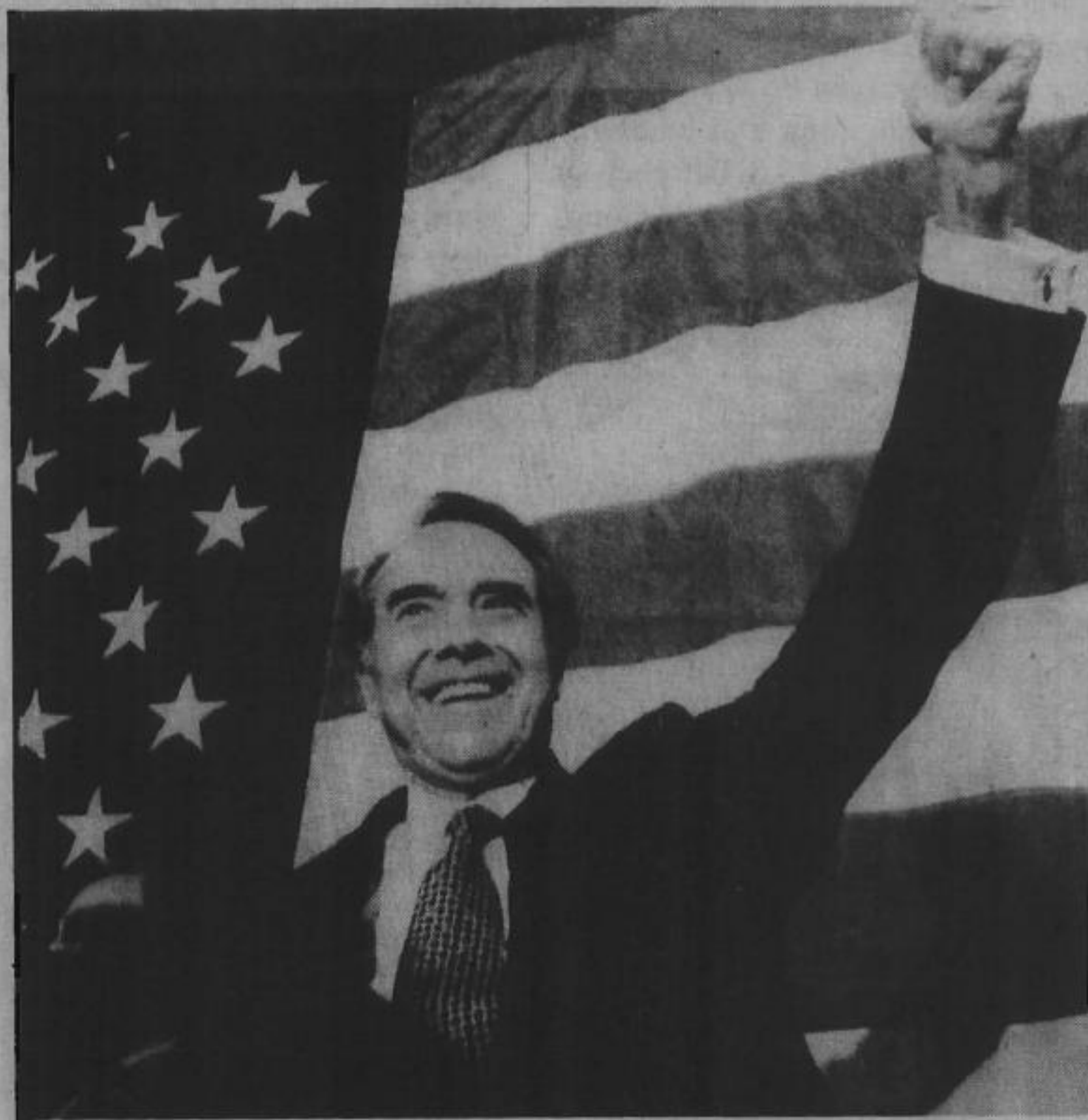
Tuy bị thương-tổn uy-tín ít nhiều do các đối-thủ trong đảng gây ra, ông Bob Dole vẫn thừa sức tranh phiếu ngang ngửa với đương kim tổng-thống Bill Clinton của đảng dân-chủ.

Hội-nghị Thượng-đỉnh Âu - Á (ASEM) tại Thái-lan

Hội nghị thượng đỉnh Âu-Á đã khai-mạc hôm 1.3.1996 tại Vọng-các, Thái-lan với 15 nước trong Liên Hiệp Âu Châu, 7 nước trong ASEAN, và 3 nước Đông-Bắc Á-châu (Trung Cộng, Nam Hàn, Nhật Bản), tổng cộng 25 nước.

Trong bài diễn-văn khai mạc Hội-nghị, Thủ tướng Banharn Silpa Archa của Thái kêu gọi thành lập một mô-thức hợp-tác song phương giữa các nước Âu và Á-châu.

Các buổi họp đã diễn ra nhưng không đi tới một kết-quả cụ-thể nào. Thủ tướng Lý Bằng của Trung Cộng và Võ Văn Kiệt của Việt Cộng đòi hỏi mối quan hệ chung phải đặt trên nguyên tắc không can thiệp các vấn đề nội bộ và tôn trọng những khác biệt của nhau. Ý của hai ông này là không được bàn tới vấn-đề nhân-



Nghị-sĩ Bob Dole, ứng-cử-viên tổng-thống thuộc đảng Cộng-hòa

quyền tại Trung Cộng và CSVN!

Quan điểm về nhân-quyền, xã-hội giữa Âu châu và các nước cộng-sản Á-châu không giống nhau nên thường xuyên là đề-tài tranh chấp. Ngoài ra, các nước châu Âu vẫn than phiền các nước châu Á về vấn đề bóc lột sức lao động của thiếu nhi. Tuy nhiên, cả hai bên đều thấy rằng cần phải liên kết để tạo thế cân bằng trong tương quan trao đổi giữa ba cực của thế giới hiện nay là châu Á, châu Âu, và Bắc Mỹ. Trong đó mối liên-lạc giữa châu Á và Bắc Mỹ, cũng như châu Âu và Bắc Mỹ rất mạnh, còn châu Á và châu Âu lại quá yếu.

Ngày 25.7.1996, 25 nước này lại sẽ họp tiếp tại Bruxelles, Bỉ-quốc.

Tương lai không sáng sủa của nền hoà bình ở Bosnia

Chỉ còn 9 tháng nữa là đến hạn định lực lượng quốc tế ILFOR rút khỏi Bosnia. Thời điểm này cũng là lúc các cơ chế chính trị tại Bosnia phải được ổn định. Cứ nhìn vào những diễn biến chậm chạp hiện nay trong khu vực, người ta sẽ thấy ngay là thời gian chắc chắn không đủ.

Tại Sarajevo, phe Serb câu giờ trong việc rút khỏi các vùng ngoại ô, rút đến đâu... cướp và đốt đến đó! Trong những khu vực quân chính phủ đã tiếp nhận, dân Serb còn ở lại bị quấy nhiễu, đánh đập. Trong lúc đó, quân ILFOR chỉ tuần tra chứ không can-thiệp trị an. Hội đồng An ninh và

Hợp tác Âu châu, cơ chế chịu trách nhiệm tổ chức cuộc tuyển cử tháng 9 tới tại Bosnia, cho biết có lẽ sẽ phải hoãn cuộc bầu cử vì các phe phái chẳng bên nào chịu hành xử một cách dân chủ.

Liên minh Croat-Hồi giáo, thành phần sẽ hình thành một nửa nước Bosnia mới không đồng thuận: khối Croat lập chương ngại vật, thu thuế và cản trở dân Hồi giáo hồi cư.

Về phía phe Serb, thái độ của các thủ lĩnh ngày càng trở nên lộng hành. Tổng thống Serbia vẫn bao che hai thủ lĩnh Mladic và Karadzic. Tư lệnh quân đội và Tổng thống đều bị cáo giác là tội phạm chiến tranh, trong khi lực lượng ILFOR không muốn mạnh tay bắt giữ họ, sợ vô tình biến họ thành thánh tử đạo.

Tất cả những chương ngại vừa kể cho thấy ILFOR không dễ gì rút ra khỏi Bosnia cuối năm nay và Bosnia không thể nhanh chóng có được một chính phủ dân chủ.

Anh quốc rung động vì vụ thảm sát trẻ nhỏ ở Dunblane

Lúc 9 giờ 30 sáng Chủ nhật 17.3.1996, nước Anh đã dành một phút để tưởng niệm 16 trẻ em và 1 giáo viên bỏ mạng trong cuộc thảm sát trước đó mấy ngày.

Sáng ngày 13.3, một người đàn ông đột nhập vào phòng thể dục trường tiểu học Dunblane ở Dunblane, miền trung Tô-cách-lan,

bắn loạn vào học sinh và cô giáo. Trong tổng số 29 học sinh 5 và 6 tuổi có mặt trong phòng thể dục lúc đó, chỉ có 1 học sinh không bị trúng đạn, 16 học sinh và cô giáo chết, 12 học sinh khác bị thương.

Thủ phạm tên Thomas Hamilton sau đó đã quay súng tự sát.

Vụ thảm sát làm cả thế giới kinh hoàng. Thủ tướng John Major và thủ lĩnh đảng đối lập Quốc hội, sau đó là Nữ hoàng Elizabeth II của nước Anh, đã đến thăm và chia buồn cùng dân Dunblane.

Nguyên nhân của vụ thảm sát chưa rõ, tuy nhiên tên sát nhân là một kẻ có đầu óc hoang tưởng (paranoia) rất nặng. Hamilton đã từng là huynh trưởng Hướng đạo, sau đó bị dân chúng địa phương coi là có hành vi đồi bại, không cho phép đến gần trẻ em. Trước khi mang súng vào trường, y đã viết nhiều thư gửi cho cả Nữ hoàng lẫn các đại diện dân cử khiếu nại về vụ bị dân địa phương lên án.

Luật lệ của Anh rất khắt khe trong việc cho phép mua và sử dụng súng, người ta không hiểu sao một kẻ mà cả xã hội tại chỗ đã nhận định là đồi bại lại có giấy phép giữ tới 4 cây súng ngắn trong nhà.

Hoa Kỳ tăng cường phong tỏa kinh tế Cuba

Hồi cuối tháng 2.1996, phi cơ chiến đấu của Cuba bắn hạ hai máy bay dân sự của tổ chức Brothers for the Rescue của cộng-đồng Cuba tị nạn tại Mỹ. Hoa Kỳ tố cáo Cuba tàn sát thường dân trên không phận quốc tế. Cuba phản bua là chiến đấu cơ của họ chỉ làm nhiệm vụ bảo vệ vùng trời tổ quốc chống "bọn phản động lưu vong" xâm phạm.

Trên toàn thế giới, chỉ có Việt Cộng bênh vực Cuba trong vụ này. Trung Cộng và Bắc Hàn im lặng. Tuy nhiên, nhiều nước tư-bản than-phiền Mỹ trong khi trừng-phạt kinh-tế Cuba đã làm cho các nước này bị thiệt-hại lây, điển-hình là Gia-nã-đại và Mê-tây-cơ.

Một trong những hành động trừng



Lớp học bị ác-nhân tàn-sát tại Anh-quốc

phạt của Hoa Kỳ với Cuba là tăng cường phong tỏa kinh tế, qua đạo luật do Thượng nghị sĩ Jesse Helms đệ trình, và Tổng thống Clinton phê chuẩn ngày 8.3.1996 mới đây.

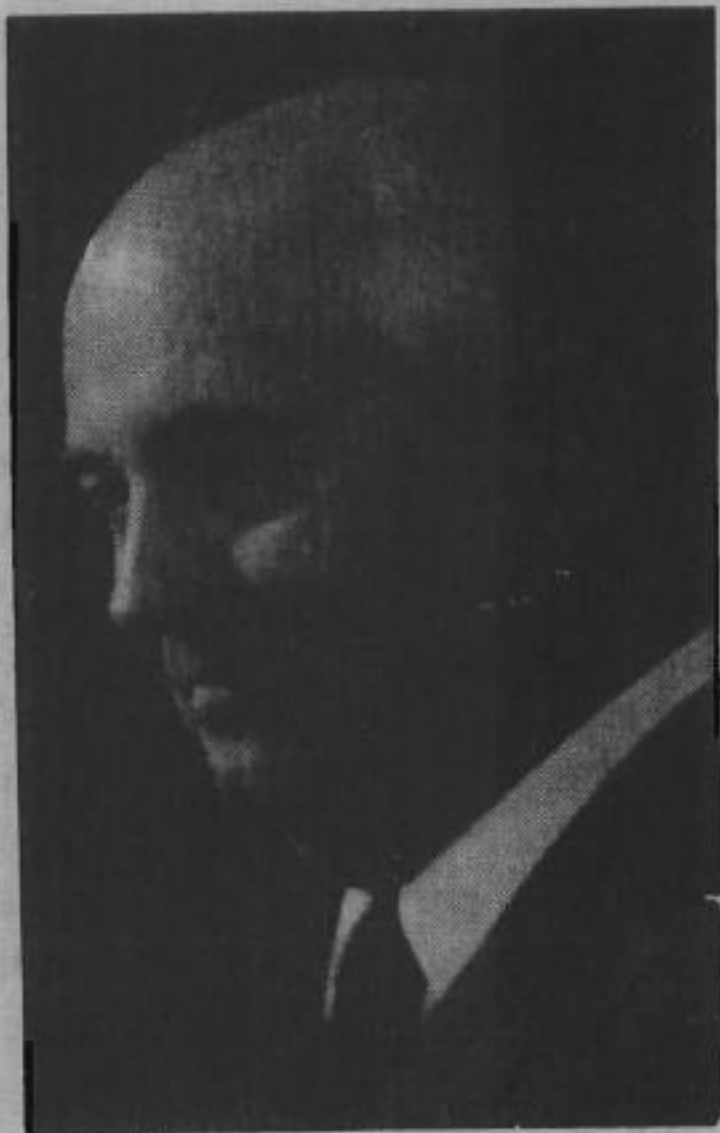
Theo luật này, công ty của các nước đang đầu tư vào Cuba cũng bị chế tài. Thủ tướng Gia-nã-đại đã phản đối rằng luật của Mỹ chỉ có hiệu lực trên đất Mỹ và với dân Mỹ. Gia-nã-đại lên án hành vi bạo ngược của Cuba nhưng không chấp nhận bị luật lệ Hoa Kỳ áp đặt.

Cho đến nay, Mỹ vẫn phớt lờ trước sự khiếu nại của Gia-nã-đại. Chẳng những thế, giới chính trị Hoa Kỳ còn nặng lời lên án Gia-nã-đại tham tiền, không phân biệt phải-trái.

Cựu TT Liên-sô tranh cử tổng-thống Nga

Ông Mikhail Gorbachev, 65 tuổi, cựu tổng-thống Liên-sô đã công-bố quyết-định tranh-cử tổng-thống Nga vào ngày 16.6 sắp tới. Ông là lãnh-tụ Liên-sô từ 1985 đến 1991, là người đề ra chính-sách *perestroika* dẫn chế-độ cộng-sản tới cáo chung.

Gorbachev có uy-tín trên chính-trường quốc-tế nhưng không được dân Nga quan-tâm ủng-hộ bằng các ứng-cử-viên khác.



Mikhail Gorbachev

Yeltsin vẫn khổ vì Chechnya

Đầu tháng 3.1996, quân du kích Chechnya lại bất thần tấn công vào thủ đô Grozny (Chechnya). Lực lượng vũ trang của chính phủ do Nga dựng lên tại Chechnya và quân đội Nga đã phải vất vả bảo vệ thủ đô. Thủ lĩnh du kích Dzekhar Dudayev đã xuất hiện trên truyền hình thách đố Boris Yeltsin.

Cuộc tấn công của quân du kích là một đòn nặng đánh vào uy tín của Tổng thống Nga trong lúc ông đang vất vả chống đỡ với các đối thủ trước ngày bầu cử.

Ba đối thủ đáng ngại của Yeltsin trong cuộc bầu-cử là Gennady Zyuganov (cộng-sản), Vladimir Zhirinovskiy (quốc-gia cực-đoan) và Mikhail Gorbachev (cựu Tổng-thống Liên-sô). Hai ứng-cử-viên khác, Yavlinski (cải-cách), Svyatoslav Fyodorov (bác-sĩ nhân-khoa) không đáng ngại lắm.

Saddam Hussein giết rể

Hai người con rể của Saddam Hussein đã bị bố vợ hạ-sát sau khi trót đại nghe vợ xúi, bỏ Jordan trở về nước.

Hussein Kamal al-Majid và Sadam Kamel al-Majid trốn sang Jordan hồi năm ngoái. Hai bà vợ của hai tay đào-ngũ này đều là con gái của Saddam Hussein, vì nhớ quê và không quen cuộc sống lưu vong đã móc nối với mẹ, van xin bố Saddam cho về nước an-toàn. Saddam hứa tha không giết. Các ông chồng được vợ cho biết tin vui, hí hửng lên đường.

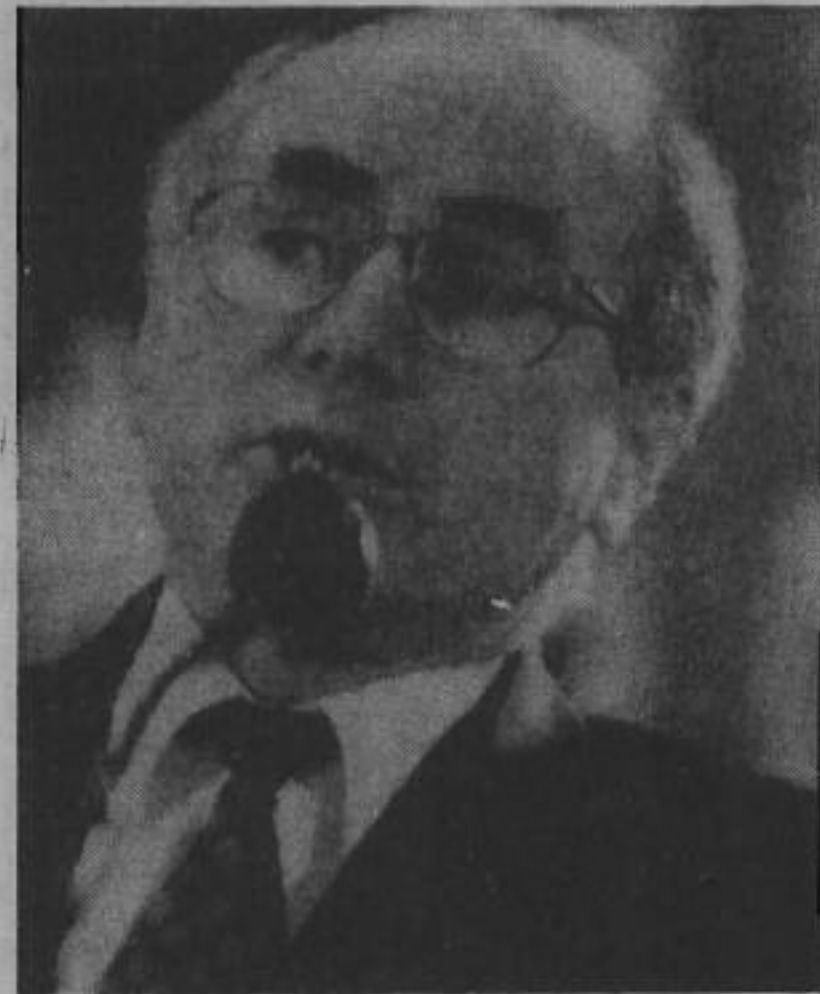
Chỉ trong vòng ba ngày sau khi về đến Iraq, cả hai đã bị giết. Chính quyền Iraq loan tin, hai người đã bị chính thân nhân của họ ra tay sát hại vì không chấp nhận những kẻ phản quốc. Thực sự, toàn bộ thân-nhân của họ đều đã bị thủ-tiêu trước đó từ lâu.

Úc có thủ-tướng mới

Úc-đại-lợi đã bầu xong chính-phủ liên-bang hôm 2.3 vừa qua. Đảng

Liên-minh (gồm hai đảng Tự-do và Quốc-gia) thắng thế với 54,13% tổng số phiếu và ông John Howard trở thành tân thủ-tướng.

Đảng Lao-động của Thủ-tướng Paul Keating chỉ thu được 45,87% tổng-số phiếu, trở thành đảng đối-lập.



Tân Thủ-tướng Úc:
ông John Howard

Tương-lai đen tối của Hương cảng

Sau khi Thủ-tướng John Major sang thăm Hương-cảng, Anh-quốc loan-báo, cư-dân Hương-cảng sẽ được nhập-cảnh tự-do vào Anh-quốc không cần xin chiếu-khán như trước, sau khi lãnh thổ này trả về Trung Cộng vào tháng 7.1997 sắp tới.

Anh-quốc đưa ra quyết-định này



Thủ-tướng Anh John Major tại Á-châu.

sau khi Thủ-tướng John Major hoàn-toàn thất-bại trong việc yêu-cầu Trung Cộng bảo đảm sự liên tục của các cơ chế dân chủ và nhân quyền ở Hương-cảng.

Tờ *Đại Công Báo* của Trung Cộng ở Hương-cảng đã phê-bình Thủ-tướng Anh "không khôn-ngoaan tí nào" khi đưa ra lời cam-kết "sẽ có hành động pháp lý đối với Trung Cộng nếu Trung Cộng vi phạm thỏa hiệp ký giữa hai nước về tương lai của

Hương-cảng."

Tờ báo viết rằng, "Anh Quốc sẽ húc đầu vào tường đá khi chống lại Trung Cộng."

Các nhà lập pháp tại Hương-cảng tuyệt-vọng về tương lai của hệ thống lập pháp. Trung Cộng xác-định sẽ giải tán hệ thống này sau năm 1997, bất-chấp sự lên án của Anh-quốc.

Thủ tướng Major đã sang Thái-lan hội-kiến Thủ tướng Lý Bằng, nhưng không thay đổi được dự định của

Trung Cộng trong việc dẹp viện Lập-pháp Hương-cảng, cũng như bảo-vệ các cộng-đồng ngoại-quốc đang sống trên lãnh-địa này. Trung Cộng loan báo sẽ không cấp quốc tịch cho những người nào không phải là người Hoa tại Hồng Kông.

Để trả đũa, Thủ-tướng Anh tuyên-bố, dân thiểu số nào bị buộc phải rời khỏi Hương-cảng sau năm 1997 sẽ được thu-nhận vô-điều-kiện vào nước Anh.



trái đất 30 ngày qua

Núi lửa: Hoả-diệm-sơn Popocatepetl nằm sát thủ-đô Mê-tây-cơ bắt đầu phun khói và sulfur. Chính-phủ Mê lưu ý các loại máy bay qua lại không-phận Mê nên tránh xa cột khói khổng-lồ này.

Hoả-diệm-sơn Avachin tái hoạt-động trên bán-đảo Kamchatka nhìn ra Bắc Thái bình dương, nước Nga, uy-hiệp thị-trấn Ygizovo bên cạnh các làng mạc lân cận.

Hỏa-diệm-sơn Akutan ở đảo Aleutian, Alaska, Mỹ nóng lên và làm mặt đất rung-chuyển. Tuy nhiên các nhà hỏa sơn học xác-quyết núi Akutan sẽ không phun lại.

Cháy rừng: Lâm-viên quốc-gia Rajiv Gandhi ở miền Nam Ấn-độ cháy to. Voi, cạp và nai chạy lửa, tràn xuống các thị-trấn và làng-mạc đông dân.

Động đất: Vùng Xinjang, Trung Cộng động đất cấp 6,9 chấn-độ, 28 người chết.

Các vùng miền Trung Thổ-nhĩ-kỳ, Đông và Đông-Bắc Nhật-bản, Đài-loan, Bắc Peru, Nam Mê-tây-cơ, tiểu-bang New Mexico và miền Nam California Hoa-kỳ động đất nhẹ.

Bão biển: Sóng thần 22S tập-trung ở miền Tây Ấn-độ-dương, đe dọa các đảo Mauritius, Reunion và Mã-đảo.

Giặc chồn: Vùng thôn-dã miền Đông Bá-linh bị khoảng 100.000 con chồn quấy-nhiều: trộm trứng, giết gà vịt và cả người. Giống chồn này được du-nhập từ Bắc Mỹ sang Đức khoảng 60 năm trước đây để nuôi lấy lông làm áo. Khi máy bay Đồng-minh oanh-kích nông-trại lông thú Wolfshagen, một số chồn sống-sót đã thoát ra rừng và tiếp-tục sinh sôi nảy nở.

Hiện nay, ngoài hàng trăm con chồn sống trong rừng, còn có khoảng 1000 con dạn dĩ, len lỏi vào thị-trấn Buckow, sống nhờ thức ăn dư trong thùng rác, và len cả vào nhà, mở trộm hộp kẹo bánh, các giỏ trái cây, bánh mì.

Dân địa-phương gọi giống chồn này là "gấu rửa", vì thân-thể chúng rất to, và chúng có thói quen mang mọi thứ rửa sạch trước khi ăn.

Giết gấu koala: Chính-phủ Úc đại-lợi quyết-định bắn chết 2000 con gấu túi (koala) trên một hòn đảo dùng

nuôi-dưỡng và bảo-vệ chim, thú hiếm ở tiểu-bang Nam Úc. Loài gấu hiền-lành và chậm-chạp này được mang lên đảo năm 1920 để tránh nạn tuyết-chùng. Sau 3/4 thế-kỷ, 12 cô cậu koala sinh ra được 5000 cháu chắt, sống chập chững, ăn trụi lá khuynh-diệp và có thể bị tiêu-diệt toàn bộ vì một loại bệnh dịch nào đó, xảy ra theo luật sinh-diệt của thiên-nhiên, khi có một loài vật quá đông sống chen chúc trên một vùng đất hẹp.

New South Wales, một tiểu-bang khác của Úc, đã điều đình với tiểu-bang Nam Úc, nhận nhập-cư 2000 con; nhưng Nam Úc không chấp-thuận, cho rằng các chú gấu này sẽ chết khi di-chuyển vì bị căng-thẳng do rối-loạn môi-sinh.



Gấu túi Koala

ngoài ngõ



Úc: góp trên 30.000 úc kim cho Quỹ Yểm trợ Tị nạn

Dạ tiệc gây quỹ yểm trợ tị nạn Việt-nam do Hội đồng Yểm-trợ Đồng-bào Tị-nạn Úc-châu phối hợp cùng Ủy ban Yểm-trợ Tị-nạn tiểu-bang New South Wales và Hội Y tế New South Wales tổ chức tại thành phố Cabramatta đêm thứ bảy 10.2 đã thu được kết quả to lớn: 30.000 úc ngàn thu được qua các hình thức xổ số và bán đấu giá.

Tổng số tiền thu được qua các sinh hoạt trong dạ tiệc dành cho *Refugee Concerns Hongkong* (người cầm đầu là nữ luật sư Palm Baker) và *Lawyers for Refugee* để sử dụng vào các chi phí trợ giúp pháp lý cho người tị nạn.

Hai tổ chức vừa kể đã làm việc suốt 7 năm nay, ngân sách hoàn toàn trông cậy vào sự đóng góp của các nhà hảo tâm. Hiện nay họ đang lâm cảnh kiệt quệ tài-chánh, các luật sư trong tổ chức phải đi ở nhờ, làm thuê để kiếm tiền tiếp tục công việc.

Dạ tiệc có hơn 400 người tham dự. Trong thành phần khách, có ông Michael Kirby, tân Chánh án Tối cao Pháp viện Úc. Trong dạ tiệc, sau khi được bác sĩ Nguyễn Mạnh Tiến (Chủ tịch Hội đồng Yểm-trợ Đồng-bào Tị-nạn Úc-châu) thay mặt ban tổ chức chào mừng và giới thiệu, luật sư Palm Baker đã trình bày tình trạng của thuyền nhân ở Hương Cảng, những

bất công trong thanh lọc và công tác mà các tổ chức trợ giúp pháp lý đang thực hiện.

Bà Palm Baker rất cảm động trước tấm lòng vàng của người Việt ở Úc. Bà cho biết tuần trước đó, người Việt ở Victoria (Úc) cũng đã quyên góp được cho *Refugee Concern Hongkong* và *Lawyers for Refugee* trên dưới 12.000 úc kim.

Cũng nên nhắc lại, Cộng-đồng Việt-nam tại Úc-đại-lợi và San Jose là những nơi qui-tụ rất nhiều người từ-tâm. Trong giai-đoạn quyên-góp cho tàu ra khơi vớt người vượt biển trước đây, Úc và San Jose đã đóng-góp nhiều nhất cho công-tác từ-thiện.

Tin đồn về việc sẽ dẹp kỳ đài Việt-nam tại San Jose

Gần đây có tin đồn trong người Việt tại Hoa-kỳ rằng kỳ đài Việt-nam tại San Jose (California) dựng lên từ năm 1991 sẽ bị phá đi vì giấy phép sử dụng đất do thành phố cấp cho Liên hội Người Việt Bắc Cali đã hết hạn và vì Hoa-kỳ sẽ không cho phép treo cờ VNCH sau khi đã bang giao với CSVN.

Bản tin của Hội Trao đổi Văn Hoá Việt Mỹ (Colorado) số tháng 1.3.1996 nhận định về vấn đề này như sau:

Theo ông Hồ Quang Nhựt (Ủy viên thường vụ Người Việt Bắc Cali), công trình kỳ đài đã được xây dựng trong hoàn cảnh gấp gáp và thiếu thốn của những năm cuối thập niên 80, do đó giấy phép của thành phố San Jose cấp có giá trị từng năm, nhưng không có nghĩa là không thể gia hạn. Nếu muốn công trình được xếp hạng vĩnh viễn, ta phải vận động tiền bạc để biến công trình thành khu vườn Việt Nam trong tổng thể qui-hoạch *City of Gardens* của thành phố, trách nhiệm quản trị và bảo trì thuộc về thành phố.

Kỳ đài tại San Jose không thuộc tài sản của chính quyền VNCH nên không có chuyện giao lại cho VC sau khi bang-giao.

Danh hiệu của kỳ đài là "Đài

Tưởng niệm Chiến sĩ Tự do hi sinh tại Việt-nam". Danh hiệu này chỉ các chiến sĩ Hoa-kỳ (cả nước và của tiểu bang California) và VNCH, tiêu biểu bằng ba lá cờ Hoa-kỳ, California và VNCH. Bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ đã khẳng định hồi năm 1986 rằng sẽ không bao giờ có chuyện "lấy xuống".

Gia nã đại: Thành phố Edmonton chuẩn bị chống đoàn thương mại VC

Hàng năm Edmonton (thủ-phủ của tỉnh bang Alberta, miền tây Gia nã đại) có ngày hội *Klondike Day* kỷ niệm ngày dân miền Tây đổ xô tìm vàng. *Klondike Day* trở thành một hội chợ thương mại và văn hoá quốc tế, có sự tham dự của nhiều quốc gia trên thế giới. Hội chợ *Klondike Day* năm nay tổ chức từ 18.7 đến 27.7 sẽ có sự tham dự của đoàn chào hàng thương mại VC.

Hội Người Việt Edmonton cho biết, sự tham dự của VC kỳ này vào *Klondike Day* của thành phố Edmonton sẽ rất quy mô, với 200 đại diện của 80 công ty.

Hội Người Việt đã tiếp xúc với Thị trưởng Edmonton, ban Tổ chức Hội chợ, các đại diện dân cử... để phản đối sự hiện diện của đoàn VC và vận động sự yểm trợ cho công tác đấu tranh cho nhân quyền trong nước.

Cuộc vận động của Hội Người Việt Edmonton hiện đang có được những đáp ứng rất thuận lợi của giới truyền thông địa phương. Hội đang sưu tập những tài liệu nói lên tình trạng tham nhũng, hối lộ, thói lừa lọc của chính quyền CS, các vụ vi phạm nhân quyền trong nước để phổ biến tại Edmonton trước và trong Hội chợ.

Trong một văn thư gửi báo chí, các hội đoàn Việt-nam và người Việt hải ngoại, Hội Người Việt Edmonton kêu gọi sự tiếp tay sưu tập cung cấp cho Hội càng nhiều tài liệu nội dung vừa kể càng tốt, gửi về địa chỉ:

Edmonton Viets Association
#102, 10534 - 109 Street

Edmonton, Alberta, T5H 3B2
Canada

Điện thoại và điện thư:

(403) 424-8934.

Tin của Hội Người Việt Edmonton cũng cho biết có một số người Việt tại Edmonton sẽ tham dự vào công tác chào hàng buôn bán này của VC.

Hội thảo Phụ nữ Việt nam Thập niên 90 tại Ottawa

Liên hội Người Việt Canada sẽ tổ chức "Hội Thảo Phụ Nữ Việt-nam Thập Niên 90" từ ngày 5 đến ngày 7.4.1996. Cuộc hội thảo được Canadian Heritage bảo trợ, sẽ diễn ra tại Citadel Inn số 101 Lyon St., Ottawa.

Liên lạc để biết thêm chi tiết và ghi danh tham dự với:

Liên Hội Người Việt

249 Rochester St.

Ottawa, Ontario K1R 7M9

Canada

Điện thoại: (613) 230-8282

Nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân nhận thêm nhiều giải

Nhiếp ảnh gia Việt nam Lê Quang Xuân, hiện đang định cư tại Gia nã đại, đã nhận thêm nhiều danh dự: tác phẩm "Frosty Morning" được Hội Ảnh Quốc Gia NAPA cấp bằng danh dự (Honour Award) và được coi là một trong mười bức ảnh xuất sắc nhất của cuộc triển lãm Mùa Đông 96 tại Montreal.

Ông cũng vừa được mời vào Hội đồng Giám khảo của Câu lạc bộ nhiếp ảnh Montréal "Montreal Camera Club" để chấm các cuộc thi ảnh nghệ thuật năm 1996.

Cộng-đồng tị-nạn Việt-nam tại Minnesota (Hoa-kỳ) đẹp đoàn Trống đá Phù-đồng của Hà-nội

Với sự chung sức của lực-lượng cựu tù-nhân chính-trị dưới chế-độ CSVN và các hội-đoàn đấu-tranh,

cộng-đồng Việt-nam tại tiểu-bang Minnesota đã liên-tiếp tổ-chức 3 cuộc biểu-tình lớn, tố-cáo cộng-sản Hà-nội vi-phạm nhân-quyền, cùng thủ-đoạn dùng văn-nghệ để xâm-nhập cộng-đồng hải-ngoại.

Đoàn biểu-tình đồng-thời kêu-gọi đồng-bào tẩy-chay các buổi trình-diễn của đoàn văn-công "Trống đá Phù-đồng" của VC, do tổ-chức American Composers Forum của Mỹ mời sang.

Thi-sĩ Tô Thùy Yên đã hưởng-ứng lời kêu-gọi của cộng-đồng, rút khỏi thành-phần trình-diễn; trong ban tổ-chức chỉ còn nhạc-sĩ Cung Tiến.

Cộng-đồng đã biểu-tình ba buổi vào các ngày 13.3 tại Sears Gurt, Mall of America; ngày 16.3 tại Walker Art Center Auditorium và ngày 29.3 tại Ted Marm Recital Hall trong khuôn-viên Đại-học Minnesota.

Cuộc biểu-tình được sự hỗ-trợ của Hội Cựu Chiến-binh Hoa-kỳ.

Thắng-lợi đầu-tiên của cộng-đồng Việt-nam, American Composers Forum đã hủy bỏ buổi trình-diễn đầu-tiên của đoàn văn-công Trống đá Phù-đồng do cán-bộ Đức Lợi hướng-dẫn, dự-trù lên sân-khấu hôm 13.3 tại Mall of America. Lý-do hủy-bỏ là không đủ tiền thuê 50 cảnh-sát-viên giữ an-ninh cho buổi trình-diễn.

Cộng-đồng Việt-nam đã lập Phong-trào Đấu-tranh chống CS xâm-nhập hải-ngoại bằng văn-hóa, nhằm:

- Thuyết-phục phản-chiến Mỹ từ bỏ ý-định dùng chiêu-bài "trao-đổi văn-hóa" để giới-thiệu bộ mặt "không lông lá" của CSVN, nhằm biện-hộ hành-động phản-quốc và nhục-mạ VNCH của họ trước đây.

- Dấy lên ngọn lửa đấu-tranh chống Cộng trong sáng, phấn-khởi.

Phong-trào đã có sự tham-gia của các lực-lượng cựu tù-nhân chính-trị gồm Tổng Hội và các Khu Hội Washington và phụ-cận, Khu Hội Bắc California, Khu Hội Minnesota, Cộng-đồng Việt-nam tại Florida, và các hội-đoàn Việt-nam tại Minnesota gồm Cộng-đồng Việt-nam, Hội Ái-hữu Quân-lực VNCH, Hội-đồng Sự-vụ VN, Hội Võ-bị quốc-gia Đà-lạt,

Hội Võ-bị Thủ-đức và cơ-sở Mặt Trận QGTN GPVN.

Nhà báo Chữ Bá Anh qua đời tại Virginia

Nhà báo Chữ Bá Anh, Giám-đốc hăng tin CBA News, Chủ-bút tạp-chí *Diễn-dàn phụ-nữ*, nguyên Tổng Thư-ký Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại (nhiệm-kỳ 1989-1991), đã qua đời tại Burke, tiểu-bang Virginia, Hoa-kỳ hôm 12 tháng 3 năm 1996, hưởng thọ 63 tuổi.

Chữ Bá Anh là một nhà báo tận-tụy với nghề-nghiệp. Dù sức-khoẻ suy-kém trong mấy năm gần đây, ông vẫn tiếp-tục làm việc từ sáng sớm đến nửa đêm, và sẵn-sàng trả lời điện-thoại vào bất cứ giờ nào. Sự ra đi của ông để lại một khoảng trống rất lớn, nhất là đối với các báo phát không, không đủ người để bao hết các mặt tin-tức và bài vở.

Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc từ trần tại Montréal

Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc ra đi trước nhà báo Chữ Bá Anh vài tuần. Ông từ trần ngày 21.2.1996 tại Montréal, Gia-nã-đại.

Nguyễn Đông Ngạc quê ở Phúc-yên, di-cư vào Nam năm 1954, trước 1975 chủ-trương nhà xuất-bản Sóng. Ông tái định-cư tại Gia-nã-đại năm 1981 và cộng-tác với nhiều báo tại hải-ngoại.

tặng nhau
một năm báo
làng văn
món quà thanh-lịch
và giá-trị nhất
thích-hợp mọi dịp
lễ, tết, sinh-nhật và
ngay cả cưới hỏi!

Đại Hội Văn Bút VNHN kỳ V khóa 2 tại Houston, Texas Thành-Công Tốt-Đẹp

- 30 đại biểu đại diện cho 263 hội viên của 6 Trung tâm chính-thức và 1 Trung-tâm tân-lập
- 200 người dự lễ ra mắt tân Ban Chấp Hành
- Tòa Thị Chính Houston tuyên dương:
"24 và 25.2.1996 là Ngày của Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại".
- 400 thư chúc mừng trên khắp thế giới gửi về.

Sau ba tháng chuẩn bị, Văn Bút VNHN đã họp Đại Hội kỳ V khoá 2 tại thành phố Houston, Texas, Hoa kỳ vào hai ngày 24 và 25 tháng 2.1996 với 30 đại biểu thay mặt 251 hội viên của 7 Trung tâm về dự (6 cũ, 1 mới).

Một buổi họp mặt, 2 ngày Đại Hội

Chương trình Đại Hội gồm ba phần:

- Chiều Thứ Sáu 23.2.1996: bữa cơm thân hữu chào mừng các đại biểu.

- Thứ Bảy 24.2.1996: họp Đại Hội Đồng 3 buổi sáng, trưa và tối.

- Chủ nhật 25.2.1996: ra mắt tân ban chấp hành, hội thảo (buổi sáng), họp Hội Đồng Chủ Tịch, chào cờ tại kỳ đài Cộng Đồng VN (buổi trưa) và dự dạ tiệc của Hội Quang Trung (buổi tối).

Tất cả các sinh hoạt kể trên, trừ lễ

chào cờ tại kỳ đài Cộng Đồng, đều diễn ra tại cơ sở Fukim của nhạc sĩ đấu-tranh Huỳnh Công Ánh, số 2615 đường Fannin, Houston, Texas, Hoa kỳ.

Mở đầu là bữa cơm thân mật và văn nghệ thân hữu chào mừng các đại biểu về tham dự Đại Hội, do ban tổ chức khoản đãi vào chiều Thứ Sáu 23.2.1996.



30 đại-biểu, đại-diện 251 hội-viên chính-thức và 12 hội-viên mới thuộc 7 Trung-tâm tại phòng họp Đại-Hội-đồng (khách-sảnh Tây-sơn, cơ-sở Fukim, Houston)

Buổi họp mặt có 60 người dự, gồm đại biểu các Trung Tâm, thân hữu và anh chị em hội viên Trung Tâm Nam Hoa kỳ.

Phần sinh hoạt văn nghệ rất âm cúng do nhạc sĩ Linh Phương (Florida) phụ trách, nhà văn Nguyễn Nghĩa (Ontario) giới thiệu chương trình, với sự góp mặt của nhà văn An Phong (đệm khẩu cầm), sự góp giọng của các nhà văn Trường Sơn Lê Xuân Nhị, Kim Hà, Trương Sĩ Lương, Từ Nguyên, các nhà thơ Cao Mỹ Nhân, Cao Đông Khánh, Hà Trang và các thân hữu như anh Hà Vĩnh (Nam Cali), Huỳnh Công Ánh (nhạc sĩ Hưng ca)...

Phần họp Đại Hội Đồng quy tụ 30 đại biểu, đại diện cho 251 hội viên thuộc 6 Trung Tâm chính thức và Trung-tâm mới (12 hội-viên).

Tất cả 6 Trung Tâm đã dự Đại Hội Đồng kỳ V khoá 1 tại California hồi tháng 11.1995 đều đã có mặt đầy-đủ tại Đại Hội Đồng kỳ V khoá 2 tại Texas, gồm:

- Trung tâm Âu châu (thành lập năm 1987, 43 hội viên): 5 đại-biểu.

- Trung tâm Nam California (1987, 28 hội viên): 3 đại-biểu, 2 phiếu ủy-quyền.

- Trung tâm Bắc California (1991, 30 hội viên): 5 đại-biểu.

- Trung tâm Miền Đông Hoa kỳ (1987, 31 hội viên): 3 đại-biểu, 2 phiếu ủy-quyền.

- Trung tâm Nam Hoa kỳ (1991, 45 hội viên): 4 đại-biểu.

- Trung tâm Ontario, Gia nã đại (1987, 62 hội viên): 5 đại-biểu.

Đơn vị tân lập dự-thính hội-nghị từ đầu cho đến khi được thừa-nhận, là Trung tâm Trung & Tây Gia nã đại (1995, 12 hội viên). Sau khi bầu xong Ban Chấp Hành mới, Đại Hội Đồng xét đến việc gia nhập và biểu quyết thừa nhận Trung Tâm này. Từ đó trở đi, Trung tâm Trung & Tây Gia nã đại được chính thức tham gia Đại Hội Đồng như các Trung Tâm cũ.

Trong ba buổi (sáng, trưa và tối) ngày 24.2, Đại Hội Đồng đã họp dưới quyền chủ tọa của Tiến sĩ Lê Kim Ngân (Trung tâm Ontario) và nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn (Trung tâm Nam Hoa kỳ); thư ký buổi họp là nhà báo Vũ Quang Trân (Trung tâm Bắc California).

Đại Hội Đồng Văn Bút đã giải quyết các vấn đề sau:

- Tu chính Điều lệ, do hai Trung tâm Ontario và Miền Đông Hoa kỳ đệ nạp dự thảo tu chính. Điểm quan trọng nhất là thành lập một cơ quan mới là Hội Đồng Chủ Tịch, gồm tất cả các vị chủ tịch các Trung Tâm, bầu ra hai điều hợp viên để điều hành. Hội Đồng Chủ Tịch có nhiệm vụ giúp đỡ và giám sát Ban Chấp Hành Trung Ương.

- Tu chính án Hội đồng Cố vấn Văn Bút VNHN: Đại Hội Đồng đã bầu ra một cố vấn (nhà văn Duy Lam) và một tổng thư ký (nhà văn Cao Xuân Huy) để xúc tiến thành lập cơ quan này. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ và nhà thơ Quỳnh Hương đã được mời và nhận lời đứng vào Hội đồng Cố vấn Văn Bút VNHN. Danh sách toàn thể



Nhà văn Phạm Quang Trình (góc phải), Điều-hợp-viên Hội-đồng Chủ-tịch đang giới-thiệu Ban Chấp-hành mới (1995-1998), từ phải sang trái: nhà thơ Nghiêu Minh (Tổng Thư-ký), nhà thơ Lê Thị Ý (Thủ-quỹ), nhà thơ Tuệ Nga (Phó Chủ-tịch Nội-vụ), nhà văn Sơn Tùng (Chủ-tịch). Thiếu: nhà thơ Hoàng Bảo Việt (Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ).

Hội đồng Cố vấn sẽ được công bố sau.

Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1995-1998

Đại Hội Đồng kỳ V/2 đã bầu xong Ban Chấp Hành trung ương. Liên danh Sơn Tùng/Tuệ Nga đắc cử với 26 phiếu tín nhiệm (2 phiếu trắng, 1 phiếu chống và Trung tâm Trung & Tây Gia nã đại lúc đó chưa được quyền bỏ phiếu).

Liên danh đắc cử đã công bố thành phần toàn ban chấp hành như sau:

- Chủ tịch: nhà văn Sơn Tùng.
- Phó Chủ tịch Nội vụ: nhà thơ Tuệ Nga.
- Phó Chủ tịch Ngoại vụ: nhà thơ

Hoàng Bảo Việt (Hoàng Nguyên).

- Tổng thư ký: nhà thơ Nghiêu Minh.

- Thủ quỹ: nhà thơ Lê Thị Ý.

Nhà văn Sơn Tùng (Nguyễn Minh Ngọc), 61 tuổi, xuất thân luật sư tại Việt Nam, viết tiểu thuyết cho nhật báo *Tiền tuyến* tại Sài Gòn trước năm 1975. Tại hải ngoại, ông có ba tác phẩm đã xuất bản, trong đó một cuốn (*Bầy thú nhỏ*) đã được dịch ra Đức văn (đã in, sắp phát hành).

Nhà thơ Tuệ Nga (Trần Tuệ Nga), 60 tuổi, xuất thân thi đàn Quỳnh Dao, đoạt giải nhất Văn học Nghệ thuật toàn quốc năm 1974, có 6 tác phẩm đã xuất bản.

Nhà thơ Hoàng Bảo Việt (Hoàng Nguyên), hội viên Văn Bút Thụy Sĩ, chủ tịch Hội Nhân Quyền Thụy Sĩ, tác giả các tập thơ *Hy vọng*, *Những giòng nước trong* (1962), *Quê hương như một thánh tích* (1969).

Nhà thơ Nghiêu Minh (Nguyễn Văn Minh) có 4 tác phẩm đã xuất bản, gồm 2 tập thơ và 2 tập nhạc.

Nhà thơ Lê Thị Ý (bào muội của nhà thơ Vương Đức Lệ), là một tên tuổi quen thuộc trên thi đàn Việt Nam trước 1975 tại quốc nội và tại hải ngoại sau này.

Các ủy ban chuyên môn (đang bổ sung) gồm:

- Ủy ban Ngoại văn: Nhà thơ Hoài Việt (Pháp), nhà văn Mạnh Bích



Một ngày họp ba buổi, từ 9 giờ sáng đến 10 giờ tối. Họp mệt, hát cộng-đồng cho quên mệt rồi họp tiếp (nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn thổi kèn-cầm).

(Pháp), nhà văn Trường Sơn Lê Xuân Nhị (Hoa kỳ), nhà văn Bùi Hạnh Nghi (Đức).

- Ủy ban Văn nhân lục: nhà thơ Nghiêu Minh (kiêm nhiệm).

- Ủy ban Định chế: Tiến sĩ Lê Kim

Ngân, nhà báo Vũ Quang Trân.

- Ủy ban Thông tin Báo chí: Nhà văn Trương Sĩ Lương.

- Ủy ban Thành lập hội Bạn Văn Bút: Nguyễn Thị Hiền, Linh Phương.

Địa chỉ liên lạc:

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

P.O. Box 6203

Falls Church, VA 22040

USA

Điện thoại: (703) 204-1745

Điện thư: (301) 365-5961

Quyết-nghị chính

Đại Hội Đồng đã thông quá bản Quyết-nghị chính, nội dung xác định lập trường quốc gia dân tộc của Văn Bút VNHN, đồng thời kêu gọi đoàn kết nội bộ dựa trên tình văn hữu và bản Điều lệ.

Bản Quyết-nghị cũng nhắc tới ba chỉ hướng hoạt động là nhân quyền, thành lập Hội đồng Cố vấn Văn Bút và phát triển vấn đề dịch thuật cũng như sáng tác bằng ngoại văn. Toàn văn bản Quyết-nghị đăng ở trang bên.

Các Quyết-nghị khác

Ngoài Quyết-nghị chính, Đại Hội Đồng cũng đã thông qua các Quyết-nghị khác, gồm:

- Quyết nghị cảm ơn Tổng thống Tiệp Khắc đã can thiệp cho các nhà văn VN bị CS cầm tù.

- Quyết nghị về vấn đề nhân quyền, tị nạn.

- Quyết nghị khiển trách Viên Linh.

Ngoài ra, Hội đồng Chủ tịch Văn Bút VNHN (gồm các vị Chủ tịch của 7 Trung tâm) đã thảo ủy nhiệm thư gửi nhà văn Duy Lam, ủy nhiệm thành lập Hội đồng Cố vấn Văn Bút VNHN.

Hội đồng Chủ tịch Văn Bút VNHN do hai Điều hợp viên Phạm Quang Trình và Cao Mỹ Nhân điều động, đã đề cử nhà văn Cao Xuân Huy làm Tổng thư ký Hội đồng Cố vấn Văn Bút VNHN. Hội đồng Cố vấn sau khi thành hình, sẽ bầu ra một chủ tịch để lãnh đạo công tác.

Chủ nhật 25.2: ra mắt Ban Chấp Hành, hội thảo

Sáng Chủ nhật 25.2, tại hội trường



Phòng họp được Trung-tâm Nam Hoa-kỳ và Ban Tổ-chức trang-bị đầy-dủ: máy vi-tính, "lap top", máy in laser, máy photocopier, camera và hàng chục mini cassette. Từ gần tới xa: nhà văn Trương Sĩ Lương, nhà văn Trường-sơn Lê Xuân Nhị (hơi khuất), nhà văn Nguyễn Nghĩa, chủ bút Nguyễn Hương, nhà thơ Cung Vũ, nhà văn Kim Hà, nhà thơ Cao Mỹ Nhân và nhà văn Ngọc Anh.



Nhà văn Duy Lam, Hội-đồng cố-vấn, diễn-giả tại Đại-hội

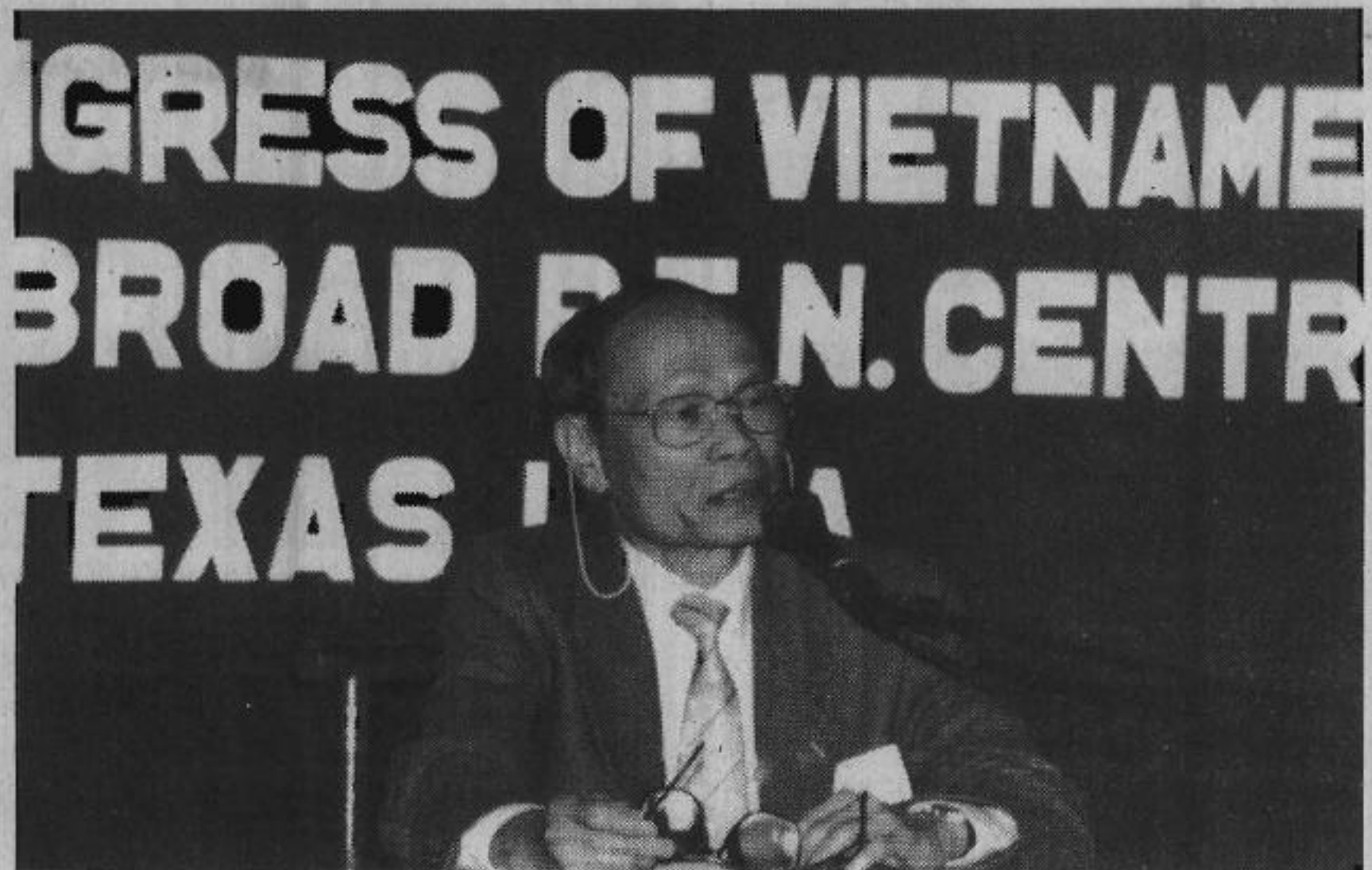


Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Hội-đồng cố-vấn, diễn-giả tại Đại-hội



Tiến-sĩ Lê Kim Ngân (Phó Chủ-tịch TT Ontario, Ủy-viên Định-chế), tham-luận-viên tại Đại-hội

Hà Hồi trong khuôn viên cơ sở Fukim, Đại hội Văn Bút đã có cơ hội chào đón 200 quan khách, gồm 20 tờ báo (từ 4 quốc gia về), 2 chương trình truyền hình, 2 chương trình phát



Tiến-sĩ Hoài Việt (Trung-tâm Âu-châu), Chủ-tịch Ủy ban Ngoại-văn và Dịch-thuật, tham-luận-viên tại Đại-hội

thanh, 25 hội đoàn quốc gia cùng thân hữu và đồng bào tới dự lễ ra mắt Ban Chấp Hành Văn Bút VNHN nhiệm kỳ 1995-1998.

Sau nghi lễ chào cờ, quốc ca, mặc niệm, giới thiệu quan khách và các phái đoàn đại biểu, nhà văn Trần Hồng Văn đã tuyên đọc chứng chỉ tuyên dương của Toà Thị Chính Houston, công nhận hai ngày 24 và

25.2.1996 là "Ngày Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại".

Đây là lần đầu tiên Toà Thị Chính Houston tuyên dương một khoá hội của cộng đồng Việt Nam. Công lao vận động này do Tiến sĩ Trần Hồng Văn, Chủ tịch Trung tâm Nam Hoa kỳ, một công dân danh dự tại địa phương.

Tiếp theo là phần thuyết trình và



Một góc phòng họp, nhà văn Sơn Tùng (đang phát-biểu), nhà thơ Nghiêu Minh, nhà văn Vũ Nam, nhà văn Nguyễn Anh Tuấn, nhà văn Từ Nguyên, nhà thơ Hoài Việt, nhà văn Mạnh Bích (Cựu Chủ-tịch Ban Chấp-hành lâm-thời), nhà văn Vũ Quang Trân (thư-ký), nhà văn Lê Kim Ngân (Chủ-tọa).



Quang-cảnh Đại-hội Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại kỳ V khóa 2 tại Houston (Texas), buổi lễ ra mắt Ban Chấp-hành 1995-1998.

tham luận.

- Nhà văn Doãn Quốc Sỹ nói về đề tài "Nhà văn và tù đầy" với phần tham luận của nhà thơ Cao My Nhân.

Sau một thời gian tịnh dưỡng, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã hoàn toàn khôi phục phong thái lãnh đạo tinh thần và tư tưởng của một nhà giáo dục, xứng đáng là bậc thầy của nhiều thế hệ Việt Nam.

Nhà thơ Cao My Nhân, cựu thiếu tá quân lực VNCH, trong phần tham luận đã nhấn mạnh đến tinh thần bất khuất của sĩ phu Việt Nam trong thời loạn.

Tiếp theo, nhà văn Duy Lam trong Tự lực Văn đoàn, hiện là cố vấn Hội đồng Văn Bút VNHN, nói về đề tài "P.E.N. là gì và nhiệm vụ của P.E.N."

Phần tham luận, Tiến sĩ Lê Kim Ngân (Ontario) nói về vấn đề văn hoá và Tiến sĩ Hoài Việt (Pháp) nói về vấn đề ngoại văn.

Chen lẫn với các bài thuyết trình là phần văn nghệ dân thân do nhà văn Trương Sĩ Lương hướng dẫn, với sự góp giọng của các nghệ sĩ Viễn Phương, Huỳnh Công Ánh, Việt Phương, Linh Phương, v.v.

Sau phần hội thảo là văn nghệ tự do do nhà văn Nguyễn Nguyệt Ánh (Trung tâm Nam Hoa kỳ) điều khiển, với sự góp mặt của các hội viên Văn Bút Nam Hoa kỳ và các đại biểu.

Chào cờ, dạ tiệc

Trưa ngày 25.2, theo thông tục của Văn Bút VNHN có từ Đại hội kỳ IV ở San Jose, anh em Văn Bút đã dự lễ chào cờ tại kỳ đài Cộng đồng Việt Nam. Buổi lễ đơn sơ nhưng nghiêm trang, có mặt khoảng 40 đại biểu, hội viên và thân hữu.



Nhà văn Sơn Tùng, tân Chủ-tịch Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN đang đọc diễn-văn nhậm chức trước văn-hữu và quan-khách



Theo truyền-thống, toàn-thể đại-biểu Văn Bút làm lễ chào cờ VNCH tại kỳ-dài Cộng-đồng Việt-nam ở Houston. Truyền-thống này đã bị cựu Chủ-tịch Viên Linh không dự tại San Jose năm 1993, và loại bỏ tại Little Saigon tại Đại-hội kỳ V khóa 1, 1995

Buổi tối, đáp lời mời của ông Trần Minh Triết, Chủ tịch hội Quang Trung, 30 đại biểu Văn Bút đã tham gia dạ tiệc do hội này khoản đãi tại hội trường Đồng Đa trong khuôn viên cơ sở Fukim, với khoảng 700 người dự.

Nhân dịp này, nhà văn Sơn Tùng trong phần phát biểu đã nói lên tinh thần Quang Trung trong sinh hoạt chính trị Việt Nam.

Ngoài ra, các nhà văn, nhà thơ trong Văn Bút cũng đã lần lượt lên

sân khấu đóng góp nhiều tiết mục giá trị cho chương trình sinh hoạt.

Buổi dạ tiệc Quang Trung, với phần nghi lễ cổ truyền, lân, pháo, văn nghệ dân tộc, đã kết thúc ba ngày Đại hội Văn Bút trong không khí phấn khởi của buổi đầu xuân.

Nhìn lại ba ngày sinh hoạt, anh chị em Văn Bút ghi nhận sự đóng góp nhiệt tình của Ban Tổ Chức Đại Hội (Trung tâm Ontario) và các nhà văn, nhà thơ thuộc Trung tâm Nam Hoa kỳ như Trần Hồng Văn, Nguyễn Văn

Diễn, Huỳnh Quang Thế, Nguyễn Nguyệt Ánh, Trương Sĩ Lương, Việt Phương, v.v.

Văn Bút VNHN cũng đặc biệt ghi nhận sự ủng hộ tích cực của ông bà Huỳnh Công Ánh, chủ nhân cơ sở Fukim, chẳng những đã cho Văn Bút sử dụng miễn phí 3 hội trường Ngọc Hồi, Hà Hồi và khách sạn Tây Sơn trong ba ngày liên tiếp, cùng đường dây điện thoại và điện thư, mà còn ủng hộ Đại Hội 500 mỹ kim.

Văn Bút cũng cảm ơn 200 hội viên



Tại dạ tiệc do Hội Quang Trung khoản-dãi vào tối 25.2.1996 tại hội-trường Đồng-đa, 30 đại-biểu Văn Bút và 700 khách Quang Trung. Ảnh trên (cạnh đoàn lân): nhà văn Phạm Quang Trình, nhà văn Bách Việt, nhà văn Duy Lam, nhà văn Trần Hồng Văn,...



Một góc phòng họp Đại-Hội-đồng (trái sang phải): nhà văn Nguyễn Nghĩa (TT Ontario), nhà văn Trường-sơn Lê Xuân Nhị, nhà văn Trương Sĩ Lương, nhà văn Trần Hồng Văn (TT Nam Hoa-kỳ), nhà văn Bách Việt, nhà thơ Tuệ Nga, nhà văn Phạm Quang Trình, nhà thơ Hoàng Xuyên Anh (TT Bắc California), nhà thơ Nghiêu Minh (TT Miền Đông), nhà thơ Vũ Nam (TT Âu-châu)

cùng 150 nhà văn, nhà thơ ngoài Hội và 50 hội đoàn cộng đồng, chính trị, tôn giáo đã gửi thư chúc mừng Đại Hội.

Ngoài ra, Ban Tổ Chức cảm ơn 80 thân hữu, mạnh thường quân đã gửi chi phiếu đóng góp chi phí tổ chức Đại Hội. Danh sách cảm tạ sẽ đăng đầy đủ trong Kỷ yếu Văn Bút VNHN kỳ V, tập II phát hành đầu tháng 4.1996.

Chặng đường trước mặt

Đại Hội kỳ V khoá 2 của Văn Bút

VNHN đã đánh dấu một giai đoạn trưởng thành trong khó khăn của tổ chức.

Nhờ sự cương quyết của phái đoàn đại biểu 6 Trung Tâm tại Đại hội khoá 1 ở California (11.1995) và nhờ sự sáng suốt cùng tinh thần quốc gia dân tộc của hơn 200 hội viên Văn Bút VNHN trên toàn thế giới, Đại Hội Đồng khoá 2 đã gặt hái thành công mỹ mãn, củng cố tổ chức, cứu Văn Bút khỏi lọt vào tay thành phần tả khuynh và một số chính khách hoạt đầu đang tìm cách xâm-nhập, lũng-đoan Hội.

Chặng đường sắp tới của Văn Bút VNHN chưa hết chông gai, nhưng với tình đoàn kết vững mạnh trong ba tháng vừa qua cùng sự hỗ trợ của đồng bào hải ngoại, anh chị em cầm bút sẽ vượt thắng mọi khó khăn, bảo vệ tiếng nói chính nghĩa của người Việt quốc gia trên diễn đàn quốc tế.



Nhà văn Trần Hồng Văn, Chủ-tịch Trung-tâm Nam Hoa-kỳ, nguyên Chủ-tọa Đại-Hội-đồng kỳ V khóa 1 ngày 25.11.1995 tại Đêm Màu Hồng, đang trình bản Tuyên-dương của Tòa Thị-chính thành-phố Houston chúc mừng Đại-hội Văn Bút VNHN kỳ V khóa 2 và công-nhận hai ngày 24 và 25.2.1996 là "Ngày Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại."



Từ trái sang phải: Nhà thơ Cao Mỹ Nhân (TT Nam California, tham-luận-viên tại Đại-hội, Tổng Thư-ký Hội-đồng cố-vấn), nhà thơ Quỳ Hương (Hội-đồng cố-vấn), nhà thơ Lê Thị Ý (Thủ-quỹ BCH) và nhà thơ Tuệ Nga (Phó Chủ-tịch BCH)

QUYẾT-NGHỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI KỲ V KHÓA 2 HỌP TẠI HOUSTON, TEXAS, HOA-KỲ VÀO HAI NGÀY 24 VÀ 25 THÁNG 2 NĂM 1996

Thi hành Quyết nghị của Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN ngày 26.11.1995 tại Fountain Valley, California, Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN kỳ V khoá 2 đã nhóm họp tại Houston, Texas vào hai ngày 24 và 25.2.1996, qui tụ 29 đại biểu của 6 Trung Tâm cũ (gồm Bắc California, Nam California, Âu châu, Ontario, Nam Hoa kỳ và Miền Đông Hoa kỳ) và 1 quan sát viên của Trung Tâm tân lập Trung & Tây Gia nã đại. Sau khi trao đổi ý kiến,

đồng thanh quyết nghị:

1) Văn Bút VNHN khẳng định lập trường quốc gia dân tộc, tôn trọng tự do dân chủ, nhân quyền và chống lại mọi hình thức độc tài, chống lại mọi hình thức đàn áp quyền tự do phát biểu và đi ngược lại Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế và bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

2) Kêu gọi sự đoàn kết giữa các thành viên trong Văn Bút VNHN, giữa những người cầm bút trong và ngoài Văn Bút, dựa trên tình văn hữu và tôn trọng bản Điều lệ Văn Bút VNHN.

3) Thành lập Hội đồng Cố vấn và các tổ chức yểm trợ để Văn Bút VNHN có thể hoạt động hiệu quả hơn và được sự hậu thuẫn rộng rãi của những người quan tâm tới các mục tiêu của Văn Bút.

4) Tăng cường và mở rộng hoạt động của Ủy ban Văn nghệ sĩ bị Cầm tù.

5) Phát động và duy trì phong trào dịch thuật, sáng tác và phổ biến các tác phẩm bằng Việt văn và ngoại văn.

Làm tại Houston, Texas, Hoa kỳ ngày 24 tháng 2 năm 1996.

Ký tên,

1) Trung tâm Bắc California:

Phạm Quang Trình, Vũ Quang Trân, Tuệ Nga, Bách Việt, Hoàng Xuyên Anh.

2) Trung tâm Nam-California:

Cao My Nhân, Kim Hà, Ngọc Anh, Cao Xuân Huy (Cao My Nhân đại diện),
Bảo Hoàng (Ngọc Anh đại diện).

3) Trung tâm Âu châu:

Từ Nguyên, Mạnh Bích, Hoài Việt, Vũ Nam, Nguyễn Anh Tuấn.

4) Trung tâm Nam Hoa kỳ:

Trần Hồng Văn, Trương Sĩ Lương, An Phong Nguyễn Văn Diễn, Trương Sơn Lê Xuân Nhị.

5) Trung tâm Miền Đông Hoa kỳ:

Sơn Tùng, Nghiêu Minh, Lê Thị Ý, Nguyễn Việt Quang (Sơn Tùng đại diện),
Đoàn Hữu Định (Nghiêu Minh đại diện).

6) Trung tâm Ontario, Gia nã đại:

Nguyễn Nghĩa, Lê Kim Ngân, Nguyễn Hương, Cung Vũ, Hoàng Thanh Dung.

7) Trung tâm Trung & Tây Gia nã đại:

Lê Sơn Hà.

QUYẾT NGHỊ

của Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN kỳ V
khóa 2 tại Houston, Texas về trường hợp
vi phạm kỷ luật của ông Viên Linh

Xét vì ông Viên Linh đã:

1) Phá hoại Đại Hội Đồng kỳ V ngày 25 và 26 tháng 11 năm 1995 tại Orange County, California bằng cách gây đổ vỡ Đại Hội.

2) Chống lại quyết định ngày 26.11.1995 của Đại Hội Đồng chấm dứt nhiệm vụ Ban Chấp Hành, tiếp tục tự nhận là "chủ tịch", gây chia rẽ nội bộ và tổ chức "đại hội" bất hợp pháp ngày 24.2.1996 tại Orange County, California.

3) Chủ động trong việc khai trừ bất hợp pháp nhà thơ Cao My Nhân ra khỏi Ban Chấp Hành Trung tâm Văn Bút Tây Nam Hoa kỳ; và sử dụng nhân viên an ninh, dùng bạo lực trục xuất nhà văn Ngọc Anh ra khỏi phiên họp khoáng đại Trung tâm Tây Nam Hoa kỳ ngày 6.1.1996, đàn áp quyền phát biểu của một hội viên Văn Bút, vi phạm trầm trọng Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế.

4) Nhân danh Văn Bút VNHN vay tiền ông Trần Ngọc Nhuận mà không trả. Nhận tiền cứu trợ của Văn Bút Quốc Tế giúp một số văn nghệ sĩ bị cầm tù nhưng không trao lại.

Quyết định:

Nghiêm khắc khiển trách ông Viên Linh vì các lỗi nặng trên đây, và giao cho Ban Chấp Hành cùng Hội đồng Chủ tịch có biện pháp thích ứng, nếu cần.

Làm tại Houston, Texas, Hoa kỳ ngày 24.2.1996
Ký tên,

1) **Trung tâm Bắc California:**

Phạm Quang Trình, Vũ Quang Trân, Tuệ Nga, Bách Việt, Hoàng Xuyên Anh.

2) **Trung tâm Nam California:**

Cao My Nhân, Kim Hà, Ngọc Anh, Cao Xuân Huy (Cao My Nhân đại diện), Bảo Hoàng (Ngọc Anh đại diện).

3) **Trung tâm Âu châu:**

Từ Nguyên, Mạnh Bích, Hoài Việt, Vũ Nam, Nguyễn Anh Tuấn.

4) **Trung tâm Nam Hoa kỳ:**

Trần Hồng Văn, Trương Sĩ Lương, An Phong Nguyễn Văn Diễn, Trường Sơn Lê Xuân Nhị.

5) **Trung tâm Miền Đông Hoa kỳ:**

Sơn Tùng, Nghiêu Minh, Lê Thị Ý, Nguyễn Việt Quang (Sơn Tùng đại diện), Đoàn Hữu Định (Nghiêu Minh đại diện).

6) **Trung tâm Ontario, Gia nã đại:**

Nguyễn Nghĩa, Lê Kim Ngân, Nguyễn Hương, Cung Vũ, Hoàng Thanh Dung.

7) **Trung tâm Trung & Tây Gia nã đại:**

Lê Sơn Hà.



Conference of Vietnamese Writers Days

The Vietnamese Writers Abroad P.E.N. (Poets, Playwrights, Editors, Essayists, and Novelists) Center is a member of International P.E.N., an international association of poets, playwrights, essayists, editors, novelists, historians, critics, journalists, and translators. The association is comprised of 109 centers in Europe, Asia, Africa, Australia, and the United States.

On February 24 - 25, 1996, the Vietnamese Writers Abroad P.E.N. Center will host its fifth Conference of Vietnamese Writers in Houston. Representatives from clubs in Asia, Australia, Europe, Canada, and the United States will meet to discuss amendments concerning professional writing, and to elect officers.

The City of Houston is pleased to welcome the participants of the Conference of Vietnamese Writers, and extends best wishes for a successful and rewarding event.

Therefore, I, Robert C. Lanier, Mayor of the City of Houston, hereby proclaim February 24 - 25, 1996, as

Conference of Vietnamese Writers Days

in Houston, Texas.

In Witness Whereof, I have hereunto set my hand and have caused the Official Seal of the City of Houston to be affixed this 22nd day of February, 1996, A.D.

Robert C. Lanier
Mayor of the City of Houston

TUYÊN-DƯƠNG

NGÀY ĐẠI HỘI VĂN BÚT VIỆT NAM

(của toà Thị Chính Houston, Texas*)

Trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một thành viên của Văn Bút quốc tế, một hội đoàn gồm các nhà thơ, kịch tác gia, tiểu luận gia, tiểu thuyết gia, sử gia, phê bình gia, chủ bút, nhà báo và dịch giả. Hội đoàn này gồm 109 Trung tâm tại Âu châu, Á châu, Phi châu, Úc châu và Mỹ châu.

Ngày 24 và 25 tháng 2 năm 1996, Trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại họp đại hội lần thứ V tại Houston. Đại biểu các Trung tâm địa phương từ Á châu, Âu châu, Gia nã đại và nhiều nơi tại Hoa kỳ gặp gỡ để bàn thảo về nội qui và bầu ra một vị chủ tịch và ban chấp hành mới cho nhiệm kỳ 1995-1998.

Thành phố Houston rất vinh dự đón tiếp đại biểu các phái đoàn tham dự Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và cầu chúc Đại hội đạt được thành công tốt đẹp.

Tôi, Robert C. Lanier, Thị trưởng thành phố Houston, xin tuyên bố những ngày 24 và 25 tháng 2 năm 1996 là:
Ngày của Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Làm tại Houston ngày 22 tháng 2 năm 1996

Ký tên: Bob Lanier

Thị trưởng Thành phố Houston

*Bản dịch của Trần Hồng Văn

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách



Hội nghị Ủy ban chỉ đạo Chương trình hành động toàn diện tại Geneva

Kết quả cuộc họp của đại diện hơn 20 quốc gia cùng với Cao ủy Tị Nạn Liên-hợp-quốc tại Geneva đã kết thúc không có gì mới. Cả Cao-ủy Tị-nạn lẫn các nước tạm dung đều nhất quyết chấm dứt bị kịch thuyền nhân Việt-nam.

Thái độ phũ tay của Cao ủy Tị-nạn rất rõ ràng. Đại diện Cao-ủy Tị-nạn vùng Á Châu, ông Alexander Casella, chủ tọa khóa họp đã tuyên bố với giới truyền thông rằng chương trình Hành Động Toàn Diện (CPA) sẽ chính thức bắt đầu vào ngày 30.6 năm nay, mọi liên hệ của Cao-ủy Tị-nạn với các trại cũng chấm dứt.

Ông Casella thông báo Cao-ủy Tị-nạn sẽ ngưng mọi trợ giúp cho 35.000 thuyền nhân Việt-nam, những người mà ông ta khẳng định là “không thuộc thành phần tị nạn” và Liên-hợp-quốc không có lý do gì để nuôi mãi những người đã rớt thanh lọc. Theo ông này, nuôi một người tị-nạn Việt-nam tốn gấp 8 lần nuôi một người tị nạn ở Rwanda. Ông Casella cũng xác-nhận một điểm mà trước đây Cao-ủy Tị-nạn tránh né: Cả Cao-ủy Tị-nạn sẽ tham gia các chương trình “hồi hương có trật tự” những người không tự nguyện, miễn là không dùng “quá nhiều vũ lực”.

Trong thông báo mới nhất, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển nhận định: khóa họp ở Geneva, trên căn bản chỉ để hợp thức hóa kết quả của khóa họp

tại Vọng-các cách đây hai tháng với những điểm chính yếu như sau:

1. Cao-ủy Tị-nạn sẽ rút khỏi các trại đầu tháng 9.1996.
2. Các quốc gia tạm dung sẽ đóng cửa các trại vào cuối tháng 6.1996, ngoại trừ Hương Cảng.
3. Ủy ban Chỉ đạo chống lại bất kỳ giải pháp nào đưa ra lúc này vì sẽ ảnh hưởng đến vấn đề thuyền nhân.
4. Việt Nam sẽ hợp tác trong vấn đề nhận thuyền nhân hồi hương. Cụ thể, Việt-nam đồng ý nhận 400 thuyền nhân mỗi tháng trong chương trình cưỡng bách hồi hương từ Hương Cảng, thay vì 200 mỗi sáu tuần như trước đây.

Theo Ủy-ban Cứu Người Vượt Biển, tin tức về kết quả khóa họp được các hãng thông tấn quốc tế thông báo rộng rãi, đã làm hoang mang thuyền nhân trong các trại. Vẫn theo Ủy Ban, hoàn cảnh dù bi thảm, nhưng vẫn ở trong tình trạng còn nước còn tát vì có những tin tức quan trọng khác liên quan đến khóa họp và không được phổ biến rộng rãi.

Ủy-ban Cứu người vượt biển đưa ra các điểm sau:

- Mặc dù hội nghị đã thoả thuận “chống bất kỳ giải pháp nào đưa ra lúc này” (điểm 3), phía Bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ lại tiết lộ ngay tại buổi họp là họ đã thuyết phục được Việt-nam hợp tác với Lộ trình II (Track II), đồng ý để cho nhân viên di trú Mỹ đến Việt-nam để phỏng vấn và xét những người hội đủ điều kiện tị nạn của Hoa-kỳ. Điều này ngược với quyết nghị của Ủy Ban Chỉ Đạo, hơn

nửa nỗ lực thực hiện Lộ trình II còn chưa thành tựu, tiết lộ lúc này phải chăng muốn làm cho thuyền nhân ngộ nhận rằng nếu hồi hương ngay lúc này thì sẽ được ưu tiên cứu xét? Theo qui định của Lộ-trình II, chỉ những ai có mặt tại trại tạm dung lúc giải pháp được công bố và tiến hành mới được hưởng sự tái xét của Hoa-kỳ.

- Tin tức về việc Quốc Hội Mỹ thông qua điều khoản 2104 của dự luật HR 1561.

Dự luật về Ngân sách Bộ Ngoại-giao được Hội đồng Lưỡng Viện Hoa-kỳ thông qua một ngày sau cuộc họp tại Geneva.

Điều khoản 2104 qui định: cấm dùng các khoản viện trợ của Hoa-kỳ vào việc hồi hương thuyền nhân cho đến khi mọi thuyền nhân được tái xét công bằng, ai được xét là tị nạn phải được cho định cư.

Việc tái xét sẽ do nhân viên di trú Hoa-kỳ thực hiện, dựa vào các tiêu chuẩn tị nạn của Hoa-kỳ.

Kêu gọi tái xét ở các quốc gia tạm dung, chỉ những trường hợp bất khả kháng mới được tiến hành ở Việt-nam sau khi thuyền nhân hồi hương.

Việc thông qua dự luật này, theo Ủy-ban Cứu người vượt biển, cho thấy “vấn đề vẫn chưa ngã ngũ, tiếng nói của Bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ tại hội nghị chưa phải là tối hậu và Quốc Hội Hoa-kỳ vẫn còn quan tâm và can dự vào việc tìm giải pháp chung cuộc cho vấn đề thuyền nhân Việt-nam.”

Những gì đang và sẽ xảy ra tại các nước tạm dung

Trước và sau Hội nghị Geneva ngày 5.3, thuyền nhân tại các trại tị nạn bị đồn đến chân tường. Một số buông xuôi, số còn lại đã có những phản ứng tuyệt vọng.

Tại Phi-luật-tân: sau vụ dùng quân-lực để cưỡng bức thuyền-nhân Việt-nam hồi hương hôm 14.2.96, chính phủ Phi đã chịu nhượng bộ trước phản ứng mạnh mẽ trong nước và quốc tế, tuyên bố chấm dứt dùng

võ lực buộc thuyền nhân hồi hương. Ngay sau đó, chính phủ Phi lại bị Cao ủy Tị Nạn Liên-hợp-quốc và các nước có tị nạn Việt-nam phản-đối. Trong hoàn cảnh đó, chính phủ Phi đã liên tiếp đưa ra nhiều thông báo, chủ trương mâu thuẫn.

Cuối tháng 2.1996, chính phủ Phi và Hội đồng Giám Mục Phi-luật-tân, Cao ủy Tị Nạn, đại diện các tổ chức ngoại chính phủ đã họp và thỏa thuận sẽ chuyển giao các trại lại cho Hội Đồng Giám Mục Phi Luật Tân điều hành. Dân tị nạn được trợ giúp đi đến tự túc sinh hoạt (làm ăn buôn bán, tổ chức đời sống như một thành phần của xã hội Phi).

Tuy nhiên, bản thông báo chung giữa chính phủ và Giáo hội đã có một điểm quan-trọng: Giáo hội và Chính phủ sẽ hợp tác với nhau trong việc thuyết phục thuyền nhân hồi hương với điều kiện phải tôn trọng các nhân quyền căn bản của thuyền nhân và phải được thực hiện với sự hiện diện của Giáo hội và các hội đoàn từ thiện ngoại chính phủ.

Song song với việc này, chính phủ Phi vẫn phải ra thông báo xác định tiếp tục ủng hộ và thực hiện việc hồi hương thuyền nhân (mà Phi đã đồng ý trong phiên họp hồi tháng 1.1996 ở Vọng-các) để xoa dịu sự phản kháng mạnh mẽ của các nước ASEAN.

Đầu tháng 3.1996, Giáo hội Thiên Chúa Giáo Phi lập tức lên tiếng phản kháng chính phủ và cam kết sẽ giúp đỡ việc định cư tại chỗ người tị nạn.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng và các luật sư của tổ chức LAVAS tại Phi-luật-tân, nếu được tái xét một cách đúng đắn, phân nửa số 2700 thuyền nhân ở Phi sẽ được công nhận tị nạn và thêm khoảng 200 người được quy chế di dân. Như thế số người còn ở lại Phi sẽ chỉ còn khoảng hơn một ngàn.

Có tin rằng một số Thượng nghị sĩ Phi hiện đang nghiên cứu dự luật tạo điều kiện pháp lý cho thuyền nhân được định cư tại chỗ. Nếu Phi thực hiện được việc này, đây sẽ là giải pháp nhân đạo nhất.

Tại Mã Lai Á: nước này trở thành thí điểm cưỡng bức hồi hương sau khi thí điểm Phi-luật-tân thất bại. Trong hai tháng qua, chính phủ Mã đã buộc hồi hương trên 1000 thuyền nhân. Cảnh sát và quân đội Mã cũng đã tấn công trại tị nạn với cơ bị phản ứng khi vào trại để tịch thu vũ khí tự chế. Cuộc hành quân đàn áp làm một thuyền nhân thiệt mạng.

Mã-lai đã lập xong "thông hành" cho hầu hết tị nạn để chuẩn bị buộc họ về Việt-nam. Tất cả việc làm của Mã đều có sự hợp tác chặt chẽ của Cao-ủy Tị-nạn. Hiện chính phủ Mã đang thương thảo với Việt-nam để đưa thuyền nhân về bằng đường thủy.

Tại Hương Cảng: áp lực nặng nề của Trung Cộng buộc Hương Cảng phải đẩy mạnh việc cưỡng bức hồi hương thuyền nhân Việt-nam. Chính phủ Hương Cảng ra tối hậu thư cho thuyền nhân bị rút thanh lọc rằng họ chỉ có hai sự lựa chọn, tự nguyện hay bị trục xuất.

Phản ứng của thuyền nhân trước áp lực của chính quyền Hương Cảng đã diễn ra nhiều hình thức, từ biểu tình, hủy hoại thân thể đến bỏ trốn. Tin của Thông tín viên *Làng Ván* từ North High Island cho biết hàng trăm thuyền nhân đã trốn từ bệnh viện (nơi họ giả bệnh để được đưa sang chữa trị, có biện pháp canh gác ít gắt gao hơn). Một số cắt rào các trại giam. Phần lớn bị bắt lại trong các cuộc truy lùng của cảnh sát và nhân viên trừng giới. Hiện còn một số sống trà trộn trong dân chúng.

Chính quyền Hương-cảng loan báo họ được Việt-nam giúp đỡ trong chương trình hồi hương bằng cách thỏa thuận nhận về 600 người hàng tháng. Tính trên tổng số thuyền nhân còn ở các trại, Hương Cảng phải mất đến vài năm mới trục-xuất hết thuyền-nhân. Cần nhắc lại theo quyết nghị của phiên họp tại Geneva ngày 5.3.1996, Cao-ủy Tị-nạn sẽ tiếp tục duy trì sự hiện diện của họ tại Hương Cảng đến năm 1997.

Tại Thái Lan và Nam Dương:

Theo Ủy-ban Cứu Người Vượt Biển, hai quốc gia này đang chờ xem các hành động của Hương Cảng, Mã Lai và Phi-luật-tân để quyết định các biện pháp thực hiện việc hồi hương tị nạn Việt-nam. Đời sống thuyền nhân trong các trại tại những quốc gia này hiện đã đi đến chỗ cùng cực.

Từ lâu nay, thuyền nhân ở Thái Lan đã bị đối xử theo qui chế tù. Trong khi chờ đợi ngày bị đưa về Việt-nam, người tị nạn tại Sikiew bị hành hạ về thể xác và tinh thần, bị bỏ đói (thực phẩm do Cao ủy cấp cho một tuần chỉ đủ dùng cho hai ngày), không được viết thư ra ngoài. Chính quyền Sikiew còn sử dụng những thành phần côn đồ bắt hãm người Việt làm an ninh, tìm đủ mọi cơ nhỏ-nhất để đánh đập, hành hạ người tị-nạn.

Cho đến tháng 3.1996, thời điểm của hội nghị Geneva, hội nghị mà quốc tế gọi là "phiên họp cuối cùng về tị nạn Đông Dương", vẫn còn gần 40.000 người Việt-nam trong các trại tạm dung vùng Đông Nam Á.

Theo quyết định của Hội nghị, các trại sẽ đóng cửa vào cuối tháng 6.1996. Trừ Phi-luật-tân là nơi đang có những diễn tiến còn có vẻ thuận lợi cho tị nạn Việt-nam (với số tị nạn ít ỏi khoảng 2700 người), ở những nơi khác, con đường của người tị nạn rất tăm-tối.

Hương Cảng là nơi có số tị nạn đông nhất (gần 20.000 người đã bị bác thanh lọc). Alexander Casella, giám đốc Cao-ủy Tị-nạn Liên-hợp-quốc vùng Á châu tuyên bố, thuyền nhân ở Hương-cảng không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc trở về Việt-nam và Cao ủy sẽ tham gia các chương trình hồi hương có trật tự những người không tự nguyện miễn là không dùng "quá nhiều võ lực". Người ta dễ dàng tiên-đoán những gì sẽ diễn ra: các biện pháp cưỡng bức từ phía các chính quyền và các phản ứng tuyệt vọng của thuyền nhân.

Trong hoàn cảnh đó, Ủy ban Cứu Người Vượt Biển đưa ra một kế hoạch tranh đấu ba trọng điểm để người Việt hải ngoại tiếp tay cứu vãn:

Ngăn cưỡng bức hồi hương: giúp đồng bào trong các trại khỏi hoang mang, dao động vì những đồn tâm lý của Cao-ủy Tị-nạn và các quốc gia tạm dung, bằng cách chuyển đến cho họ những tin tức chính xác, nhanh chóng. Kêu gọi đồng bào nếu có đấu tranh, hãy dùng những biện pháp ôn hoà để tránh việc bị các chính quyền đàn áp lấy cớ rằng có bạo động.

Phát động một chiến dịch gửi bưu thiếp tẩy chay hãng hàng không Mã Lai Á là công-ty đã ký hợp đồng với Hương Cảng để chuyên chở thuyền nhân bị cưỡng bức về Việt-nam.

Đòi Cao ủy bảo vệ một số hồ sơ bị nguy hiểm và mở ra nhiều vụ kiện để làm chính phủ Hương Cảng sa lầy (Ủy-ban Cứu người vượt biển và LAVAS đang thực hiện các biện pháp này).

Lên án mạnh mẽ chính quyền Mã-lai đã vi phạm nhân quyền. Người Việt hải ngoại cần tạo áp lực với các sứ quán, lãnh sự quán Mã-lai tại các nước bằng các cuộc biểu tình, tiếp xúc. . .

Hỗ trợ cho Hội đồng Giám Mục Phi-luật-tân để thuyết phục Phi hủy bỏ quyết định cưỡng bức hồi hương (ngày 14.3, Ủy-ban Cứu người vượt biển và một số đoàn thể đăng một thỉnh nguyện thư lớn trên tờ *Philippine Star* để kêu gọi lương tâm của nhân dân và chính quyền Phi).

Thúc đẩy cho giải pháp chung cuộc: dự luật HR 1561 được Quốc hội Hoa kỳ thảo luận lần chót giữa tháng 3.1996. Khi chuyển sang hành pháp, nếu Tổng thống Clinton không phủ quyết, giải pháp cho thuyền nhân sẽ thành hình. Nếu bị phủ quyết, dự luật sẽ trở lại Quốc hội để tu chính. Cộng đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ cần tranh đấu để ủng hộ việc hình thành giải pháp chung cuộc cho thuyền nhân qua dự luật này.

Cần thiếp ngay cho một số hồ sơ: hiện có một số vài trăm hồ sơ (đã được Ủy-ban Cứu Người Vượt Biển, một số hội đoàn hải ngoại tranh đấu từ năm 1994 đến nay) đang được Cao ủy xem xét. Cần bảo vệ những thuyền nhân quan hệ với các hồ sơ này để họ

khỏi bị cưỡng bức hồi hương một cách oan uổng. Công việc này đang được Ủy-ban Cứu người vượt biển, LAVAS, Hội đồng Phối Hợp Bảo Trợ Người Việt Tị-nạn ở Úc và Gia-nã-đại thực hiện.

Để thực hiện ba biện pháp vừa kể, Ủy-ban Cứu Người Vượt Biển kêu gọi người Việt hải ngoại yểm trợ tinh thần và tài chánh cho các Ủy-ban Cứu Người Vượt Biển, LAVAS và các hội đoàn.

Chính phủ Úc chống cưỡng bức hồi hương

Chính phủ của tân Thủ tướng John Howard hứa sẽ hỗ trợ cho những giải pháp hợp tình hợp lý về vấn đề thuyền nhân do cộng đồng Việt đưa ra. Thượng nghị sĩ Jim Short, thành viên nội các mới của Úc, tuyên bố Úc sẽ chống cưỡng bức hồi hương cho đến khi các điều kiện sau đây được thoả mãn:

- Cao-ủy Tị-nạn phải chứng minh được thanh lọc trong sạch, không có tổng tiền, tổng tình.

- Cao-ủy Tị-nạn phải hoàn tất việc tái xét tất cả hồ sơ bị bất công trong thanh lọc.

- Tất cả các hồ sơ đoàn tụ gia đình với thân nhân ở Úc sẽ phải được hoàn tất bởi chính phủ Úc.

- Mọi phương thức khuyến khích tự nguyện hồi hương phải được áp dụng.

Việc Úc thay đổi thái độ (trước đây ủng hộ cưỡng bức hồi hương, chống tái xét hồ sơ thanh lọc) được coi là một thuận lợi lớn cho thuyền nhân Việt-nam và công cuộc đấu tranh bảo vệ họ của người Việt hải ngoại. Đây là kết quả cuộc vận động bền bỉ của cộng đồng Việt-nam tại Úc.

Góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại có báo đọc để theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-

soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình "**độc-giả góp tem, Làng Văn tặng báo**", chi-tiết như sau:

- . Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (20 gia-kim).

- . Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim).

Lưu ý: Vì chế-độ kiểm-duyet gắt-gao của một số trại khiến báo-chí bị thất-lạc rất nhiều, có thể gây ngộ-nhận và phiền phức cho tòa soạn. *Làng Văn* chấm dứt chương-trình "thân-nhân gửi tem, tòa soạn tặng báo", gửi cho thân-nhân theo địa chỉ yêu-cầu.

Từ nay, độc giả và thân hữu tặng tem, sẽ tòa soạn tùy-nghị chọn người nhận để phân-phối báo sang các trại theo các đường dây an-toàn.

Đồng-bào có thân-nhân tại các trại, xin mua báo lẻ tại các đại-lý - hoặc gửi mua dài hạn tại tòa-soạn - đọc xong, bỏ vào phong-bì, tự tay gửi cho thân-nhân tại các trại.

Danh-sách độc-giả và thân-hữu góp tem gửi báo cho các trại tị-nạn, năm 1996

Một tờ mỗi kỳ: Nguyễn Văn (MN); Nguyễn Thu Không (CA); bé An Như (CA); Phạm Xuân Thảo (CA); Lê Văn Thanh (Pháp); Nguyễn Phù Sa (Gia-nã-đại).

Hai tờ mỗi kỳ: Nhà văn Nguyễn Văn Thông (MA); Nhà thơ Trương Chi (PQ); Vũ Nghi (BC); Nguyễn Minh Khánh (ON).

Ba tờ mỗi kỳ: Ngọc Hân (TX).

Năm tờ mỗi kỳ: Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal).

Các địa-chỉ cần biết khi cần gửi thư can-thiệp giúp đồng-bào tị-nạn

Ủy ban Cứu người vượt biển (Boat People S.O.S.)

P.O. Box 2652

Merrifield, VA 22116

USA

Phone & Fax: (703) 204-2662

Legal Assistance for Vietnamese Asylum Seekers (LAVAS)

P.O. Box 2606

Merrifield, VA 22116

USA



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ-trách

Minh Hải: 70.000 dân đói

Theo báo cáo của sở Lao động tỉnh Minh Hải, tính đến trung tuần tháng 12, toàn tỉnh có hơn 12.000 gia đình với khoảng 70.000 dân lâm nạn đói trầm-trọng.

Trong số đó này có 3.707 gia đình ở các huyện Trần Văn Thới, U Minh, Thới Bình, Ngọc Hiển, Hồng Dân, thị xã Bạc Liêu; gần 8.800 gia đình ở các huyện Cái Nước, Đầm Dơi, Gia Rai, Vĩnh Lợi và Thị xã Cà Mau. Những gia đình này bị mất mùa tằm liên tiếp trong khi đó mức trợ cấp xã hội gần như không có.

CSVN huấn-luyện đặc công cho Cuba

Jane's Defense Weekly của Anh-quốc, trong số ra ngày 5.3.1996, cho biết ít nhất từ 6 năm nay Cuba đã gửi các sĩ quan trung cấp sang học phương-pháp đặc công của CSVN tại quân-trường Hoà-bình. Chương trình huấn luyện tập trung vào các lối đột kích từ biển và dưới nước. Theo bài báo này, các sĩ quan Cuba được huấn luyện để tấn công căn cứ xuất phát và tiếp vận của các lực lượng do Hoa-kỳ huấn luyện đổ bộ lên Cuba.

Mướn nhân-viên mà không khai báo: bị phạt nặng

Bộ Lao-động CSVN thông-báo, tất cả chủ công ty lớn nhỏ mỗi khi thuê nhân-viên đều phải khai-báo với nhà nước, nếu không sẽ bị phạt từ 1,5 triệu đến 5 triệu đồng tiền Hồ. Biện pháp này chính-yếu nhắm vào các khách sạn, hộp đêm, nhà an dưỡng, nhà cho thuê, nhà hàng, tiệm cà phê, tiệm karaoke và tiệm đấm bóp trên toàn quốc.

Lại siết cổ nhân-dân

Để chuẩn-bị Đại-hội Đảng, nhà cầm quyền CSVN đã tăng-cường kiểm-soát gắt-gao và bắt giam hàng loạt "Việt-kieu" sau khi họ vừa đặt chân xuống phi-trường.

Cơ-quan Nhập-cư VC nhắc lại thông-cáo số 125/HC/NC buộc "Việt-kieu" về quê du-lịch phải hoàn-tất toàn bộ các thủ-tục, nếu không muốn bị giải về ty Công-an:

Phải nộp: giấy nhập-cảnh (2 bản), giấy kê-khai hàng-hóa và tiền bạc mang theo (2 bản), giấy xin lưu-ngự trong thời-gian ở Việt-nam (2 bản) và các loại giấy tờ chứng-minh khác.

Các thủ-tục nói trên phải hoàn-tất trong vòng 24 giờ từ khi đặt chân lên lãnh-thổ Việt-nam, quá hạn sẽ bị bắt giữ hoặc phạt tiền.

Ngoài ra, những người về tỉnh phải về thẳng các tỉnh, nếu muốn ở lại Sài-gòn phải làm đơn khai tạm-trú.

Muốn ở lâu hơn thời-hạn ghi trên giấy chiếu-khán nhập-cảnh (hộ-chiều), phải đến cơ-quan Nhập-cư xin triển-hạn, và được cứu-xét tùy trường-hợp. Nếu phạm-pháp hay bị ghép tội gì đó, sẽ bị xử theo "luật" của CSVN, các nước khác không thể can-thiệp, dù người bị ghép tội mang quốc-tịch gì cũng mặc.

Kể từ đầu tháng 3.96 "Việt-kieu" ra vào VN càng bị tra-xét gắt-gao. Nhiều phụ-nữ bị công-an nạt-nộ khi lấy khẩu-cung đã khóc mùi-mẫn ngay tại phi-trường vì sợ-hãi cũng có mà vì phần-uất cũng có. Nhiều thanh-niên bị đối xử y như gián-điệp, đã cố-gắng nuốt nhục để qua ải, hao tổn tiền bạc gần như cạn túi để đổi lấy an-ninh bản-thân.

Ngoài ra, các khách-sạn, nhà trọ tại Sài-gòn và các thành-thị lớn bị ruồng bỏ suốt ngày đêm. Nhiều Việt-kieu bị đập cửa nhiều lần vào lúc khuya-khoắt để tra hỏi giấy-tờ, lục-soát hành-lý tìm tài-liệu. Những người chứa gái giang-hồ trong phòng đều bị phạt tiền rất nặng và lập hồ-sơ truy-tố theo pháp-luật VC nếu không nộp tiền hối-lộ tại chỗ.

Những người không kịp làm thủ-tục khai-báo lưu-ngự, hoặc lơ-ngờ không biết cách làm giấy-tờ, đã bị bắt giải về ty Công-an, bị phạt tiền. Nhiều người bị tịch-thu sổ thông-hành, giấy tờ cả vé máy bay và toàn bộ tiền bạc, nữ-trang, đồng hồ, bút máy mang trên người.

Tại miền Trung, Việt-kieu còn bị công-an hành-hung ngay tại khách-sạn, nhẹ nhất cũng bị chửi mắng hoặc bị cật-vấn rằng "có phải về nước làm gián-điệp hay có công-tác gì khác?"

Du-lịch VC ngày hôm nay đã trở thành một cơn ác-mộng. Các "Việt-kieu" nghe lời đường mật của cán-bộ kiều-vận và con buôn sinh sống bằng nghề bán vé du-lịch, một số đã tỉnh mộng sau khi va chạm với thực-tế phũ-phàng, một số khác bị bắt dẫn đi biệt-tích, thân-nhân trong nước tốn nhiều công-lao tiền của để dò hỏi

nhưng không có kết-quả. Thân-nhân tại ngoại-quốc nhờ cơ-quan ngoại-giao tại nước định-cư can-thiệp, nhưng tất cả đều bị từ-chối. Các nước đều nói rõ từ đầu: nếu du-lịch CSVN, họ sẽ không can-thiệp nếu bị VC làm khó dễ vì bất cứ lý-do gì.

Hà-nội tịch-thu pháo tết

Sở Công an Hà Nội loan báo, trong đêm giao thừa, cảnh sát khu vực tại các phường đã tịch thu 1.719 ký pháo. Cũng theo nguồn tin trên, số pháo này phần lớn là do dân chúng "tự ý giao nạp" sau khi công an phổ biến mức phạt đối với những ai vi phạm lệnh cấm đốt pháo của nhà cầm quyền.

Tại Sài gòn, người bị ra tòa đầu tiên về tội đốt pháo là một thanh niên ở Biên Hòa tên là Đặng Hữu Trí. Thanh niên này bị tuyên án 6 tháng tù vì đã đốt hai phong pháo tại trụ gôn sân vận động Biên Hòa.

2000 vụ hàng giả

Trong vòng 2 tháng, lực-lượng quản-lý thị-trường tỉnh thành Hồ đã lập biên-bản 2000 vụ hàng giả và buôn lậu, tịch-thu 750 triệu đồng hàng-hoá, gồm thuốc tây giả, gỗ lậu, phim-ảnh con heo, v.v.

Y-tế tham-những

Bộ trưởng Y-tế VC Đỗ Nguyên Phương thú-nhận, nạn hối lộ vẫn đang lan tràn trong ngành y tế và hứa sẽ áp dụng các biện pháp cứng rắn để ngăn-chặn. Biện-pháp đầu-tiên là tăng giá tiền khám bệnh và tiền nằm bệnh-viện.

Hiện mỗi lần khám bệnh, dân-chúng phải trả cho chính-phủ 1 mỹ-kim và phải hối-lộ cho nhân-viên y-tế từ 9 mỹ kim đến 18 mỹ kim. Nay Bộ Y-tế sẽ tăng tiền khám bệnh lên 20 mỹ-kim để diệt nạn tham-những.

Biện-pháp thứ hai là các y sĩ mới tốt nghiệp y khoa phải phục vụ tại các vùng quê hai tới ba năm.

Bao nhiêu tiền bòn rút của dân-

chúng, cán-bộ Trung-ương đảng chia nhau gửi nhà băng Thụy-sĩ và mua bất-động-sản tại Pháp. Ngân sách Y tế của Việt Nam ở vào mức thấp nhất trên thế giới, tính ra chỉ có 0,83 mỹ-kim mỗi đầu người, trong khi các nước nghèo như Bangladesh được chi 1,26 mỹ-kim; Thái-lan 13,84 mỹ-kim.

Ngân sách Y tế toàn-quốc VN trong năm 1996 ít hơn ngân sách của một bệnh viện bậc trung tại Mỹ. Dân chúng Việt-nam rất sợ phải vào bệnh viện vì sẽ tán gia bại sản, và mặt khác, vì tác phong quan-liêu hống-hách của các y sĩ.

VC khoe: chỉ lạm phát 14% một năm

CSVN khoe đã ngăn chặn không cho vật giá gia-tăng trong dịp tết Nguyên-đán vừa qua, chỉ cho tăng 2,5%. Giá gạo tại Hà-nội không tăng bao nhiêu nhờ nhà nước cho chuyển gạo từ miền Nam ra cho miền Bắc ăn tết. Vật liệu xây cất không tăng vì các công trường đóng cửa nghỉ tết. Trong tháng giêng vật giá chỉ tăng 0,9%. Nhà nước còn khoe giữ cho sự lạm phát trong năm 1996 ở mức 14% thôi (trong khi tại các nước khác khoảng 2,3 đến 3,6%).

Hệ-thống xe lửa tốc hành xuyên Á

Tuyến xe lửa tốc-hành xuyên Á sẽ nối liền các thành phố Ngưỡng Quang (Miến-điện), Vọng các (Thái-lan), Tân-gia-ba, Kuala Lumpur (Mã-lai), Vạn Tượng (Lào), Côn Minh (Trung Cộng) và Sài-gòn (Việt-nam) bằng xe lửa tốc-hành.

Thêm 5 bộ hài-cốt về Mỹ

Hài cốt của 5 sĩ quan Hải và Không quân Mỹ mất tích ở Việt Nam và Lào, sau khi được giáo nghiệm đã được đưa về một nhà quản ở California hôm thứ năm 29.2 vừa qua.

Ngũ giác đài xác nhận những

người này là:

- Đại úy Không quân John E. Duffy ở Portland, Maine, bay trên phi cơ 0-2A, rớt ngày 4.4.70 tại Quảng trị.

- Thiếu tá Không quân Edward M. Hudgens ở Tulsa, Oklahoma, lái phi cơ A-1J, bị bắn rớt ở Lào ngày 21.3.70.

- Trung tá Hải quân Orland J. Pender Jr. ở Atlanta và Đại tá Hải quân John R. Pitzen ở Satcyville, Iowa, phi hành đoàn của chiếc F-4J trên hàng không mẫu hạm Kitty Hawk, bị phi đạn địa-không của cộng sản bắn rớt ngày 17.8.72 gần Hải phòng.

- Đại úy Không quân Robert L. Sandner ở Clearwater, Florida, bay chiếc A-1E, rớt ngày 7.6.66 tại Kontum.

Xe phun khói: nửa triệu tiền phạt

Cảnh sát giao thông đường bộ thành Hồ nhắc lại lệnh phạt nửa triệu đồng, áp dụng cho những chiếc xe phun khói đen và nổ máy quá lớn.

Năm 1995, thành Hồ có thêm 6,1% xe có động-cơ, gồm 6.250 xe vận-tải nặng, nhẹ: 1.473 xe đồ, 378 xe buýt, 3.245 xe lam chở khách.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Lãnh-sự-quán Pháp-quốc
27 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán CHND Trung-hoa
35 Nguyễn Trung Trực, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Germany
126 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3
TP/HCM, Vietnam

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

Tên trộm nhân tâm

Cô bé Heidi, 8 tuổi, người ở Warley (miền trung nước Anh) bị dị ứng trầm trọng với nước. Cứ chạm phải nước thì da bé nổi đầy mụn rộp và có thể bị kích ngứa gây tử vong. Bé phải mặc một áo đặc biệt không thấm nước có cả găng tay và vành che mặt đặc biệt bao bọc bé từ tóc đến chân, nếu bé muốn đi dưới mưa hay tuyết. Một ngày đầu tháng Hai vừa qua, kẻ trộm đã vào nhà cuồn mật chiếc áo đi mưa đặc biệt nói trên. Bà Wendy Falconer, mẹ của Heidi, phải nhờ các phương tiện truyền thông loan báo và tha thiết yêu cầu những kẻ nhám tay hãy động chút lòng thương mà trả lại cho bé Heidi chiếc áo đi mưa có một không hai “chẳng hữu dụng cho bất cứ một ai khác”.

Vào một buổi chiều chúa nhật, bà Wendy lòng mừng khắp khởi khi thấy có một bọc nhỏ nằm trước cửa nhà, những tưởng trên đời còn có những tên trộm biết thương người. Nhưng, niềm vui của bà chưa kịp bùng lên đã vội tắt vì quả là gói áo mưa của Heidi nhưng, buồn thay, chiếc áo đã bị cắt nát mạnh mún!

Theo ông Dave, bố của Heidi, thì áo này giá đến 1200 bảng Anh mà lương tháng của một thợ nhà in như ông phải khó khăn lắm mới mua nổi. Một tờ báo địa phương mua tặng bé Heidi chiếc áo khác, phải thừa riêng ở tận Manchester và đợi mất 4 tuần lễ. Trong thời gian ấy, bé Heidi bị bắt



buộc phải ru rú trong nhà.

Cô bé này thường phải rửa mặt bằng bao tay khô và uống một hợp chất đặc biệt gồm có sữa và nước cam vắt. Trên thế giới có khoảng 30 người bị dị ứng nước, nhưng bé Heidi được coi như là người duy nhất được sinh ra với loại dị ứng này.

Theo dấu Sherlock Holmes

Một ngày đẹp trời nào đó, giữa phố phường Ba-Lê, nếu có chạm trán với một đoàn người kỳ quái ăn mặc theo thời nữ hoàng Victoria ở vương quốc Hồng-Mao thì bạn đừng nghĩ là họ đang đóng phim hay làm trò thu hút du khách. Họ chính là hội viên Hiệp Hội Sherlock Holmes của Pháp, quy tụ những người ái mộ nhà thám tử bậc thầy này. Hiệp hội này được dựng lên theo kiểu Hiệp Hội Sherlock Holmes ở Luân Đôn hay Hiệp Hội Những Người Không Khoan Nhượng ở phố Baker của Nữ Ước. Mệnh danh là “Những Người Bán Hàng Ngũ Kim vùng Franco-Midland” -

xuất xứ từ quán bán hàng ngũ kim người Pháp mà Conan Doyle kể trong quyển *Commis de l'Agent de Change* (Cò đại lý chứng khoán) - hội này gồm lối 300 thành viên, có nhiều chi nhánh rải rác trên khắp nước Pháp. Họ thuộc đủ mọi thành phần: từ giáo sư đại học, bác sĩ, cảnh sát, nhà báo đến nhà tu... Mẫu số chung của họ là tin tưởng rằng Sherlock Holmes có thật và liên quan mật thiết đến nước Pháp.

Theo Thierry Saint Joanis, chủ tịch hội, thì: “Mẹ của Sherlock Holmes chính là chị của họa sĩ Horace Vernet” (danh họa Pháp 1758-1836). Mỗi hội viên phải điều tra tỉ mỉ về thân tượng của mình cũng như về bác sĩ Watson, cộng sự viên của Sherlock Holmes. 30% hội viên hội này là phụ nữ dù thời đại nữ hoàng Victoria không mấy cảm tình với phái đẹp. Theo lời một hội viên nữ thì thế giới của nhà thám tử đầy đầy những mù đàn bà ngớ ngẩn.

Các hội viên mò mẫm đi tìm dấu tích nhà thám tử đại tài của họ từ Marseilles đến Montpellier cũng như ở nhà ga Bắc Ba-Lê, nơi mà họ cho là Sherlock Holmes có ký gửi hành lý. Thậm chí trong nghĩa trang Père-Lachaise, một nghĩa địa nổi tiếng của Ba-Lê, họ còn tìm ra được một cái mả với tấm mộ bia có ghi hai chữ tắt SH. Từ đó họ cho rằng thân tượng của họ nghìn thu yên nghỉ ở kinh đô ánh sáng.

Chân thối bắt muối

Với phát giác mới đây của giáo sư côn trùng học Bart Knols thuộc trường đại học nông nghiệp Wageningen ở Hoà-Lan, mùi chân thối không những làm cho người xung quanh khiếp đảm mà còn có công dụng khá quan trọng trong việc lôi cuốn muỗi cái (vì muỗi đực không đốt) đến chích ta.

Trong quá trình đi tìm nguyên nhân nào trên da thịt thu hút muỗi bay đến đốt con người, hai ông Bart Knols và Ruud de Jong đã phát hiện rằng chính mùi chân thối đã thu hút các

“Ông tiêm có cánh” mạnh mẽ nhất. Ông Bart xác nhận: “Tôi có ý định tìm xem hợp chất hóa học nào dẫn dắt mấy con muỗi đến đốt người để làm những cái bẫy bắt muỗi hữu hiệu hơn”. Qua các cuộc thí nghiệm, ông nhận thấy muỗi chủ yếu nhằm vào hai bàn chân. Sau khi rửa chân bằng xà-phòng thật sạch thì ông thấy rằng những con muỗi đói vẫn nhào đến đốt nhưng nhắm vào thân mình. Bart tự hỏi phải chăng mùi mồ hôi chân đã dẫn dắt muỗi đến? Để phối kiểm vấn đề, Bart lấy một miếng pho-mát Limburger có mùi rất gần với mùi chân mang bít tất sau một quãng đường dài đi bộ dưới nắng hè ra thử. Cái mùi nặng nề ấy quyến rũ muỗi đổ về bu đen nghịt. Điều đó cho phép Bart kết luận rằng chính mùi chân thối là “ngọn hải đăng” soi đường chỉ lối cho muỗi tìm đến người trong đêm đen.

Thế là nhà giáo sư côn trùng học bèn tìm cách tổng hợp hóa chất tạo ra mùi độc đáo đó, trước là để làm bẫy bắt những con muỗi mang mầm mống bệnh sốt rét và sau nữa cho mùi vào chai để đánh lạc hướng các “ông tiêm có cánh”. Tuy nhiên, Bart vẫn lo xa: “Cách hay nhất là làm sao hướng muỗi đến những khu chứa thức ăn dành cho chúng để chúng không nhắm vào con người. Còn nếu như dùng mùi chân thối lòi cuốn rồi giết muỗi thì sẽ có nguy cơ tạo điều kiện cho những con muỗi nào không mê mùi đó sinh sôi nảy nở nhanh chóng. Con nào không mắc bẫy thì sẽ gia tăng số lượng, con đàn cháu đống, để vài năm sau mình phải trở về điểm khởi đầu”.

Vận-dộng tranh cử bằng ...đám cưới

Vladimir Jirinovski, lãnh tụ dân tộc quá khích của Nga, vừa tổ chức một lễ cưới tôn giáo với Galina, bà vợ mà ông đã cưới theo nghi thức dân sự cách nay 25 năm. Một đám cưới lố lăng chẳng giống ai đã được tổ chức vô cùng trọng thể tại nhà thờ thánh Michel ở Mạc-Tư-Khoa.

Hôm đó ban trật tự của Vladimir cấm cửa thánh đường không cho đoàn cái bang bển mẫm. Báo chí từ sáng sớm đã đông nghẹt bên trong giáo đường. Bên ngoài, loa vang vang mời gọi dân Mạc-Tư-Khoa hướng về chiếc xe bus đỏ đang phát bánh mì và rượu Vodka.

Không để cho “quần chúng” của mình phải chờ đợi lâu, hai vợ chồng nhà Jirinovski nhanh chóng tiến vào địa điểm hành lễ trên một cỗ xe tam mã (Troika) đặc biệt của Nga. Đúng theo truyền thống Sa hoàng, quân cận vệ của Jirinovski vừa tung vào đám đông những đồng tiền kim loại và một vài tờ giấy 500 Rúp vừa la to “Hourra!”. Chuông giáo đường ngân nga vang dậy tương ứng với số tiền thù lao cho chuông và một đoàn nghệ sĩ dân gian trời giọng ca lên những bài hát bình dân.

Đám cưới chẳng thiếu thứ gì, cốt để quần chúng nhân dân tin tưởng rằng đây là một đám cưới thực sự và ngay tình. Nào bánh mì, nào muối - đúng điệu truyền thống Nga - nào thầy tế mặc áo lễ bằng kim tuyến, nào ban đồng ca chính giáo,... Còn quan khách thì đủ mặt, thậm chí có cả vợ chồng nhà Le Pen, thủ lĩnh dân tộc quá khích của Pháp. Thế nhưng, đằng sau chiếc mặt nạ đám cưới kia người ta thấy lòi cái đuôi to tướng của vận động tranh cử vì Vladimir đang găm ghé chiếc ghế tổng thống Nga vào tháng 6.1996. Đây là sáng kiến chào hàng mới nhất của đảng LDPR (Dân chủ Tự do) trong chiến dịch tranh cử của Vladimir.

Bên trong thánh đường, với chiếc vương miện trên đầu - như bất cứ chú rể nào chịu lễ cưới của chính giáo - Vladimir tự coi mình là quân vương tương lai của toàn nước Nga với những ước mơ điên cuồng nhất. Trong lúc đó, bên ngoài nhà thờ, những kẻ khốn cùng “được mời” dự lễ dù phải quỳ gối trên tuyết giá lạnh cũng không than phiền lấy một lời. Vì họ đã được trả công xứng đáng bằng một nụ cười của “đôi trẻ” kèm theo vài nghìn Rúp. Họ chẳng đòi hỏi gì hơn vì trong thâm tâm, họ chẳng

màng gì đến chuyện ngồi vào bàn đại yến của một con người không tương như Vladimir.

Marton, thần đồng Hung-Gia-Lợi

Mới 8 tuổi rưỡi mà bé Marton Szasz, người Hung-Gia-Lợi, đã tuyên bố một câu xanh đờn: “Cháu ấy hả, cái gì cháu cũng thích, vật lý nguyên tử nè, vô tận nè và vũ trụ nữa...” Chưa chi mà bé tiên đoán rằng “lớn lên bé sẽ cao khoảng 1m27”. Là con trai trưởng của một gia đình thuộc giai cấp trung lưu, bé Marton sinh sống trong làng Szendrő thuộc đông bắc Hung-Gia-Lợi, cách biên giới Tiệp độ vài cây số. Mẹ bé là cô giáo mẫu giáo, 30 tuổi, hiện đang nghỉ hậu sản. Bố bé là trưởng xưởng của một xí nghiệp và là chủ một gia đình 3 con.

Hai tuổi rưỡi bé đã biết đếm và biết đọc. Bé rất hiếu kỳ, gặp ai cũng hỏi. Ông bác sĩ gia đình khuyên cha mẹ bé đưa bé đi gặp một chuyên viên hướng dẫn. Hồi 5 tuổi 4 tháng chỉ số thông minh (QI) của Marton là 158. 7 tháng sau, chỉ số đó vọt lên 195. Theo thống kê quốc tế, thì trong dân số thế giới chỉ có 2% người có QI trên 148 và 1% có QI trên 155.

Marton học viết có vài tuần và thanh toán chương trình tiểu học trong 2 năm 1993-1994. Sau khi đậu kỳ thi tuyển quốc gia về toán, năm 1995 bé theo học lớp 6. Bé cho biết: “Cháu thích học trung học vì trước tiên, ở đó chỉ có những đứa trẻ thông minh. Kế nữa, cháu học được nhiều thứ theo nhiều cách khác nhau, nhất là tin học”.

Một ngày của bé rất bận rộn, ít chơi đùa, lúc nào cũng bám vào chiếc máy vi tính. Bé bảo: “Cháu không chơi đùa gì cả, cháu thích chiếc máy vi tính. Và lại, cháu cũng chẳng có bạn bè. Ở trường chúng nó chê cháu còn bé quá làm sao mà đá bóng được”. Tuy nhiên, cậu bé thần đồng đã có một người bạn lớn. “Bác Georges” của bé là viện sĩ György Marx, giáo sư ngành vật lý nguyên tử, người đã nhiều lần mời Marton đến

Budapest. Viện sĩ đã dạy bé cách đo độ phóng xạ và khuyên bé những sách cần đọc. Theo viện sĩ thì “Bé có một trí thông minh đặc biệt trong cách giải quyết những bài toán luận lý học. Nhưng, điều quan trọng là phải hướng dẫn cho bé chọn lựa”.

Là những người bình thường, cha mẹ bé rất ư bối rối trước mức độ thông minh của con. Một chương trình phát hình dành cho trẻ em đài thọ chuyên học hành của Marton và tòa thị chính Szendrő cũng chia phần phí tổn đào tạo cậu. Hiện nay bé chưa quyết định theo ngành nào, nhưng bé cũng biết phát biểu: “Cháu muốn đem những hiểu biết của cháu ra giúp đỡ nước Hung-Gia-Lợi. Không phải riêng gì cho Hung-Gia-Lợi mà cho toàn thể nhân loại nữa kia. Chẳng hạn như cháu muốn tìm ra một thứ thuốc mới, muốn giải thích cho người ta phải sinh sống như thế nào và nhất là nói với họ đừng làm ra chiến tranh”.

Phần chìm của Ba-Lê

Nói đến Ba-Lê ai ai cũng nghĩ đến cái rực rỡ kiêu sa của kinh đô ánh sáng. Nhưng, phần chìm của nó ít người biết đến dù thành phố này có lộ trình cho du khách đi thăm những đường cống ngầm.

Khởi công xây cất dưới thời Nã-Phá-Luân đệ III, hệ thống cống ngầm Ba-lê dài gần 2100 km, gần bằng

khoảng cách từ Ba-Lê đến Istanbul. Tổng số nhân viên bảo quản hệ thống thải nước bẩn của thành phố này lên đến 600 mạng, toàn những người rắn chắc khỏe mạnh. Chui vào “mê lộ” tối đen-đỏ, người ta sẽ bắt gặp đủ thứ. Nào chuột cống, nhện chân dài, tôm đỏ, muỗi, ong vò vẽ, gián, nấm độc lẫn không độc và mèo hoang đông không kém gì dân số Ba-Lê. Thậm chí bao cao su đã sử dụng rồi trôi nổi trên dòng nước cống cũng không sao kể hết. Lũ mèo hoang kia không phải là những con thú vô ích và vô tích sự vì mỗi ngày chúng tiêu thụ hàng trăm tấn rác rưởi, tương đương với 1/3 tổng số uế tạp mà dân chúng ở kinh đô ánh sáng thải ra.

Thủ đô Paris tự hào không ít về hệ thống cống ngầm này, một mạng lưới cống rãnh làm sạch thành phố mà không làm ô nhiễm dòng sông Seine chảy qua đó. Một hệ thống cống rãnh độc nhất vô nhị trên thế giới - mà tất cả các nước khác đều mong muốn - được văn hào Victor Hugo đặt cho cái biệt danh “đường ruột của quái vật Léviathan”.

Hành tinh không nước

Theo một tài liệu nghiên cứu vừa công bố thì trong vòng 30 năm nữa tài nguyên nước ngọt của hành tinh chúng ta có nguy cơ sẽ không còn đủ nữa! Hệ sinh thái thủy tính của địa

cầu đã bị rối loạn đến độ rồi đây sẽ làm tuyệt chủng các loại cá và những sinh vật khác nếu nhân loại không ổn định được khối lượng nước tái sinh mà con người và thú vật có thể sử dụng.

Tài liệu này cho biết trong tổng số khối lượng nước hiện hữu trên địa cầu chỉ có 2,5% là nước ngọt và 2/3 của 2,5% này đều tập trung vào các băng hà và ở những vùng băng giá địa cực. Tuy nhiên, ước lượng tổng khối lượng nước ngọt khả dụng trên địa cầu là một việc làm phức tạp vì các phương thức tính toán chả có cái nào giống cái nào. Những tác giả của công trình nghiên cứu trên dựa vào một con số ước tính diễn biến từ 33.500 đến 47.000 km khối. Trong số các biện pháp để giải quyết nạn thiếu nước ngọt càng ngày càng gia tăng này, phương cách chính yếu là phải làm sao chế ngự và bảo tồn một cách hoàn chỉnh lưu lượng các dòng sông hoặc biến nước biển thành nước ngọt.

Vui buồn trời Âu

- Là “bậc trưởng thượng của nhân loại”, bà Jeanne Calment (Pháp) tròn 121 niên kỷ vào ngày 21.2.96. Từng tuổi ấy mà bà vẫn còn chịu chơi thu một đĩa nhạc gồm 4 bài hát trong đó có 3 bài theo nhịp điệu Funk-rap, Techno và Dance. Theo sở nguyện của bà thì số tiền thu được sẽ xung vào quỹ của Hiệp Hội Jeanne-Calment và để mua một xe chở khách dành cho các “bằng hữu của bà ở nhà dưỡng lão” đi dạo chơi đây đó !

- Ngày 19.12.95 ở Bordeaux (Tây-Nam nước Pháp), bảy nữ, tám nam từ 20 đến 52 tuổi, thất nghiệp dài hạn kéo nhau vào một tiệm ăn sau một cuộc biểu tình tuần hành rất cổ, hục hơi tranh đấu cho công ăn việc làm. Khi nhà hàng đưa hóa đơn 898,50 quan Pháp ra thu tiền thì các ông tây bà đầm kia lất đầu nguây nguẩy không chịu trả tiền, viện lý do là “để chống đối nạn thất nghiệp”. Chưa ai ngon hơn thế !



Trượt băng 100 cây số trên hồ Amstel ở Hòa-lan

tuyết thư

Nguyễn Hương

*Thư gửi bạn,
viết từ vùng đất tuyết*

Thư gửi bạn, là thư không gửi mà cũng không viết riêng cho ai. Người viết không nhằm một đối tượng riêng tư nào, cha mẹ, anh em, vợ chồng, bè bạn, người thương hay kẻ ghét. Đối tượng của lá thư là người đọc, có thể là một trong những "người nhận" vừa kể, mà cũng có thể là tất cả. Thư từ, nếu không để thăm hỏi (thăm và hỏi) thì cũng để trả lời một lời thăm hỏi, giải thích một vấn đề, trình bày cảm nghĩ của người viết trước một sự vật hay sự việc. Thư gửi bạn chẳng thăm mà cũng không hỏi ai, nhưng cứ gọi là *thư*, vì nó đáp ứng đúng nhu cầu thứ hai: trình bày.

Tháng ba, mùa xuân

Mùa xuân nào đây? Xuân trên tờ lịch hay xuân trong đất trời? Xuân ở bắc bán cầu hay xuân nam bán cầu? Xuân quê nhà hay quê người?

Từ ngày bắt đầu có trí khôn của tuổi thơ, tôi hiểu là mùa xuân bắt đầu từ nguyên đán, buổi sáng đầu tiên sau đêm giao thừa, người lớn gọi là tân niên, đồng nghĩa với tân xuân. Đó là mùa xuân tuổi nhỏ, xuân của quần áo mới, của bánh mứt dưa hành, câu đối đỏ, bánh chưng xanh, của chúc tụng là mừng tuổi, của kỷ niệm, của quê nhà...



Mùa xuân ở đây, Gia Nã Đại, bắc bán cầu, bắt đầu ngày 20 hay 21 tháng ba dương lịch, ngày đêm dài bằng nhau.

Mùa xuân ở Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan và các nước nam bán cầu nơi có hàng trăm ngàn đồng bào tôi sinh sống bắt đầu ngày 22 hay 23 tháng chín dương lịch.

Ở đây, tôi sống như trong cơn miên du, lẫn lộn tình cảm giữa lẽ lộc, hội hè, ngày tháng. Với tôi, đất tuyết chỉ có hai mùa: lạnh và nóng.

Mùa lạnh bắt đầu từ tháng mười, khi trời se sắt gió, lá vàng lá đỏ chín lịm trên cây và rơi đầy trên phố, khi bầu sể nhỏ bắt đầu xù lông, khi đàn ngỗng trời xếp thành những chữ V khổng lồ quang quác đập cánh xuôi Nam. Mùa lạnh bắt đầu khi lũ hoa súng hoa sen được cắt hết lá, lắng xuống đáy hồ sâu hay gói trong bao ni lông, cất vào kho lạnh, chuẩn bị giấc đông miên; khi người ta bắt đầu đập hồ cá, hồ tắm, mặc áo cây nhỏ, trùm bao bố lên những luống hoa. Và mùa lạnh thực sự bắt đầu khi những dây đèn Giáng sinh bắt đầu

cháy sáng trên những khóm cây và những chùm hoa tuyết bắt đầu lững lờ rơi xuống, trùm phủ mái nhà, cây cối, xe cộ, công viên, phố xá. Những con kênh biến thành bãi trượt băng. Mặt hồ biến thành khu hội chợ, mọc lên những gian hàng xanh đỏ, người qua kẻ lại lũ lượt, mặt mày rạng rỡ cười đùa ngay trên những vị trí mà trước đó một tháng họ chỉ có thể tới nơi trên một con thuyền!

Sau lễ Giáng sinh đầy sắc màu và âm nhạc cùng tết dương lịch rộn ràng dưới phố, người Việt ở đây chuẩn bị đón xuân kỷ niệm dưới cái lạnh đông máu, lạnh ngang với ngăn đá trong tủ lạnh.

Sau xuân kỷ niệm là xuân quê người. Trời bắt đầu "ấm" dần, từ cái lạnh ở ngăn làm nước đá chuyển sang cái lạnh ở ngăn để rau. Chỉ cần vậy thôi, là chim chóc đã lảng xảng véo von ca hát trên những cành trấu nặng lộc non, là những cánh chim thiên di đã chuẩn bị trở về, là những đóa ky phù lam đã chuẩn bị đội tuyết trời lên, rủ rẻ theo một đàn nào uất kim hương, nào bồ công anh, nào huệ và

những loài hoa sớm.

Cái rộn rịp của chim và hoa chỉ thực sự đánh thức lòng tôi khi dòng rượu đỏ trên hàn thử biểu dâng lên đến mức 20, tương đương hơi ấm của mùa xuân quê nhà, xuân kỷ niệm và xuân tiềm thức...

Những chiếc nón cối sòn cũ

Ông Nguyễn Tử Đóa ở Louisiana, cựu đại tá Quân nhu, là một người thỉnh thoảng có bài đăng rải rác trên một số báo hải ngoại. Trong tháng qua, tên ông được nhiều báo nhắc tới, không vì đạo đức hay tài năng cá nhân, mà vì một lý do khác.

Tờ V.U. số 16 phát hành tại San Jose, đăng lời ông Đóa nói rằng "Nguyễn Hữu Nghĩa là con của tướng VC Nguyễn Chí Thanh."

Trên một tờ báo khác, V.N.T. Xuân Bính Tý phát hành tại Seattle, ông Đóa trong phần trả lời phỏng vấn, khi được hỏi việc này, ông đáp:

"Nếu trả lời đúng hay sai, thì tôi có thể nói đúng. Đúng là đúng ở chỗ tôi có nghe anh Nguyễn Nhật Tân là bạn cùng khóa với tôi mà là bố vợ hiện tại của anh Nguyễn Hữu Nghĩa đã nói với tôi điều đó. Chúng tôi là chỗ thân tình, thỉnh thoảng cũng trao đổi chuyện trò với nhau. Thực tình mà nói, anh Nguyễn Nhật Tân cũng đã biết tôi là ai và ngược lại; nhưng câu chuyện giữa chúng tôi chỉ là một việc trao đổi thường tình với bạn bè thân quen vậy thôi..."

Ông Đóa ở câu trên, gọi ông Nguyễn Nhật Tân, "*là chỗ thân tình*" và xuống câu dưới lại bảo "*anh Nguyễn Nhật Tân cũng đã biết tôi là ai và ngược lại*" (nghĩa là chỉ... biết nhau). Sở dĩ có sự thay đổi cấp tốc trong dụng ngữ của ông Đóa, vì ông Nguyễn Nhật Tân đã minh xác trên các báo rằng "Tôi xác định là tôi không hề gặp mặt hay nói chuyện với ông Nguyễn Tử Đóa trong 44 năm nay, sau khi tôi và ông ta cùng tốt nghiệp trường Sĩ quan Thủ đức năm 1952."

Như vậy, quả hai ông có biết nhau, chẳng những mới đây mà từ 44 năm trước, khi còn là sinh viên trường Sĩ quan Thủ đức; nhưng sau khi ra trường đường ai nấy đi, đơn vị ai nấy ở, không gặp lại nhau nên cũng chẳng thể "*trao đổi thường tình*" như lời ông Đóa nói. Lẽ ra ông Đóa nên đặt câu ấy vào mồm một người quá cổ nào đó, tử vô đối chứng, không ai cãi được thì khéo hơn!

Không ai trách ông Đóa bày chuyện. Cũng không trách ông Hà Thượng Nhân đã mang lời ông Đóa thuật lại cho đám ba người khác. Trách là trách những kẻ manh tâm đã khai thác bất chính, biến câu chuyện qua lại của các cụ thành một tin nổ trên các tờ báo chợ trong mục đích mưu danh và trục lợi.

Cũng trên tờ V.N.T. cùng ngày, ông Hà Thượng Nhân cho biết:

"Thực ra tôi nghe tin này từ một người bạn là cựu đại tá Nguyễn Tử Đóa. Tôi và ông ta từng quen biết nhau từ vài chục năm qua, chúng tôi vẫn thường liên lạc với nhau, hàn huyên, đôi khi cũng chia sẻ những ưu tư của thời cuộc. Trong một câu chuyện nào đó, ông cho biết chính bố vợ anh Nguyễn Hữu Nghĩa hiện tại (bạn cùng khóa với cựu đại tá Đóa) đã nói với ông như vậy. Thực sự chúng tôi biết là để biết vậy thôi, vì chắc chắn rằng chúng tôi không quá hồ đồ để kết luận ai."

...

Trở lại vấn đề, nếu nói có lỗi thì tôi có lỗi với anh Nguyễn Nhật Tân. Tôi đã nói chuyện này với một người bạn rất thân và rất tin tưởng như một tin tức vậy thôi chứ không cố ý truy chụp người nào. Thế rồi không hiểu tại sao câu chuyện lại lọt ra ngoài, và người ta khai thác theo chiều hướng của mỗi người để biến một tin tức để biết riêng tư thành một câu chuyện công cộng."

Ông Hà Thượng Nhân cho biết ý kiến riêng của ông về chuyện Nguyễn Hữu Nghĩa như sau:

"Tôi nghĩ, nếu anh Nghĩa là con ruột thật của ông Nguyễn Chí Thanh thì điều đó không quan trọng, quan

trọng hay không là ở con người anh Nguyễn Hữu Nghĩa thôi. Như ông Hồ Chí Minh là con của một ông phó bảng, một ông quan, nhưng ông lại theo Cộng sản, cho nên điều đó còn tùy chí hướng mỗi người."

Trong cùng một bài trả lời, ông Nguyễn Tử Đóa cũng góp ý tương tự:

"Theo tôi (con Nguyễn Chí Thanh hay không), điều đó không quan trọng bằng quá trình làm việc và hiện tại của anh ta mà thôi. Chẳng phải bây giờ tôi mới có quan điểm đó, trước đây trong phái đoàn Quân sự của quân đội mình trong Ủy ban Quân sự 2 bên, có anh Phan Nhật Nam có bố ruột là đại tá VC. Quân đội biết rõ, tôi biết rõ, nhưng anh Phan Nhật Nam không hề bị phân biệt vì chúng tôi biết lý tưởng chống Cộng của anh ta, và đã không có điều gì xảy ra trong thời gian anh Phan Nhật Nam công tác với tôi..."

Nguyên Hương tôn trọng ý kiến của các cụ. Người quốc gia khác với cộng sản là, chẳng những không truy lùng lý lịch ba đời mà còn, dang rộng tay đón nhận ngay cả những người bản thân là cán bộ cộng sản trở về với chính nghĩa, chung sức đấu tranh cho dân tộc. Vì chính sách chiêu hồi của VNCH, Cộng sản đã mất hai trăm ngàn cán binh và thân nhân, và ta có thêm hàng trăm ngàn chiến sĩ bên này chiến tuyến, trong đó có đại tá Nguyễn Bé (xuất thân huyện ủy VC, ngang cấp Dương Minh Châu) và nhiều người tài ba khác.

Tôi chỉ lên tiếng về Nguyễn Hữu Nghĩa. Gần một phần tư thế kỷ nay, cuộc đời tôi đã gắn bó với anh từ khi anh bỏ nghề dạy học, tình nguyện nhập ngũ khóa 9/73 trường Bộ binh Thủ đức.

Tôi đã từng sống trong hậu cứ đơn vị của Nguyễn Hữu Nghĩa ở Kiến hòa; từng tự tay tháo ráp, vô đầu mìn, lau chùi vũ khí mỗi khi anh hành quân về; từng theo chân những toán quân tiếp liệu mang lương khô gạo sấy ra tận điểm đóng chiến trường cho anh. Tôi đã đi qua những chiến trường còn ngùn khói, xác chết của cả

hai bên còn ngổn ngang đọng máu.
Tháng 4.1975 khi cả gia đình bố mẹ anh chị em di tản sang Guam, tôi đã chọn ở lại và tìm đủ mọi cách để có mặt bên cạnh anh ngay ngoài chiến tuyến.

Đầu tháng 5.1975, khi đơn vị được lệnh buông súng, anh không chấp nhận đầu hàng, đã từ già đơn vị trưởng, thay thường phục, dẫn tôi và con băng rừng ra tỉnh lỵ rồi về Sài Gòn. Vũ khí của chúng tôi lúc đó chỉ một khẩu súng lục đạn lên nòng giắt trong bụng anh và hai trái lựu đạn trong giỏ thức ăn của tôi. Chúng tôi đồng ý chống trả và tự sát nếu đụng độ VC dọc đường, không để bị bắt làm tù binh.

Sau bốn năm sống chui rúc, trốn lánh tại Sài Gòn, gia đình chúng tôi thoát sang Mỹ lai bằng đường biển và được bố mẹ tôi ông bà Nguyễn Nhật Tân bảo lãnh sang Gia nã đại cuối năm 1979. Mấy tháng sau, 30 tháng 4 năm 1980, với cây đàn ghi ta trên tay, Nguyễn Hữu Nghĩa đã có mặt trong đoàn biểu tình đòi nhân quyền cho Việt nam trước tiền đình Quốc hội Gia nã đại. Anh đã viết bài đánh trả khi Trịnh Công Sơn lên án nữ nhạc sĩ Joan Baez (cựu phản chiến) khi bà này lập mặt trận nhân quyền chống Hà nội.

Vài năm sau, cả Nguyễn Hữu Nghĩa, tôi và vài người nữa bị Hội Người Việt Toronto trục xuất về "tội" đã đòi Hội này phải treo cờ vàng và hát quốc ca.

Tháng 9.1984, chúng tôi bắt đầu xuất bản và điều hành tờ *Làng Văn*. Sau gần 12 năm, 140 số báo đã liên tục ra mắt không gián đoạn kỳ nào và lập trường chính trị của tờ báo vẫn kiên định. Không riêng gì chúng tôi mà hầu hết các cây bút cộng tác đều nhất tâm chống cộng sản cùng các chế độ độc tài, đấu tranh cho tự do dân chủ cho dân tộc Việt nam. Cũng trong bằng ấy thời gian, CSVN đã nhiều lần lên án chúng tôi trên hệ thống báo chí, truyền thanh, truyền hình trong nước, nhất là sau loạt bài chống du lịch Việt nam, vụ chứng minh *Hồ Chí Minh không phải là tác*

giả Ngục Trung Nhật Ký (của Lê Hữu Mục), loạt bài lật mặt trái phong trào phản kháng cuối (1989 1993) và vụ chống UNESCO Tôn vinh Hồ Chí Minh, v.v.

Hầu hết việc gì Nguyễn Hữu Nghĩa làm, tôi đều dự phần góp sức, trừ một việc tôi không làm được là viết nhạc và điều hành Phong trào Hưng Ca, một tổ chức quần chúng chuyên về ca nhạc đấu tranh mà anh làm Phong trào trưởng trong 5 năm và Phong trào Phó trong 2 năm...

Tôi đã quá rườm rà, cốt chỉ để nói lên một điều: chính tôi, Nguyễn Hương, chứ không một ai khác, có đủ tư cách và đủ kiện để nói về Nguyễn Hữu Nghĩa. Tôi đã có mặt bên cạnh anh suốt hai mươi ba năm, chia sẻ toàn bộ công việc. Với anh, tôi vừa là bạn, vừa là vợ, vừa là phụ tá, đôi khi đóng cả vai đồn đốc và giám sát!

Tôi rất ngạc nhiên và lấy làm khó hiểu trong khi người ta tìm kiếm, ca tụng và sẵn sàng theo đuổi những người có bốn, năm mươi tuổi đảng như Bùi Tín, Nguyễn Hộ,... nhưng lại cố tình vùi dập một chiến sĩ mà tuổi đấu tranh đã quá nửa tuổi đời như Nguyễn Hữu Nghĩa, với một sự đóng góp không ai có thể phủ nhận. Đó không phải cung cách của người quốc gia.

Ngôn ngữ và cung cách "qui chụp" ấy không phù hợp với những gì người ta nhân danh. Mớ dụng ngữ của những kẻ dụng tâm khai thác bất chính lời các ông Nguyễn Tử Đóa, Hà Thượng Nhân, mang ra so sánh, lại rất gần gũi với lời lẽ mà báo chí cộng sản trong nước vẫn dùng để công kích Nguyễn Hữu Nghĩa: "*phản động*", "*tội ác gớm ghê*", "*xa lìa tổ quốc*", "*chống lại đồng bào*", v.v.

Xem lại, những người ngăn trở Nguyễn Hữu Nghĩa quyết liệt nhất lại chính là những người vẫn tiếp tục nối dây loa tuyên truyền cho cộng sản về hoà giải hòa hợp dân tộc, về phong trào văn nghệ phản kháng và đối lập cuối. Họ đi lại khắp nơi để vận động các tổ chức người Việt gia nhập "Mặt Trận Tổ Quốc", và phá bỏ các mũi nhọn đấu tranh.

Tôi có quyền đặt dấu hỏi trước một điều mà tôi tin là có âm mưu trọng đại và liên hệ xa gần với nhau. Tôi không tin vì Nguyễn Hữu Nghĩa ủng hộ 6 trung tâm Văn Bút mà bị tấn công. Chuyện giải nhiệm một cá nhân tham quyền cố vị trong một tổ chức, nó quá nhỏ so với bao nhiêu biến cố chính trị đôn dập trên trái đất và trong cộng đồng. Mục đích tối hậu của đối phương là lợi dụng mọi cơ hội để xé nát tất cả các tổ chức đối kháng chế độ kể cả trong lẫn ngoài nước, đồng thời bôi đen toàn thể cán bộ quốc gia, phá vỡ những điểm kết tụ khiến quần chúng hoang mang, lạc lõng và cuối cùng, tê liệt hay tan rã. Không ai tin ai và không ai muốn làm (hay dám làm) gì nữa.

Đối phương đã liên tục thành công với kỹ thuật bẻ dưa từng chiếc từ 1930 và không tốn bao nhiêu công lao để lập đi lập lại một công thức cũ. Nhưng, đến nay đã khác. Quần chúng Việt nam sau quá nhiều bài học tan vỡ, chia lìa trong gần trọn một đời người, đã già dặn trong phán đoán. Hỏa mù, nỏ cối trở thành những chứng tích giúp quần chúng nhận diện chân tướng những kẻ tung ra nó hay cầm nó trên tay! Điều mà quần chúng trông vào là kết quả cụ thể của công việc, là thứ không ai có thể che khuất được!

*
* * *

Cuối tháng ba, xuân vẫn chưa về. Bên kia bờ đại dương, nhà nước rợn rợn chuẩn bị Đại hội đảng, rình rập thanh trừng, phân cách tiêu diệt phe cánh đối phương, mong tranh giành chỗ tốt, củng cố địa vị. Bên này, cộng đồng tị nạn chuẩn bị cho sinh hoạt cuối tháng tư, đánh dấu 21 năm ngày mất nốt phần đất tự do. Như thường lệ, vẫn là diễn thuyết, hội thảo, đêm không ngủ, biểu tình, văn nghệ đấu tranh. Dăm ba nơi gọi tới nhờ. Nguyễn Hữu Nghĩa chuẩn bị lên đường. Tôi thì không. Trận tuyết mùa đông còn để lại dấu băng trên những dặm dài. Tôi khép cửa, chờ đợi những tia nắng đầu xuân... ●

Đầu Xuân Kể Chuyện Cali

Người Cali



Vào cuối năm Con Heo, người viết có góp mặt trên báo xuân *Làng Văn*, với một bài viết tóm tắt các sinh hoạt buồn vui của dân Việt tị nạn ở Cali, nơi có thành phố Little Saigon mà dân ta vẫn ưa gọi là “thủ đô tị nạn”. Tưởng đâu còn lâu lắm mới gặp lại các độc giả *Làng Văn* vì mới đầu năm, có gì đâu mà kể. Thế mà “vậy mà không phải vậy”, chú chuột tuy chút chít mà lại ồn ào hơn Trư Bát Giới nhiều. Chỉ mới mười lăm ngày sau Tết, vậy mà chuyện ở Cali nhiều đêm không xuế, vui có buồn có...

Trước hết là mấy cái hội chợ Xuân. Năm nào quận Cam cũng có hai hội chợ Xuân, một của Tổng Hội Sinh Viên Nam Cali, một của Cộng Đồng Nam Cali. Nhưng năm nay, quận Cam lại có đến... ba hội chợ Xuân! Vậy mới rắc rối và sinh chuyện!

Hội chợ thứ nhất do mấy ông sinh viên tổ chức vào các ngày 17, 18, 19 tháng Hai dương lịch tức là vào các ngày 29, 30 và mùng một Tết, không có gì đáng nói. Sau những ngày cuối năm mưa phùn gió bắc - chuyện hiếm khi xảy ra ở miền Nam Cali - mấy ngày cận Tết thời tiết thật đẹp nên các sinh viên tổ chức hội chợ ở trường Đại học Cộng đồng Rancho Santiago thành công vượt bậc. Tổ chức ngay trong khu Mỹ và Mễ nên hội chợ này ăn cả khách Việt lẫn khách Mỹ, Mễ.

Lễ khai mạc hội chợ Tết diễn ra

vào lúc 11 giờ sáng ngày 17.2.96 với sự hiện diện của rất đông quan khách Việt, Mỹ, đại diện các cơ quan, đoàn thể và đồng bào. Giây phút cảm động nhất là khi lá đại kỳ Việt Nam Cộng Hoà được các sinh viên rước đến cạnh lễ đài. Lá đại kỳ này do ông cựu đại sứ VNCH ở Hoa Thịnh Đốn trao lại cho tập thể sinh viên.

Hội chợ có khoảng 250 gian hàng, hơn phân nửa là các gian hàng bán sách, băng nhạc, triển lãm văn hoá. Những ngày hội chợ của sinh viên trôi qua êm đềm vì không trùng ngày với hội chợ nào khác. Tổng Hội Sinh viên miền Nam Cali tổ chức hội Tết chỉ với mục đích đem lại những ngày xuân vui tươi cho đồng bào thủ đô tị nạn ở quận Cam, lời lỗi gì các sinh viên thanh toán với nhau, đồng bào đi mua vui ít ai thắc mắc.

Nhưng nếu chỉ có vậy thì mùa xuân năm nay ở quận Cam đâu có chi đặc biệt để người viết phải lên nhật trình kể chuyện cho bạn đọc *Làng Văn*?

Số là năm nay, ngoài hội chợ Tết sinh viên, lẽ ra chỉ có thêm hội Tết của Cộng Đồng như mọi năm thì vui vẻ cả làng. Trái lại, không hiểu tại nguyên do gì, năm nay thị xã Westminster, mà mọi người dân đều đoán rằng vì nghe lời ông nghị bún Tony Lâm, lại nhảy ra tổ chức hội chợ Tết ngay trên đường Bolsa, con đường huyết mạch của thủ đô tị nạn. Vậy mới sinh chuyện!

Từ mấy năm nay, sau ngày bị ông bác sĩ Trưởng phòng Thương mại Phạm Đặng Long Cơ quịt 80 ngàn đô-la tiền nợ giữ gìn an ninh cho hội chợ, thị xã Westminster vẫn cấm cộng đồng Việt tổ chức hội chợ trên đường Bolsa với lý do “làm rối loạn lưu thông” và “cản trở sự làm ăn buôn bán của các cửa tiệm” trên con đường này. Vậy mà năm nay thị xã lại nhe tổ chức ngay trên con đường họ cấm đó, và cũng cùng ngày với hội chợ Tết Cộng Đồng!

Tổ chức ở đường Bolsa thì tất nhiên khách phải đông hơn vì nó gần nhà, rộng rãi; an ninh hơn nhờ thị xã có cảnh sát canh giữ. Cộng đồng tổ chức hội chợ ở Garden Grove năm ngoái thành công to vì một mình một chợ, năm nay phải tranh đua với hội chợ của Westminster, khách khứa sẽ bị chia, mất đi nhiều là cái chắc. Thế là sóng gió nổi lên.

Ông Chủ tịch Cộng đồng Bùi Bình Bân bèn lên đài truyền thanh, viết thư ngỏ gửi đồng bào, xúi dân chúng đi kiện... thị xã về việc tổ chức hội chợ làm thiệt hại cho sự buôn bán của dân Mít ta trên đường Bolsa, đúng y bon như cái lý-do mà thị-xã nài ra trong lệnh cấm.

Phe thị xã Westminster có ông nghị Tony, ông Võ Tá Chúc của Phòng Thương Mại, bà Phùng Tuệ Châu - người đàn bà ồn nhất quận Cam.

Phe ông Bùi Bình Bân thì có đông

đủ họ hàng bà con và “chuyên viên” ăn nói (nhờ vậy mới trúng cử chủ tịch Cộng Đồng chứ). Tối nào hai phe cũng đem nhau lên đài phát thanh *Sống Trên Đất Mỹ* cãi um sùm.

Cãi qua cãi lại, hai phe kéo nhau ra toà. Nhưng... như các cụ ta đã nói, “miệng người sang có gang có thép”, ông Cộng Đồng dù có hai luật sư Trần Thái Văn và Nguyễn Quốc Lân đại diện, cũng phải thua phe ông Tony vì ông này đại diện cho thị xã Westminster, nơi Cộng Đồng đang ăn nhờ ở đậu.

Thế là vào các ngày 5, 6, 7 tháng giêng năm Bính Tý, quận Cam sẽ có hai hội chợ, một ở ngay đường Bolsa, Westminster; một ở Garden Grove. Hai nơi, nhiều quá, tiền lời sẽ bị chia là cái chắc. Nhưng nếu chỉ có thế thì cũng chưa có gì đáng nói! Dân Việt tị nạn ở quận Cam đâu có “hiền hoà” như vậy.

Trước ngày 21.2.96, ngày mà toà án Santa Ana bật đèn xanh cho hội chợ của thị xã, quán bún của ông nghị Tony bị đốt vào lúc nửa đêm, may nhờ có người ở quán đậu phụ Thanh Sơn gần đó trông thấy, đập tắt kịp thời nên ông nghị vẫn còn quán để bán bún.

Rồi vào lúc 9 giờ 20 đêm 18.2.96, nhà in Việt Nam lớn nhất quận Cam cũng bị đốt cháy. Nhà in Westminster Press, trụ sở chính tại 14771 Moran Street của ông Thoại Tăng bị đốt đúng vào đêm giao thừa, theo nhật báo *Register* thì thiệt hại khoảng hai trăm ngàn đô-la. Nhưng theo ông Thoại Tăng thì sự thiệt hại lên tới một triệu mỹ kim. Tuy nhiên ông có bảo hiểm đến hai triệu nên không có gì đáng lo. Ông có ba kho giấy, chỉ mỗi một kho bị đốt nên ông vẫn còn đủ giấy để in báo cho dân ta như thường.

Cả hai hội chợ Tết đều bắt đầu vào mồng năm nên hai phe có dư thì giờ tố nhau nhiều hơn nữa. Phe ông Tony gợi ý với chính quyền là chính phe tổ chức hội chợ Tết Cộng Đồng đã âm mưu đốt quán bún của ông và nhà in Westminster Press.

Phe ông Bân thì tố cáo ông Tony ngấm máu phun người, khiến ngay

đầu năm ông Chủ tịch Cộng đồng bị FBI đến điều tra, làm khó dễ. Cãi nhau mãi rồi cũng đến ngày mồng năm tháng giêng năm Bính Tý, ngày khai mạc hội chợ của hai bên.

Sau ba ngày hội chợ Tết sinh viên, trời lại mưa, lạnh đến mồng năm, tức ngày 24.2.96 mới quang-quẻ. Đó cũng là ngày “đại hội đồng” của ông cựu chủ tịch Văn Bút Viên Linh, mượn phòng họp của cộng-đồng. Máy chữ “đại-hội-đồng” bị nhét vô ngoặc kép, vì nó không chính-danh. Đại-Hội-đồng, tức Hội-đồng đại-biểu thì phải gồm đại-biểu của các trung-tâm về dự. Đảng này hội-đồng của ông Viên Linh không có lấy một mống đại-biểu! Tất cả 30 đại-biểu của 6 trung-tâm kéo hết xuống Houston họp, báo hại ông Viên Linh phải họp “đại-hội” với các hội-viên thường và cả với những người ngoài Hội, chưa từng ghi tên gia-nhập hay đóng niên-liễm! Cả ông Viên Linh, xuống chức chủ-tịch từ năm ngoái, chẳng hiểu năm nay lấy tư-cách gì để triệu-tập “đại-hội”.

Khỏi cần nói bạn đọc cũng biết trước những người được mời đến tham dự “đại-hội” gồm những ai. Mượn trụ sở của Cộng Đồng thì phải mời mấy ông trong cộng đồng chứ. Có khoảng chừng 80 người đến dự. Theo chương trình thì “đại-hội” khai mạc vào lúc 9 giờ 30 sáng nhưng... kiểm mãi không ra cờ Mỹ nên đến 10 giờ 30 mới bắt đầu. Có chào nhưng không có cờ, ta hát quốc ca Mỹ cho nhau nghe vậy!

Sau đó là màn giới thiệu quan khách. “Đại Hội Văn Bút” mà quan khách danh dự lại toàn là những ông không chẳng ăn nhằm chi đến... văn chương chữ nghĩa cả, như hai ông cựu đại tá thời Cộng-hoà, ông giáo sư Lưu Trung Khảo, nhạc sĩ Thu Hồ, nhạc sĩ Phạm Duy, nhạc sĩ Nguyễn Hiền. “Đại Hội Văn Bút” chứ đâu phải Đại Hội nhạc-sĩ mà ông Viên Linh cứ trân trọng giới thiệu mấy ông nhạc sĩ hoài khiến quan khách vỗ tay mà ngơ ngác!

Mấy nhân vật trong cộng đồng đều có mặt, chỉ trừ ông Chủ tịch Bùi

Bình Bân đã phải cùng bà vợ ra Hội Chợ thu tiền vào cửa nên không đến giúp vui được.

Cách đây ít lâu, ông Viên Linh có gởi cho tất cả các báo một bức thư ngỏ, rằng “Đại Hội” sẽ được tổ chức trong hai ngày: ngày đầu sửa lại nội qui để “trả Văn Bút lại cho các nhà văn”, các nhà văn sẽ được quyền ứng cử và bầu cử. Ngày hôm sau sẽ áp dụng ngay nội qui mới để bầu chủ tịch Văn Bút. Nhưng đến ngày tổ chức “Đại Hội”, gom được vài chục quan-khách tới dự thì ông Viên Linh chơi bài tình lờ, giả vờ quên mất chuyện “trả Văn Bút cho các nhà văn”. Ông chỉ giới thiệu quan khách lên nói chuyện trời trăng mây nước, xong mời quan khách xuống ăn miếng bánh chưng và *food to go* lấy thảo, rồi mời quan khách ...ra về cho “Văn Bút” của ông họp kín, bầu kín, làm y chang những chuyện mà mới tháng trước ông ra thư ngỏ để chửi!

Đến dự “Văn Bút” của ông Viên Linh kỳ này có bốn trung tâm tân lập, mỗi nơi vài người; và vài mạng xưng là người của Trung tâm Tây Nam Hoa kỳ (Trung-tâm này đã trở lại tên cũ là Trung-tâm Nam California do ông Cao Xuân Huy lãnh-đạo, bà Cao My Nhân làm Tổng Thư-ký, đã bay hết sang Houston họp với 6 trung-tâm khác).

Vừa đọc diễn lại vừa chỉ có sự tham dự của các trung tâm tân lập do ông... lập nên kết quả không cần phải kiểm cũng biết là Viên Linh “đắc cử về vang” chăm phần chăm, hơn cả...chủ-tịch Đỗ Mười. Phòng hội có 28 người, hầu hết không phải hội-viên Văn Bút, ông hốt đủ 28 phiếu!

Buổi sáng hôm đó, trong buổi họp có quan khách tham dự, ông Viên Linh gởi ra một lá thư nói rằng đó là thư chúc mừng của ông Alexandre Blokh, Tổng Thư-ký Văn Bút quốc tế, chúc ông thành công trong ngày Đại Hội. Tin “chúc mừng” này cũng được báo của ông bà Nhã Ca, Trần Dạ Từ đăng rùm beng. Sau khi bầu xong, mới hay rằng đó chỉ là thư của Văn Bút quốc tế đề nghị, nếu cần, Văn Bút VNHN cứ chia làm hai nhánh, một ở

Cali và một ở Paris!

Về vụ chia đôi, ông Viên Linh biết khó ăn được chức chủ tịch Văn Bút VNNH thứ thiệt nên vui vẻ nhận lời ngay và đến ngày 26.2.1996, ông vội vàng họp báo tuyên bố ông đã nhận lời đề nghị của Văn Bút quốc tế, từ nay ông sẽ là chủ tịch Văn Bút Việt-nam chi nhánh Cali mà thôi. Theo tuần báo *Dân chúng* của Nguyễn Sa thì “thà có còn hơn không” nên ông Viên Linh đã vội vàng chấp thuận đề nghị của ông Tổng Thư ký Văn Bút quốc tế mà không nghĩ gì đến danh dự của các nhà văn tị nạn Việt Nam.

Nhà thơ Nguyễn Sa, trong tuần báo *Dân chúng* số ra 182 ra ngày thứ năm 29.2.1996 viết rằng, mặc dù trước đây ông Viên Linh viết thư đi khắp nơi đòi “trả Văn Bút lại cho nhà văn” nhưng trong “Đại Hội” do ông tổ chức, ông đã không trả Văn Bút cho nhà văn gì cả, cũng không thấy ai được quyền bầu cử và ứng cử! Quyền ứng cử chỉ dành cho một liên danh Viên Linh, còn quyền bầu cử dành cho các trung tâm tân lập. Nhà thơ Nguyễn Sa có đến nói chuyện vào sáng 24.2.1996 trong “Đại Hội” của Viên Linh, có lẽ vì tin lời ông này là hứa sẽ trả Văn Bút lại cho các nhà văn!

Vì sự thất hứa đó nên “Đại Hội” Viên Linh, dự trù diễn ra trong hai ngày 24 và 25 thì chỉ diễn ra có mấy tiếng đồng hồ là bế mạc. Từ 10 giờ 30 sáng, quan khách nói chuyện và ăn trưa, đến 2 giờ, sau đó các trung tâm tân lập bầu ông chủ tịch, đến 4 giờ chiều đã cửa đóng, đèn tắt... và ông Chủ tịch “Văn Bút VNNH” trở thành ông Chủ tịch chi nhánh Cali!

Sau đó, phe Viên Linh cho hay lá thư ngỏ đòi “trả Văn Bút cho các nhà văn” - lá thư đã từng gây phẫn khởi cho một vài người khiến họ lên tiếng ủng hộ Viên Linh - chỉ áp dụng cho kỳ bầu cử... sau, nghĩa là ba năm nữa chứ không phải áp dụng ngay; ai hiểu “áp-dụng ngay” là hiểu lầm, ý ông Viên Linh không nói như vậy.

Ừa, sao cái ông chủ tịch Văn Bút Âu Lạc này cứ bị thiên hạ “hiểu lầm” hoài vậy ta? Lần họp trước, Viên Linh

nói ông bị hiểu lầm khi ông hẹn các hội viên Văn Bút 12 giờ trưa đến trụ sở Văn Bút họp. Thật ra lúc đó ông chỉ có ý mời hội viên đến đó để xem địa điểm và giờ họp chứ không phải để họp. Lần này ông cũng cho biết ông bị hiểu lầm vì khi cầm bút viết câu “trả Văn Bút lại cho các nhà văn”, ý ông muốn nói là ông chỉ trả lại sau khi đã mãn nhiệm kỳ ba năm nữa chứ không phải trả lại ngay bây giờ! Ông ni rắc rối thiệt, hèn chi “Đại Hội Văn Bút” của ông chỉ có một vài tờ báo chợ nghe nói có ăn trưa nên kéo đến dự.

Sở dĩ lần này báo chợ không ủng hộ ông nhiều như lần họp tháng 11.1995 vì ông... được “người nhà” của ông thương ông quá sức! Một bà trong một trung tâm tân lập đã không ngại gió tanh mưa máu, viết thư như mụ điên gửi đi khắp nơi nhưng chẳng được báo nào, dù báo biểu đang đói bài, đăng cho vì bà này đánh lung tung, kiểu “hiệp sĩ mù nghe gió kiêu”. Văn thơ bà viết dầy dổ thiên hạ mà cứ như văn chương cải lương Hồ Quảng, đại khái: “Ta... đầu đội nón hoa, chân đi giày cao gót, tay cầm bút mực, bút máy, bút chì...” (*Thư gửi Hà Huyền Chi*).

Thư bà không báo nào đăng nhưng được thiên hạ chuyền tay nhau đọc để cười vui ba ngày Tết. Ấy vậy mà nhờ công lao hăn mã đó mà bà được ông “chủ tịch” tấn phong làm Chủ-tịch Ủy ban các nhà văn nữ. Chua chua ời, một bà điên “mua danh không bằng tác phẩm” (chữ của ông chủ-tịch) mà làm Chủ-tịch Ủy ban, không biết có bà nhà văn nữ vào dăm muối mặt chui vô làm “ký lại” hay không!

Một “người thương” khác của ông Viên Linh cũng viết thư đi khắp nơi. Thư ông này được vài báo bờ-bịch đăng cho, nhưng đăng xong, chẳng anh nào dám mang báo về nhà vì văn của ông, sợ con nít đọc xong trở thành “mất dạy” hết thì khổ! Tuy nhiên ông này cũng nhờ mấy cái thư lem-nhem đó nên dù trước đây không có tên trong liên danh tranh cử của ông Viên Linh, giờ cũng được cấp

cho chức “phó chủ tịch”. Bốn mươi năm làm báo, câu khoe khoang nhật tụng của ông này, giờ được ông chủ tịch Âu Lạc cho làm tới chức phó, kể cũng... lời chán! Có điều trước đây ông ta viết nhật-trình, chữ Văn Bút là chỗ tụ-hợp của bọn “đĩ điểm gian tà” nay ông lại chui vô đó, thiệt là khó hiểu!

Người viết ở Cali nên chỉ viết chuyện Cali, chuyện ở các tiểu bang khác không dám đề cập. Tuy nhiên tuần báo *Thời luận* ở Cali ra ngày 2.3.1996 đăng tin Đại hội Văn Bút VNNH thứ thiệt ở Houston đã họp với 6 trung tâm chính-thức và 1 trung-tâm tân-lập, và ông Sơn Tùng đắc cử với 26 phiếu thuận, 2 phiếu trắng và 1 phiếu chống. Đại Hội Văn Bút này được ông Thị trưởng Houston chào mừng với tờ Proclamation ký ngày 22.2.96.

Trái với lời nhà thơ Nguyễn Sa viết rằng ông Sơn Tùng cũng chấp thuận là “nhánh Paris” của Văn Bút VN Hải Ngoại, nguồn tin chính thức cho hay là giáo sư Nguyễn Mạnh Bích đã gửi thư cho Văn Bút Quốc tế, xác định rằng Văn Bút Việt nam Hải ngoại chỉ có một chứ không thể chia hai. Sở dĩ có vụ bầu cử ở hai nơi khác nhau vì ông cựu chủ tịch Viên Linh không chịu bỏ chức khi đã mãn nhiệm và sự xích mích nếu có thì chỉ có giữa cá nhân hội-viên Viên Linh và 6 Trung Tâm Văn Bút cũ mà thôi.

Ui chu choa, mới đầu năm, dù bầu trời Cali trong xanh, đường phố Cali đầy hoa, người về quê hương ngục tù ăn Tết chưa trở lại, nhưng người xa xứ đã lật lọng với chính những lời mình viết ra... như thế này thì đến khi nào chúng ta mới có được một ngày về trong vinh quang, danh dự? Đã xong đâu, các báo Mỹ-Việt ở Cali đều đăng ngay trang nhất là vào ngày 20.2.96, tức mùng hai Tết, cảnh sát, FBI và sở thuế liên bang San Jose đã càn quét băng đảng Việt Nam chuyên ăn hàng các hãng điện tử tại Bắc Cali mà vùng hoạt động chính là San Jose. Chiến dịch được đặt tên là West Chips hay Chips Đông Chips Tây. Đa số thành viên của 4 băng đảng chính

này là người Việt Nam. Họ hoạt động gần như liên tiếp suốt ba năm qua, gây kinh hoàng cho gần 400 hãng điện tử lớn nhỏ tại thung lũng Silicone. Giới hữu trách đã bắt giữ gần 100 người trong năm qua. Chỉ nội trong ba ngày Tết năm nay họ đã bắt được 43 người. Cảnh sát cho biết Trần Ngọc Thạch, 28 tuổi, đứng đầu một nhóm gồm toàn anh em và bạn bè, trong một năm đã gọi vào ngân hàng đến 2 triệu 400 ngàn mỹ kim. Các đài truyền thanh và truyền hình Mỹ đều phỏng vấn các ông trong cộng đồng Việt về vụ bắt cướp này. Phóng viên đài ABC còn các cơ hỏi: "Quý vị vui thích hay không khi biết được tin này?" Hỏi chi mà lãng xẹt! Bất được cướp tất nhiên ai cũng happy, nhưng cướp toàn người Việt Nam không thì làm sao vui cho nổi! Bộ đài này muốn dân Việt Nam cứ đi ăn cướp rồi không bị bắt hay sao?

Mới đầu năm, quý bạn đọc chuyện Cali chắc đã chóng mặt! Người viết cảm thấy thật buồn. Miền Nam Cali, thời tiết hiền hoà ấm áp, dân địa phương lại không mấy kỳ thị vì toàn là người tứ xứ đổ về lập nghiệp, vậy mà người viết không dám mời quý vị ở các tiểu bang xa xôi đổ về Cali định cư. Cali hết là miền đất hứa rồi. Trộm cướp, băng đảng, tranh giành phe phái đã làm cho dân ta không còn được dân bản xứ thương mến như những ngày đầu mới đến nữa. Little Saigon là thủ đô tị nạn thật, nhưng vì là thủ đô nên... tốt xấu chi cũng đều có đủ, buồn thay!

Đầu năm, người viết chỉ còn biết chúc quý bạn đọc một năm mới an khang thịnh vượng, đừng mơ về miền Cali nắng ấm làm chi. Cali đi dễ khó về lắm các bạn ạ. Khó về không phải vì ngăn sông cách núi mà khó về vì Cali có quá nhiều tội ác và những kẻ gian dối hai lòng...

Thư Ngỏ

**của Ban Chấp-Hành Văn Bút VN Hải-Ngoại
Kính Gửi Quý Văn-Hữu và Thân-Hữu**

Thưa quý văn hữu và các bạn,

Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V khoá 2 ngày 24 và 25.2.1996 tại Houston đã thành công rực rỡ nhờ sự sáng suốt, đoàn kết, nỗ lực của đại đa số hội viên Văn Bút, và nhờ sự yểm trợ của các văn hữu và công luận ngoài Văn Bút.

Đại Hội Đồng gồm các phái đoàn từ các Trung Tâm đang chính thức hoạt động của Văn Bút VNHN đã cùng nhau làm việc tích cực để hoàn tất nhiệm vụ trong tinh thần dân chủ và tình thân hữu đậm đà.

Thay mặt Ban Chấp Hành Văn Bút VNHN nhiệm kỳ 1995-1998, tôi thành kính gửi lời chào và cảm tạ tất cả văn hữu và thân hữu.

Như các anh chị đều rõ, chúng ta đang ở trong một cơn thử thách. Thử thách không lớn, nhưng cũng đòi hỏi khả năng nhận định, sự can đảm và khí phách. Nhận định phải trái, can đảm đứng về phía lẽ phải, và khí phách để bảo vệ niềm tin Chân Thiện.

Bây giờ là lúc để cùng nhau làm việc.

Để thực hiện những mục tiêu của Văn Bút Quốc Tế mà Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một hội viên, chúng tôi không có phương tiện nào khác ngoài thiện chí và sự chấp nhận hy sinh. Chính thiện chí và sự chấp nhận hy sinh đã thúc đẩy chúng tôi đứng ra làm việc. Chúng tôi mong được sự cảm thông và tiếp tay của mọi tấm lòng còn thiết tha đến văn học Việt Nam, đến cuộc đấu tranh cho quyền tự do phát biểu và bảo vệ các công trình sáng tác của văn nghệ sĩ.

Muốn tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ, trước hết chúng ta cần thấm nhuần tinh thần dân chủ và tôn trọng lẽ sống hoạt dân chủ. Đó là khởi nguyên của chính nghĩa, của đoàn kết và sức mạnh.

Trong tinh thần ấy, Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN họp tại Houston đã thảo luận và biểu quyết sửa đổi những điều cần tu chỉnh trong Bản Điều Lệ, đã thành lập Hội Đồng Chủ Tịch để trợ giúp Ban Chấp Hành, và lập Hội Đồng Cố Vấn để mở rộng Văn Bút, tiếp thu ý kiến của những bậc huynh trưởng. Đại Hội Đồng cũng đã khuyến khích việc thành lập các tổ chức thân hữu để tìm phương tiện trợ giúp Văn Bút thực hiện những chương trình nhằm thúc đẩy việc sáng tác văn học và thưởng ngoạn văn học trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Để đưa tất cả các quyết định trên đây thành hiện thực không phải là việc nhỏ và không dễ. Nó cần sự chung sức của hội viên Văn Bút và của cả những văn hữu, thân hữu không phải hội viên Văn Bút.

Tuy nhiên, nhờ sự sáng suốt, đồng thuận, đoàn kết và nỗ lực mà Đại Hội Houston gặt hái được thành công rực rỡ. Ưu điểm và kinh nghiệm ấy sẽ được duy trì, phát huy để đem lại sự thành công cho chương trình làm việc mà Ban Chấp Hành đã đưa ra và Đại Hội Đồng đã chấp thuận.

Trong thời gian tới đây, chúng tôi sẽ cố gắng đến từng Trung Tâm để cùng nhau sinh hoạt, tiếp xúc với các văn hữu và thân hữu để tạo sự cảm thông, đồng thuận và cùng nhau làm việc cho mục đích chung mà trách nhiệm trực tiếp của chúng ta trong khuôn khổ Văn Bút Quốc Tế là tranh đấu cho tự do và nhân quyền của đồng bào trong nước, trong đó có quyền tự do sáng tác của các văn nghệ sĩ.

Kính chào quý văn hữu và các bạn với lời vấn an chân thành nhất.

Virginia, ngày 5.3.1996

Sơn Tùng
(Chủ-tịch)

Nhìn Lại Một Chặng Đường

Sơn Tùng



Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V khoá 2 tại Houston đã kết thúc. Một chặng đường đã đi qua, kể từ khi sóng gió nổi lên tại Đại hội ở Nam Cali vào cuối tháng 11.1995.

Trong thời gian vừa đúng 3 tháng, nhiều cơn gió chướng từ khắp phía thổi vào khiến nhiều người tưởng "con tàu Văn Bút" kỳ này sẽ tan rã. Nhưng, như một sự nhiệm mầu, Đại hội ở Houston đã cho thấy một sự thực làm ngạc nhiên nhiều người: Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vững mạnh hơn bao giờ.

Sáu Trung tâm tham dự Đại hội ở Nam Cali 3 tháng trước đã có mặt đầy đủ tại Houston, với những phái đoàn đông đảo hơn, với tình văn hữu đậm đà hơn, với quyết tâm mạnh mẽ hơn. Trước nguy cơ đe dọa Văn Bút, văn hữu đã trở thành "chiến hữu" để cùng đứng lên siết chặt hàng ngũ bảo vệ tổ chức, bảo vệ lý tưởng.

Mỗi Trung tâm là một đơn vị kết hợp thành đại thể Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, vì Văn Bút VNHN được tổ chức theo hình thức liên trung tâm, trải dài trên ba lục địa: Bắc Mỹ, Âu châu, Úc châu.

Trong 8 Trung tâm chính thức của Văn Bút VNHN, 6 Trung tâm đã kết thành khối đa số vững chắc để đưa tổ chức ra khỏi cơn nghiêng ngửa. Chỉ có 2 Trung tâm không tham dự Đại hội kỳ trước, kỳ này cũng án binh bất động... chờ thời.

Trong 6 Trung tâm (Âu châu, Miền Đông Hoa kỳ, Miền Nam Hoa kỳ, Bắc Cali, Nam Cali, Ontario), có thể nói Trung tâm Nam Cali là đơn vị ở tuyến đầu và đã chịu nhiều thử thách nhất. Ba tháng trước, văn hữu Cao My Nhân và Ngọc Anh đã sáng suốt và can đảm đứng vào Đại Hội Đồng để sau đó chịu tất cả những mũi tấn công thù nghịch nhắm vào mình ngay tại địa phương và ngay trong nội bộ.

Một nhóm người đã nhân danh "Văn Bút" để hành động theo phương cách những kẻ thù của Văn Bút: vu khống và bạo lực. Chị Cao My Nhân bị "trục xuất" ra khỏi ban chấp hành Trung tâm Tây Nam Hoa kỳ, không bằng lá phiếu của đa số mà bằng luật rừng của vây cánh thiểu số. Chị Ngọc Anh bị người gác cửa áp giải ra khỏi phòng họp để bịt mồm. Nhưng, những hành động khủng bố của những kẻ mà trí não trì trệ không đàn áp được những người cầm bút chân chính, khát khao sự thật và tôn trọng lẽ phải. Trái lại, đã thúc đẩy hội viên Văn Bút Trung tâm Nam Cali (tức Tây Nam Hoa kỳ) đứng lên giành lại quyền quyết định theo sinh hoạt dân chủ. Nhà văn Cao Xuân Huy được bầu làm chủ tịch và đưa Trung tâm Nam Cali trở lại với đại gia đình Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Đây là một thắng lợi lớn của chính nghĩa mà công đầu là của văn hữu Cao My

Nhân và văn hữu Ngọc Anh.

Nhưng, ngoài Trung tâm Nam Cali, các Trung tâm khác cũng đồng loạt bị tấn công bằng hai thứ khí giới của loại người không nắm lẽ phải trong tay: lừa bịp và lăng mạ. Báo lá cải, truyền đơn, thư rơi nặc danh, điện thoại... đều được sử dụng tối đa.

Đây là cơ hội để những tiếng vo ve nổi lên cùng khắp. Từ những người già mà cả cuộc đời "làm báo" chỉ là phỉ báng để kiếm tiền đến những kẻ mới cầm bút đã muốn "nổi danh" tất bằng cách vấy bùn lên những người có tên tuổi nhờ làm việc tề chỉnh. Phải kể cả những kẻ tiểu tâm coi đây là cơ hội ngàn năm một thuở để ra mặt trả những mối thù hoang tưởng.

Bị tấn công nặng nhất là anh Nguyễn Hữu Nghĩa và chị Nguyễn Hương, hai người bị vu khống là chủ động, giật giây, chi phối "phe đảo chánh, ly khai".

Tội của họ: nhiệt tình, lo lắng cho Văn Bút, không quản hao tâm tốn của. Họ còn một tội nữa là đã thành công trong nghề báo và xuất bản khiến nhiều kẻ ganh ghét, tị hiềm.

Những kẻ trời không ban cho cái óc lớn hơn quả chanh, không cho con tim bất được những rung cảm cao quý... làm sao có thể hiểu được trên đời này lại có người xông vào làm những việc gian nan mà không vì danh vì lợi?

Văn hữu tại các Trung tâm, trái

lại, đã đồng cảm và hiểu rõ nhau, nên mọi sự vụ khống, bôi lọ, phỉ báng đều vô hiệu, và chỉ khiến những tác giả của chúng phơi bày mặt thật.

Xin những ai từng hăm hở tham gia chiến dịch vụ khống và lăng mạ hãy chỉ cho tôi một lãnh tụ nào trong số hơn hai triệu người Việt ở hải ngoại có thể “giật dây, lèo lái, điều động” được một tập thể nằm trải dài trên ba lục địa đồng tâm cộng lực hành động như đã xảy ra trong Văn Bút VNHN ba tháng vừa qua?

Sự thực là không có cá nhân nào đã làm nổi việc ấy, nhưng chính là niềm tin vào chính nghĩa sáng ngời đã quy tụ và dẫn dắt mọi người cùng sánh vai đi theo một con đường.

Nhà văn Duy Lam sau khi chứng kiến phiên họp hỗn loạn tại Đêm Màu Hồng chiều ngày 25.11.95 đã sáng suốt và dũng cảm mở đường cho Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN hành động để cứu nguy tổ chức.

Sử gia Phạm Kim Vinh, một người rất “sợ” các hội đoàn, đã không ngần ngại mở cửa và mở rộng lòng cho Đại Hội Đồng Văn Bút họp tại nhà ông trưa ngày 26.11.95.

Văn hữu Trần Hồng Văn, chủ tịch Trung tâm Nam Hoa kỳ, sau khi ký tên vào “biên bản Đại Hội Đồng không đủ túc số”, đã nhìn rõ sự thực và quyết định cùng các văn hữu thuộc Trung tâm Nam Hoa kỳ hợp tác với Trung tâm Ontario tổ chức Đại hội kỳ V khoá 2 tại Houston rất thành công.

Nhà thơ Tuệ Nga, một nữ Phật tử đạo hạnh, đã không bị lung lay vì bao nhiêu áp lực, lừa dối và phỉ báng, vẫn cương quyết đứng trong liên danh ứng cử và tới tham dự Đại hội Văn Bút tại Houston.

Nhạc sĩ đấu tranh và bà Huỳnh Công Ánh, chủ nhân cơ sở Fukim tại Houston, dù không phải hội viên Văn Bút, cũng đã hào hiệp cho Đại hội sử dụng các phương tiện tuyệt hảo của Fukim để tổ chức các phiên họp và tiếp tân, bất chấp những áp lực phá hoại.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, người mà luật sư Trần Thanh Hiệp - cựu Chủ tịch Văn Bút VNHN - cho rằng không

ai xứng đáng hơn để lãnh đạo Văn Bút VNHN vào thế kỷ 21, cũng đã bất chấp mọi áp lực, tới dự Đại hội, thuyết trình và nhận lời tham dự Hội đồng Cố vấn vừa được thành lập.

Văn hữu An Phong Nguyễn Văn Diễm, Trung tâm Nam Hoa kỳ, sau khi nhìn thấy sự thật bằng chính mắt mình tại Đại hội Đêm Màu Hồng, đã quyết định dứt khoát đứng về phía Đại Hội Đồng và góp công lớn vào sự thành công của Đại hội ở Houston.

Giáo sư Nguyễn Mạnh Bích đã làm tròn nhiệm vụ chủ tịch ban chấp hành lâm thời một cách can đảm, khôn ngoan.

Nhà báo Từ Nguyên, quyền chủ tịch Trung tâm Âu châu, dù bị tấn kích mù mịt vẫn gan góc giữ vững trận địa và cầm đầu phái đoàn đầy đủ 5 người của Trung tâm tham dự Đại Hội Đồng mà kinh nghiệm của anh là những đóng góp vô giá.

Các văn hữu Nguyễn Nghĩa, Phạm Quang Trình, Vũ Quang Trân, Trương Sĩ Lương... đã làm việc hết sức tích cực để bảo đảm mọi con đường đều dẫn tới... Houston.

Còn bao nhiêu người khác nữa, đã bỏ tiền túi bỏ thì giờ tới dự Đại hội Văn Bút ở Houston mà không vì một lợi danh nào cả, ngoài niềm tin vào lẽ phải và quyết tâm bảo vệ Văn Bút.

Riêng cá nhân tôi, nhận ra ứng cử chủ tịch ban chấp hành và đã được Đại Hội Đồng tín nhiệm, ý thức rất rõ tâm tình và niềm tin của các văn hữu đặt vào mình. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng là một trách nhiệm vinh dự.

Dĩ nhiên tôi cũng là mục tiêu của nhiều sự vụ khống và lăng mạ, nhưng tôi tin ở sự sáng suốt và lương tri của những người cầm bút chân chính, dù ở trong hay ở ngoài Văn Bút.

Từ Houston về được vài ngày, tôi nhận được điện thoại của nhà báo Ngọc Bích từ California gọi. Mới chỉ gặp nhau một lần tại Đại hội Văn Bút kỳ V ở Đêm Màu Hồng ba tháng trước, nhưng chị nói chuyện rất thân tình. Ngọc Bích cho biết chị giữ một lập trường rất khách quan trước cơn khủng hoảng nội bộ Văn Bút và kể

cho tôi nghe những sự thật mà chị đã thấy. Một trong những sự thật ấy là trong một cuộc họp báo ở San Jose, một người bạn của tôi đã đứng lên bênh vực tôi khi tôi bị phỉ báng vắng mặt.

Người ấy là ký giả Tô Ngọc, nguyên Tổng thư ký Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam tại Sài Gòn trước 30.4.75. Anh Tô Ngọc bị đi cải tạo 13 năm và sang Mỹ định cư được vài năm nay.

Theo lời chị Ngọc Bích, khi một người nào đó đưa ra những lời phỉ báng tôi, anh Tô Ngọc đã đứng dậy, nói: “Sơn Tùng là một người bạn lâu năm của tôi. Tôi không can dự vào những hoạt động của anh ấy hiện nay, nhưng tôi yêu cầu quý vị ngưng nói xấu người ấy trước mặt tôi. Bằng không, tôi xin ra khỏi phòng này”.

Nhà báo Ngọc Bích nói rằng chị tự thấy có bổn phận phải cho tôi biết sự việc trên đây. Chị ca ngợi thái độ đường hoàng của anh Tô Ngọc và khen tôi có một người bạn thật tốt. Chị cũng khuyên tôi nên gọi điện thoại ngay để cảm ơn Tô Ngọc vì trên đời này không có nhiều người bạn như vậy đâu.

Tôi rất xúc động, nhưng cho đến nay chưa gọi cho anh Tô Ngọc. Anh đã hành động đúng như một người bạn mà chúng tôi đã tin tưởng, kính trọng lẫn nhau.

Hành động của anh không có gì là ghê gớm, vì vậy anh cũng không cần cho tôi biết, nhưng nó khẳng định một xác tín trong tôi: vẫn còn có những con người minh chính trong giới cầm bút người Việt ở hải ngoại, dù biết bao điều tồi tệ, sa đọa đã và đang diễn ra.

Niềm tin ấy là chất nhiên liệu dùng để đốt cái động cơ thúc đẩy mọi hành động của tôi mà tôi muốn cùng chia sẻ với các văn hữu đang cùng đi chung một cuộc hành trình cho phẩm giá và tự do của mọi người dân Việt Nam, trong đó có những người cầm bút.

Đoạn đường chúng ta vừa đi qua là một bảo đảm cho việc đi tới đích.

tin văn xứ người

Nguyễn Nhân Sơn



Trăm năm trăm chuyện

Đây là nhan đề cuốn sách của George Burns: *100 Years, 100 Stories*. Ông sống 100 tuổi, ông kể 100 câu chuyện trong cuộc đời ông. Cuốn sách chỉ dày 224 trang. Như vậy, trung bình mỗi chuyện chỉ dài chừng hơn 2 trang.

Đồng thời với Burns kể chuyện của mình, Martin Gottfried cũng viết về Burns. Cuốn sách có tựa là *George Burns and the Hundred-Year Dash* (George Burns và một trăm năm xông xáo). Cuốn này dày hơn một chút: 327 trang.

Hai cuốn sách cùng nói về một người, lại xuất bản đồng thời, nên Robert Klein viết bài nhận xét luôn một lần trên tờ *The New York Times Book Review*. Riêng tôi, tôi để ý đến vụ này là vì hiện tượng “sống lâu trăm tuổi” trong văn nghệ. Trong thực tế ngày nay, người sống đến trăm tuổi không phải là hãn hữu; nhưng riêng người trong giới văn nhân nghệ sĩ mà thọ đến tuổi đó, vẫn là rất hiếm. Trước đây vài thế kỷ, Pháp có nhà thơ kiêm triết gia Bernard le Bovier de Fontenelle (1657-1757); rất gần đây, nhà văn Đức Ernst Junger ăn mừng thập tuần thượng thọ vào ngày 29.3.1995; nay thì đến phiên George Burns. Ông kỷ niệm sinh nhật thứ 100 vào ngày 20.1.1996 và vừa qua đời ngày 9.3.96.

Gọi Burns là nhà văn thì không đúng hẳn, mặc dù ông có viết sách. Phải gọi ông là nhà hoạt động văn nghệ. Đây, chúng ta hãy nghe Martin Gottfried và Robert Klein nói về ông: Thật tình thì khó mà viết đúng về Burns. Cuộc đời ông ta đầy đầy những điều “ngoạ dụ” và “phóng đại”, không biết cái nào là thật, cái nào là giả. Dựa theo lời kể của ông ta ư? Lại càng hỏng nữa, vì chuyện nào của ông ta cũng có thể là chuyện “nói để cười chơi”. Chuyện hôn nhân của ông; chuyện mắc bệnh phong tình của ông; ôi thôi, chỉ sau một hơi xì gà, ông đã có thể kể khác đi. Ông có viện dẫn chứng cứ để chúng ta tin đấy, nhưng nếu chúng ta muốn điều tra thì chỉ có thể hỏi về phần đời mới đây của ông thôi. Những người sống đồng thời với ông hồi còn trẻ, thì đã “ra đi” cả rồi, còn ai đâu mà làm chứng?

(Theo tôi, chỉ bao nhiêu đó cũng đủ gọi trí tò mò. Một người sống đến trăm tuổi, không cần “sát nhân diệt khẩu”, mà chỉ cần “outlive” hơn mọi người, thì đã có thể tự do kể chuyện đời mình).

George Burns có tất cả 11 anh chị em. Ông là người thọ nhất. Ông sinh tại thành phố Nữ-Uớc, tên khai sinh là Nathan Birnbaum. Cuộc đời của ông có thể chia làm 3 chặng: Trước khi lấy vợ, trong khi có vợ, và sau khi vợ chết. Vợ ông là Gracie Allen, vừa

là bạn đời vừa là đồng nghiệp của ông. Hồi vợ còn sống, Burns thường được vợ gọi cưng là “Natty” (Anh Xinh), trong khi ông chỉ có một điều lo lắng là nếu vợ về hưu trước, thì “tôi diễn với ai? tôi sẽ trở ra, không còn khôi hài gì được nữa”.

Rồi bà về hưu thật, về hưu vĩnh viễn. Và ông cũng đã có thời gian không làm ăn gì được.

Nhưng cuộc sống của George Burns là một chuỗi dài hoạt động, rất ít ngừng nghỉ. Ông khởi đầu bằng loại kịch hài, diễn một mình hoặc chung với người khác khi còn độc thân. Đến khi lấy Gracie (1923), thì luôn luôn diễn chung với vợ. Về sau, cả hai ông bà chuyển sang lãnh vực truyền thanh, điện ảnh và truyền hình, rất đúng lúc. Rồi Burns có những chương trình riêng trên truyền hình như: *No Time for Sergeants*, *Mr. Ed*.

Burns không có trình độ học vấn cao nhưng biết cách kiếm tiền, và gần như lúc nào cũng thành công. Thói thường giàu đổi bạn, nhưng khi đã rất giàu, Burns vẫn chơi thân với những người bạn thuở hàn vi, khi còn đi diễn kịch vui ở các thành phố nhỏ. Ông có một người bạn chí thân là Jack Benny. Khi có người hỏi tại sao ông thích chơi với Benny, ông thần nhiên đáp: “Vì ông ấy giống tôi, cũng yêu trẻ con, cũng có một người vợ, và cũng yêu nghề của mình”.

Gracie chết đã lâu lắm rồi, hồi

1964. Những ngày sau đó là thời gian suy sụp tinh thần của Burns. Sở dĩ ông gương lại được là vì ông quen sống theo kỷ luật và giờ giấc. Hằng ngày, ông vẫn đến văn phòng đúng giờ, mặc dù biết chắc không có việc gì phải làm ở đó. Rồi đi ăn cơm trưa với các bạn, rồi chơi vài ván bài, rồi nghỉ trưa, rồi uống một ly rượu ngọt. Tuần nào ông cũng ra nghĩa địa thăm mộ Gracie, ngồi thì thầm nói chuyện với vợ hàng giờ. Ông tỏ cho những người thân cận biết đó là cách ông giữ cho cuộc sống quân bình. Rất nhiều người đã có ý rình nghe trộm xem ông nói với vợ ông những gì, nhưng chưa ai làm được.

Đặc điểm của tâm hồn George Burns là chất khôi hài. Cái chất này giúp ông đương đầu thành công với mọi khó khăn trên đường đời và giúp ông vui sống. Theo sự nhận xét chung, cái chất khôi hài của Burns có thường trực, bất cứ lúc nào cũng có, rất tự nhiên, chứ không phải chỉ có trên sân khấu, hoặc trong khi trình diễn, như ở Jack Benny. So sánh khả năng chọc cười giữa hai người, thì Burns có thể khiến cho Benny cười lăn cười lộn bằng một lời ngớ ngẩn nào đó, nhưng Benny không làm như thế với bạn được. Tóm lại khả năng chọc cười của Burns cao hơn. Nhưng Burns đã được Benny giúp đỡ rất nhiều trong sự nghiệp.

Năm 1975, khi cảm thấy mình quá yếu không thể làm việc được nữa, Benny giới thiệu bạn với đạo diễn Herbert Ross, để bạn đóng thay trong cuốn phim *The Sunshine Boys*. Đây là vai một ông già lúc nào cũng ăn mặc bánh bao, lúc nào cũng dùng tóc giả để che dấu cái đầu hói. Vai trò đã đem lại cho Burns một giải Oscar, và một loạt hợp đồng trong điện ảnh. Và cũng từ đó George Burns trở thành cái gương “một người già vui sống” của nước Mỹ.

Phần trên là Martin Gottfried kể về George Burns. Phần dưới là George Burns kể về mình.

Sau ngày vợ chết, cũng có lúc Burns phàn nàn về sự cô đơn, về tuổi

già sức yếu, nhưng nếu cứ lấy “luyện ái” làm thước đo mức vui sống và sức khỏe, thì ông không có điều gì phải phàn nàn. Ông vẫn (theo lời ông) đều đặn có quan hệ tình dục với những người đàn bà, phần nhiều trẻ hơn ông ít ra cũng nửa thế kỷ. Nhưng đây chỉ là thuần túy tình dục, không phải là tình nghĩa. Đi thăm mộ vợ là tình nghĩa, còn đây chỉ là nhu cầu của xác thịt. Ông không biện minh gì, nhưng chúng ta phải hiểu cho đúng, giùm ông.

Khi ông vượt quá cái tuổi 90, người ta đã đề nghị nhiều chương trình kỷ niệm sinh nhật thứ 100. Ông rất vui, nói: “Tôi không chết được đâu. Tôi được “đặt hàng” rồi, làm sao chết được!”

Nhưng năm ngoái đây, ông 99 tuổi, đang đi đứng vững vàng, bỗng một hôm trượt té trong buồng tắm, phải vào bệnh viện mổ não. Ông bình phục, nhưng không được như trước nữa. Ông phải dùng xe lăn, và người thân ai cũng nhận thấy ông không còn lanh lợi. Và hình như trí nhớ ông cũng bắt đầu suy. Đối với một người mà cả đời lúc nào cũng phải tự coi, và được mọi người coi là sắc sảo như ông, mà biết mình không còn như vậy nữa, thì thật là khổ tâm. Ai cũng động lòng khi biết ông phải hủy bỏ những hợp đồng, vì sức khỏe không cho phép thực hiện.

Cuốn *Trăm Năm Trăm Chuyện* có lẽ là lời già biệt của George Burns. Đúng ra là 102 chuyện. Hai chuyện dư ra được coi như “bonus”. Tất cả đều được viết theo văn nói, nhưng rất gọn, kiểu đặc biệt của George Burns. Hầu hết đều là chuyện vui có thật. Có những chuyện đã được kể rồi, kể nhiều lần nữa là khác, nhưng nghe lại vẫn thấy vui. Có những chuyện hơi thô, thô theo kiểu kịch hài. Nhưng cũng có những chuyện đi vào tâm sự riêng tư, như những chuyện liên hệ đến nỗi đau lòng của người bạn chí thân Jack Benny.

Đối với một người “sống lâu trăm tuổi”, lại sống theo kiểu rất “náo nhiệt” như George Burns, thì chuyện riêng, chuyện chung, đáng kể, đâu

phải chỉ là 100. Phải là cả ngàn. Nhưng ông chỉ kể cho chúng ta nghe chừng ấy, tất có lý do. Mục đích của ông trước sau vẫn là đem lại niềm vui cho thiên hạ. Chúng ta hãy chúc ông yên nghỉ.

Người đàn ông không đội mũ

Trước hết, xin nói thật là tôi đọc cuốn này cũng chỉ vì tò mò. Sau cái tựa chính *The Hatless Man*, tựa phụ là: *The Anthology of Odd & Forgotten Manners* (Sưu tập những lễ thói lạ lùng bây giờ không còn nữa). Cuốn sách dày chưa đến 200 trang. Tôi tự nghĩ cũng nên bỏ ra một ngày, đọc cho biết ngày xưa dân xứ Cờ Hoa đã có những cung cách gì, mà ngày nay có người còn vạch ra để cười với nhau đây.

Tác giả cuốn sách là nhà văn nữ Sarah Kortum. Cách viết khá nghiêm chỉnh, nghiêm chỉnh cả ở những chỗ có thể châm biếm mà không bị trách cứ gì. Nhưng nhìn chung, thì tác giả vẫn có cái nhìn chỉ trích, tuy không chua cay, nhưng cũng dễ làm động lòng các “đương sự”. Như kiểu Vũ Trọng Phụng, khi viết cuốn *Số Đỏ* vậy.

Tác giả đặc biệt chú trọng đến lớp người giàu xổi, nhấn mạnh đến những sự đua đòi của họ. Tuy nói là “xổi”, nhưng họ cũng đã trở thành giàu có lâu rồi, trong hạ bán thế kỷ 19. Từ những người thợ mỏ, công nhân nhà máy, phu hỏa xa, nông phu của các nông trại, và những người di cư nghèo khổ; chỉ trong một thế hệ, họ trở thành giàu có. Thế rồi, họ đến sống tại những thành phố lớn như New-York, như Cựu-Kim-Sơn, hưởng thụ cuộc sống của giới thượng lưu, và bắt chước cung cách của những nhân vật tai to mặt lớn trong xã hội, vốn đã “to lớn” từ thế kỷ trước. Những người mới giàu, có nhiều tiền, nhưng không có cái mà người đời gọi là “lịch sự”. Họ thiếu, nên họ phải kiếm, bằng cách bắt chước.

Nhưng những người nói trên không cô đơn. Họ vẫn có bạn đồng hành. Có những người không trở nên

giàu, nhưng lại trở nên “sang”, bằng một cách nào đó. Được mọi người trong địa phương kính nể, họ muốn sớm cởi bỏ được cái bề ngoài “quê mùa”, để hòa nhập với xã hội sang trọng. Có người đã có sáng kiến mở trường dạy phép xã giao cho lớp người này. Chẳng hạn như là dạy cho họ biết cách dùng muỗng nĩa trong một bữa tiệc.

Và có nhiều cuốn sách dạy phép xã giao ra đời. Đại khái đọc giả học được vài điều, như: Đàn ông không nên đeo nhẫn kim cương trong giờ làm việc nặng. Khi đi lên cầu thang ở một khách sạn, phụ nữ không nên huýt gió. Và còn nhiều nữa...

Thâm ý của Sarah Kortum không phải chỉ là chỉ trích những cuốn sách dạy phép xã giao ngày trước. Chính nhờ những cuốn sách ấy, mà bà viết được cuốn này. Bà cũng nhận ra sự hữu ích của chúng. Bà nói: “Những cuốn sách dạy xã giao không phải chỉ hướng dẫn cho người ta cách ăn uống, cách đi đứng, mà còn chỉ vẽ cho mọi người cách chọn sách để đọc, chọn tác phẩm nghệ thuật để mua, chỉ vẽ cho phụ nữ cách giữ gìn bộ ngực, cách sửa một cái mũi tẹt...”

Tác giả thú nhận: “Những cuốn sách dạy phép xã giao ngày trước hấp dẫn tôi, không phải do những cái đặc thù, mà do cái khác. Đọc tới chỗ hướng dẫn cách dùng cho đúng phép “tô nước rửa tay” trong một bữa tiệc, tôi cũng có chú ý và mỉm cười, nhưng điều làm cho tôi đặc biệt chú ý là cái nhiệt tâm của tác giả những cuốn ấy. Có thể nói họ là những nhà luân lý kiêm học giả. Họ muốn thu xếp cho xã hội chúng ta được đàng hoàng”.

Rồi tác giả trích dẫn:

- Một cuốn dạy: Các bà, các cô không nên băng qua sàn nhảy một mình. Làm vậy, thì sẽ bị mọi người dòm ngó.

- Một cuốn khác nói: Một cô gái đi một mình ra ngoài thì không tiện chút nào. Nếu không có một đứa em gái nhỏ, một bà gia sư, hoặc một người hầu gái, để đi cùng, thì tốt hơn hết là cô nên ở nhà, chơi quanh quẩn trong phòng, hoặc ngoài vườn.

- Trong cuốn *Frost's Laws and By-Laws of American Society*, xuất bản năm 1869, tác giả nhấn mạnh: Các bà mà đứng ngậm cán dù ngoài đường thì cũng không phải là quê kệch gì đâu.

- Trong cuốn *Manners of Girls*, xuất bản năm 1901, tác giả nhận xét: Trong một tiệc cưới, nếu cô dâu hơi quá tuổi thanh xuân một tí, hoặc dung nhan không được rực rỡ, thì cũng đỡ cho thân bằng quyến thuộc của cô khỏi phải ngỏ nhiều lời chúc tụng.

Nhưng không phải chỉ các bà các cô được những quyển sách ấy chiếu cố. Các ông cũng được khuyên bảo:

- Bạn là sĩ quan kỵ binh? Xin bạn đừng mang giày có đinh thúc ngựa vào phòng khiêu vũ.

- Bạn đang nhảy điệu valse với một cô? Xin bạn đừng ôm chặt eo của cô ta. Bạn chỉ nên chạm nhẹ lòng bàn tay của bạn vào nơi đó thôi. Nếu bạn ôm quá chặt, cô ta có thể nghĩ là bạn muốn gây “ấn tượng” cho cô ta ở chỗ ấy, chứ không phải ở tâm hồn.

Thật ra, theo tác giả cuốn *The Hatless Man*, thì ôm chặt hay ôm lỏng cũng chẳng có ảnh hưởng gì khác nhau. Tối trước, khiêu vũ với nhau ôm chặt, sáng hôm sau gặp nhau ở công viên không chào, là chuyện thường.

Rồi nhân nhắc đến chuyện chào nhau ngoài công viên, tác giả lại trích dẫn một tác phẩm ra đời năm 1859, có nhận định sau đây:

- Một người đàn ông chỉ dùng lại và nói chuyện với một người đàn bà nào chịu dùng lại và nói chuyện. Đàn bà không có nhiều quyền, nhưng họ có cái quyền chịu làm quen. Đàn ông các ông hãy để cho họ có cái quyền đó.

Khi đề cập đến giới phụ nữ chức nghiệp, tác giả trích dẫn cuốn *Social Customs*, xuất bản năm 1911, với lời khuyên: Cái thói nũng nịu làm duyên của phụ nữ có thể rất thú vị ở các phòng khách sang trọng, nhưng sẽ trở thành không thích hợp trong hoàn cảnh phải tranh giành miếng cơm manh áo. Xin các bà các cô cố tránh.

Trong cuốn *Manners in Business*,

cũng có một nhận xét tương tự: Trong công việc làm ăn, không có chuyện khóc lóc để cho người ta động lòng.

Tôi dám chắc không ai đọc cuốn sách của Sarah Kortum mà không cảm thấy buồn cười. Buồn cười vì giọng văn thì ít, mà buồn cười vì những lẽ thói được nhắc lại nhiều hơn. Đọc lại những điều “nên làm” và “không nên làm” của thế kỷ trước, cũng thú vị giống như nghe một bà mẹ xưa khuyên con gái là diễn viên điện ảnh phải giữ câu “nam nữ thọ thọ bất thân” vậy.

Nhưng thử hỏi tác giả có lý chút nào khi kể lại chuyện cũ, những chuyện ngày xưa có thể là “khôn vàng thước ngọc”, là khôn ngoan, nhưng bây giờ chỉ là những cái bóng? Tác giả có lý đấy các bạn. Bà nói: “Lịch sự xã giao không phải là những chuyện vụn vặt, mà là sự cố gắng làm sao cho hay hơn, cho tốt hơn, trong khi tiếp xúc với người khác”.

Trong các bạn, chắc có nhiều người đã đọc cuốn *How To Win Friends and Influence People* của Dale Carnegie (1888-1955), mà ở miền Nam trước 1975, Nguyễn Hiến Lê đã dịch thành cuốn *Đắc Nhân Tâm*? Đọc xong cuốn sách dạy phương cách xã giao này, có bạn người Việt nói: “Không thực dụng đối với người mình”. Lời phê bình rất đúng, nhưng không bao quát vấn đề. Cuốn sách có công dụng gợi ý, và hữu ích ở sự gợi ý ấy.

Bây giờ, cuốn sách của Sarah Kortum cũng vậy. Ai không biết những con đường đóng băng mùa đông ở Gia-Nã-Đại là trơn, nhưng lời nhắc “coi chừng té đấy”, cũng không bao giờ là thừa.

Trái đất dung dưỡng được bao nhiêu người?

Đây không phải là một vấn đề văn học thuần túy, nhưng vì ít khi được đề cập, nên tôi không muốn bỏ qua, khi gặp được một công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh.

Thật ra, nhân loại nói chung đã

bận tâm về vấn đề dân số từ lâu rồi. Nói mà không xác định thời điểm, thì từ khi dân số địa cầu bắt đầu phát triển hơi nhanh, và lương thực bắt đầu hơi thiếu. Nói mà cần xác định, thì từ 300 năm trước.

Trong những thập niên gần đây, quốc gia nào có dân số tăng nhanh cũng đều có kế hoạch hạn chế sinh sản. Rồi những vấn đề trực tiếp với dân số, và dính tới những lãnh vực khác như xã hội, đạo đức, tôn giáo, chẳng hạn như chuyện triệt sản, chuyện phá thai, chuyện phạt những cặp vợ chồng không tuân theo qui định ít con... được mọi người lưu tâm.

Joel E. Cohen là một nhà sinh vật học lỗi lạc, hiện là trưởng ngành dân số học của đại học Rockefeller ở Нью-Йорк. Ông đã có nhiều tác phẩm giá trị về dân số học. Mới đây, ông cho ra cuốn *How Many People Can The Earth Support?*, đặt lại vấn đề mà trước đây đã có nhiều nhà khoa học và xã hội học đề cập.

Để hiểu Cohen bây giờ, cũng như những nhà dân số học trước đây, chúng ta cũng nên nêu ra vài điểm cần thiết sơ khởi:

- Tại sao phải bận tâm về dân số của địa cầu? Là vì có 2 khó khăn: 1/ Dân số cứ tăng lên không ngừng, tốc độ tăng càng lúc càng nhanh hơn, nhưng chỗ con người có thể ở được trên địa cầu không thể nói rộng ra được nữa. 2/ Lương thực mà nhân loại có thể kiếm ra được tuy có tăng, nhưng không tăng kịp theo đà tăng của dân số. Kết quả là thiếu chỗ ở, và thiếu lương thực.

Cohen đặt câu hỏi: Có phải mức dân số tăng trong 2 thế kỷ vừa qua đã đẩy nhân loại đến bờ vực thảm không? Và ông đã dùng trên 500 trang sách để trả lời câu hỏi ấy. Ở đây, tôi xin nói trước để các bạn yên tâm, là Cohen là một người lạc quan, lạc quan một cách vừa phải.

Tác giả cũng có tham khảo những công trình nghiên cứu về dân số địa cầu có trước, như:

- Tác phẩm của nhà tự nhiên học Hòa-Lan Antoni van Leeuwenhoek

(1632-1723). Khởi thủy, ông này dùng kính hiển vi tự chế để nghiên cứu về vi trùng, về tế bào, rồi về sau mở rộng lãnh vực nghiên cứu sang nhân chủng. Leeuwenhoek đặc biệt chú trọng đến môi trường sinh sống, cụ thể là "chỗ ở", là mật độ dân số. Căn cứ vào kết quả kiểm tra dân số lúc bấy giờ, Leeuwenhoek cho rằng mật độ dân số của Hòa-Lan đã đến mức tối cao. Nhưng đối với toàn cầu, thì ông lại tính ra rằng trái đất có thể dung nạp thỏa đáng 13,4 tỉ người, một con số khá lạc quan vào thời điểm cuốn tài liệu của ông được công bố (1679). Theo tài liệu của Liên Hiệp Quốc, thì dân số toàn cầu vào năm 1990 là 5,3 tỉ, và sẽ là từ 6 tỉ đến 19 tỉ vào năm 2100 (Không hiểu sao mức co dân lớn đến như vậy).

- Tác phẩm của nhà kinh tế học Anh Thomas Robert Malthus (1766-1834). Ông này đặt nặng vấn đề lương thực. Lý thuyết "dân số tăng theo cấp số nhân, lương thực tăng theo cấp số cộng" của ông cũng đã một thời mê hoặc các nhà nghiên cứu. Tuy có tính cách cực đoan, nhưng lý thuyết này phải được coi là có căn cứ. Cuốn *Luận Về Nguyên Lý Dân Số* của Malthus xuất bản năm 1798.

- Tác phẩm của nhà địa dư học Đức Albrecht Penck (1858-1945), xuất bản năm 1924. Ông này chia trái đất thành 11 vùng khí hậu khác nhau, và ước lượng số lương thực mỗi vùng có thể cung cấp cho nhân loại. Từ đó, ông kết luận rằng, để có thể sống được, dân số toàn cầu nên được giữ ở mức từ 8 tỉ đến 9 tỉ.

Nhìn chung, thì nhận định hay kết luận nào cũng chỉ đúng một cách tương đối. Chẳng hạn như, đem áp dụng ở một nước có lợi tức cao như Hoa-Kỳ, nơi mà chính phủ đôi khi phải trả tiền cho các nông gia để họ đừng sản xuất lương thực, nơi mà mọi người chỉ lo âu vì sợ bị béo phì, thì lý thuyết của Malthus đã trở thành lạc hậu. Và chẳng, trong 3 thập niên gần đây, mặc dù có sự giúp sức rất đắc lực của computer, các nhà dân số học hiện đại cũng chẳng có phát kiến nào có đủ sức thuyết phục mọi người.

Đi sau, Cohen soát lại tất cả mọi luận cứ, đặc biệt chú trọng đến các ước tính đã có, rồi tỉnh táo đưa ra ý của ông. Về mặt ước tính giới hạn dân số khả chấp của toàn thế giới, ông cho rằng hiện chúng ta đang ở "mức dưới". Cụ thể, là còn lâu nữa, thì dân số toàn cầu mới vượt mức.

Cuối cùng, cuốn *Trái Đất Dung Dưỡng Được Bao Nhiêu Người* cũng có những ưu điểm và những nhược điểm mà những công trình nghiên cứu đồng loại trước kia đã có: Bên cạnh tác dụng cảnh giác (Coi chừng sinh sản nhiều quá rồi không đủ chỗ ở, không đủ thức ăn nước uống đấy!), lại có đôi lời trấn an (Tuy vậy, tình trạng đó cũng còn lâu mới tới).

Văn chương chi sự...

Bà May Sarton, nhà văn người Mỹ, đã có nhiều tác phẩm xuất bản, gồm cả thơ lẫn tiểu thuyết. Nhưng thành thật mà nói, thì lúc sinh thời bà không nổi tiếng. Thơ và tiểu thuyết của bà chỉ được một số phụ nữ ưa thích. Gần đây, người Mỹ chú ý đến bà là do tác phẩm sau cùng, bà viết gần xong, thì qua đời. Tác phẩm này viết theo kiểu nhật ký, có tính cách tự truyện. Trong tác phẩm, có một chỗ bà tự đánh giá văn nghiệp của mình: "Tôi viết không được như một nhà văn... Tôi không có địa vị gì trên văn đàn".

Tác phẩm sau cùng của bà Sarton có tựa đề là *Năm 82 Tuổi*. Tác phẩm chấm dứt với những sự việc xảy ra cho tác giả khoảng tháng 8.1994, được xuất bản tháng 7.1995, liền sau khi tác giả qua đời.

Đúng là "sinh hữu hạn, tử vô kỳ". Bà Sarton không ngờ mình chết ở tuổi 83. Trong cuốn sách, bà viết, giọng văn vui vẻ yêu đời: "Rồi mùa xuân và mùa hạ khó chịu dài đằng đẵng cũng qua. Tôi hồi sinh, và tin rằng mùa thu sẽ tốt đẹp hơn nhiều..."

Nhưng chúng ta hãy "quan sát" bà Sarton, khi bà còn sống, cụ thể là khi bà đã 82 tuổi. Rõ ràng là sức khỏe của bà suy giảm rất nhiều, nhưng bà vẫn không chịu nghỉ ngơi. Ngày nào bà

cũng làm việc: Sửa bản in thử, tiếp những người ái mộ và các ký giả đến xin phỏng vấn, trả lời thư độc giả, đi mua sắm và nấu nướng, đọc để ghi vào băng những điều riêng tư.

Tất nhiên bà cũng có những giây phút bận tâm đến cái việc thế tất phải xảy ra: Mình còn khỏe mạnh được bao lâu nữa? Mình sẽ chết trong viện dưỡng lão chăng? Người viết tiểu sử cho mình có hiểu hết chuyện của mình không? Tác phẩm của mình có được người đời nhắc đến không? Ôi bao nhiêu là câu hỏi, nghe tới phải bồi hồi. Tôi chợt nhớ lại một câu của Lưu-Hiệp: “Ta hồ, văn chương chi sự thốn tâm thiên cổ!”

Khi còn sống, đã nhiều lần bà Sarton phàn nàn rằng những nhà phê bình không hiểu bà. Thật ra, tác phẩm của bà, thơ, truyện dài, cũng như những tập nhật ký trước kia, chưa có cuốn nào được các nhà phê bình lớn chiếu cố. Nhưng bà được độc giả ái mộ không ít, nhất là nữ giới. Và bà đã vui sống với những lá thư ngưỡng mộ bà. Bà nghĩ rằng họ đã coi bà là bạn, đã tâm sự với bà, và có khi ngủ tay ôm quyển nhật ký của bà.

Bà Sarton có tự mâu thuẫn chăng khi nghĩ như trên, mà lại đánh giá thấp sự nghiệp văn chương của mình? Bà không mâu thuẫn, bà chỉ khiêm tốn thôi. Có thể tác phẩm của bà không phải là kiệt tác, nhưng bà là nhà văn của độc giả, bà đã đến với họ với chuyện đời của bà. Thiết tưởng thế cũng đủ.

Tập bản thảo tìm được ở Saragosse

Đây là nhan đề một cuốn tiểu thuyết viết bằng tiếng Pháp, *Manuscrit trouvé à Saragosse*, xuất bản năm 1804. Tác giả là Jan Potocki (1761-1815), người Ba-Lan, là sử gia kiêm văn sĩ, lúc sinh thời đi khắp mọi nơi, đã lấy văn liệu trong những chuyện kể của Đông-Phương, viết nên tác phẩm kia. Lúc mới ra đời, tác phẩm đã được đánh giá rất khác nhau: Người thì khen rất hay, kẻ thì chê là tồi tệ. Nhưng gần đây, các nhà phê

bình nói chung, đã xếp nó vào loại danh tác.

Potocki bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết nói trên năm 1797 và hoàn tất năm 1815, năm mà ông dùng súng lục tự sát. Lúc ông còn sống, chưa lần nào cuốn sách được xuất bản trọn vẹn. Rồi sau khi ông qua đời, lại có một số chương thất lạc, nên mãi về sau, độc giả tiếng Pháp mới có dịp đọc trọn cuốn. Riêng với độc giả tiếng Anh, gần đây, có bản dịch của Ian Maclean.

Cốt chuyện như sau: Alphonse van Worden là một sĩ quan trẻ trong quân đội Tây-Ban-Nha. Năm 1739, chàng đi Madrid, tình cờ gặp được hai cô gái mới từ Tunisie đến, đang ẩn náu trong một nhà trọ bỏ hoang tại vùng núi Sierra Morena. Hai cô tiết lộ là họ đang cùng một số thân nhân, bí mật truyền bá đạo Hồi ở Tây-Ban-Nha, cụ thể là ngay tại Sierra Morena, một vùng mà đa phần dân chúng là tín đồ Thiên-Chúa giáo. Họ và những người truyền giáo trước họ, đã may mắn thoát khỏi những cuộc điều tra dị giáo tàn khốc trước kia.

Hai cô gái tỏ cho Alphonse biết tuy chàng khác đạo với họ, nhưng họ vẫn yêu thương chàng, vì đã là người thì cùng huyết thống. Nhưng chỉ khi nào chàng là người Hồi-Giáo, thì họ mới cùng chàng ái ân được. Và họ hối thúc chàng, “đêm xuân giá đáng ngàn vàng”, đừng nên bỏ phí. Trong thực chưa tiện, thì trong mộng. Thế là Alphonse vội vã thay đồ lên giường đi ngủ sớm, để vào mộng. Và chàng

đã cùng hai cô gái kia “nhập mộng”. Nhưng sáng hôm sau, Alphonse thức dậy thì thấy mình đang nằm ngoài trời, phía dưới một cái giá treo cổ. (Chuyện hơi giống *Liêu Trai*).

Alphonse lưu trú tại Sierra Morena 66 ngày. Ngoài hai cô gái kia, chàng còn gặp nhiều người khác. Người nào cũng có kể cho chàng nghe nhiều câu chuyện, nhân vật trong những câu chuyện ấy cũng lại “kể chuyện” cho nhau nghe. Cứ thế, chuyện mẹ đẻ chuyện con...

Tác phẩm của Potocki là một chuỗi dài “những câu chuyện trong những câu chuyện”, cấu trúc rất lạ, và rất hay. Về nội dung, người đọc tìm thấy lại ở đây những mối bận tâm triết học rất đa dạng, những sự tò mò không kiềm chế được về Thời Kỳ Ánh Sáng của Âu-Châu (thời kỳ duy lý của thế kỷ 18). Những câu chuyện của Potocki ca ngợi sự hòa đồng tôn giáo ở vùng đất kỳ dị Sierra Morena, một vùng núi ngăn cách hai miền Castille và Andalousie của Tây-Ban-Nha. Đó cũng là bức vách ngăn giữa những người Hồi giáo và vương quốc Thiên-Chúa giáo, trước khi Ferdinand và Isabelle tiến chiếm miền Andalousie. Năm 1492, không phải chỉ những người theo Hồi giáo, mà cả những người Do-Thái nữa, cũng bị trục xuất. Một số phải trốn vào núi rừng, và có một đôi anh trai em gái của nhà kia, bí mật truyền dạy pháp thuật.

Người thanh niên kể với Alphonse: “Ở Tây-Ban-Nha, người ta



gọi tôi là Don Pedro de Uzeda, và với danh hiệu này, tôi làm chủ một tòa lâu đài tọa lạc cách đây chừng một dặm. Nhưng thật ra, tôi là một giáo sĩ Do-Thái tên là Zadok ben Mamoun. Ở đây mà thú nhận như vậy thì cũng rất nguy hiểm, nhưng tôi tin ở sự chân thành của anh. Và lại, cho dù anh có muốn làm hại tôi, thì cũng không phải là dễ". Rồi anh ta hiển lộ thân thể cho Alphonse xem, triệu hồn của "Người Do-Thái Lang Thang" từ châu Phi sang, kể lại những chuyện của Ai-Cập từ thời nữ hoàng Cléopâtre.

Dường như cả người Do-Thái và Hồi giáo đều sống thoải mái trong vùng núi rừng này. Riêng với chàng sĩ quan trẻ tuổi Alphonse, sống ngay trong lòng những điều đa tạp vừa thú vị vừa bất ổn về tinh thần đó, chàng vẫn thăm nguyện giữ gìn những ràng buộc với tinh thần Thiên-Chúa giáo. Chàng nghĩ: "Đối với mình, bỏ đạo cũng mất danh dự như bỏ màu cờ sắc áo".

Cứ như thế, cuốn *Bản Thảo* thần nhiên dạo bước giữa sự sùng đạo và sự châm biếm, dẫn người đọc trở lại thế kỷ 18 của "Thời Kỳ Ánh Sáng", để người ta nhận ra những chuyển biến tư tưởng của Voltaire và Diderot.

Và danh dự của nhân vật Alphonse rõ ràng là dễ bị tổn thương bởi sự quyến rũ của xác thịt hơn là khuynh hướng bỏ đạo. Sau lần gặp gỡ đầu tiên với hai cô gái Hồi giáo gốc người Tunisie, chàng không chịu xưng tội, lý luận rằng mình không phạm tội lỗi gì quan trọng, nếu có thì chỉ là trong chiêm bao. Ranh giới giữa mộng và thực, thật ra không có gì rõ ràng, một khi cuốn tiểu thuyết đã cầu viện tới hiện tượng siêu nhiên. Câu chuyện tình ái tam giác giữa Alphonse và hai cô gái kia đã phản chiếu đi lại nhiều lần trong tác phẩm. Chẳng hạn như giáo sĩ Zadok đã dùng pháp thuật triệu về những người con gái của vua Salomon, để cuối cùng chỉ trông thấy được bàn chân của các cô. Trong khi đó, người em gái của ông, cô Rebecca, thì thành công hơn: Cô mời được đôi nam thiên thần song sinh Gemini hiện

ra, trần truồng trong gương cho cô nhìn, duy chỉ thiếu những chiếc cánh. Và anh chàng Velásquez, người say mê Rebecca, nhận xét rằng những đôi cánh kia mỏng như cánh chuồn chuồn, dù có hiện ra trong gương, thì cũng chẳng che giấu được gì. Riêng phần Velásquez, anh chàng này cũng kể ra một lô chuyện "ái ân trong mộng" lúc thì với bà cô, lúc thì với nàng hầu của bà cô, rồi cuối cùng cũng tỉnh ra dưới một cái giá treo cổ.

Rồi đến chuyện một thủ lãnh dân Gypsy tên là Avadoro kể những chuyện "phiêu lưu tình ái" hồi còn niên thiếu. Anh ta hóa trang thành một cô gái xinh đẹp, làm vị hôn thê của một phó vương xứ Mễ-Tây-Cơ, rồi sau lại trở thành người tình của một vị linh mục. Còn nhiều nữa...

Tóm lại, tác phẩm của Potocki chẳng chịt những mẩu chuyện, chuyện này lồng trong chuyện kia, chuyện kia dẫn ra chuyện khác, một cách có dụng ý. Chuyện nào cũng đượm màu tình dục, dâm dăng, nhưng cũng đầy tính chất huyền bí, dị thường. Khoái lạc nào cũng trộn lẫn với tội lỗi và hiểm nguy. Cái giá treo cổ vẫn sừng sững chờ đó.

Potocki thuộc một vọng tộc của Ba-Lan. Ông sinh ra và lớn lên ở tỉnh Podolia (ngày nay thuộc Ukraine), một miền có một nền văn hóa và những tín ngưỡng rất phức tạp. Những cảm giác và suy tư đầu tiên mà nơi sinh trưởng tạo ra ở ông, ông đem gán cho miền Sierra Morena trong sách.

Lớn lên, ông đi du lịch rất xa, ra ngoài phạm vi châu Âu, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Ma-rốc, Ai-Cập, và tận Mông-Cổ. Chuyến đi nào ông cũng ghi thành tài liệu nghiên cứu. Ông cũng là một nhà phi hành, đã từng điều khiển khí cầu trên không phận thủ đô Ba-Lan năm 1790. Ông cũng tham gia những hoạt động chống Nga, nhưng sau khi đất nước bị các thế lực ngoại bang xâm xé, ông tuyệt vọng, đứng hẳn về phía Nga, giúp việc cho Nga-hoàng. Cũng trong thời gian này (1797), ông đã đi thám hiểm khắp vùng Caucase, nhân đó, đặc biệt để ý đến những phong tục

tập quán kỳ lạ của người Hồi giáo trong vùng Chechnya. Ông bắt đầu viết cuốn *Manuscrit trouvé à Saragosse* trong chuyến thám hiểm này, và viết mãi trong những năm cuối đời. Viết xong, thì tự tử, như đã nói ở phần trên.

Khi rời Mạc-Tư-Khoa để đi vào vùng rừng núi Caucase, Potocki viết: "Thôi, xin vĩnh biệt Âu-Châu". Câu chào như một lời reo vui khi thoát khổ. Đối với hoàn cảnh và tâm tình của Potocki lúc bấy giờ, ông chỉ thấy Âu châu đầy dẫy những biến cố, những người quý tộc ở Pháp bị hành quyết hàng loạt, xứ sở Ba-Lan của ông thì biến mất trên bản đồ thế giới. Một người quý tộc như ông, chỉ còn một cách là tìm yên bình ở châu Á, hoặc châu Phi. Ông tìm cách trốn thoát khỏi cái xã hội mà ông ghê sợ bằng những chuyến đi thật, và cũng bằng cách tạo ra một miền đất huyền tưởng là Sierra Morena, một miền đất nằm lọt giữa châu Âu, nhưng chịu ảnh hưởng của châu Á và châu Phi, do đó không tiềm ẩn hiểm cách mạng và khủng bố.

Xứ Ba-Lan của tác giả không được nhắc đến trong tác phẩm. Nhưng thay vào đó, Potocki đã vẽ ra một bộ lạc của giống người Maure sống sót trong những hang động dưới lòng đất, sau cuộc chiếm cứ Granada. Tác giả hình dung số phận đồng bào của ông cũng giống như số phận những người Maure không tổ quốc này. Tình trạng đa tôn giáo mà tác giả vẽ ra cho Sierra Morena cũng là thực trạng trong lịch sử của Ba-Lan lúc bấy giờ. Còn những nét về người Do-Thái và Do-Thái giáo trong sách có nguyên nhân ở thực trạng lịch sử: Trong thế kỷ 18, trên thế giới người Do-Thái qui tụ ở Ba-Lan nhiều hơn cả.

Năm 1791, Potocki rời thủ đô Ba-Lê đang sục sôi cách mạng, để đi Tây-Ban-Nha và Ma-rốc, trong đầu óc đầy huyền tưởng sáng tạo. Trên đường, ông gặp một giáo sĩ đạo Do-Thái từ Ma-rốc tới. Hai người tranh luận với nhau về kinh *Talmud* (của đạo Do-Thái), rồi cuối cùng ông giáo sĩ nói cho Potocki biết trong tủ sách

của ông ta có nhiều cuốn in ở Ba-Lan, và những giáo sĩ đạo Do-Thái đang ở Ba-Lan là những giáo sĩ giỏi nhất thế giới.

Một tác phẩm khá cũ, ngày xưa không được coi là danh tác, bây giờ được giới phê bình đánh giá cao, có thể đem lại những gì cho độc giả đây?

Trước hết, nó giúp cho mọi người nhận thấy chính tính cách độc đáo khiến cho một tác phẩm sống lâu, và trở thành danh tác.

Nhưng cái điều chính yếu đã khiến mọi người để ý đến tác phẩm là cái tính cách đối chọi và dung hòa của các tín ngưỡng mà tác giả dung tâm trình bày. Ở vào cái thời mà vấn đề “đạo anh đạo tôi” đang có cơ trở thành nặng nề, thì quan niệm khoáng đạt của Potocki cũng là một tiếng nói hữu ích.

Thiên đường đánh mất

Xin nói ngay, đây không phải là thi phẩm của nhà thơ Anh John Milton, *Paradise Lost*. Đây chỉ là tựa đề một bản tin của nguyệt san *L'actualité*, xuất bản ở Montréal, Gia-Nã-Đại. Bản tin, hay đúng hơn, bài nhận định viết thế này:

Mùa xuân 1975, khi miền Nam Việt-Nam mất vào tay cộng sản, trong số 140.000 người rời bỏ đất nước ngay lúc bấy giờ, có khoảng 5.000 người Việt chọn Québec làm nơi tị nạn. Điều khiến cho ai cũng phải ngạc nhiên là số người Việt này thích nghi rất nhanh với hoàn cảnh mới.

Tất nhiên, họ có những điều kiện thuận lợi ban đầu: Phần lớn những người chủ gia đình di cư nói thông thạo tiếng Pháp. Nhiều phụ nữ trí thức cũng vậy. Họ đã học tiếng Pháp trong thời kỳ người Pháp còn cai trị Đông-Dương. Họ có con cháu là sinh viên du học tại các trường đại học Montréal hoặc Laval. Khi họ quyết định rời Việt-Nam, họ đã bỏ lại tất cả: Tài sản, cơ nghiệp, địa vị... Họ là các viên chức trong chính quyền cũ, là bác sĩ, luật sư, hoặc là công nhân kỹ

thuật. Họ ra đi, bỏ lại phía sau, không phải chỉ là tổ quốc thân yêu, mà còn cả những tàn phá, những tả tơi rách nát...

Sau một năm rưỡi định cư tại Québec, 90 phần trăm trong số họ đã tìm được công ăn việc làm, một nửa là công việc hợp với khả năng chuyên môn. Dĩ nhiên, cũng có những trường hợp không như ý, như một vị thẩm phán trở thành thợ làm bánh ngọt, một vị đại sứ đứng bán tạp hóa, v.v... Nhưng điều đáng kể là những vị này vẫn điềm tĩnh nói: “Chuyện thăng trầm đâu có gì quan trọng!”

Ba phần tư trong số họ làm lại cuộc đời lần thứ hai: Họ đã rời bỏ Bắc-Việt năm 1954. Hồi ấy, họ cũng tị nạn cộng sản, nhưng chỉ đổi tỉnh; ngày nay, họ đổi bán cầu.

Nhưng họ đã tìm thấy tại Montréal cái mà họ cần: Sự yên ổn, sự thoải mái, và sự bảo đảm cho tương lai con cháu. Dù vậy, nghĩ đến quê xưa, họ vẫn bùi ngùi tiếc nhớ. Đối với họ, đó là Thiên Đường Đánh Mất.

Thật ra, những nhận định trong bài báo không có gì sâu sắc. Lại thêm ý “vui vẻ xuê xoa” của người chủ nhà ban ơn. Nhưng tôi trích dẫn giới thiệu với các bạn, là do cách đặt tựa đề: *Thiên Đường Đánh Mất*.

Báo chí của người ta nhiều như cây rừng, nhưng những bài ngày nay còn đề cập đến hoàn cảnh của người Việt chúng ta, thì không bao nhiêu. Và có đề cập, họ cũng không chịu nhận quê cũ là cái gì rất quý giá, rất thiêng liêng đối với chúng ta. Họ cứ nghĩ chúng ta đã có đất ở, đã có cơm ăn áo mặc, là chúng ta phải coi nơi tạm dung là thiên đường, và quên hết. Đối với họ, ta có thiên đường trước mắt, chứ không có thiên đường đánh mất. Riêng tờ *L'actualité* nghĩ khác.

Năm 1667, John Milton cho xuất bản thi phẩm *Thiên Đường Đánh Mất* (*Paradise lost*); đến năm 1671, ông cho xuất bản thi phẩm *Thiên Đường Lấy Lại* (*Paradise regained*). Chúng ta mất quê hương năm 1975. Đến năm nào, chúng ta có lại quê hương?

Tình riêng khó nói

Đây là câu chuyện về Alexandre Soljenitsyne.

Chắc có nhiều bạn biết ông này. Trước đây khá lâu, cũng trong mục này, tôi đã có dịp đề cập đến ông, khi ông trở về Nga. Bây giờ, có chuyện mới về ông, nên báo chí lại nhắc đến nữa.

Soljenitsyne là một nhà văn Nga, sinh năm 1918, đã được giải Nobel Văn-học năm 1970, nổi tiếng vì chống chủ nghĩa cộng sản. Trước khi nói chuyện mới về ông, chúng ta hãy lược qua vài nét chính trong tiểu sử của ông:

Soljenitsyne mồ côi cha từ khi còn trong bụng mẹ. Nhà rất nghèo, nhưng ông đã được mẹ cho đi học đảng hoàng. Lúc còn nhỏ, ông là một học sinh xuất sắc. Năm 1941, sau khi tốt nghiệp đại học, ông nhập ngũ, chiến đấu anh dũng, được thưởng hai lần. Nhưng đến năm 1945, ông bị bắt giam vì chống Staline, đến 1953 mới được thả với quyết định biệt xứ đến 1957. Ông bắt đầu viết văn ngay trong thời gian còn bị án biệt xứ. Ông viết khá nhiều. Tác phẩm nổi tiếng nhất là cuốn *Một Ngày Của Ivan Denissovitch*. Cuốn này mãi đến năm 1962 mới được xuất bản, do lệnh của Khrouchchev. Nhưng đến năm 1964, thì tất cả những tác phẩm của ông đều bị cấm tại Liên-Xô. Lý do là vì cuốn nào của ông cũng có tính cách chống chủ nghĩa cộng sản. Từ đó (1964) cho đến khi ông bị trục xuất ra khỏi Liên-Xô (1974), sách vở của ông được chuyển ra nước ngoài theo những đường dây bí mật. Trong số đó, tác phẩm quan trọng nhất là cuốn *Trại Lao Động Cải Tạo*, xuất bản năm 1973. Với lời khai của 227 “cải tạo viên”, tác giả đã tố cáo đầy đủ tính cách vô nhân đạo của những trại giam tù chính trị của Liên-Xô lúc bấy giờ. Cuốn này đã làm chấn động dư luận Tây-Phương. Vì cuốn này, Soljenitsyne bị bắt giam, bị truất quyền công dân, và bị trục xuất. Ông qua Thụy-Sĩ ít lâu, rồi sang Hoa-Kỳ ở mãi đến 1994, mới trở về Nga.

Mới đây, Soljenitsyne viết cuốn *Những Bạn Đồng Minh Vô Hình*, kể lại chuyện ông đã được bạn bè giúp đỡ như thế nào trong khoảng 10 năm, từ khi sách của ông bị nhà cầm quyền cộng sản cấm, cho đến ngày ông ra khỏi Liên-Xô.

Cuốn sách chia thành 14 chương, mỗi chương dành cho một người, hoặc một nhóm người, đã từng bí mật tham dự vào việc chuyển tài liệu ra nước ngoài. Tất cả đều là những người tình nguyện. Họ biết là nguy hiểm, nhưng vẫn làm, vì bản thân họ cũng là những người tích cực chống cộng. Trong khoảng thời gian nói trên, chỉ cần cất giữ tác phẩm của Soljenitsyne cũng bị bắt giam.

Vì mạng lưới kiểm soát của KGB dày đặc, việc chuyển lậu ấn phẩm hay bản thảo phải hết sức tinh vi và rất tốn công. Nhưng nhiệt tâm chống chế độ khiến mọi người thực hiện thành công công tác. Họ chẳng những chỉ lo “chuyển”, mà còn phải gom góp những tờ bản thảo, sắp đặt lại, đánh máy, sửa bản in thử, có khi còn phải đánh máy, sửa, và in đi in lại nhiều lần. Cuối cùng, là chụp ảnh bằng vi phim, hay tháo ra từng tờ để cất giấu vào những chỗ bất ngờ nhất. Nhưng không phải lần nào cũng đi trót lọt. Cũng có lần bị khám phá, và hậu quả là một số người bị bắt. Và trong khoảng mười năm đó (1965-1974), tại các cửa khẩu của Liên-Xô đi ra nước ngoài, cũng như của các nước chư hầu Đông-Âu thông ra thế giới Tây-Phương, nhân viên quan thuế của cộng sản vừa kiểm soát hàng cấm, vừa bắt giữ sách vở của Soljenitsyne.

Ngày nay, sự việc đã trở thành quá khứ. Soljenitsyne viết kể lại, một mặt như để tỏ lòng biết ơn bè bạn khi sự tiết lộ không còn nguy hiểm cho họ nữa, mặt khác cũng là cách tố cáo sự độc tài tư tưởng của chế độ cộng sản.

Nhưng đứng về mặt tình cảm, hình như Soljenitsyne có ý thiên trọng những người trong nữ giới đã giúp ông. Cụ thể, chỉ những đoạn nói về các nhân vật này gây được sự chú ý cho độc giả. Lời lẽ của người “chịu

ơn” không phải chỉ là lời kể chuyện bình thường, mà là những gì rất thiết tha thâm cảm, rất gần gũi thân thương.

Trước hết là trường hợp Elizaveta Voronyanskaya. Bà này là một quản thủ thư viện tại Leningrad, lúc bấy giờ đã hồi hưu. Chính bà đã đánh máy nhiều lần, cho đến khi thật hoàn chỉnh, nhiều tác phẩm của Soljenitsyne, để gửi ra in ở nước ngoài. Năm 1973, bà bị KGB bắt giữ, bị thẩm vấn liên tục trong 5 ngày ròng rã, cuối cùng phải khai ra chỗ giấu bản thảo cuốn *Trại Lao Động Cải Tạo*. Soljenitsyne bị bắt, rồi bị trục xuất, còn bà thì sau đó treo cổ chết trong phòng riêng, xác không được khám nghiệm trước khi chôn. Không ai biết chắc bà tự tử hay bị giết.

Tiếp theo là Elena Chukovskaya, con của tiểu thuyết gia Lydia Chukovskaya, cháu nội của nhà thơ Kornei Chukovsky. Trong suốt 10 năm, bà này tự coi mình như thư ký riêng của Soljenitsyne, quán xuyến tất cả mọi công việc cần cho văn nghiệp của ông. Ông nói: “Bà ấy là tham mưu trưởng của tôi, hay nói cách khác, cả bộ tham mưu chung đúc lại thành một mình bà”. Bị mật vụ đánh nhiều lần, có lần suýt chết trong một tai nạn xe cộ do KGB đàn cảnh, bà vẫn không sờn lòng, vẫn hết lòng giúp nhà văn chống cộng thực hiện ý định.

Người thứ ba là Natalya Stolyarova. Bà là thư ký riêng của nhà văn Ilya Ehrenbourg (1891-1967), người ban đầu phục vụ cho chế độ cộng sản, nhưng từ 1954 trở đi, đã viết sách kịch liệt công kích bọn trùm điện Cẩm-Linh. Bà này là đầu mối chính của đường dây chuyển lén vi phim những tác phẩm của Soljenitsyne.

Người thứ tư là nữ bình luận gia Mirra Petrova. Bà này đã nhiều lần công khai đưa tiểu thuyết của Soljenitsyne đã được phép xuất bản tại Liên-Xô, ra nhận xét trên mặt báo. Và ông nói: “Bà ta giúp tôi hiểu thêm về quan điểm của phụ nữ”.

Người cuối cùng là Nadya Levitskaya. Bà này đã giúp Soljenitsyne sưu tầm tài liệu, và dịch cho ông những tài liệu tiếng Đức.

Còn nhiều nữa, những “đả tự viên”, “sưu tầm viên”, và “chuyển vận viên” vô danh (vì tác giả không nêu tên) đã cộng tác để tạo nên danh tiếng cho Soljenitsyne. Ông hàm ơn tất cả những người có nêu tên và không nêu tên ấy.

Nhưng các nhà phê bình nhận thấy Soljenitsyne cũng không phải là hoàn toàn thẳng thắn.

Những người giúp ông ngày trước không phải chỉ là phụ nữ, thế sao ông cố ý để cho người đọc có cảm tưởng ông là một tay “đào hoa” và “kỵ đàn ông”.

Riêng đối với hai người vợ của ông, hình như sự trình bày cũng không mấy trung chính: Đối với người vợ sau, Natalya Svetlova, ông gọi là người đồng cam cộng khổ, người giúp cho ông hoàn tất được “đại nghiệp” (giọng văn tỏ ra rất say sưa khi kể đoạn này). Còn đối với bà vợ trước, Natalya Reshetovskaya, thì ông kể rõ là kẻ thù chính trị, đã hợp tác với mật vụ mà hại ông. Dù chuyện ông kể có thật, thì giọng văn của ông cũng không thỏa đáng khi nói về một người đàn bà đã có thời là bạn đời của ông.

Thật ra, tác giả không nói rõ, độc giả nào tinh ý cũng hiểu ngầm được là chẳng phải riêng người vợ sau đã “vì tình” mà giúp cho ông. Những bà kia cũng vậy, có khác chẳng cũng chỉ ở cấp độ. “Tình riêng” tán trợ cho “việc chung”, thì cũng là chuyện thường. Trước khi bị trục xuất, Soljenitsyne là thần tượng của nhiều người Nga, nhất là phụ nữ.

Tóm lại, trong cuốn *Những Bạn Đồng Minh Vô Hình* của Soljenitsyne, cái chung lẫn lộn với cái riêng. Vì tình cũng là vì đại nghĩa. Nhưng dù sao, đọc cuốn sách, chúng ta cũng hiểu được thời kỳ khó khăn nhất của một nhà văn chống cộng ngay tại Liên-Xô trước đây. ●

Trăm Năm Thề Đến Bao Giờ...

Hoàng Hải Thủy

Truyện Kiều là tác phẩm có nhiều cuộc thề thốt nhất. Không phải tất cả nhưng gần như tuyệt đại đa số nhân vật trong Kiều cứ mở miệng ra là y như rằng thề, nguyện, cam kết, hứa hẹn.

Nhưng Truyện Kiều cũng là truyện tình trong đó những người thề ít giữ được lời thề nhất. Có thể nói tất cả những nhân vật thề ước trong Kiều đều, nếu không phản bội, cũng không giữ được lời thề.

Thúy Kiều, Kim Trọng, Thúc Kỳ Tâm, ba nhân vật chính, thề thốt thật nhiều. Mỗi lần họ thề là họ lấy thời gian "trăm năm":

Rằng: "Trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi.

Tiên thề cùng thảo một trương
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
Vàng trắng vắng vặc giữa trời
Đình ninh hai miệng, một lời song song.

Tóc tơ căn dặn tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

Đã nguyện hai chữ đồng tâm
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.

Đây là những lời cô cậu Thúy Kiều - Kim Trọng thề thốt mí nhau. Toàn đao to búa lớn: Trăm năm cửa, năm bảy năm hồng thềm đầu...

Cậu Thúc Kỳ Tâm sợ vợ vô địch

vô lâm cũng cứ mở miệng ra là nói đến "trăm năm". Thề nguyện đến như Công tử Vô Tịch Chạp Phô kiêm thi sĩ Kim Chỉ, Giải Rút đúng là thề vung xích chó:

Trăm năm tính cuộc vương tròn
Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông.

Nhưng khi cậu thấp cơ, thua trí đàn bà; vợ lớn của cậu bắt cóc vợ bé của cậu đem về nhà hành hạ, cậu chỉ biết khóc hận, cười đau nhưng cậu vườn cứ hung hăng con bộ xít:

Quản chi lên thác, xuống ghềnh
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
Nhưng mà:

Tông đường chút chứa cam lòng
Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai.

Cậu rất muốn bỏ hết để đi với em đến những nơi cuối bãi đầu ghềnh, sơn cùng thủy tận. Nhưng cậu chỉ muốn cái mồm thôi, cậu hồng đi. Lý do cậu đưa ra để hồng đi mí em là một lý do yếu xiu:

- Tại vì anh chưa có con để nối dõi nên anh hồng thể nào đi mí em được!

Lạ nháy! Anh hồng đi mí em vì anh chưa có con trai nối dõi? Dzậy thì đi mí em anh hồng có con được hay sao? Tại sao anh cứ nhất định phải có con mí Hoạn Thư mới được? Con Hoạn Thư đẻ ra mới là con anh, còn con em đẻ ra hồng phải còn anh sao?

Hoạn Thư nó về làm vợ anh đã lâu rồi, ít nhất anh cũng đã vất vả với nó năm mùa lá rụng. Mà nó vẫn chưa có



con tức là còn lâu nó mới có con. Còn em đây phơi phơi hơn nó nhiều. Bộ em không đẻ được con cho anh nối dõi tông đường hay sao? Đừng có nói dzậy! Muốn em hồng đẻ thì hơi khó chứ muốn em đẻ thì dễ ợt!

Thi sĩ tạp hoá Thúc Kỳ Tâm ngoài cái tật sợ vợ, còn thuộc loại những anh chồng mà ông cha ta gọi là có hành động "bỏ vợ còn mớ... tay theo". Cậu bảo ni cô bỏ chùa trốn đi cho mau, cho xa:

Liệu mà xa chạy, cao bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi.

Nhưng cậu vườn cứ hy vọng một ngày đẹp trời, cậu và nàng sẽ lại được đoàn tụ gia đình trong vòng trầy trật:

Bây giờ kẻ ngược, người xuôi
Biết bao giờ lại nối lời nước non.

Cậu còn nói lời cuối "Anh yêu em mãi mãi":

Dẫu rằng sông cạn, đá mòn
Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ

Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng tình anh yêu em vườn còn mãi mãi. Đến lúc anh ngáp ngáp, anh vườn còn yêu em.

Anh yêu em nhưng bỏ vợ để đi mí em thì anh hồng đi. Thúc Kỳ Tâm chưa được là "nhà buồn", cậu chỉ là

“con nhà buôn”. Cậu ăn chơi vung vít nhờ tiền của anh bố ký cốp. Suốt đời cậu chẳng kiếm ra được một đồng xu teng. Cậu chuyên khuôn tiền nhà đi ăn chơi. Cậu là thứ phá gia chi tử chân chính. May cho ông già Thúc Ông ba phải chưa đến số sập tiệm, ông chỉ mới vắng mặt ở cửa tiệm Lâm Tri có nửa năm, ông mà lảng cháng vắng mặt thêm nửa năm nữa là bao nhiêu vốn liếng sẽ tiêu tán thòong...

Thúy Kiều thề sẽ đợi chờ Kim Trọng suốt đời. Nhưng chỉ mới ba tháng sau ngày Kim công tử về Liêu Dương áp tải quan tài, nàng đã:

*Thề hoa chưa ráo chén vàng
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa.*

*Trăm nghìn gửi lạy tình quân
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.*

*Ôi Kim lang... Hỡi Kim lang
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.*

Thúy Kiều không giữ được lời thề vì nàng là nạn nhân của tai họa xảy đến với gia đình nàng, nàng là phụ nữ, nàng bị động. Bọn đàn ông thề và phụ thề trong Kiều mới là bọn đáng ghét. Thúc Kỳ Tâm ba hoa:

*Đường xa chớ ngại Ngò, Lào
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.*

Nhưng khi vợ lớn cậu ra tay, hạ độc chiêu, cậu chỉ biết than dài:

*Thấp cơ thua trí đàn bà
Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.*

Kim Trọng ngoài việc là chưởng môn Hoa Thơm Đánh Cả Cùm, còn là một chuyên viên “mồm miệng đỡ chân tay”. Khi từ Liêu Dương trở lại vườn Thúy, thấy Thúy Kiều đã lên xe bông về nhà chồng, cậu lăn đùng ngã ngửa, cậu giẫy đành đạch như đĩa phải vôi. Cứ nghe cậu trình diễn nhiều màn thảm thiết làm người ta tưởng cậu chết đến nơi:

*Vật mình, vấy gió, tuôn mưa
Dầm dề giọt ngọc, thần thờ hồn mai.
Đau đòi đoạn, ngắt đòi thôi
Tình ra lại khóc, khóc rồi lại mê.*

Cậu hung hăng thề - lại thề - loạn cào cào:

*Bao nhiêu của, mấy ngày đàng
Còn tôi, tôi quyết gặp nàng mới thôi.
Thế rồi cậu về sửa sang chốn vườn*

hoa - vườn Lâm Thúy, nơi cậu mượn điều du học hỏi thuê - cậu rước ông bà Viên Ngoại đến ở cùng nhà. Cũng kỳ. Cậu lấy tư cách chi mà chiêu đãi, phục vụ ông bà Vương Viên Ngoại quá cỡ. Thợ mộc đến thế? Ông bà Vương sau chuyển đi tù về hết nhẫn tiền bạc, nên sẵn sàng chịu ơn một anh chàng chẳng có họ hàng, đây mơ rể muốn chi hết là chuyện thường tình. Chỉ có điều hơi phiền là ông bà về ở chung mí anh thì em Thúy Vân nó cũng theo về ở chung, ra vô đụng chạm. Anh ruột cũng hỏng phải nốt. Khó ăn, khó nói. Chi bằng con chị nó đi, con dì nó thế. Mà Công tử thì đúng là sắp chết đến nơi, sắp chết đến nỗi trên cái cõi đời này hồng còn ai có thể sắp chết hơn được nữa:

*Sinh càng thảm thiết, khát khao
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo don
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.*

*Thần thờ lúc tỉnh lúc mê.
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao...*

Công tử khóc ghê quá, Công tử khóc đến ra máu ở mắt. Người đời thường chỉ ho ra máu, ít thấy ai khóc ra máu như Công tử.

Phải cứu mạng Kim công tử khẩn cấp. Khóc ra máu như thế, lúc tỉnh lúc mê như thế, Công tử ra nghĩa địa đến nơi rồi. Công tử nghèo củ tí là cái chắc! Điều kỳ diệu xảy ra - chuyện thuộc loại khó tin nhưng có thật - ông bà Vương Viên Ngoại không phải là lang thuốc nhưng lại bốc thuốc điều trị cứu mạng Công tử rất mát tay. Ông già Vương trông lù khù thế mà hốt thuốc cao tay hơn cả Hoa Đà, Biển Thước.

Vương lang bậm chỉ bốc có một thang thuốc thôi, nhưng là thang tiên dược, thánh dược, thần dược. Công lực của thang thuốc thần hiệu không biết đến thế nào là cùng. Kim bệnh nhân đang mê sảng, khóc ra máu, mắt trợn trắng, miệng ngáp ngáp, mấy ngón tay đã bắt chuồn chuồn, nằm thẳng cẳng ngay đơ cán cuộc... Nhưng chỉ cần thang tiên-thánh-thần-nhân-dược này đưa đến là kẻ sắp vào quan

tài nhóm ngay dậy đi hớt tóc, cạo râu, tắm, lên bộ com-lê ca-la-hoách, leo xe bông đến nhà thờ cho cha làm phép cưới, cặp tay ôm eo ếch cô dâu cùng uống ly rượu hôn phối ở nhà hàng rồi về ô-ten động phòng hoa chúc như máy...

Vương Viên Ngoại đã bốc thang thuốc thần sâu quỷ khốc nhân kinh ấy cứu mạng Kim công tử. Đừng có mê tín thuốc tây, thuốc ta mới là số dzách! Không phải tìm kiếm đâu xa, cái gọi là thuốc cải tử hoàn sinh ấy thường có sẵn ngay trong nhà hay ở gần nhà. Anh nào có phúc là anh ấy gặp thuốc. Kim công tử số chưa đến ngày hui nhị thì nên đã may mắn được gặp thang thuốc đó. Đang sắp chết cậu tươi lại, tỉnh ra, đầu óc sáng như gương tàu, cậu hết còn mê sảng, cậu dùng thuốc dài dài mỗi ngày và cậu học đầu nhớ đấy, học một biết mười. Sau khi có thuốc được mấy niên, cậu đi thi bèn đỗ tiến sĩ.

Bi giờ Kim công tử không còn sắp chết nữa. Đôi khi Công tử cũng thoáng nhớ thương Thúy Kiều:

*Nỗi nàng nhớ đến bao giờ
Tuôn châu dòi trận, vò tơ trăm vòng.
Công tử được cái hơn người là:
Khi ăn ở, lúc ra vào
Càng vui duyên mới, càng dào tình*

xưa.

Điều này có nghĩa là cậu càng dzui mí Thúy Vân chừng nào thì cậu lại càng nhớ thương Thúy Kiều chừng ấy. Chung tình đến như cậu mới thiết là chung tình.

Công tử thề nhất quyết phải được gặp lại Thúy Kiều dù phải tốn bao nhiêu tiền của, mất mấy ngày đàng. Nhưng ta thấy công cuộc tìm kiếm người mất tích trong khi thi hành công vụ của cậu có vẻ hơi lững lờ con cá vàng theo kiểu làm cho có:

*Đinh ninh mài lẹ, chép thư
Cất người tìm tòi, đưa tờ nhắn nhe
Biết bao công mượn, của thuê...*

Công thì cậu mượn người khác làm. Tiền cậu bỏ ra thuê người khác thế, cậu ở nhà, cậu phục thuốc mỗi ngày. Dường như Tố Như, người từng ca tụng Kim công tử với những lời hết xẩy: “Thông minh tài mạo tốt vời.

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa" và "Văn chương nét đất, thông minh tính trời" đến những đoạn về sau cũng có ý phê phán thái độ tìm kiếm bôi bác và "hoa thơm đánh cả cụm" của đương sự. Ta thấy ẩn ý của Tố Như trong hai câu:

*Cất người tìm tôi, đưa tờ nhắn nhe
Biết bao công mướn, của thuê..*

Tìm kiếm, tìm gấp, tìm kỹ, tìm ra, tìm dzô, tìm về, tìm đi, tìm vợ, tìm hiểu, tìm chỗ, tìm vết.v.v.. tìm gì cũng được nhưng "tìm tôi" nghe mới bôi bác làm sao! Đã "tìm tôi" lại còn "nhắn nhe"... Nhắn tin, nhắn miệng, nhắn nhủ, nhắn gì cũng được nhưng "nhắn nhe" nghe hổng được chút nào!

Việc dượng Kim Trọng lấy dì Thúy Vân không có gì xấu hay đáng chê trách hết. Không những không phải là việc xấu, việc đáng chê trách mà còn là việc làm thông thường của tất cả những ông anh rể quý trên cõi đời này. Những ông anh rể này không những chỉ thương yêu vợ mình mà còn thương yêu luôn cả hăm bà lằng những cô em vợ. Nhưng khi đã "vui duyên mới" rồi thì cậu không nên trình diễn những màn "đào tình xưa" nữa. Nhất là cậu đừng có mở miệng nói những câu đao to, búa lớn:

*Bình bồng còn chút xa xôi
Đỉnh chung sao nở ăn ngồi cho an.
Rắp mong treo ấn, từ quan
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha.*

*Giấn mình trong áng can qua
Vào sinh, ra tử họa là thấy nhau.*

Cậu dọa treo ấn từ quan nhưng cậu hổng có làm thật, còn lâu cậu mới từ quan, treo ấn. Còn chuyện giấn mình trong áng can qua thì cậu chỉ giấn mồm thôi. Sức mấy cậu chịu liều mạng công tử bột vào sinh ra tử tìm Kiều.

Cậu mặt trơ trán bóng chạy tội bằng mấy câu:

*Nghĩ điều trời thăm, vực sâu
Bóng chim, tấm cá biết đâu mà tìm.*

*Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi dời.*

Chềng dec ơi! Nấn ná là năm bữa nửa tháng, một hai niên... Nấn ná mà

đến những mười lăm mùa lá rụng thì còn gì là tuổi xuân của con nhà người ta nữa? Sốt sáng bảo lãnh thì chỉ năm năm là đoàn tụ với nhau rồi. Nấn ná đến mười lăm niên mới chi vé máy bay cho em sang thì "còn tình đâu, nữa, là thù đấy thôi"...

Thiên hạ nặng lời thề thốt, hễ mở miệng ra là "trăm năm": *Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương. Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. Rằng trăm năm cũng từ đây. Trăm năm tính cuộc vuông tròn...* Không những xài vung xịch chó chữ "trăm năm", người ta còn khiêng cả "ngàn năm" vào cuộc tình của người ta nữa: *Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ...*

Nhưng chỉ số thời gian của những nhân vật Kiều không phải là "trăm năm" mà dài lắm chỉ vài năm, ngắn là nửa năm. Thời gian "nửa năm" được dùng thật nhiều trong Kiều:

*Nửa năm hơi tiếng vừa quen
Sân ngô, cảnh bích đã chen lá vàng
Giậu thu vừa nẩy giò sương
Gối yên đã thấy xuân đường đến nơi*

Kỳ Tâm đến với Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích những ngày đầu xuân, đưa nàng ra khỏi vòng khai thác của Tú Bà vào mùa hạ. Bây giờ là mùa thu, Thúc ông được tin cấp báo anh con bốc trời ăn chơi phá của quá cỡ thợ mộc vừa lấy cô vợ chơi bời, bèn hoả tốc phóng xé về Lâm Tri phá đám.

"Nửa năm hơi tiếng vừa quen" là nửa năm đầu tiên trong Kiều.

Thúy Kiều xuống giá cùng với thời gian. Mã Giám Sinh mua nàng với giá bốn trăm lạng. Thúc Kỳ Tâm chuộc nàng với khoảng ba trăm lạng. Đến Từ Hải thì giá nàng chỉ còn khoảng trên dưới hai trăm. Nhưng thời gian Từ Hải sống chung với nàng thì vẫn thế, vẫn chỉ là "nửa năm":

*Nửa năm hương lửa đang nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.*

Kỳ Tâm - Kiều nửa năm. Từ Hải - Kiều sáu tháng. Thời gian của cậu Kim Trọng mới thật ly kỳ. Khi tạm biệt Kiều để về Liêu Dương hộ tang ông chú lắm chuyện bày đặt đã không

có con lại lăn đùng ra chết ở nơi xứ lạ quê người bắt anh cháu đưa đón, Công tử đau khổ hện nàng:

*Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây, cuối trời.*

Ta thấy rõ ràng Công tử nói: "Anh phải xa em đến ba mùa đông. Em chịu khó giữ nguyên chờ anh trở lại..." Nhưng sau đó ta lại thấy:

*Từ ngày muôn dặm phù tang
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà
Vội sang vườn Thúy dò la...*

Như vậy là đáng lý phải xa cây mít vườn Thúy đến ba niên, Công tử chỉ làm công việc phù tang qua quýt - tiếng Tây bồi gọi là "qua loa rơ măng" - trong có sáu tháng là phú lĩnh trở về vườn Thúy.

Tuy người ta luôn miệng nói đến "trăm năm" nhưng trước sau, dài ngắn chỉ là mười lăm năm thôi. Trong mười lăm năm ấy có ba cái "nửa năm":

*Nửa năm hơi tiếng vừa quen
Sân ngô, cảnh bích đã chen lá vàng*

*Nửa năm hương lửa đang nồng
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.*

*Từ ngày muôn dặm phù tang
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.*

Công tử Hà Đông tại ngục Chí Hoà vịnh Kiều, tính thời gian thiên hạ nói "trăm năm" nhưng yêu nhau không dài quá năm năm: Thúy Kiều - Kỳ Tâm hai niên, Thúy Kiều - Từ Hải năm niên. Thiên hạ nói thì nhiều xong yêu chẳng bao nhiêu. Cảm khái, Công tử bèn mần thơ:

*Mấy thu trắng đến chùa này
Mấy thu em ở, một ngày em đi.
Tình đi, người cũng từ ly
Vàng phai, đá nát còn gì nữa đâu.
Mấy thu trắng đứng trên đầu,
Mấy thu tơ đã phai màu vàng tơ.
Trăm năm thề đến bao giờ
Mấy thu người đã hững hờ chia tay.*

Thề sao thì lại cứ sao...

Những nhân vật phụ trong Kiều

cũng thề nguyên vung tán tăn. Cả ba anh Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh đều sẵn sàng thề nguyên và thề thật nặng. Đây là lời Mã Giám Sinh thề với ông bà Vương Viên Ngoại: “Nếu Mã Quy đem lòng phụ bạc lệnh ái thì thân này sẽ bị đao kiếm băm vằm ra muôn mảnh...”

Đây là lời thề của Sở Khanh: “Nếu ta phụ bạc nàng hay để cho nàng bị khổ nhục thì thân ta sẽ bị muôn ngàn sâu bọ đục khoét toi bời...”

Và đây là lời thề của Bạc Hạnh: “Nếu tôi phụ bạc Vương Thúy Kiều tôi sẽ chết dưới một ngàn mũi dao...”

Tổ Như chỉ tả sơ sơ cuộc ân đền, oán trả của Vương phu nhân chánh án tự phong:

Lệnh quân truyền xuống nội đao

Thề sao thì lại cứ sao gia hình.

Máu rơi, thịt nát tan tành

Ai ai trông thấy hồn kinh, phách rời.

Mơ hồ thôi. Nhưng nếu đọc tiểu thuyết *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Tử, ta thấy cuộc trả thù cực kỳ rùng rợn. Dưới đây là đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Kiều đối chiếu*, bản dịch tiếng Việt của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm, sách do nhà Văn Hoá - phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá Việt Nam Cộng Hoà xuất bản năm 1971:

Một hôm Thúy Kiều kể những chuyện ân oán đến với nàng ở thành Lâm Tri, Từ Minh Công nói:

- Ta sẽ cho năm vạn tinh binh đến quét sạch cái thành đó để trả thù cho phu nhân.

Thúy Kiều vội thưa:

- Chỉ có mấy tên Mã Bất Tiến, Tú Bà, Sở Khanh có tội mà thôi. Xin Đại vương ra lệnh cho tướng sĩ nhất thiết không được làm hại ai khác.

Từ Minh Sơn sai kiện tướng Sở Chiêu lãnh việc tế tác, mang một tiểu đội biệt kích giả làm thương dân vào thành Lâm Tri do thám. Đội biệt kích này phục sẵn quanh nhà Tú Bà, chờ đại binh đến là ập vào bắt sống bọn tội phạm đem về xử. Sai Đại tướng Hạ Báo lãnh một đạo quân đến huyện Vô Tích bắt Hoạn Thư và bà mẹ là Kế Thị, bắt bọn gia nhân Hoạn Ung, Hoạn Khuyển và hai tên Bạc Hạnh,

Bạc Bà, vãi Giác Duyên ở Chiêu Âm am, bà quản gia nhà họ Hoan thương xót Hoa nô lên cho bông băng, cho thuốc, được lệnh quân mời đến như thượng khách.

Ngày tổng khởi binh tiến đánh Lâm Tri, Từ Hải dành cho Thúy Kiều chủ tọa việc trọng đại là thệ sư. Truyện tả:

Vương phu nhân đứng trên đàn rót rượu thệ sư, tướng sĩ nhất tề quì gối. Phu nhân khấn:

- Trời thăm, đất dày xét cho lòng tôi. Núi cao, sông dài xin biết dạ này. Tôi là Vương Thúy Kiều, không may cha bị vu oan, phải bán mình chuộc tội, gặp phải bọn Mã Bất Tiến, Tú Bà, Sở Khanh, Hoạn Thị, Kế Thị, Bạc Hạnh, Bạc Bà bày mưu hãm hại. Nay nhờ uy linh Từ công, cất quân báo thù. Trước xin cáo với trời, đất, thần minh; sau xin xuất phát. Toàn thể ba quân chớ ngại cần lao, hãy vì ta mà phấn khích.

....

Hồi trống hiệu nổi lên, đội binh sĩ cầm cờ màu lam hô lớn:

- Giải bọn phạm nhân Vô Tích vào toà.

Hạ Báo dẫn Hoạn Thư, Kế Thị, Khuyển, Ung, Bạc Bà, Bạc Hạnh vào quì dưới sân.

Vương phu nhân Chánh án tuyên bố tội trạng:

- Mụ Bạc đẩy người vào cạm bẫy, tên Bạc Hạnh bán người lương thiện vào nhà bắt lương. Chặt đầu mụ Bạc bêu lên ngọn cây, tên Bạc Hạnh sẽ chịu tội theo đúng lời thề của mi. Mi sẽ bị đao kiếm băm vằm nát thân thể, lấy thịt đem cho ngựa ăn.

Đao phủ dạ ran, lập tức lời Bạc Bà ra chặt đầu. Bạc Hạnh bị bó chiếu tròn như bó củi, ngoài quần dây thừng thật chặt. Đao phủ dùng cửa cửa Bạc Hạnh từ chân lên đầu thành hơn một trăm đoạn. Xong, đem thịt Bạc Hạnh trộn với cỏ cho ngựa ăn.

Kế đó gọi đến phạm nhân Hoạn Thư.

Hoạn Thư gục đầu trên sân lạy van:

- Xin phu nhân tha mạng cho con đàn bà hèn hạ này...

Vương phu nhân nói:

- Hoạn thư... Ta cũng phải nhận chị là người có nhiều mưu chước và có gan chịu đựng. Nhưng ở đời người ta đối xử với nhau còn có chút tình. Nay chị gặp lại ta nhất định chị không thể sống được.

Hoạn Thư khầu đầu lia lia:

- Tội của tiện thiếp thực đáng muôn chết. Chỉ xin phu nhân nhớ lại giùm. Khi phu nhân viết tờ cung trạng tiện thiếp cũng động lòng thương xót, tiện thiếp đã để phu nhân ra viết kinh, niệm Phật ở Quan Âm Các. Rồi khi phu nhân bỏ đi, tiện thiếp không cho đuổi theo. Qua những việc làm ấy, chắc phu nhân cũng thấy trong lòng tiện thiếp vẫn kính yêu phu nhân chỉ vì chuyện chẳng đáng dừng xui tiện thiếp gây nên tội lỗi.

Vương phu nhân suy nghĩ rồi phán:

- Ta chỉ muốn lột da chị, ăn thịt chị để tiêu mỗi hận của ta. Nhưng chị nói cũng đúng. Nay ta tha chết cho chị vì khi ta đi chị đã không đuổi theo. Nhưng còn tội sống thì chị phải chịu.

Phu nhân lại hỏi:

- Những tên nào sang Lâm Tri bắt cóc ta? Khai thực đi. Những tên đó sẽ gánh bớt một phần tội lỗi cho chị.

Hoạn Thư cúi đầu thưa:

- Tiện thiếp sai hai gia nhân Hoạn Khuyển, Hoạn Ung sang Lâm Tri. Nhưng chúng chỉ là bọn thi hành mưu kế. Người chủ mưu là tiện thiếp. Chúng chỉ làm theo lệnh của thiếp. Nếu bắt chúng gánh tội thay thì tiện thiếp không nỡ.

Phu nhân khen:

- Khá lắm. Đến lúc này chị còn dám nhận hết cừu oán vào một mình chị ư?

Phu nhân truyền lệnh đao phủ đem hai tên Ung, Khuyển ra chém đầu để cảnh cáo bọn hào nô, làm tiền án răn đe không cho bọn nô bộc hung hãn cậy thế nhà chủ, theo lệnh chủ, hãm hại người khác.

Phu nhân truyền đánh Kế Thị - tức Hoạn bà, mẹ Hoạn Thư, vợ cố Tế tướng - ba mươi roi. Hoạn bà bị nọc

cổ ra bắt nằm sấp. Hoạn Thư ôm chầm lấy mẹ xin chịu đòn thay. Mụ quản gia, người có ơn nghĩa với phu nhân năm xưa khi phu nhân là Hoa nô, cũng quì xuống xin:

- Kính thưa lệnh bà, tội của bà chủ tôi thật không thể tha thứ. Tôi là tôi tớ của chủ tôi, xin được chết thay cho chủ.

Phu nhân phán:

- Vì bà quản gia, ta tha cho mụ Hoạn. Bà lãnh mụ đi khuất mắt ta.

Mụ quản gia tạ ơn, rồi vực Hoạn bà ra ngoài toà. Hoạn bà tuổi đã ngoài sáu bó, lại là một vị nhất phẩm phu nhân, cả đời không bao giờ bị cực khổ đến thân, nay bị bắt từ huyện Vô Tích giải đến Lâm Tri, chịu bao nhiêu khổ sở, lại thấy cảnh chém đầu, cưa thân người quá đối ghê gớm nên tuy được tha vẫn đứng tim chết ngay. Mụ quản gia đành ngồi canh thi thể bà chủ.

Phu nhân truyền lệnh cho bọn cung nữ trị tội Hoạn Thư bằng cách lột trần, treo lên, đánh một trăm roi.

Cung nữ dạ ran, túm tóc Hoạn Thư lôi ra, lột hết áo quần, chỉ để một cái khố. Tóc Hoạn Thư bị buộc lên cây xà ngang, hai tay, hai chân bị buộc dây kéo đang ra. Hai cung nữ khỏe mạnh cầm roi ngựa. Một em đứng trước, một em đứng sau, cứ thế quất roi lên trước mặt, sau lưng Hoạn Thư.

Hoạn Thư như con đĩa bị bỏ trong thùng vôi, như con lươn trong nồi nước nóng, quần quai, rên la. Toàn thân trước sau chẳng còn miếng da nào lành lặn.

Cung nữ báo cáo đã đánh can phạm đủ một trăm roi, phu nhân truyền lệnh đưa can phạm ra cho chồng nhận lãnh.

Cung nữ cởi tóc Hoạn Thư, lôi ra ngoài giao cho Thúc Kỳ Tâm. Thúc Kỳ Tâm thấy Hoạn Thư toàn thân rách nát, chỉ còn thoi thóp thở, bèn cảm khái mà than rằng:

- Em ơi, cái thông minh sắc sảo của em nó làm em rước tai họa vào thân. Tự em cầm dao cắt thịt em đấy.

Cai tù giải bọn Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh vào toà.

Phu nhân ngồi trên cao hỏi xuống:

- Tú Bà, mi có biết ta là ai không?

Tú Bà quì mọp:

- Thưa lệnh bà, tôi không được biết.

Phu nhân thét:

- Ngóc đầu lên nhìn xem ta là ai...

Cai tù túm tóc Tú Bà kéo giật ra đằng sau. Tú Bà nhìn lên mới nhận ra lệnh bà là Vương Thúy Kiều:

- Xin lệnh bà tha cho...

Phu nhân cười lạnh:

- Lúc này mi còn mơ tưởng đến chuyện sống ư? Lời mi thề với ta năm xưa mi quên rồi sao?

Lệnh bà truyền:

- Lôi con mụ này ra, lấy đầu nhựa thông đun sôi tẩm lên người nó, dựng ngược đầu nó xuống đất, chân chống lên trời, châm lửa đốt như ngọn đèn trời đúng như lời nó thề ngày trước.

Mã Bất Tiến - tức Mã Giám Sinh, tội nhân đứng đầu bằng can phạm Lâm Tri - bị kẹp chân tay vào những mảnh gỗ, căng thẳng, bị đao phủ dùng dao rạch da, moi gân ra cắt cho toàn thân rã rời đúng với lời gã thề.

Trong sân toà án còn một vạc dầu thông trộn vỏ cây gai nấu sôi sùng sục, một vạc nước lạnh. Sở Khanh bị lôi đến giữa hai cái vạc này, bị lột quần áo, trói quì vào cây cột. Một cai tù múc dầu thông sôi tưới lên người Sở Khanh, một cai tù múc nước lạnh tưới theo.

Tú Bà bị quán thành cây sập lớn, Mã Giám Sinh bị căng xác, Sở Khanh trần truồng bị trói như con heo chờ dội nước sôi cạo lông.

Vương phu nhân ban lệnh:

- Hành hình...

Lửa được châm vào cây sập Tú Bà.

Mã Giám Sinh bị khoét thịt, đao phủ dùng lưỡi câu móc gân ra cắt. Xác Mã Quy bị quăng ra biển cho cá nóc ăn.

Sở Khanh bị tưới đầu nhựa thông sôi rồi tưới nước lạnh, thân thể biến thành cây thịt bấy nhầy máu mủ. Quân sĩ bóc miếng vỏ gai trên đầu gã xem gã còn sống hay đã chết, óc gã nhoe nhoét chảy ra ngoài...

Trạc Tuyền em có...

Bọn bất lương ác ông chúng nó hại đời em, chúng nó làm em đau khổ, em trả thù chúng nó khi em lên bà cũng được đi. Nhưng em trả thù mà em hành hạ chúng khủng khiếp đến như thế cũng là quá đáng đấy.

Vương Thúy Kiều tài sắc, trinh nữ, đa tình, đàn địch, thơ phú... bị lường gạt, bị gã lưu manh dâm dăng hạ cấp phá trinh bị bắt làm gái chơi không phải là một lần mà những hai lần. Kiều bị bắt cóc, bị đánh đến toé máu, phải tự tử cũng đến những hai lần - một lần dao đâm cổ, một lần nhảy sông. Bị bắt làm con hầu, đầy tớ, Vương Thúy Kiều có quyền trả thù nhưng làm cho kẻ thù phải đau đớn quá chừng thì cũng không nên, huống chi là ni cô Trạc Tuyền.

Ni cô cũng hai lần ở chùa gõ mõ tụng kinh. Một chùa Quan Âm các, một chùa Chiêu Âm am. Không những chỉ ở chùa đốt nhang đèn, gõ mõ, tụng kinh, ni cô còn chép kinh nữa. Ni cô tu ba niên ở Quan Âm các, ít nhất cũng một niên ở Chiêu Âm am. Bốn mùa lá rụng chứ có ít ỏi gì đâu. Tốn biết bao nhiêu nhang đèn. Nghe nói ni cô thông tuệ khác thường chắc ni cô phải thấm nhuần ít nhiều giáo lý từ bi hỉ xả nhiệm màu của đạo pháp. Cũng nghe nói ni cô đã được giọt nước cành dương tưới tắt hết mọi lửa lòng. Vậy mà sao ni cô lại hành hạ người ta tàn ác quá đến như thế?

Thịt da ai cũng là người

Lòng nào lòng rụng, thấm rồi chẳng đau.

Khi chưa dzô cửa thiền, ni cô đã biết chân lý ấy. Người khác hành hạ, tra tấn ni cô làm ni cô đau đớn, ni cô cũng hành hạ, tra tấn người khác làm cho họ đau đớn thể xác hơn ni cô gấp bội. Vậy thì oan trái làm sao mà giải được? Ni cô phải đánh đàn cho nó nghe, chuốc rượu cho nó uống, phục vụ nó trong giường, rồi ni cô nhảy sông tự trầm là đáng lắm...

Sợ thay cho Thúy Kiều! Nợ máu kiếp này em không trả, em sẽ phải trả kiếp sau. Công tử Hà Đông bụi ngùi nghĩ đến chuyện phải chi lúc lệnh bà đang hung hăng con bộ xít hành hạ bọn Mã, Tú, Sở, Bạc... Công tử gọi

nàng một tiếng:

- Trạc Tuyền!

Biết đâu nàng lại chẳng “hoắc nhiên đại ngộ” mà tha chết cho bọn tội nhân, nhờ vậy nàng thoát được cái gọi là nợ máu, tiền oan, tức trái. Biết đâu đấy? Kinh điển ghi chép chuyện có nhiều sư ông tu hành cả đời không biết mùi thịt đàn bà, da con gái ra nằm thao nhưng vườn cứ u mê mờ mờ mịt mịt. Bỗng một hôm sư ông quét vườn chùa, cây chổi quét mảnh sành văng vào gốc trúc, phát ra một tiếng “keng”. Thế là sư ông “hoắc nhiên đại ngộ” và sau đó nghiêm nhiên trở thành bồ tát.

Chuyện có thật mới được ghi vào kinh điển để lại cho đời sau chứ. Phải tin. Không tin là báng bổ. Vậy thì chỉ một tiếng mảnh chai văng dzô gốc tre và một tiếng “keng” thôi, sư ông kiếp tu hành nặng như đá đeo còn “hoắc nhiên đại ngộ”, huống chi cả một tiếng kêu thẳng thốt:

- Trạc Tuyền!

Tiếc thay, Công tử Hà Đông đã không kêu lên được tiếng ấy cho nàng tỉnh ngộ. Rất có thể lúc ấy Công tử đang tá hỏa tam tinh, tối tăm mặt mũi, tay chân lập cập, đầu gối lỏng le lỏng lét, ngồi chồm hổm bên cạnh thân xác nát bét của em Hoạn Thư...

Điều biết chắc là đã không có ai gọi lớn tiếng “Trạc Tuyền” bên tai Chánh án Vương Thúy Kiều. Vì không ai gọi nên không có tiếng gọi, vì không có tiếng gọi thiêng nên Vương Thúy Kiều Trạc Tuyền đã không có cơ duyên “hoắc nhiên đại ngộ” mà quên hết oán thù, tha bổng tất cả các can phạm. Nếu nàng làm thế nàng đã không phải nhắm mắt nhảy xuống sông Tiền Đường.

Oan còn kết, oán chưa thôi

Trạc Tuyền, em có bồi hồi không em?

Em giết oan hai gia nô Hoạn Ưng, Hoạn Khuyển - họ Hoạn ban đặc ân cho hai gia nô trung thành, đặc lực được mang họ Hoạn - em không thể lấy lý do “giết chúng để làm cho bọn gia nô những nhà quyền quý khác kinh sợ”. Em không thể ngang nhiên dùng sinh mạng của người khác vào việc thực hiện những ý muốn riêng

của em. Em đã hành hạ quá tàn ác bọn Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh, Bạc Bà... Những nạn nhân của em oán hận em. Em luân hồi trở lại trần gian, bọn nạn nhân của em cũng luân hồi trở lại trần gian như em vậy. Chúng đi khắp chân trời góc biển tìm em. Bì giờ, Trạc Tuyền... anh chắc em đã hiểu tại sao kiếp nào em cũng đoạn trường...

Ai ơi chờ đại mà thề...

Sự kiện những anh Mã, Sở, Bạc... thề thốt vung xích chó rồi lãnh búa thề thảm, rùng rợn vì những lời thề độc ấy làm Công tử Hà Đông kinh sợ đến tắt ngúm đốm lửa lòng le lói.

Bài học luân lý giáo khoa thư lớp đồng ấu rút ra được từ những anh Mã, Sở, Bạc lẽo mép, miệng lưỡi dẻo quẹo chuyên môn thề thốt nặng lời là:

Đừng có bao giờ thề. Nhất là đừng có đại mà thề với đàn bà, kể cả đàn bà đẹp vừa vừa với đàn bà đẹp ghê gớm...

Thề độc mà gặp giờ thiêng thì thân bại danh liệt, cuộc đời ái tình và sự nghiệp của mình chỉ từ chết ngắc ngoài đến chết quàn quai chứ không thể nào khá được.

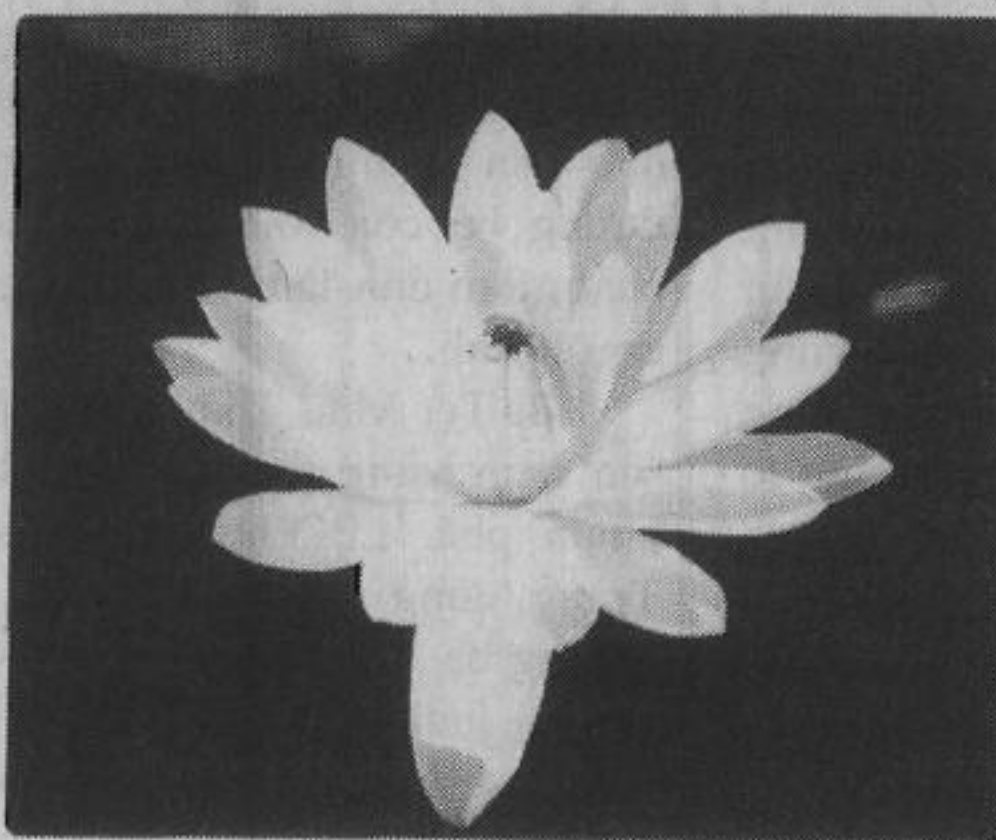
Nếu bắt buộc phải thề thì ta nên thề những câu vô thưởng vô phạt như vậy: Anh mà nói dối em thì anh làm con chó cả đời nằm dưới chân giường em...

Thề như vậy may ra còn được nàng để sống, đôi khi được nàng vuốt ve, nàng cho ăn bơ ăn sữa, nàng mang đi tắm...

Đừng có đại mà thề: Anh mà nói dối em thì máy bay nó cán anh.

Đừng có thề như thế. Có ngày máy bay nó cán cho đẹp lép như cái bánh trắng!

HOÀNG HẢI THỦY



TẠI NGỤC VỊNH KIỀU

LÀNG VĂN

**Bạn đã đọc
và thích**

**TẠI
NGỤC
VỊNH
KIỀU**

**dăng rải-rác
trên
Làng Văn?**

**Mời
đón xem
toàn bộ
trên sách**

Phát-hành
tháng 4.1996
giá 12 mỹ-kim
(18 gia-kim)

**Hỏi tại
các nhà sách
hoặc liên-lạc:
Làng Văn**

Tiếp-Xúc với Chữ Nghĩa Sau Cuộc Đổi Đời 1975

Hồ Trường An

Những bộ mặt nằm vùng

Sau ngày 30.4.75, tôi cũng như bao nhiêu người viết báo khác, hoặc nằm nhà đương đầu với cảnh thất nghiệp và rồi vì đói quá, phải bỏ ra chợ trời mua đầu chợ bán cuối chợ; hoặc chạy một vài cái áp phe lật vật kiếm sống cầm hơi. Đó là không kể chuyện quơ đồ tể nhuyển đem bán: cái áo blouson, cái máy sấy tóc, đồng hồ, bút máy, vài bộ quần áo còn thơm tất, mấy cuốn tự điển.v.v..

Một hôm, vì tinh thần trì trệ, tôi đến thăm nhà văn Vũ Hạnh để giải khuây. Đó là một nhà văn nằm vùng đã hết lòng nâng đỡ tôi trên bước đầu con đường viết lách. Lúc nào cũng vậy, ông tỏ ra ưu ái với tôi. Và lạ lùng là tuy Võ Phiến và Vũ Hạnh cùng lò *Bách Khoa* nhưng họ lại thù nghịch nhau. Võ Phiến là người có lập trường quốc gia vững chắc. Vũ Hạnh thì đỏ từ ruột đỏ ra ngoài da. Tuy thế, cả hai cùng tỏ ra thương mến Thụy Vũ và tôi, hết lòng giúp đỡ chị em tôi. Bởi đó, dù chính kiến bất đồng với Vũ Hạnh, nhưng trên bình diện tình cảm, tôi luôn quý mến ông ta cũng như quý mến ông Võ Phiến, và tôi luôn ghi khắc công ơn cả hai trong tâm khảm.

Tại nhà Vũ Hạnh, tôi gặp lại Lữ Phương, Thứ trưởng bộ Thông tin Văn hoá của Mặt trận Giải phóng miền Nam. Trước khi bỏ vào khu, khoảng năm 1965-66, Lữ Phương là

một phê bình gia cùng là nhà biên khảo văn chương rất sáng giá trên hai tạp chí *Bách Khoa*, *Tin Văn*. Tạp chí *Tin Văn* vốn là tờ báo của cộng sản, hoạt động từ năm 1966 do Trần Bạch Đằng và Lưu Hữu Phước chủ trương. Họ nhờ ông Nguyễn Ngọc Lương (nhà văn Nguyễn Nguyên) cùng Vũ Hạnh đứng ra chăm nom. Trong thời gian đó, Lữ Phương là giáo sư trường Thoại Ngọc Hầu ở Long Xuyên, cũng là cộng sản nằm vùng. Mặt mày anh thanh tú, thần sắc đoan nghiêm, hay mỉm cười, màu da đen nồng ấm. Dù nhỏ hơn tôi một tuổi, anh đạo mạo, đường bệ còn tôi thì lóc chóc lao chao, làm anh lầm tưởng tôi cỡ tuổi em út anh.

Hồi Tết Mậu Thân 1968, ở cộng sản nằm vùng trong tờ *Tin Văn* bị khám phá. Lữ Phương, nữ sĩ Vân Trang cùng giáo sư Thiên Giang (chồng bà Vân Trang), nhà thơ Hoài Hương (anh con nhà bác của vợ Vũ Hạnh) sợ bị tù nên bỏ trốn vào khu. Riêng Vũ Hạnh, Hà Kiều (thủ quỹ tờ *Tin Văn*), hề Ngọc (anh cùng cha khác mẹ với nữ nghệ sĩ Kim Cương, giữ phần liên lạc với Lưu Hữu Phước và Trần Bạch Đằng ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu) đều sa lưới chính quyền, bị giam ở Tân Hiệp.

Triều Vân, bí danh Ba Thành, một cán bộ văn nghệ ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu, một trong những tay đầu não tờ *Tin Văn*, cứ thăm thụt tới nhà

ba tôi (nhà thơ Mặc Khải) luôn. Ông thuyết phục ba tôi cùng chị em tôi bỏ vô khu, nhưng lúc đó tôi bị kẹt bốn tuần huấn nhục tại trường Bộ binh Thủ Đức, còn chị Thụy Vũ tôi lỡ yêu tên sĩ quan “ngụy” Tô Thùy Yên nên cả hai đều từ chối.

Riêng cô Phương Đài của tôi thì thừa lệnh Vũ Hạnh, đến vận động nữ nghệ sĩ Kim Cương và liên lạc với chị Ba Hưng, vợ của Vũ Hạnh. Sau rốt, cô Phương Đài bị công an bắt giam và phải sanh đứa con thứ ba trong tù.

Nhóm *Tin Văn* tan rã!

Mùa xuân năm 1975, cộng sản đại thắng trong cuộc cưỡng chiếm miền Nam. Lữ Phương với Thanh Nghị (cùng là Thứ trưởng Thông tin Văn hoá) trở về Sài Gòn, tuy không cờ quạt võng lọng nhưng cái nhãn “thứ trưởng” đủ làm các nhà văn hoá, các văn nghệ sĩ phe bại trận loá mắt.

Rồi đó đôi uyên ương Thiên Giang & Vân Trang xuất hiện. Bà Vân Trang, cây bút sắc sảo ở mục biên khảo trên diễn đàn *Tin Văn*, sau bảy năm lặn lội chốn mật khu, vẫn giữ vẻ trẻ trung nuột nà. Duy có điều bà trầm lặng, dịu dàng hơn trước nhiều. Tôi cũng gặp lại nhà thơ Hoài Hương, giờ đây đổi bút hiệu là Hoàng Liên. Anh giữ chức đầu não trong toán an ninh tại trụ sở Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng, tọa lạc ở đường Công Lý.

Riêng Triều Vân tức Ba Thành đã có mặt ngay ngày 1.6.75 tại toà đại sứ Đại Hàn cũ, nơi các văn nghệ sĩ phe bại trận phải tới đó đăng ký.

Trước khi *Tin Văn* bị bể ổ để tan vỡ luôn, tôi là biên tập viên của tạp chí này, nhờ sự dìu dắt nâng đỡ của Vũ Hạnh, do đó mà tôi đã gặp Lữ Phương vài lần tại toà soạn báo này ở đường Võ Tánh. Cả gia đình tôi, từ ba tôi (nhà thơ Mặc Khải), cô Phương Đài, tới chị Thụy Vũ và tôi, thuở đó đều viết cho *Tin Văn*.

Hoài Hương, Lữ Phương, Vân Trang sau cuộc đổi đời 75, không có cái tật kiêu binh. Trừ bà Vân Trang ra, họ rất ưu ái tôi. Riêng bà Vân Trang thì thân mến với cô Phương Đài tôi rất mực. Khi làm chủ nhiệm báo *Phụ nữ Sài Gòn Giải phóng*, bà gọi

cô tôi cộng tác liền.

Tôi phong văn được một tin động trời về Hoài Hương, Lữ Phương và Vân Trang. Khi chưa vào khu, ngồi bút của họ làm mưa làm gió trên văn đàn miền Nam. Họ ngắt véo chính quyền quốc gia, đả kích nền văn chương phe hữu một cách sắc sảo. Nhưng khi vào khu rồi, dù được giao chức Thứ trưởng Thông tin Văn hoá, nhưng Lữ Phương hễ viết ra câu nào cũng bị các tay chính ủy, các tay đầu não trong ngành văn hoá sửa tới sửa lui, rồi đem ra mổ xẻ, gạn lọc để làm sáng những gì có lợi cho đảng. Vốn tự ái, Lữ Phương nổi cáu phản đối. Thế là anh bị đem ra phê bình kiểm thảo đến độ tóc vấy trầy vi. Còn bà Vân Trang cùng anh Hoài Hương hễ viết ra câu văn, câu thơ nào cũng bị chê là còn phảng phất đầu óc tư bản lạc hậu thế nên suốt bảy năm ròng ở mật khu, họ không thể sáng tác thơ văn gì được cả.

Tại nhà Vũ Hạnh, tôi tả oán cái hoàn cảnh bữa đói bữa no của mình. Lữ Phương hứa giúp đỡ tôi vì anh nghĩ rằng dẫu sao tôi cũng là nhà văn tiến bộ, đã viết một vài truyện đồng quê lành mạnh, đề cao nông dân.v.v..

trên báo *Tin Văn*. Sáng hôm sau, anh cho người đến nhà tôi nhắc tôi mau đến Thư viện Quốc gia để giữ phần đánh giá các tác phẩm văn chương thuộc chế độ cũ. Viết tới đây, lòng tôi rung rung cảm động nhớ lại sự giúp đỡ của các anh, khuôn mặt xương xẩu với đôi lông mày cao của anh Hoài Hương, nụ cười thông cảm của anh Vũ Hạnh và giọng nói mềm mỏng của anh Lữ Phương.

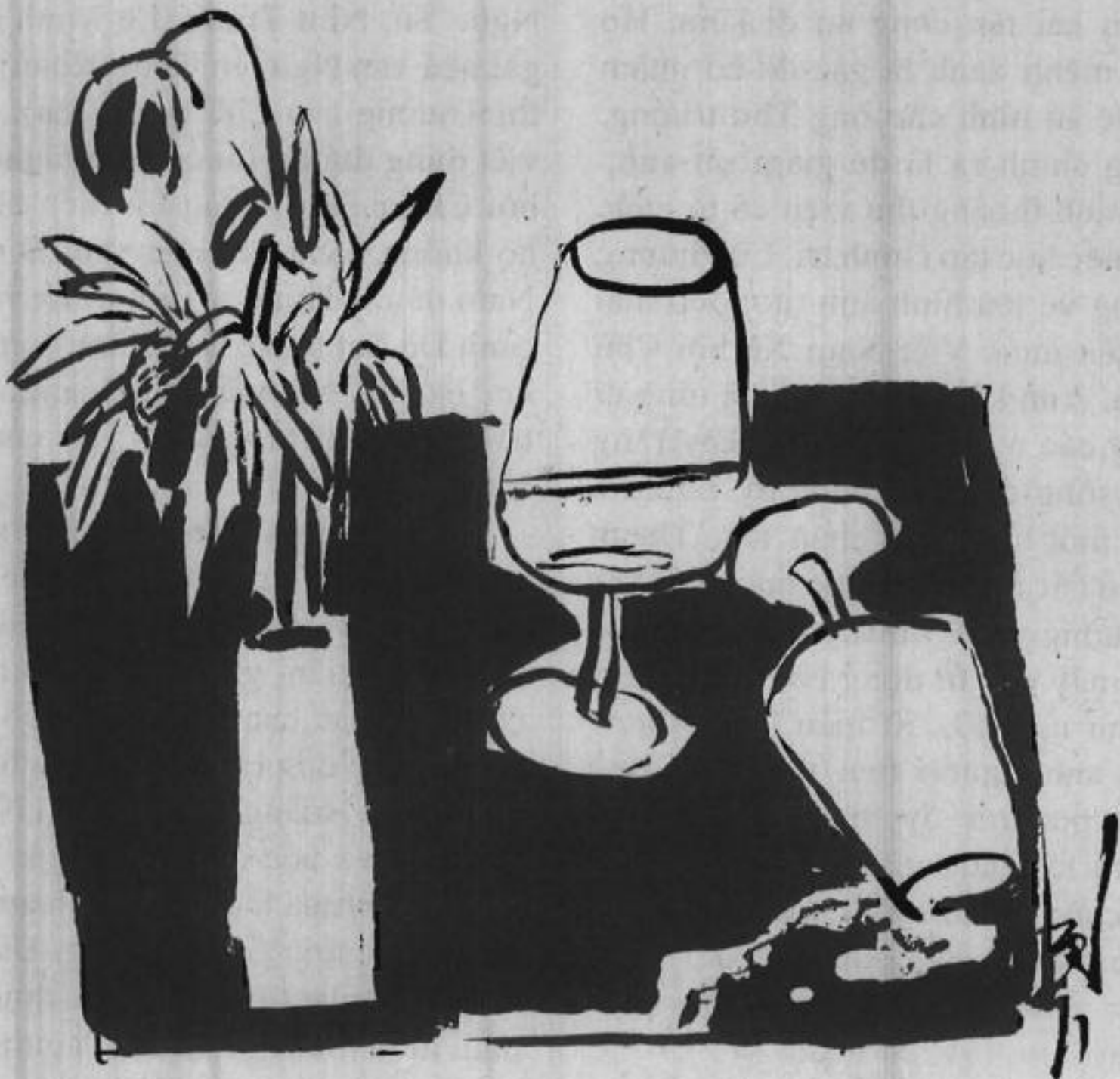
Những khuôn mặt trong thư viện

Khi tôi đến thư viện thì công việc đánh giá các tác phẩm văn chương thời chế độ cũ đã được nửa phần đường rồi. Lúc đó Vũ Hạnh và Huỳnh Văn Tòng (tác giả quyển *Nghề làm báo ở Việt Nam*) được bầu làm tổ trưởng tổ đánh giá các tác phẩm biên khảo. Ký giả Châu Anh làm tổ trưởng tổ đánh giá các tác phẩm văn nghệ. Nhà thơ Tường Linh làm tổ trưởng tổ đánh giá các tập thơ. Nhà văn nữ Minh Quân làm tổ trưởng tổ đánh giá sách thiếu nhi. Dịch giả Nguyễn Sĩ Nguyên làm tổ trưởng tổ sách dịch. Tôi được xếp vào tổ này cùng với ký

giả Giang Tân. Cùng làm việc với các tổ có nhà thơ Lê Trường Đại, nữ ký giả Thu Mai, chị Tố Oanh (vợ sinh viên cộng sản nằm vùng Trịnh Đình Ban), hai giáo sư Đại học Đà Lạt một người tên Oanh, người kia tên Lê Kim Ngũ. Ngoài ra còn có nhạc sĩ Dương Minh Hoà (em ruột nhạc sĩ Dương Minh Ninh, tác giả nhạc phẩm *Gấm vàng* rất nổi tiếng thời thập niên 40) và một số sinh viên đã học phân khoa báo chí Đại học Vạn Hạnh.

Trong nhóm người trên, ngoài Vũ Hạnh ra tôi chỉ quen anh Tường Linh, chị Minh Quân, anh Lê Trường Đại và cô Thu Mai. Chị Minh Quân vốn không ưa Thụy Vũ. Chị đã từng viết bài, ký tên Việt Thường, chà lảng Thụy Vũ trên vài tạp chí. Tuy nhiên chị lại thân với ông Mặc Khải, cô Phương Đài và tôi. Có lần tôi đã viết bài khen truyện dài của chị trên báo *An Lạc* của Đại đức Thích Thông Bửu. Anh Tường Linh là thần tượng thi ca của tôi thời tôi còn là cậu học sinh trường Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho. Qua cô Phương Đài mà tôi được quen anh. Anh Lê Trường Đại là trung sĩ Không quân, đã có thời cộng tác với đặc san *Nhân chứng* do nhà thơ Phổ Đức chủ trương. Còn cô Thu Mai, một biên tập viên sáng giá của tạp chí *Phổ thông*, vào mùa hè đỏ lửa 1972 đã lên Lai Khê phỏng vấn bà vợ Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, lúc đó tôi là sĩ quan giữ nhiệm vụ tiếp đón các ký giả cho nên khi gặp lại, có biết bao nhiêu chuyện để kể. Các ông Châu Anh, Giang Tân, Dương Minh Hoà, chị Tố Oanh đều tỏ ra thân ái, giúp đỡ tôi lúc tôi làm việc.

Trong thời gian làm việc ở đây, mỗi ngày tôi trình với ông Châu Anh 19 tác phẩm phiên dịch đã đọc xong. Thật ra, các sách dịch từ tác phẩm của Pearl Buck, Somerset Maugham, A.J. Cronin, Quỳnh Dao, Từ Tắc, Từ Vu, Lâm Ngũ Đường... tôi đã đọc như nhuyển từ thuở nào. Hai giáo sư Oanh và Lê Kim Ngũ đều có cảm tình với tôi. Họ ị ạch đọc các tác phẩm của các nhà văn nữ mỗi ngày chỉ được hai cuốn là nhiều. Tôi giúp họ bằng cách lôi từng cuốn của các nhà văn nữ ra,



tóm từng cốt truyện cho họ nghe để họ nương theo đó mà đánh giá, khỏi cần đọc. Gặp sách của Trùng Dương, Túy Hồng, Thụy Vũ, tôi chỉ cho họ xem những đoạn viết bạo. Gặp tác phẩm của Nhã Ca, tôi chỉ cho họ những đoạn tố cộng. Nhờ đó mỗi ngày họ đánh giá được bốn hoặc năm tác phẩm.

Dù sao đi nữa, đọc quá nhiều sách, đầu óc tôi nóng nức, sẵn sàng nổ tung như trái lựu đạn đã rút chốt.

Cứ mỗi sáng, chúng tôi đến thư viện từ 8 giờ. Chiều, lối 5 giờ là kết thúc một ngày làm việc. Khi cả bọn lũ lượt kéo nhau ra về thì an ninh lục soát giỏ, cặp da, xác cầm tay để ngừa việc trộm cắp. Đã vậy, trong giờ chúng tôi làm việc, bọn an ninh võ trang súng ống, đi rảo khắp phòng ốc canh chừng.

Lữ Phương, Bùi Giáng và Phạm Thiên Thư

Một buổi sáng nọ, giữa lúc mọi người đang làm việc. Không khí yên tĩnh, những cánh quạt gắn trên trần nhà quay uể oải. Bỗng có tiếng xao xác ở phía dưới sân thư viện. Vũ Hạnh liền chạy xuống, phóng ra ngoài. Lát sau, gương mặt đỏ gay, anh tức giận trở về chỗ làm:

- Cái thằng Bùi Giáng đang lăng mạ Cách Mạng ngoài cổng thư viện. Chúng ta phải có biện pháp với hắn.

Tôi tuột xuống lầu, chạy một mạch ra ngõ. Bùi Giáng đó, áo quần xô lệch, mặt mũi hom hem, tay khoa lên trời, miệng mạt ly xối xả Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Vũ Hạnh... Tôi vội vã trở về phòng đọc sách, nói lớn:

- Anh Vũ Hạnh, bấy lâu nay anh nói với tôi rằng Bùi Giáng điên gấp mấy lần anh Nguyễn Ngu Í, anh chấp ông làm chi, tội nghiệp!

Chưa hết đâu! Cũng một buổi sáng tôi dùng điểm tâm ở dãy hàng quà bên kia đường, xéo xéo với thư viện thì thấy Phạm Thiên Thư đi qua đi lại ngoài vòng rào thư viện. Anh không để đầu trọc như thời giả tu trốn lính nữa nhưng tóc vẫn còn cụt và lởm chồm như bàn chải tắm ngựa. Anh

mặc quần tây bằng ga-bạt-đen, áo xá xầu bằng gấm nhồi bông vì lúc đó trời hơi lạnh, giàu da màu sô-cô-la đánh bóng nẩy sao. Mặt anh có vẻ dớn dác, bản khuôn bôn chồn trông thật tội nghiệp.

Sau khi dùng xong ly cà phê sữa, tôi bước ra khỏi quán về phía anh, hỏi anh đi đâu. Anh đau khổ:

- An ơi, may quá được gặp An đây. Tôi muốn hỏi thăm về cuộc thanh lọc các tác phẩm văn chương để xem số phận các tập thơ của tôi ra sao.

Tôi cho anh biết cô Thu Mai có chân trong tổ đánh giá các tập thơ. Tôi còn đại đột đất anh đến gặp cô Thu Mai. Đang lúc anh và cô Thu Mai nói chuyện thì bọn an ninh mời anh ra ngoài, báo cáo cô Thu Mai và tôi với Lữ Phương. Tuy cả hai không bị Lữ Phương khiển trách nặng nề, nhưng tôi rất ân hận vì tôi mà cô Thu Mai hiền lành mềm mỏng kia bị vạ lây.

Trong thời gian làm việc tại thư viện, tôi không thể nói chuyện riêng với Lữ Phương được. Tuy thường gặp anh ở quán cóc nằm trước phủ Quốc vụ khanh, nhưng để gì mời anh một ly cà phê hay một tu hủ tíu! Luôn luôn anh bị hai tên công an đi kèm. Họ được mệnh danh là gác-đờ-co nhằm bảo vệ an ninh cho ông Thứ trưởng, nhưng chính ra là để giám sát anh.

Thỉnh thoảng thư viện có tổ chức các cuộc học tập chính trị. Lữ Phương thường vẽ lên hình ảnh tươi đẹp mai sau của nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Anh khoe rằng anh đã từng đi viếng các nước Đông Âu, thấy rằng mức sống của các nước ấy rất cao, máy móc thay thế chân tay. Thanh niên ở các nước ấy được quyền để tóc dài, uống rượu whisky, trong khi đó một máy cày tự động (sic) mỗi ngày có thể cày 40, 50 mẫu đất. Nhưng theo anh, muốn tiến tới mức sống đáng mơ ước ấy, ngay từ bây giờ chúng ta phải lao động hăng say vì sau cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, dân ta hãy còn nghèo.

Những buổi học tập

Trong thời gian chúng tôi làm công việc thanh lọc tác phẩm ở thư viện, có vài nhân vật văn hóa cộng sản đến viếng. Không bao giờ bọn này đến viếng thăm suông trơn. Để tham quan xong, chúng liền bảo Vũ Hạnh tổ chức cuộc học tập bỏ túi để bọn người miền Nam đả thông tư tưởng Xã hội Chủ nghĩa.

Hai cuộc học tập đáng nói nhất là của Bùi Phúc, Phó Viện trưởng viện Khảo cứu Văn học ở Hà Nội; và của Trần Bạch Đằng, tay đầu não ngành Tuyên Huấn của Mặt trận Giải phóng miền Nam.

Bùi Phúc trắng trẻo, mặt gà mái tái xanh, đầu hói quá mức, chỉ còn chòm tóc nhỏ bằng ba ngón tay ở đỉnh đầu coi thiệt kỳ dị. Ông nói về các phim ảnh của Nga, nhất là phim *Quand passent les cigognes* (Khi đàn cò trắng bay qua) đã từng đoạt nhiều giải thưởng điện ảnh ở Venise, ở Cannes, ở Berlin. Ông cũng tán tụng các phim ảnh thuộc trường phái tân hiện thực của Ý như các tác phẩm điện ảnh của Vittorio de Sica, Roberto Rossellini...

Hôm đó, nhân đề cập các nhà văn nữ ở miền Nam, Bùi Phúc nói:

- Miền Bắc có các nhà văn nữ như Ngọc Tú, Như Trang, Lê Minh (con gái nhà văn Nguyễn Công Hoan), Vũ thị Thường (vợ Chế Lan Viên)... Họ viết đúng đường lối của văn nghệ Xã hội Chủ nghĩa nhưng lối diễn tả của họ không bằng các nhà văn nữ miền Nam đâu... Thử đọc một đoạn văn tả cảnh Đà Lạt trong tác phẩm *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng, hoặc trong *Thung lũng tình yêu* của Lê Hằng thì rõ...

Thiếu tướng Trần Bạch Đằng đến mở cuộc học tập với bộ com-lê màu tím than, áo tay cụt bốn túi, có cầu vai bỏ ngoài quần, giày Italy mũi nhọn. Cách ăn mặc của ông nhái theo cách ăn mặc của ông Hoàng-Đã-Nhút (hồn danh của Hoàng Đức Nhã). Nhưng sắc diện và vóc dáng của Trần Bạch Đằng quê mùa lắm, nhút là hàm răng bịt vàng cười đỏ hào quang. Đã vậy, miệng ông lại tiết ra mùi hôi thúi thiệt đậm tuôn theo hơi thở làm người ngồi

gần khó chịu lắm. Ông nói:

- Các nhà văn miền Nam dù có viết tác phẩm tốt đối với Cách mạng vẫn gặp nhiều sơ hở. Họ đáng được thưởng ba cái bánh nhưng cũng đáng bị phạt ba roi.

Với vẻ mặt trịch thượng, ông ta chỉ Vũ Hạnh:

- Cả tác phẩm của anh Vũ Hạnh nữa. Vì anh chưa đủ thông tư tưởng Các Mác cùng đường lối, chủ trương văn nghệ do Đảng đề xướng nên anh viết có nhiều sơ hở đáng tiếc, đáng trách. Hồi năm 67, khi viết bản tuyên ngôn cho tờ *Tin Văn*, anh viết cả năm sáu lần mà không xong. Rốt cuộc tôi phải viết thay cho anh, rồi ký tên ảnh cho gọn.

Vũ Hạnh ngồi sượng trân. Nhái thơ cụ Đồ Chiểu:

Còn chàng Bùi Kiệm máu dè

Ngồi chai bộ mặt như giề thịt trâu
đổi thành:

Còn anh Vũ Hạnh ử ề

Ngồi chai bộ mặt như giề thịt trâu
thì thiệt là hợp tình hợp cảnh!

Tiêu chuẩn đánh giá các tác phẩm của văn học miền Nam trước 75

Hạng A: gồm những tác phẩm bị gọi là “phản động”. Đó là những quyển chống cộng dưới bất cứ hình thức nào. Chống cộng theo ý thức hệ như Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Duyên Anh, Xuân Vũ, Dương Nghiễm Mậu, Pearl Buck, Arthur Koesler, Alexander Soljenitsyne .v.v.. Chống cộng kiểu tâm lý chiến như Nguyên Vũ, Phan Nhật Nam, Hà Huyền Chi, Văn Quang, Cao Tiêu, Kỳ Văn Nguyên... Chống cộng theo lối lãng mạn, đề cao anh trai tiền tuyến em gái hậu phương như Nguyễn Đức, Nguyễn Thảo Uyên Ly, Lê Khánh, Lê Thị Ý, Lý Thụy Ý, Ngô Kim Thu, Hoài Linh Phương...

Hạng B: gồm các tác phẩm bị gán vào hạng “đòi truy”. Dẫn đầu là các sách dịch của François Sagan, Henry Miller, Elia Kazan, Jean Paul Sartre, Albert Camus. Các tác giả Việt gồm Lê Xuyên, Trần Đức Lai, Túy Hồng,

Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Lê Hằng, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn... Nguyễn Thị Hoàng dù không diễn tả những màn làm tình cup lạc nhưng đã viết những tư tưởng hiện sinh, đầu độc tinh thần, làm lụn bại ý chí độc giả nên bị xem là đòi truy gấp ba bốn lần các tác phẩm của Túy Hồng, Thụy Vũ, Trùng Dương. Riêng Nhã Ca và Duyên Anh tuy diễn tả các mối tình học trò bằng bút pháp trong sáng và thơ mộng cũng bị liệt vào hàng tác giả đòi truy vì theo họ, hai tác giả này thay vì hướng dẫn lớp trẻ tinh thần xây dựng xã hội lành mạnh thì lại đề cao các cuộc tình ái lãng nhăng.

Hạng C: gồm các tác phẩm lãng mạn than mây khóc gió, mơ mộng ái tình phù phiếm kiểu *Tuyết Hồng lệ sử* của Từ Trầm Á, *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, các tác phẩm của Quỳnh Dao, của Eric Segal. Những tác phẩm của Nguyễn Thị Vinh, Từ Kế Tường, Hoàng Ngọc Tuấn, Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh, Tuấn Huy, Mùng Mán, Tùng Long, Lan Phương, An Khê, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên... thơ của Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Trần Thị Tuệ Mai, Đỗ Quý Toàn... bị liệt vào hạng này.

Hạng D: gồm các tác phẩm thuộc loại “viễn mơ”, loại nghiêng về Đạo giáo như các tác phẩm của Hermann Hess, Khali Gibran, Rabindranath Tagore... Các tác phẩm Việt Nam bị xếp vào loại này là của các tác giả Nhất Hạnh, Võ Đình Cường, Tam Ích, Phạm Thiên Thư; Võ Chân Cửu, Trần Tuấn Kiệt...

Hạng E: gồm các tác phẩm được đánh giá “tiến bộ”, hoặc đề cao tình yêu đất của các tác giả Phi Vân, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Văn Trang, Minh Quân; hoặc kêu gọi đấu tranh giai cấp như vài quyển của Vũ Hạnh, *Khung rêu* của Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Hạng F: gồm các tác phẩm thuộc loại tốt nhất, đứng về hàng ngũ Cách Mạng rõ rệt, công khai hay úp mở ngất véo chính quyền miền Nam. Đó là các quyển *Tốt đen* của Nguyễn Thụy Long, *Hương máu* của Nguyễn Văn Xuân, *Lửa rừng* của Vũ Hạnh,

Tuyển tập Mùa Thu gồm truyện ngắn của Nguyễn Văn Xuân, Lưu Kiều Xuân, Biên Hồ, Dương Trữ La, Vũ Duy, Nguyễn Nguyên...; các tập thơ của Thế Nguyên, Thái Lãng, Diễm Châu (nhóm Trình Bày), Phương Đài.

Những tác giả có toàn bộ tác phẩm bị cấm

Hai tuần sau, danh sách các tác giả bị cấm toàn bộ tác phẩm được đem dán ở phòng Thông tin Văn hoá khắp các phường khóm. Tôi chỉ nhớ đại khái: Kim Nhật, Xuân Vũ, Võ Phiến, Nguyễn Mạnh Côn, Ngô Xuân Phụng, Lưu Kiếm, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Duyên Anh, Hồ Hữu Tường, Cao Tiêu, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Liên, Văn Quang, Nhất Tuấn, Nguyên Vũ, Phan Nhật Nam, Minh Đức Hoài Trinh, Hoàng Hương Trang, Lê Hằng, Túy Hồng, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng, Lê Xuyên, Thanh Nam, Trần Đức Lai, Nguyễn Đạt Thịnh, Hoàng Hải Thủy.v.v...

Thế là Phạm Thiên Thư thở phào. Sách của anh không bị cấm, Nguyễn Thụy Long là nhà văn xã hội được các cán bộ văn nghệ miền Bắc đánh giá tốt, nhưng họ vẫn cầu nhàu vì quyển *Ven đô* của anh nói xấu “Cách mạng”, hạ bệ bọn du kích đặc công Mặt trận Giải phóng. Cũng vậy, những tác phẩm của Nhật Tiến được đánh giá là có khuynh hướng đấu tranh giai cấp, song các quyển *Giấc ngủ chấp chờn* và *Tặng phẩm giòng sông* của anh bị coi là bôi bẩn bôi đen “Cách mạng”.

Hoàng Hương Trang ức lắm dù chị biết những bài thơ ca tụng *Bình Long anh dũng* và *Kontum kiêu hùng* của chị đã được Hồng Vân diễn ngâm trên đài truyền hình trước 30.4.75 nhiều lần thì làm sao bọn cán bộ miền Bắc quên cho được. Nhưng theo chị, một kẻ viết dâm đảng, đòi truy như Nguyễn Thị Thụy Vũ tại sao lại lọt khỏi danh sách các nhà văn có toàn bộ tác phẩm bị cấm?

Một hôm, ông bố Mặc Khải của tôi và tôi lên Ngã Năm Bình Hoà, đến Hoàng Mai Hiền thăm kịch tác gia Vi Huyền Đắc và vợ chồng chị (chồng chị Trang là nhà văn Triều Linh, tác giả truyện dài *Giòng sông trắng*). Chị giận dữ quát bố con tôi tơi bời hoa lá:

- Biết lắm mà! Ông bố có công với Cách Mạng, được bầu làm cố vấn Hội Văn nghệ sĩ Giải phóng thì cô con dù có viết phản động, đòi truy cách mấy cũng được lọt sổ, thoát lưới. Biết lắm mà! Nhờ thằng em có chân trong nhóm thanh lọc nên bà chị khỏi bị cấm toàn bộ tác phẩm. Biết lắm mà...

Bố Mặc Khải của tôi ôn tồn:

- Từ hôm được bầu làm cố vấn, tôi rút lui về Lộc Ninh để trồng rẫy, lập vườn. Nhưng cô Trang nên biết như vậy: làm cố vấn chẳng khác nào làm đờn bà vá, có quyền hành gì đâu!

Tôi cũng dịu giọng:

- Chị Trang ơi, xin chị hạ hỏa. Thằng này thanh lọc các tác phẩm dịch thuật chớ có rớt tới các cuốn sáng tác đâu mà chị bảo nhờ nó mà sách của bà chị tôi khỏi bị cấm toàn bộ!

Viết truyện ngắn cho trang thiếu nhi báo *Tin Sáng*

Sau một tuần làm việc thanh lọc tác phẩm tại thư viện, nhà báo Châu Anh bảo bọn tôi như sau:

- Ông Hồ Ngọc Nhuận, chủ nhiệm báo *Tin sáng*, có dành cho tôi trang thiếu nhi. Hôm nay tôi muốn mời anh chị em ở đây cộng tác.

Nhà thơ Tường Linh lác đầu. Anh quen làm thơ cho người lớn, anh đã xa tuổi thiếu nhi lâu quá rồi, khó mà tìm lại cảm nghĩ và niềm rung động thuở đó. Lê Tường Đại ừ ào hứa cho tan lè. Cô Thu Mai bảo rằng cô chỉ quen viết phóng sự. Các ông Nguyễn Sỹ Nguyên, Dương Minh Hoà mỗi người một lý do riêng để từ chối. Chị Minh Quân đang mớic nối với nhà văn miền Bắc Vũ Khiêu. Ông này hứa sẽ đưa chị vào tập san *Văn nghệ Giải phóng* có nhiều tên tuổi gộc như Thế Nguyên, Vũ Hạnh, Nguyễn Huy Khánh, Phan Đắc Lập, Mai Văn Tạo, RUM Bảo Việt (một bút hiệu của Sáu

Chiến, RUM có nghĩa là Rừng U Minh). Rốt cuộc chỉ có tôi nhận lời cộng tác với anh Châu Anh. Riêng chị Minh Quân có giới thiệu thêm một cây bút đã viết sách thiếu nhi và từng cộng tác với hai tập san thiếu nhi là *Tuổi ngọc* và *Tuổi hoa*. Đó là anh Hoàng Đăng Cáp, vốn là giáo sư toán lý hoá các trường trung học tư thực trước 75, vừa dạy học vừa viết văn.

Người viết truyện ngắn đầu tiên cho trang thiếu nhi báo *Tin sáng* là Vũ Hạnh. Anh dựa theo chuyện kể của tôi về một thằng bạn tôi ở vùng điểm nóng thời chiến tranh Pháp-Việt Minh. Chiêm nghiệm lối viết của anh, tôi lấy quãng đời thơ ấu của tôi ở vùng Ngã Ba Trung Lương, ở xóm Thiêng Đức, ở vùng An Hưng, cánh đồng Xả Xỉ vào cuối thập niên 40, đầu thập niên 50... viết lại. Ông Châu Anh khen lắm, bảo:

- An viết được lắm, tươi và sống động. Còn Hoàng Đăng Cáp viết toàn chuyện tưởng tượng nên khô quá!

Vì tôi đã từng viết bài cho các báo quân đội Việt nam Cộng hoà nên tôi không được phép xài bút hiệu Hồ Trường An. Tôi phải dùng một hơi ba bút hiệu khác là Đào Huy Đán, Đông Phương Bảo Ngọc, Hồ Bảo Ngọc. Nói có trời làm chứng, tôi chỉ viết về những năm kháng chiến và né tránh tối đa cuộc chiến tranh quốc cộng, né luôn việc chửi Mỹ bài Ngụy.

Toà soạn nhật báo *Tin sáng* đặt gần trường Nguyễn Bá Tòng, cơ sở và dụng cụ ấn loát đều là của nhật báo *Sóng thần* bỏ lại. Nơi đó có một câu lạc bộ cho văn nghệ sĩ đến giải khát và trò chuyện. Chính tại đây tôi gặp chủ nhiệm Hồ Ngọc Nhuận, chủ bút Ngô Công Đức và tổng thư ký Lý Quý Chung. Ngô Công Đức phươg phi, phì mĩ. Hồ Ngọc Nhuận hơi khô, ưa mặc com-lê gồm áo tay cụt có cầu vai và quần dài ống vừa. Lý Quý Chung đã trông rắng xương chớ không để hàm răng sáng như thuở làm báo *Tiếng nói Dân tộc*. Cả ba chỉ trò chuyện với Châu Anh chớ không thêm hỏi han tới cái tiểu biên tập của anh. Gặp Lý Quý Chung, tôi được một anh bạn rỉ tai:

- Tên họ Lý này ưa mượn tiền thiên hạ. Hễ món tiền nhỏ thì hần lờ luôn, còn mượn tiền lớn thì hần trảy nợ từ năm này sang năm khác.

Trước 75, Thụy Vũ thường than thở:

- Lý Quý Chung, Nguyễn Hữu Chung hô hào làm báo dân tộc, vậy mà tụi nó thiếu nợ tao cả tháng tiền bài; báo chết là tụi nó giựt luôn. Làm báo kiểu đó, mai sau nếu tờ *Tiếng nói dân tộc* tục bản, có con chó mới thêm cộng tác với tụi nó.

Bởi đó nên khi Lý Quý Chung a xề ngời vào bàn nhóm Châu Anh là tôi ngậm miệng, không muốn đàm đạo với ai nữa.

Tường Linh, bởi Châu Anh kèo nài lắm nên mới cộng tác vài bài thơ nho nhỏ. Tôi cũng làm vài bài thơ ngắn để thay đổi không khí.

Ban biên tập chẳng lẽ chỉ có Tường Linh, Hoàng Đăng Cáp và Đào Huy Đán, cho nên Châu Anh mời thêm nữ sĩ Lê Hằng lúc đó viết cho báo *Phụ nữ Giải phóng* dưới bút hiệu An Thoa (tên hai đứa con gái của Lê Hằng). Lê Hằng mắc lo bán chợ trời nên từ chối. Châu Anh do tôi giới thiệu, tìm đến nữ ký giả kiêm nhà văn Thục Viên. Trước 30.4.75, Thục Viên có tập truyện *Dấu chân chim lạc loài* do Phù Sa xuất bản (Ngọc Linh chủ trương) và truyện dài *Thạch nữ* đăng trên nhật báo *Sóng thần*. Nhưng việc mời mọc không thành vì Thục Viên lúc đó đang là cây bút phóng sự nòng cốt của *Tin sáng* dưới bút hiệu Huỳnh Cẩm Nhung.

Rốt cuộc chỉ có tôi và Hoàng Đăng Cáp chia nhau viết truyện thiếu nhi. Sau đó có thêm Dương Trữ La tăng cường lực lượng. Truyện của Dương Trữ La rất hay, rất sống động. Nói chung, bộ biên tập mục thiếu nhi báo *Tin sáng* rất vui vẻ với nhau, bằng mặt lẫn bằng lòng. Châu Anh viết thư hỏi ý kiến nhà báo Thanh Thu, người chuyên viết truyện thiếu nhi ở miền Bắc, về mục thiếu nhi của báo *Tin sáng*. Lời nhận xét thật tích cực của Thanh Thu làm ông Châu Anh vô cùng phấn khởi.

Bài thơ oan nghiệt

Rồi đó, để mừng con đường sắt xuyên việt nối liền Hà Nội - Sài gòn, Hồ Ngọc Nhuận ra chỉ thị bộ biên tập trang thiếu nhi phải viết bài nói lên tình Nam Bắc một nhà và đề cao công ơn thống nhất đất nước của Bác và Đảng. Tôi liền làm một bài thơ để đóng góp, nhan đề là *Một nhà thân ái*:

Vui thay chó, mèo, gà
Yêu thương chung một nhà
Dù trắng tròn trắng khuyết
Dù thu tới, hè qua.

Lũ chồn đen, chồn mướp
Đêm đêm bắt vịt gà
Chó vồ ngay lũ cướp
Chúng hoá thành kiếp ma.

Rắn cạp nong, hổ lửa
Theo lối cỏ vào đây
Mèo móng vuốt hăm hờ
Rắn độc đành bỏ thầy.

Nào bồ cạp, kiến lửa
Nào rít chúa độc trùng
Lũ độc, lẽ nào dung
Gà nuốt chửng từng đứa.

Buổi trưa, trời êm ả
Gà ó ọ mở đầu
Chó cất tiếng gâu gâu
Mèo ngao ngao, vui lạ!

Bài thơ được đăng. Nhưng từ đó về sau, khi tôi cung cấp thơ, truyện ngắn, đoản kịch cho Châu Anh thì không thấy bài nào được đăng nữa. Cứ vậy ba tuần lễ trôi qua. Tôi ngỡ ngỡ có chuyện gì xảy ra. Bữa xế nọ, chị Minh Quân và tôi rủ nhau đến câu lạc bộ *Tin sáng* thăm Châu Anh. Anh đưa cho tôi các bài viết trên các báo *Sài gòn Giải phóng*, *Giác ngộ* (báo của nhóm Phật giáo giải phóng), *Phụ nữ Giải phóng*... viết về bài thơ *Một nhà thân ái* của tôi. Họ hề nhau cười rửa cái tượng trưng, cái điển hình trong bài thơ. Họ bảo rằng tư tưởng tôi còn chất chứa cái mầm mống phản động, cái xỏ xiên của một tên hạ cấp. Tôi đọc từng bài cười, đầu óc tôi tối sầm. Tôi khờ khạo, hốc hác không hiểu mình phản động ở chỗ nào, xỏ xiên ở đoạn nào! Thế rồi Lý Quý Chung cho lệnh mời tôi vào văn phòng. Anh

ta đổ hồ tôi làm cho Châu Anh và anh ta bị khiển trách. Anh ta chê những bài viết của tôi đăng trên *Tin văn* hồi đó:

- Toàn những thứ xoàng xĩnh, tầm thường, tố thực dân chung chung, tránh né chính nghĩa tối đa.

Sau đó tôi đến gặp Hồ Ngọc Nhuận. Ông này từ tốn hơn, bảo tôi:

- Vì anh không rõ đường lối của Đảng nên dễ phạm vào cái *symbole équivoque* (cái tượng trưng có nghĩa mập mờ dễ gây ngộ nhận).

Châu Anh buồn bã bảo tôi:

- Đây là cái cớ để họ đẹp luôn trang thiếu nhi.

Tôi phần uất nói càn:

- Và rồi đây họ sẽ tìm cớ để đẹp luôn nhật báo *Tin sáng* cho mà xem!

Quả thật, miệng tôi linh thiêng như chim ục, chim cú, tiên báo cái ngày chung cuộc của báo *Tin sáng* vào năm 1979. Còn trang thiếu nhi chỉ tới năm 1977 là đẹp tiệt.

Nhắm hướng Phụ nữ Giải phóng

Lúc tôi bị đẩy ra khỏi trang thiếu nhi nhật báo *Tin sáng* thì bà Vân Trang, chủ bút tờ *Phụ nữ Giải phóng*, cũng bị cho ngồi chơi xơi nước. Một nữ cán bộ văn nghệ tên Hoa được thay thế. Tờ *Phụ nữ Giải phóng* cũng theo đường lối viết về sự đổi mới của đất nước. Bài vở đa số là những bài phóng sự viết về sự canh cải nếp sống nông thôn; đề cao thủy lợi, vùng kinh tế mới và sự học tập tiến bộ của nông dân. Bà Hoa chủ trương người thật việc thật, muốn các biên tập viên phải đi thực tế với nông dân, sinh hoạt với họ để bài viết có vẻ sống thực.

Tờ báo hầu như không có một cây viết phụ nữ nào dám đảm nhận vai trò viết phóng sự. Có bà nào, cô nào dám bỏ nhà để dấn thân vào một vùng xa thủ đô, viết phóng sự mà thù lao được trả chỉ đủ cho vài châu phở, cà phê? Tuy nhiên cũng có vài anh ký giả rồi nghề buồn tình, xin đến các vùng kinh tế mới ven đô làm phóng sự.

Do theo lời quyến dụ của mấy tên bạn cà chớn, tôi cũng định xin bà Hoa

bài cuối cho los

Bỏ làm thơ, nhập thế
Người xay đậu thành binh
Tự đặt ra điều lệ
Mình phù thủy chính mình.

Theo đường ngang nẻo tắt
Lấy rác rơm bồi danh
Làm sao người ngẩng mặt
Khi về thủy mộ quan?

Câu bỏ dao thành Phật
Người bỏ Phật cầm dao
Nên hồn gần mặt đất
Là đà ở phía sau.

Người bơi trên nương cạn
Cứ ngỡ là đại dương
Dù cầu đảo mưa nắng
Vừa bàn tay giọt sương!

Bầy âm binh bỏ đi
Còn trơ những hạt đậu
Người và chiếc mặt nạ
Như một cặp song sinh.

ngheu minh

cho viết phóng sự về các vùng kinh tế mới dọc theo quốc lộ 13 và sẽ lấy một bút danh thật yêu kiều diễm lệ cho bài viết. Nhưng một hôm, anh Vũ Hạnh cùng Phan Đắc Lập lên làng báo chí thăm Thụy Vũ và tôi. Anh Phan Đắc Lập (một cây bút báo *Văn nghệ Giải phóng*, người đã từng viết bài chê Kim Dung là nhà văn lạc hậu) bảo:

- Nông dân đạo này không thích đường lối cách mạng. Họ tỏ ra ương ngạnh với nhà nước. Họ chỉ canh tác đủ ăn vì không muốn lúa thóc của họ chui vào túi chánh quyền địa phương. Hễ ai muốn sinh hoạt với họ để viết phóng sự thì họ nạng ra, tỏ vẻ ghét bỏ lắm.

Vậy là xong! Tôi không còn một chút ảo vọng nào với cái thế giới chữ nghĩa sau cuộc đổi đời nữa và đành phải ra chợ trời kiếm sống. ●

Thuyết năn nỉ tôi:

- Về Cà Tang với anh nghe, Ngoan.

Cà Tang của Thuyết, trời ơi, vừa xa lắc xa lơ, vừa quê mùa tội nghiệp, nếu không phải đi bằng xe đồ trên những con đường lỗ chỗ hục hang do bom đạn từ thời còn chiến tranh để lại, thì phải ngồi nguyên một ngày trên những chiếc ca nô cũ kỹ ngược dòng sông Thu Bồn, mới có thể tới được. Nhưng dầu xa hay gần, dầu quê hay tỉnh, dầu thế nào đi nữa cũng chẳng phải là lý do để tôi từ chối không nhận lời. Mà về Cà Tang với Thuyết, có nghĩa là tôi lại phải bắt đầu một lần nữa, tuyên chiến với gia đình, với cả hai gia đình.

Ròng rã gần hai mươi năm trời, chuyện tình giữa tôi và Thuyết kể như là "hết phim", như đám bạn của chúng tôi vẫn hay đùa. Tôi không biết người ta sẽ còn nói về cái cuộc chiến tương tàn của đất nước tôi, và về cái số phận của những con người sống trong nghịch cảnh, trong phân ly, đau khổ đến bao nhiêu năm nữa. Tôi cũng không rõ ở phía bên kia, nơi gia đình tôi muốn đến, người ta đã tạo dựng nhân vật tiểu thuyết dựa trên những chi tiết thật, cuộc đời thật của những mối tình ngang trái giống tôi và Thuyết ra sao; còn ở phía bên này, ở đây người ta hay hơn hử cho một trong hai nhân vật chính đặt lý tưởng cộng sản, đặt cái chết của người cha, người mẹ đã hy sinh vì cái lý tưởng ấy lên trên hết mọi sự. Và dĩ nhiên chuyện đấu tranh giai cấp, kiên định lập trường.v.v.. đã được giàn dựng nhiều, rất nhiều trong vô số tiểu thuyết và phim ảnh.

Thuyết bảo tôi, chàng vô cùng chán ngán những loại tiểu thuyết và phim ảnh như vậy, vì ở một khía cạnh nào đó, chúng đã phơi bày phần nào cái sự thật đau lòng mà Thuyết không bao giờ muốn nhắc đến. Tôi không hiểu chàng có nhận ra được tính cách tuyên truyền, có khi thô thiển, có khi tinh vi, trong những loại tiểu thuyết và phim ảnh ấy hay không. Thuyết hoàn toàn chẳng có một dấu hiệu gì giống như những nhân vật trong ấy

cả. Chàng không hò hét, không a dua, không đấu tranh, không kiên định lập trường gì hết. Chàng yêu tôi. Chàng bình tĩnh yêu tôi và bình tĩnh chịu đựng sự lạnh nhạt, khó chịu của gia đình tôi; chịu đựng sự phê bình, ý kiến vì những can thiệp, chen lấn vào đời tư chàng từ các chi đoàn thanh

niên cộng sản mà chàng tham gia; và thời gian đầu mới đối cờ, chàng còn phải chịu đựng cả sự gây gổ, tranh cãi kịch liệt với tôi nữa.

Hằng ngày, khi sống trong một vài nghịch cảnh nào đó, phải vào ra đụng chạm với những điều mình không thích, hoặc phải chứng kiến

Sắt-Se Mấy Giọt Sầu

Hoàng Nga



những cảnh chướng tai gai mắt xảy ra chung quanh, thường người ta hay có những phản đối rất dữ dội. Nhưng nếu như cảnh khó chịu ấy cứ diễn ra đều đặn, hay cái điều xốn mắt kia cứ lặp đi lặp lại không ngừng, thì hoặc là người ta sẽ ngả mũ chào thua, hoặc sẽ dần dà thấy... quen, rồi từ từ mới chuyển sang đầu hàng. Tôi và Thuyết mãi rồi cũng quen với những chống đối, phê phán và dường như cũng đã vất bỏ hết mọi vũ khí đấu tranh từ lâu lắm rồi.

Dưới mắt tôi, Thuyết giống như những vị hoàng tử trong cổ tích, phải lìa bỏ kinh thành, lìa bỏ ngôi báu, dấn thân vào gian nguy thử thách, để cứu cho được người yêu mình thoát ra khỏi bàn tay độc ác của những bà phù thủy nham hiểm, xảo quyệt. Chàng đã phải đưa lên bàn cân nhiều thứ, dấn đo nhiều thứ khi chọn lựa tôi, tình yêu tôi. Vì thật ra, Thuyết có thể quen cũng như có thể cưới một cô vợ trẻ đẹp và giỏi giang hơn tôi, có cùng quan niệm, ý chí hay ít ra thì cũng làm việc, cùng có những sinh hoạt chung với chàng, giống như chàng. Yêu tôi, Thuyết nhọc lòng biết bao nhiêu. Và yêu tôi, thật đúng là vất vả, là hết phim, là khó có thể có được một kết thúc sum vầy, vui vẻ.

Vậy mà chàng vẫn... lì lợm yêu tôi từ bao nhiêu năm nay. Vẫn anh đứng hiên ngang tuyên bố sẽ yêu tôi cho đến ngày mãn phần, vẫn tới lui nhà tôi mỗi tuần một tối thứ bảy, giúp gia đình tôi làm việc gì đó dù không ai tỏ ra cần bàn tay trợ giúp của chàng. Và chính vì chàng lì lợm như vậy, nên tôi cũng đã lì lợm yêu chàng, lì lợm khâu cho chàng cái áo, thêu cho chàng cái khăn, lì lợm có mặt cùng chàng ở mọi nơi. Những cái chi đoàn thanh niên cộng sản chết tiệt của Thuyết đã gán cho chàng cái tội "có quan hệ nam nữ bất chính" với một phần tử đứng ngoài xã hội là tôi. Thuyết bảo tôi chàng đã cãi nhau liên tù tì với họ, rằng chúng tôi chẳng bao giờ làm điều gì để có thể gọi là bất chính, trái với luân thường đạo lý. Chúng tôi gặp nhau ở những chỗ sáng láng mặt trời và trước bao nhiêu con

người. Thuyết còn kể chàng đã chứng minh cho họ thấy là chính xã hội đã gạt tôi ra chứ tôi hoàn toàn không muốn đứng ngoài xã hội, qua việc tôi không được chấp nhận đi học hay đi làm.

Không biết tôi có nên nghi ngờ việc Thuyết dăm cãi nhau với những cái chi đoàn hơn mẹ hơn cha ấy không, nhưng sự bền bỉ gắn bó của chàng với tôi, ở một mức độ nào đó đã chứng tỏ chàng không bị họ chi phối. Với bạn bè, tôi gần như là vợ của Thuyết. Khi có ai hỏi "Thuyết nào?", câu trả lời sẽ luôn luôn là "Thuyết Ngoạn" để phân biệt với một Thuyết nào đó... Hầu như ai cũng chờ một kết thúc "chính thức" giữa chúng tôi. Tuy nhiên, chính thức như thế nào, ở đâu và bao giờ thì chẳng ai dám nghĩ nó có thể xảy ra, và chính bản thân tôi, tôi cũng không biết nữa. Ba mẹ tôi bảo ông bà không hề ngăn cản chuyện tôi yêu và lấy Thuyết nếu như chàng bằng lòng đi theo gia đình tôi sang bên kia.

Thuyết có bà mẹ già. Chàng bảo mẹ già như chuối ba hương, và thỉnh thoảng kể cho tôi nghe về quê chàng và mẹ chàng. Thuyết xa mẹ năm chàng sắp sửa lên trung học. Chàng kể:

- Trận lụt năm Thìn ấy gần như đã tàn phá hết quê anh. Những ngày đầu tiên, lúc nước mới dâng lên đến sân nhà, đám con nít tụi anh cứ chí choé mừng rỡ. Ở quê anh, có những bãi sông rất lý tưởng để tắm, để nô đùa nghịch ngợm, nhưng trong trí óc non nớt của tụi anh hồi đó, cái giòng nước đầy phù sa đục ngầu chảy mấp mé vào đến hiên nhà mới quặn rũ hơn nhiều. Bởi vì chỉ cần chạy ra đến bậc thềm, ngồi hay nằm bệt xuống đất là có thể thả được những con thuyền làm bằng mo cau xuống nước...

Thuyết chớp mắt:

- Nhưng rồi khi nước lên đến bắp chân, đến đầu gối, đến mép giường... khi người lớn bắt đầu hoảng hốt nghĩ đến chuyện dời đồ đạc, vật dụng trong nhà đến chỗ cao hơn, và nhất là khi những bữa cơm bắt đầu teo tóp

lại, tụi anh mới trở nên chột dạ, mới hết cười đùa.

Nhà Thuyết chỉ có hai mẹ con, hàng ngày vẫn sống trong một cái chái nhỏ phía sau nhà ông nội và chú chàng. Cái chái thấp, nằm trong khu đất trũng, nên khi nước dâng lên chỉ mới đến hiên nhà ông nội chàng, thì mẹ con chàng đã không còn có thể ngủ trên chiếc giường tre được cột vôi vữa vào vách cho khỏi trôi trành. Thuyết kể:

- Mẹ anh gom góp tất cả những thứ quý trong nhà như lư đồng, sách vở của ba anh, và quần áo đưa gửi lên nhà ông nội. Dĩ nhiên anh cũng được gửi lên theo.

Tôi hỏi:

- Tại sao chỉ có mình anh mà không có mẹ theo cùng?

Thuyết cười buồn:

- Mẹ anh có nuôi một con heo nhỏ, định cuối năm bán lấy tiền cho anh xuống Quế Sơn thi đệ thất. Mẹ chăm sóc nó kỹ lắm, có lẽ bà nghĩ là nó sẽ góp phần cho việc thành nhân của anh sau này. Nói một cách nôm na, thì anh là hy vọng, là "cứu cánh cuộc đời" còn lại của mẹ, và nó là "phương tiện"... Vì vậy khi ông nội anh ra lệnh làm thịt con heo nhỏ bởi không thể nấu cám, xắt rau cho nó như vẫn làm hàng ngày được thì mẹ buồn lắm. Không dám cãi lại nên bà trù trừ, cố dây dưa bằng cách không chịu dời ngay lên nhà ông nội. Bà cố lẫn lộn với con heo nhỏ ở nhà dưới, Ngoạn ạ.

Mẹ Thuyết nhờ chú chàng cột chiếc giường tre lên nóc chái theo kiểu ròng rọc, trên đó bà đặt một mớ gạo, một ít bánh trắng, một cái chần cũ rách và sau cùng là cái rọ nhỏ có nhốt con heo con. Hễ nước dâng tới đâu thì mẹ chàng kéo sợi dây cao lên tới đó. Bao lụt thì mặc bao lụt, người và vật vẫn thi gan thách đối với thiên tai. Thuyết chớp mắt:

- Những ngày đầu anh còn nghe tiếng con heo con la chí choé lẫn trong tiếng mưa gió. Chắc nó lạnh và đói. Mẹ anh ăn bánh trắng, con heo ăn gạo ngâm trong nước phù sa... Anh cũng lạnh và đói vì ông nội cho ăn rất

dè xén. Anh không nghĩ ông nội tiếc của nhưng tính tình ông kỹ lưỡng. Ông đổ gạo vào hai cái ruột tượng bát anh và chú anh đeo, còn lại bao nhiêu ông cho vào một cái tìn, đem đặt gần chỗ nằm, mỗi bữa lại cẩn thận bốc ra từng nắm cho chú anh nấu. Ban ngày đói quá, anh cứ lẩn thẩn nghĩ đến chuyện mở cái ruột tượng ra trút hết mớ gạo vào nồi, ban đêm anh nằm mơ thấy mẹ dọn cho anh những bữa cỗ lớn với một cái nồi cơm to như nồi cơm của ông khổng lồ trong truyện cổ tích...

Thuyết đã kể cho tôi nghe chuyện nhà chàng vào một hôm trời có mưa đông hay bão rớt đầu đó, thổi ngang qua thành phố chúng tôi. Giọng chàng chìm trong tiếng gió đập vào cánh cửa từng hồi ngoài hiên:

- Ở với ông nội và chú được vài hôm, một đêm anh không nghe con heo kêu nữa nhưng có tiếng la thất thanh của mẹ anh chìm trong tiếng gió phía sau hè nhà ông nội... Cái chái bị sập Ngoạn ạ. Và nước lũ đã cuốn nó đi. Anh cũng la lên thất thanh trong đêm cùng tiếng thét của ông nội: "Thôi chết con Hai rồi..." Anh còn nhớ là anh đã gào lên rất to. Rồi anh dậy này, anh cào anh cấu, bắt ông chú anh phải lao ra ngoài cho bằng được với một cái ghe nhỏ xíu và cái mái chèo mỏng mảnh...

Thuyết thở dài:

- Nhiều lúc anh không biết mình có nên tin mỗi con người đều có một phần số nào đó hay không. Bởi vì năm tháng đã chứng minh cho anh thấy dường như giữa cái chết và sự sống, đã có một sự định trước mà con người không thể cưỡng lại. Ngoạn biết không, khi chú anh lao ra ngoài rồi thì ông nội bắt đầu khóc rỉ rả theo anh. Ông không tin là chú có thể toàn mạng trở về dưới cơn giận dữ của đất trời như vậy. Hai ông cháu anh, mỗi người một góc giường, hụ hụ với nỗi lo sợ và cô đơn của mình. Bên ngoài, trời vẫn mưa tầm tã và mực nước vẫn không chịu rút xuống tí nào.

Thuyết di di ngón tay trên mặt bàn, giọng buồn bã:

- Mãi cho đến khi nhìn thấy ông

nội chảy nước mắt như vậy, anh mới bắt đầu cảm thấy hối hận. Anh nhớ những buổi chiều ông ngồi tựa cửa, nhìn lên đỉnh núi Chóp Chài, nơi ông vẫn hy vọng là ba anh đang có mặt, mắt nhắm chiều buồn bã với những tiếng thở dài náo nức... Lúc ấy, đầu chưa hiểu hết ý nghĩa của những tiếng tử biệt sinh ly là thế nào, nhưng dường như anh đã bắt đầu thấm thía về sự cô đơn và mất mát. Anh thôi không khóc nữa và không nghĩ đến mẹ nhiều như nghĩ đến chú. Anh nằm van vái đất trời cho chú anh bình an trở về.

Thuyết mỉm cười:

- Và không hiểu ông thần nào đã chứng kiến, đã nhậm lời anh mà tờ mờ sáng hôm sau thì chú anh chèo chống về thật. Người ông lả đi và xám tái như một xác chết. Hai tay ông cong cứng trên mái chèo...

Cái chái của mẹ con Thuyết đã sập xuống và bị nước lũ cuốn đi, nhưng cũng nhờ nó mà mẹ chàng không hề gì. Bà bị vướng vào sợi dây thừng đã dùng làm ròng rọc, và một phần cái mái lá sập xuống ấy đã cản bà lại, không hất bà rơi xuống nước và chết mất xác như nhiều người ở quê chàng đã chết. Người ta vớt được bà cách đó vài cây số.

- Lúc ấy không ai biết là mẹ anh vẫn còn sống. Ông nội anh hết khóc nhưng vẫn rỉ rỉ cả ngày đêm. Anh tự trách đã bỏ mẹ ở lại trong cái chái ấy một mình. Sau này khi lớn lên, thỉnh thoảng nhớ lại trận lụt năm ấy, anh vẫn nghĩ, biết đâu nếu có anh, mẹ anh phải loay hoay với anh nên có thể hai mẹ con đã rơi tòm xuống nước chết đuối mất rồi. Nhưng đâu thế nào đi nữa, nỗi ray rứt, ân hận vẫn cứ ở trong anh nhiều năm tháng dài. Ngay cả bây giờ, lâu lâu anh vẫn còn nằm mơ và nghe tiếng kêu hải hùng của mẹ trong đêm tối...

Sau trận lụt, mẹ Thuyết trở về, ốm tong teo như một xác chết biết đi. Chàng ở thêm với mẹ một thời gian rất ngắn rồi theo chú chàng ra Đà Nẵng. Thuyết tưởng chỉ là đi trọ học bình thường, mỗi hè sẽ được về thăm mẹ như đã định, nhưng không ngờ hết

thiên tai thì chiến tranh tràn lan đến quê chàng. Lần cuối Thuyết nhìn thấy mẹ trước khi những người cùng chiến tuyến với ba chàng về chiếm thành phố chúng tôi là năm Thuyết đậu vào trường công lập của thị xã. Mẹ chàng không nuôi và bán được con heo nhỏ, nhưng Thuyết đã sống được với chú chàng, trong một khu an cư dành cho nạn nhân bão lụt và tị nạn cộng sản bằng tiền của chính phủ quốc gia.

Tôi vẫn thường tự hỏi, không biết chính trị đã đóng vai trò nào trong đời sống của tôi, một người chưa bao giờ có dịp tình nguyện, hoặc bị thúc bách, tham gia vào bất cứ một bộ phận hay một guồng máy điều hành, lãnh đạo nào ở cả hai chế độ, cộng sản lẫn cộng hoà. Nhưng có một điều không thể nào phủ nhận được, là sự có mặt của cái thứ chính trị ấy đã làm ảnh hưởng, đã thay đổi cả cuộc đời tôi. Tôi vẫn nghĩ nếu như tôi và Thuyết là công dân của một đất nước nào đó không có chiến tranh, không có thay đổi, không có hận thù thì có lẽ chúng tôi đã an vui lấy nhau, đã có với nhau một hai đứa con, có một cuộc đời hạnh phúc bình thường rồi... Ba tôi bảo:

- Ba không thù ghét cũng như không chống cá nhân ai cả. Nhưng ba thù ghét và chống chủ thuyết cộng sản, chống những con người đã dùng nó để đem dân tộc và nhân loại xuống vực. Con có một trái tim để yêu thì cũng nên có một cái đầu để suy nghĩ.

Tôi chưa bao giờ dám đặt những vấn đề này với Thuyết. Một phần vì cái tình yêu không suy suyển của chàng trong bao năm qua đã tạo cho tôi sự bình an, hay nói đúng hơn, là sự an phận, bằng lòng với số phận của mình. Nhưng mặt khác, tôi cũng sợ rằng khi đề cập đến những chuyện như vậy, tôi sẽ nhận ra "cái đầu" của chàng, nhận ra chàng không chỉ làm việc, không chỉ tham gia vào guồng máy tổ chức của Đảng chỉ vì cái thể đúng của chàng trong xã hội này.

Nếu có ai hỏi tôi, cô có chống cộng sản hay không, có lẽ tôi sẽ trả lời là tôi cũng không biết nữa. Tôi trả

tháng tư, hai mươi năm sau

1.
Tay phản chiến gọi ta:
Lính đánh thuê.
Bè bạn nhìn ta:
Bọn ô hợp.
Và kẻ thù
đã từng phen lên lớp:
Ngụy quân tay sai.
Ta cũng tự soi
từ thần phách thể hài:
Hình nộm rần rĩ?
Xẻo tai mổ mắt?
2.
Ta muốn thét gào:
Trả ta sự thật.
Sự thật hôm qua là sự thật hôm nay
Khi bóng đêm âm u nhường chỗ ban ngày
Và chiến thắng qui hàng chiến bại.
Lịch sử sang trang
Chứng tích vẫn bốn chiều hiện đại.
3.
Giày trận lương khô
Biên đình quan tái
Hoa và thơ treo mũi súng ân tình.
Không hận thù
Lòng chỉ bất bình
Sông núi ưu tư
Dung nhan dẫm lệ.

Mái trường nhỏ bên sông bật tiếng cười thơ trẻ
Và vườn rau và ruộng lúa đau thương.
Ném chén rượu đêm vui đông đặc lên đường
Là chiến đấu cho cuộc đời trước mặt.

4.
Đá biên thù hằn muôn lưỡi sắt
Mảnh nhung y lỏng lẻo cổ thành
Ashau, An Lộc nghiêng mình
Chân dũng sĩ đạp bằng sạn đạo
Và Mỏ Vẹt và Trường Sa
Đâu quyền bính lợi danh?
Há miếng cơm manh áo
Ân nợ nghĩa tình
Đường hành quân nhẹ gánh ba sinh
Trao lẽ sống cho chim vàng cá biếc
Không mất nạ da người
Che trái tim căm điếc.

5.
Hãy trả lại ta
Tiếng nói lương tâm
Hãy nhuộm xanh
Lăng kính màu dị biệt
Bắc Mỹ, Nam Âu hoàng hôn da diết
Đông Phi, Tây Úc xuân hạ âm thầm
Dù nỗi buồn này u uẩn trăm năm
Mắt đôi một phương mòn chân lữ khách
Ta vẫn tự hào
Đã một thời nghiêng vai trọng trách
Lẫm liệt làm người
Anh lính Cộng Hoà từng sống bên trời.

cao hoàng nhân

lời thế, bởi vì tôi chỉ thấy một cách mơ hồ là ba tôi nói đúng, tôi chỉ nhìn nhận một cách mơ hồ là dân tộc tôi, đất nước tôi đã điều linh trong bao nhiêu năm qua bởi sự lãnh đạo u tối của những kẻ độc tài, của những đường lối kinh tế và chính trị mê muội của Đảng. Và tôi cũng thành thật thú nhận sở dĩ tôi trả lời như thế, chỉ nhìn thấy một cách mơ hồ như thế, bởi vì có nhiều người bảo tôi, ngày xưa cũng có kẻ giàu người nghèo, xã hội nào cũng có người đi bộ, kẻ đi xe, người dân ở bất cứ nước nào cũng phải chịu một đường lối cai trị nào đó của nhà nước, của quốc hội.

Hơn thế, bây giờ có nhiều ông phó thủ tướng, nhiều ông tiến sĩ, giáo sư của xã hội cũ đã ra làm việc cho chế độ mới. Họ cũng được phong chức tước này nhiệm vụ nọ. Lại cũng có rất nhiều người ở bên kia trở về, đầu tư, làm việc và cả ăn chơi phè phỡn. Đã không còn cần phải xin giấy phép đi đường, không còn những trạm thuế ở dọc đường và đã được buôn bán cá thể. Vậy cũng được rồi, tự do nhiều rồi, như vô số người đã nói! Tôi, cũng như rất nhiều người trong số bảy chục triệu dân của đất nước tôi hiện nay, hoàn toàn mù mờ về chính trị, nếu không muốn nói thờ ơ với nó, nhưng

khi bị cuốn vào những cơn bão tố của đất nước thì cũng đành chịu trôi lên trụt xuống, nghiêng ngả với những nhận xét, những ý tưởng của đủ mọi loại khuynh hướng chính trị mà mình được nghe.

Ba tôi bảo tôi nên tự quyết định cuộc đời mình, nên suy nghĩ về chuyện ra đi hay ở lại. Ông không phân tích hay nói thêm về những gì đang chờ đón chúng tôi ở bên kia, vì thật sự ông cũng đâu biết gì hơn tôi. Thật sự ông cũng chỉ hy vọng là cuộc sống sẽ khác đi, sẽ tốt đẹp hơn, thoải mái hơn ở bên bờ tự do ấy mà thôi. Thỉnh thoảng có dịp gặp "những

người con sống xa tổ quốc” trở về, tôi hỏi ý kiến họ. Và hỏi cả những người đang làm việc cho chế độ này. Nhưng hoàn toàn không ai dám khuyên tôi một câu cụ thể và minh bạch. Ai cũng bảo đi hay ở đều có cái hay, cái dở của nó. Người ta nói cho tôi nghe sự khó khăn mà tôi sẽ phải đương đầu khi hội nhập vào một cuộc sống xa lạ, với ngôn ngữ mới, văn hoá mới, phong tục mới. Người ta cũng bảo rằng mãi cho đến lúc này mới thoát ra được thì có thể gọi là hơi muộn, nhưng muộn còn hơn không. Có nghĩa là những người trở về ấy nhận thấy xã hội này, mảnh đất này chỉ là nơi để dừng chân năm ba tuần, là một mảnh đất... khách, chứ không phải là nơi để sinh sống, để gây dựng cho tương lai mình. Giá như tôi nhìn thấy được một người nào đó bảo thương nhớ quê hương, lúc nào cũng hoài vọng cố quốc, mà khi về đến đây rồi thì xin ở lại luôn, có lẽ sẽ dễ cho tôi hơn trong sự chọn lựa. Thực tế, tôi chỉ thấy người ta về, vội vã sống, vội vã tận hưởng, tuy có hơi khác với những du khách ngoại quốc chỉ muốn đi thăm thắng cảnh hay đi tìm của lạ, là những người trở về thường ở ngay trong nhà người thân, thăm viếng những người thân khác, đi nhà hàng, đi ăn đi chơi, đi tìm bạn gái, tìm người yêu, tìm vợ.v.v... Có người ba hoa chích choè; có người im lặng; có người kể lể cuộc sống mình ở bên kia biển như một tay tư bản gộc; có người than khổ, phải đi làm quần quật suốt ngày... Nhưng thế nào thì thế, ai rồi cũng vội vã lên máy bay về lại chốn đã cho mình dung thân trong những năm tháng cơ hàn, khổ ải. Ai cũng sợ trễ giờ ra phi trường. Tôi nghe người ta nói “Tôi về Los, tôi về Paris...”, không ai nói “Tôi đi”.

Tôi không chính thức hỏi Thuyết, nhưng trong những câu chuyện giữa chúng tôi hằng ngày, tôi thấy chàng cũng rất ưu tư về những nan đề của tôi nếu tôi quyết định ở lại trong cái xã hội hoàn toàn bấp bênh về kinh tế, về chính trị như thế này. Chàng cũng không dám khẳng định là Đảng của chàng sẽ giữ mãi cái lẽ thói làm ăn

này, giữ mãi cái không khí tương đối ít ngột thở này trong nhiều năm. Thuyết có vẻ muốn tránh né. Không hiểu là chàng sợ trách nhiệm hay chàng muốn để tôi được tự do chọn lựa.

Mỗi năm Thuyết và Cà Tang vài lần, lâu nhất là vào dịp Tết và trước mùa nước lũ. Chàng đọc ca dao cho tôi nghe “*ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng, thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi*”. Và bao giờ Thuyết về, cũng mang về theo cho mẹ chàng khúc vải may áo, đôi dép nhật đi trong nhà, vài ống chỉ, cây kim... do tôi mua tặng, những thứ mà tôi biết vẫn thiếu ở quê chàng. Ngược lại, khi Thuyết về lại thành phố, thì mẹ chàng cũng gửi xuống đáp lễ tôi bằng vài chõng bánh tráng sắn, bao gạo đầu mùa hay vài cặp đường đen, loại đường đặc biệt ở quê chàng đổ bằng khuôn chén ăn cơm. Thuyết bảo mẹ chàng vui lắm khi nhận được quà của tôi. Không biết chàng nói thật hay chỉ để tôi vui lòng. Còn tôi, lần nào cầm những món quà của mẹ Thuyết, tôi cũng buồn hết mấy ngày, có khi cả tháng. Tôi đâu còn nít nhỏ gì nữa để không hiểu rằng với cuộc sống cay nghiệt này, tôi chỉ được phép đứng xa xa mà nhìn, chứ chẳng có cách nào tới gần để chạm tay vào những ước mơ. Có lần mẹ Thuyết nói bóng nói gió với tôi, rằng bà thù ghét những con người đã mang lại cái chết cho chồng bà. Tôi hiểu bà muốn nói trong số những người ấy, có ba tôi.

Tôi buồn. Tôi ngậm ngùi. Và tôi biết mẹ Thuyết chẳng thể nào có được cái nhìn hay một sự suy nghĩ liên hệ, rằng chiến tranh đã khiến bà không được sống một cuộc đời bình thường như bao nhiêu người đàn bà khác với chồng con bên cạnh; thì một người như tôi, do hậu quả của chiến tranh, cũng không thể có được một cuộc đời bình thường, một cuộc hôn nhân bình thường như bao người khác. Nhiều lúc buồn, tôi vẫn ước ao phải chi tôi có một chiến tuyến để đứng, một vài khuôn mặt để thù hận hay một lý tưởng nào đó để theo, có lẽ tôi sẽ sung

sướng hơn.

Cuối cùng, tôi chỉ còn đành chờ đợi ở Thuyết một thái độ mạnh mẽ, một hành động dứt khoát để không phải tự quyết định vận mạng cuộc đời mình. Tuy nhiên không hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng mình giống như một người vát hòn đá xuống vực thăm và ngồi chờ nghe tiếng vọng lại của nó. Nhưng đến khi đã nghe thấy rồi, thì lại không biết đó có phải thật là tiếng dội mà mình chờ đợi hay không. Hay chỉ là tiếng con chim, con thú nào đó mổ mạnh vào thân cây làm vang lên những tiếng động tương tự.

Thuyết chỉ bảo tôi nên suy nghĩ kỹ. Lúc bắt đầu làm đơn xin xuất cảnh, ba tôi thuyết phục:

- Kệ, cứ làm đi con, nếu sau này con không thích, rút lại cũng đâu có sao.

Và ông nói với người thân:

- Cũng may, con Ngoạn còn độc thân.

Mẹ tôi hay nói: “*Trai ba mươi tuổi còn xoan, gái ba mươi tuổi đã toan phận già*”. Ở miền Trung, con gái thường lấy chồng sớm. Tôi không biết thật sự mình có may mắn hay không. Trong tôi có những điều vướng víu, lẫn lộn y hệt những hạt đậu đen đậu đỏ của cô Tấm trước giờ trảy hội. Nhưng cô Tấm còn được một ông bụt, một bà tiên nào đó vung đũa thần ra giúp. Tôi, tôi chiến đấu đơn độc. Khi càng cố gỡ, tôi càng bị lẫn lộn nhiều hơn. Tôi biết giờ trảy hội của đời tôi sắp hết, đêm sắp tàn, nhưng chắc chắn sẽ chẳng có ai tìm thấy chiếc hài tôi nằm trơ vơ nơi vệ cỏ để nhặt và dâng lên hoàng tử hộ tôi. Tôi đâu biết cách nào để bước đi mà không cần ngoảnh lại.

Mường tượng tôi chỉ mới mười lăm hay mười bảy như hồi mới đổi cò, chắc chắn ba mẹ tôi sẽ giúp tôi sống thanh thoi hơn bằng cách nạt nộ, la lối tôi nhiều lần và cuối cùng là tước đoạt cái quyền lựa chọn của tôi. Và không có lựa chọn, sẽ không có hối hận. Không có cái để cân nhắc, sẽ không thấy phân vân. Cuộc sống sẽ như một câu văn chấm dứt bằng một dấu chấm than, không bằng dấu chấm

lưng. Nó chuyển sang giai đoạn mới, khó khăn hay dễ dàng cũng là cuộc sống khác, không có gì để vương bận phía sau lưng. Nhiều lần tôi muốn hỏi Thuyết là chàng rủ tôi về Cà Tang với mục đích gì, chỉ thăm quê, thăm mẹ chàng cho biết, hay là Thuyết muốn giới thiệu với tôi về những cảnh đời ở quê chàng, với những cảm nghĩ, tâm tình của chàng để tôi không ngỡ ngàng hay hối hận khi quyết định ở lại? Nhưng tôi chưa bao giờ dám hỏi vì không biết mở đầu ra sao. Và trong thâm tâm, tôi nơm nớp lo sợ chàng sẽ trả lời tôi bằng cái câu thứ nhất. Cho biết. Cho vui. Mừng tượng Thuyết sẽ nói như thế. Như thế, đau lòng biết bao nhiêu!

Hết mùa hè, thành phố chúng tôi không thấy vào thu, không có lá vàng bay nhiều, nhưng trời hay có những cơn mưa nhỏ, rả rích nhiều ngày và thỉnh thoảng đột ngột trở lạnh. Mùa mưa năm nào cũng vậy, Thuyết cũng chuẩn bị hành trang lên đường. Tôi hay đi chợ mua sắm với chàng. Nhưng năm nay thì tôi hoàn toàn không biết mua gì. Vì chàng bảo năm nay ở quê chàng đã khá hơn, đã có những chuyến hàng về tận đây. Và bảo mẹ chàng đã có thể mua sắm những thứ tôi hay mua tặng bà. Thuyết nói với tôi, về rất tự nhiên, nhưng không hiểu sao tôi có cảm tưởng như nó mang sắc thái một sự khước từ. Một cảm tưởng mát mát đột ngột xuất hiện. Lòng tôi đau thắt. Tê tái. Chơi vơi. Hụt hẫng.

Mỗi lần Thuyết về Cà Tang, tôi vẫn hay giở đọc cho chàng nghe những câu thơ ông anh họ tôi đã làm, *Người bình yên qua bến. Dấu sông dài và sâu. Có nhớ ta còn lại. Sắt se mấy giọt sầu.* Chưa bao giờ tôi nghĩ Thuyết sẽ qua bến một mình, đâu tôi chưa có dịp đi cùng. Gần hai mươi năm yêu nhau trong cam khổ, chưa bao giờ tôi thấy bơ vơ khi không có chàng bên cạnh. Chuyện chúng tôi, ngay từ phân cảnh một của vở tuồng, đã thấy cái kết thúc, tuy nhiên chẳng bao giờ tôi nghĩ đã đến lúc chính tôi phải tự tay kéo cho màn hạ xuống.

thông điệp tháng tư

*Nguyên rửa mãi ở góc trời không thương để
Vẫn màn đêm trùm lên địa ngục yêu ma
Lũ ác ôn xây tượng đài bằng mộ chí
Chúng lấy máu xương của dân tộc tiêu pha.*

*Trong bóng đen thấy vật gì ngang tầm mắt
Mà vật với ta đau tận đáy linh hồn
Nếu muốn tìm thiên đường từ quỹ đạo
Hãy gọi tự do nhận diện lưỡi nhân quyền!*

*Đã mơ ước một bầu trời thánh thiện
Lẽ làm ngơ để quỷ sứ lộng hành
Toàn dân ta một khí thế đấu tranh
Trừ bạo ngược cho giống nòi hạnh phúc.*

*Đã tranh đấu đừng chần chừ, tiêu cực
Biết khả năng, vị thế của mỗi người
Đừng mỗi người một lãnh tụ, phân ngòi
Nước nhiều vua có khi nào yên giấc?*

*Đường ta đi trải qua bao dâu bể
Nhưng có công mài sắt ắt sẽ thành
Mai nước nhà hết giặc cộng gian manh
Mình trở về xây dựng lại quê hương tổ quốc.*

nguyễn văn cường

Con tim của tôi, thuộc về Thuyết, không ai có thể chối cãi; nhưng cái đầu của tôi, như cách nói đùa hàng ngày, không chỉ đơn thuần để đi uốn tóc.

Tôi khóc rất nhiều. Và tôi nói với ba mẹ tôi là tôi sẽ theo Thuyết về Cà Tang năm ngày.

- Để xem sao.

Tôi bảo vậy và khá ngạc nhiên khi thấy ba mẹ tôi không phản đối gì cả. Tôi gọi điện thoại vào cơ quan báo cho Thuyết biết. Chàng im lặng rất lâu. Tôi hơi tiếc khi nghĩ tại sao không đợi đối diện Thuyết để có thể nhìn thấy những phản ứng buồn vui trên mặt chàng, để xác quyết những điều mình hoang mang bấy lâu. Tôi lắng nghe giọng nói đều đều của Thuyết trong điện thoại:

- Anh biết thế nào cũng có ngày Ngoạn đi với anh về quê một chuyến mà...



Thuyết còn nói gì đó nhưng tôi không nghe. Tôi bận suy nghĩ. Chỉ một chuyến thôi hả Thuyết? Và lại muốn khóc. Có thể tôi đã hiểu lầm ý chàng. Mà cũng có thể không. Tôi nhủ thầm. Kiệu hoa đã không sẵn cho người xuống ngựa. Chiếc hài của cô Ngoạn đã rơi xuống giòng nước chảy. Và hoàng tử có lẽ cũng mệt mỏi lắm rồi, thôi thì hãy để chàng trở về kinh. Dẫu muốn hay không, cuộc đời cũng đã chia sẵn những lối rẽ cho tôi và chàng. Có bận lòng cách mấy đi nữa cũng đành thôi.

Tôi nói với Thuyết tôi sẽ xuống phố một mình để tìm mua cho mẹ chàng chiếc áo lạnh. Lòng tôi đắng chát.

Tôi buồn bã nghĩ đến giòng sông sẽ đưa tôi về thăm quê chàng ngày mai chắc sẽ không giống những giòng sông mà tôi sẽ nhìn thấy, sẽ đi một mình ở phía bên kia chân trời. ●



Những Trò Chơi Xuân

Lập Phương

Làng Đại thuộc ngoại thành Hải Phòng, xưa nay vẫn là nơi tụ họp của những trò chơi xuân hết sức hấp dẫn và cầu kỳ.

Ngoài những trò chơi thuần túy như đánh cờ, đu dây, câu pháo..., làng Đại còn có những trò chơi độc đáo, lôi kéo được đông đảo dân tứ xứ về tham dự. Ngày mừng hai, mừng ba tết có trò chơi chọi gà. Ngày mừng bốn tết có rước thần và đốt pháo. Ngày mừng năm, mừng sáu có chọi trâu.

Đầu tiên phải kể đến trò chơi chọi gà. Những con gà da đỏ như máu, cổ dài, đuôi cụt, cựa sắc như mũi giáo, cao lêu nghêu, đi lại nghênh ngang, tự phụ. Chúng được tay đua nâng bế, nắn bóp, cung phụng như những tay đấm bốc chuyên nghiệp.

Thực đơn của gà nòi làm dân kẻ chợ nhìn thấy mà tối mắt. Trứng gà luộc lòng đào trộn cơm. Cơm gạo tám nấu nát. Chuối trứng quốc. Cá bống mồm bẻ đầu. Nước sôi để nguội. Đôi

khi còn có cả thịt bò thái chỉ. Chủ gà có thể cởi tấm áo ấm trên người, bọc cho gà khi thấy trời đổ mưa phùn.

Giống gà chọi bình thường nhìn lừ đừ như gà sống thiên. Nhưng khi vừa đặt xuống đấu trường, đôi mắt với đối thủ là chúng nhảy phóc lên, cổ tung người, giăng ra khỏi tay người chủ, lao vào trận chiến. Nhiều người sành nghề phải bịt mắt gà bằng chiếc khăn mùi xoa, để gà không nổi hung, hầu bảo toàn sức lực. Khi chiếc cờ nheo trên tay người trọng tài phát một cái, hai chú gà lăn xả vào nhau, chân đá, mỏ mổ. Có con đánh miếng trên. Có con lừa miếng dưới. Chúng được luyện theo đúng tinh thần thượng võ của nòi giống. Phóng mỏ, tung chân, quạt cánh bay lên chiếm thế thượng phong, nhằm vào những chỗ sơ hở của đối phương, giăng những đòn chí mạng. Cường lực nhất thời chưa phải là yếu tố quyết định. Chịu đựng dẻo dai mới là tối cần thiết cho trận

đấu. Một khi cái cựa nhọn chọc được vào ức đối phương, võ sĩ gà lập tức xoạc căng, dồn hết sức xé rách mảng da bầu điều, dứt điểm nhanh chóng đối thủ. Bị trúng miếng đá hiểm, đối thủ chỉ còn nước rũ

cánh chịu trận, hoặc co cẳng chạy mau. Cũng có con gục ngay tại chỗ. Trọng tài phát hiệu lệnh chấm dứt trận đấu. Chủ gà ồ vào, bế con bại trận mang ra. Con chiến thắng cũng được ôm vào sân sóc. Người sân sóc nhắp miếng vải mềm vào rượu thuốc, xoa bóp toàn thân chú gà cho chóng hồi sức, chờ trận giao đấu mới.

Đại cương những trận đấu cổ truyền theo tinh thần thượng võ là như vậy. Nhưng lịch sử chọi gà làng Đại còn lưu truyền chuyện một con gà bách chiến bách thắng. Người ta gọi nó là con Hắc điều. Bởi nó có cái dáng như một con diều hâu xương xẩu với bộ lông màu tía pha đen bản thủ. Ấy thế mà nó đã làm chủ chiến trường suốt ba năm ròng, không có một anh tài nào địch nổi. Hắc điều lâm trận bao giờ cũng áp sát, rúc đầu vào cánh đối phương, dùng chiến thuật bám thắt lưng địch mà đánh. Vì cự ly ngắn, những tuyệt chiêu, trường

quyền của đối phương thấy đều bị vô hiệu. Mọi sự tung phá chỉ làm tổn hại đến sinh lực mà không tạo được những đòn quyết định. Chừng đến lúc đối phương giảm nhịp độ tấn công, đứng ngoắc cổ chán nản, Hắc điều bỗng nhiên vùng lên, nhằm mắt đối phương, mồm một đòn cực hiểm. Chỉ một đòn thôi. Không bao giờ cần đến đòn thứ hai. Đối phương bị lòi mắt tức thì, máu chảy ròng ròng, co cẳng bỏ cuộc. Cứ như vậy, ba năm liền, Hắc điều giữ ngôi chúa tể đấu trường, không có một chủ gà nào dám mang gà mình ra thách đấu.

Đến năm thứ tư bỗng dưng không thấy nó đi đấu nữa. Người biết chuyện bảo rằng sau năm thứ ba, tự nhiên hai mắt nó bị mờ ẩn kín, không mở ra được. Rau má, thuốc nam đắp mãi cũng không khỏi. Nó tuy vẫn còn sống nhưng kể như là kẻ vô dụng. Một vài người có sáng kiến cho nó đập mái, hồng truyền lại dòng Hắc điều cho thế hệ mai sau. Nhưng tất cả gà con dòng Hắc điều đều tâm thường, không có gì xuất sắc. Dân làng Đại bảo không có con gà nào nhớ được chiêu rúc nách, mổ mắt của Hắc điều tiểu nhân, lại tốt. Thắng cuộc nhưng chẳng vẻ vang gì.

Trò chơi gà ngày xuân mới có thăng, có trầm, có hân hoan, có cay cú, mới đỡ nhàm, đỡ chán.

Hội vui thứ hai là hội đốt pháo. Sử sách có thể có ghi, nhưng trời đất đổi thay, thiên tai vô định, nên không còn bút tích nào giữ lại làm bằng chứng cho xuất xứ của hội đốt pháo vùng này. Muốn truy xét căn nguyên, cứ xem những lời truyền khẩu dân gian cộng với những tra cứu uyên thâm của những bậc học giả, nghe cũng có thể tin được.

Họ kể rằng vào đời nhà Trần, đất này xưa là một bãi chiến trường. Thủy quân của Ô Mã Nhi bị đánh tan ở cửa Bạch Đằng. Tàn quân Nguyên tháo chạy ra biển. Một số bỏ chiến thuyền, đổ lên bờ theo hai ngã. Ngã lên Yên tử và ngã xuống cửa Đồ sơn. Ngã lên Yên tử bị tướng Trần Quốc Bảo chặn đánh tan tành ở gần

bến Rừng. Ngã xuống Đồ sơn bị nghĩa binh của Trần Trình tiêu diệt không còn sót một tên trong trận cửa Lạch. Sau này, để ghi lại chiến công vệ quốc oanh liệt của quân dân vùng cửa Lạch, tướng Trần Hưng Đạo xa giá về đây, đặt tên cho căn cứ của nghĩa binh là Hưng Đạo và đặt ra lệ đốt pháo, rước thần vào ngày mừng bốn tết, ngay trên mảnh đất làng Đại bây giờ.

Năm tháng trôi đi, có lẽ đã có nhiều biến đổi về luật lệ cũng như về hình thức. Song, hội vui rước pháo bao giờ cũng giữ được cái cội nguồn xuất xứ của nó. Trung tâm điểm của hội gồm chín quả pháo, được dân làng Đại và hai làng xung quanh làm từ trước tết, cõ từ bằng cổ tay đến bằng bắp đùi người lớn. Thành pháo được nện bằng hàng trăm lần giấy bản mỏng, cứng đến độ có thể đặt cối lúa lên day cũng không suy suyễn. Bên trong nhồi than xoan, lưu huỳnh, diêm sinh tán nhỏ. Hai đầu được đóng bằng hai cái nút gỗ đầu, rồi đổ xi bên ngoài bít kín. Giữa quả pháo, thợ pháo dùi một lỗ nhỏ để câu ngòi. Ngoài cùng bọc giấy sớ màu đỏ phết nhũ, có vẽ hình thần rồng, thần thành hoàng, thổ địa.

Sáng sớm ngày mừng bốn Tết, pháo được rước từ đình làng Cầu, sang đình làng Lạng, và cuối cùng mang về tế ở đình làng Đại. Người đi xem rước pháo đông như xem rước trạng.

Đến khoảng hai giờ chiều, người ta rước pháo ra một bãi đất trống, nơi đã chôn sẵn hai chiếc cột gỗ sến, nâng một cái xà ngang có móc sắt tạc hình đầu rồng ở chính giữa. Người xem đứng cách xa vài mẫu ruộng. Mở đầu, một cụ già mặc áo sớ, đầu đội khăn xếp, hai tay nâng quả pháo lệnh, gài lên móc đầu rồng, rồi hai tay chấp thẻ hương, vái vọng ra bốn hướng. Xong, cụ nâng thẻ hương lên châm ngòi pháo. Ngòi pháo bén lửa, ngùn phới. Ông cụ liền quay người, chạy ngược về phía cái tường chắn bằng đất cao quá đầu, hai tay giơ lên trời như vị tướng đang chuẩn bị phát lệnh. Vài giây sau, một tiếng nổ rung trời. Khói

đen phủ kín hai cây cột gỗ sến.

Từ sau tiếng pháo lệnh, những thanh niên lực lưỡng, mặc áo vải thô, thắt đai đen, đầu quấn khăn vàng, lần lượt ôm pháo lao lên như những nghĩa binh lao vào trận giặc. Càng về sau những tiếng nổ càng âm động hơn, càng rùng rợn hơn. Quả pháo cuối cùng dội lên trời, rung mặt đất, dữ dội đến độ cách xa mươi cây số vẫn còn nghe rõ mồn một.

Trò vui thứ ba là trò chơi trâu. Trò chơi trâu có từ bao giờ, với ý nghĩa gì, không còn ai biết. Nhất là sau khi trâu bị tập thể hóa thì trò chơi này gần như biến mất. Thế nhưng trong lưu ảnh người dân quanh vùng vẫn cứ văng vẳng tiếng trống giục, khi khoan, khi nhặt, khi dặt dừ, khi thôi thúc, và những đợt reo hò vang dậy như sóng cồn ngày đông bão.

Đấu trường là một sào ruộng mạ hình vuông, có đóng cọc, quấn dây chung quanh, phòng trâu hăng tiết, rượt nhau giày lên khán giả. Bốn cạnh đấu trường có bốn cái cửa quay về bốn hướng: đông, tây, nam, bắc. Bốn góc có những quả ngư, vai khoác dây chảo, tay cầm thang tre, sẵn sàng trong tư thế hỗn chiến với trâu khi cần thiết. Vòng ngoài, thường ở phía cửa đông, đắp một đài cao, có mái che, lọng cắm cho bậc kỳ hào, bỏ lão trong làng ngồi thưởng ngoạn.

Những con trâu đực, sừng dài cong vút, hông nở, chân bè, găm găm đôi mắt đỏ ngầu, bị quả ngư dắt về bãi chờ, sỏ mũi ghìm quanh một cái cọc tre, có mớ rơm nếp cho trâu dưỡng sức. Khi hồi trống dàn binh nổi lên, báo hiệu trận đấu bắt đầu, quả ngư dắt hai con trâu vào hai cửa đối diện, hoặc đông tây, hoặc nam bắc.

Trâu là một loài động vật hết sức nhường nhịn và biết mình, biết người. Khi chột nhìn thấy đối phương có dũng lực hơn mình là lập tức quay đầu bỏ chạy. Con kia thắng thế, vươn cổ bè lên một tiếng, rồi lồng lên đuổi theo. Quả ngư vội lao ra, tròng dây vào chân, vào cổ con hiếu thắng, kéo ngược trở về bãi chờ, và dắt con yếu vĩa trả lại cho chủ. Xong, lần lượt dắt những con còn lại ra

thách thức. Chỉ đến khi hai con trâu nào bắt mắt nhau, găm mặt, chĩa cặp sừng nhọn hoắt ra phía trước, thì trận đấu mới được coi là bắt đầu.

Trống xua quân rền vang, giục già. Quân trâu lui về góc bãi. Hai con trâu phi nước đại từ phía hai cửa, đâm sầm vào nhau như núi lở. Hai cặp sừng dài, cong, đan vào nhau, ghì, giữ. Hai chân trước xoạc rộng, hạ thấp, nghiêng đầu, lừa miếng. Tiếng sừng vạc vào nhau lịch kịch. Con tiến, con lui. Khi giạt sang trái. Khi nhồi sang phải. Hai cái trán như dính vào nhau không lòn kẽ hở. Hai cặp mắt dữ tợn, long lỏi. Nhất cử nhất động đều phải hết sức kiêng dè. Chỉ cần sơ hở một chút thôi là mũi sừng nhọn hoắt của đối phương chọc thẳng vào yếu huyệt tức thì.

Trâu chọi nhau không có giờ, có hiệp. Có khi một tiếng, có khi hai. Có khi chỉ một hồi trống giục đã phân thắng bại. Có khi hai ba người thay nhau đóng trống mà vẫn chưa hoàn trận. Con thua thường bị dũi lùi dọc đầu trường cho đến khi không còn đủ sức để chống đỡ nữa thì quay đầu bỏ chạy. Nó cũng chẳng chạy được bao xa vì kẻ chiến thắng đã chồm tới, sều một sừng xuyên suốt bụng. Quân ngư lập tức đổ ra, trông thang vào hai cánh sừng con thắng cuộc, rồi hai người một đầu thang, ghì chặt đầu con trâu điên xuống đất. Những người khác quần dây chèo vào chân, sỏ đồng tiền vào mũi, lòi nó ra khỏi đầu trường. Người ta dùng đòn tre điều con bị thương ra ngoài, lấy chỗ cho cặp trâu sau thi đấu.

Trò chơi cứ như vậy tiếp diễn cho đến chiều ngày mùng sáu, dân làng mang những con trâu bị thương ra bờ sông Song, đâm cổ lấy tiết tế thần. Xong, chất rơm thui trâu làm lễ tạ trời. Và người ta cũng mang những con trâu thắng cuộc ra ngoài bờ sông, tháo mũi, đuổi chúng xuống nước. Chúng thanh thản bơi đi. Phía bên kia bờ sông là một cái đầm lác, nơi những con trâu cao ngạo đang vẫy vùng trong khoảnh khắc tự do, không còn bị ai chặn dất. ●

trang khoa-học

Con Ngáo Ộp Cholesterol

Nguyễn Xuân Lê

Cholesterol, từ ngữ chỉ có mười một mẫu tự này mà mấy lúc gần đây, khi nghe đến, nhiều người rung mình lo sợ như sắp gặp con ngáo ộp đe dọa sức khỏe của mình.

Thực ra cholesterol là gì?

Theo các khoa học gia, qua các công trình nghiên cứu, tìm tòi về y được cho biết, thì cholesterol là một chất mỡ rất cần thiết cho đời sống con người. Cholesterol có trong máu và quan hệ đến những yếu tố của cơ thể như sinh màng tế bào, sợi thần kinh, át-xít mật. Nó còn sản xuất những kích thích tố để chế tạo sinh tố D và đảm nhiệm cả vai trò bảo vệ sự rạn nứt, hao mòn và những đường rách của da dẻ nữa.

Vì chức năng quan trọng của cholesterol nên các bộ phận của cơ thể, với tính tự nhiên thiên phú, phải tự tạo ra cholesterol cho nhu cầu hàng ngày của mình, cộng thêm vào số do các thức ăn động vật đem vào.

Vấn đề trở nên phức tạp khi liên quan đến việc tiêu thụ số lượng chất mỡ này. Một phần cholesterol được di chuyển qua các mạch máu do những tế bào gọi là lipoprotein để nuôi cơ thể, phần còn dư được chuyển về gan để loại bỏ đi.

Theo bác sĩ William P. Castelli, giám đốc viện nghiên cứu bệnh tim ở Framingham, Massachusetts thì có hai loại Lipoprotein, một thứ xấu và một thứ tốt. Thứ xấu là thứ lipoprotein có trọng lượng thấp (low density lipoprotein) gọi tắt là LDL, không đủ khả năng di chuyển hết mỡ dư gây ứ

đọng trong máu, làm tắc nghẽn sự lưu thông huyết mạch, dễ gây ra các chứng bệnh thuộc về tim như stroke, huyết khối trong não, chảy máu não... Còn thứ tốt là thứ lipoprotein có trọng lượng cao (high density lipoprotein) gọi tắt là HDL, di chuyển gọn gàng các chất mỡ dư đi, làm sạch sẽ mạch máu, giúp huyết mạch lưu thông an toàn.

Điều đáng lưu ý là trong cơ thể lúc nào cũng có cả hai loại cholesterol tốt và xấu, thường thì loại tốt chỉ có khoảng 25% đến 30% trên tổng số, loại xấu có nhiều hơn. Tuy nhiên sự nhiều ít này không quan trọng, vì đó chỉ là những phân số cần giữ một tỉ lệ thích đáng.

Tỉ lệ này có tính tương quan giữa hai thứ xấu LDL và tốt HDL. Nó cần ở mức giữa số hai và ba, nghĩa là lấy số LDL chia HDL, ta phải được số thành chia giữa 2 và 3. Thí dụ nếu LDL có 120 mg/l và HDL có 45 mg/l, số thành chia sẽ là: $120 : 45 = 2.7$; 2.7 ở giữa 2 và 3 nên được coi là tốt. Trái lại, nếu LDL là 120 mg/l mà HDL chỉ có 35 mg/l thì số thành chia sẽ là: $120 : 35 = 3.4$; 3.4 trên 3 nên bị coi là xấu và rất có thể gây nguy cơ rối loạn cơ tim.

Tổng số cholesterol trong cơ thể của mỗi người mỗi khác chứ không phải ai cũng như nhau. Thường thường ở mức độ trên dưới 200 mg/dl (mg = 1/100 gram; dl = 0.10 lít). Theo các bác sĩ chuyên khoa về tim thì mức độ tốt có từ 160 đến 200.

Về HDL (cholesterol tốt) cũng

mỗi người mỗi khác vì nó tùy thuộc vào cách cấu tạo của tế bào hay do yếu tố di truyền của từng người.

Về loại cholesterol xấu (LDL), theo các khảo cứu mới nhất cho biết, ta cần đặc biệt lưu ý đến những chất chống oxy hoá cholesterol hơn là số lượng của nó, vì khi loại mỡ này bị oxy hoá thì trở nên đông đặc, ứ đọng lại trong tĩnh mạch làm mạch máu nhỏ dần lại, cản trở sự lưu thông huyết mạch.

Nói chung, loại cholesterol tốt (HDL) rất cần cho cơ thể, và hể số HDL càng cao thì số LDL càng giảm, có lợi cho sức khoẻ.

Bởi vậy ta cần làm tăng số HDL bằng những phương thức như sau:

. Ăn uống cần chừng mực, điều độ có nghĩa là ăn không quá no, uống không quá nhiều.

. Giảm bớt các loại thịt nhiều mỡ, các món chiên xào, muối mặn, đường trắng, bột ngọt, tôm cua, các thứ bánh kẹo và pho sản của sữa như bơ, kem, pho mát.v.v..

. Nên ăn nhiều ngũ cốc, rau đậu, hoa quả và một số dầu cá, dầu thảo mộc. Tóm lại, nên ăn những thức ăn có nhiều sinh tố A, B, C, E và nhiều chất xơ.

. Uống sữa tươi, sữa đậu nành, nước trái cây...

. Kiêng thuốc lá, rượu mạnh, bia, cà phê, trà đặc.

. Giữ gìn thể chất. Không nên gia tăng trọng lượng vì béo mập thường làm mệt mỏi và là yếu tố thuận lợi cho việc gây bệnh.

Muốn biết bạn có số cân bình thường, không ảnh hưởng đến sức khoẻ thì lấy trọng lượng chia cho chiều cao bình phương. Nếu số thành từ 20 đến 27 là bình thường; trên 27 là có vấn đề. Tỉ dụ một người nặng 60 kg, chiều cao là 1 m 60 thì số thành chia sẽ là: $60 : 1.60 \times 1.60 = 23.43$, bình thường. Trái lại, nếu nặng 60 kg mà chỉ cao có 1 m 40 thì số thành chia sẽ là: $60 : 1.40 \times 1.40 = 30.61$, quá mập, không tốt.

. Tập thể dục để tăng sức bền bỉ. Có thể tập yoga, tài chi, khí công và tốt hơn cả là thực hành môn đi bộ. Đi

bộ là phương cách thể dục giản dị, toàn hảo cho vấn đề tim mạch vì nó không làm tăng áp lực động mạch quá cao và tim đập quá nhanh.

Chỉ cần đi nhanh mỗi ngày nửa giờ hoặc một tuần 3 lần, mỗi lần 1 giờ; bước đi đều đặn, không nhanh quá cũng không chậm quá, hai tay vung lên xuống theo hơi thở, đồng thời tập trung ý chí vào việc đi, tâm thần nhẹ nhàng là bắp thịt, gân cốt, mạch máu, các khớp xương đều được tôi luyện vững vàng.

. Bổ sung sinh tố và khoáng chất, nhưng không nên lạm dụng nó vì dùng quá mức sẽ gây bất lợi. Sinh tố C và E là những loại chống oxy hoá cholesterol rất đặc lực nhưng dùng quá nhiều sinh tố C có thể tạo ra chứng nôn mửa hay sạn thận; quá nhiều sinh tố E tạo ra chứng chóng mặt nhức đầu.

Riêng công thức đối phó với con

ngáo ộp cholesterol thì đã được các giới chuyên môn chỉ định như sau:

Béta carotène: 25.000 UI

Vitamin C: 500 mg

Vitamin E: 400 UI

Sélénium: 50 mcg.

Ngoài ra ta cũng nên lưu tâm đến việc tẩy độc cho các bộ phận trong cơ thể như gan, ruột, da bằng các cây thuốc vạn linh. Bác sĩ Auguste Collin trong cuốn *Comment acquérir force et santé* (Làm thế nào để tạo sức mạnh và sức khoẻ) đã giới thiệu các loại cây bardane, cascara sagraola, l'épine vinette le pissenlit và salseparille. Những loại cây này được bào chế thành nước chứa trong các ống thuốc có bán tại các tiệm thuốc.

Cách sử dụng những ống thuốc này như sau: Uống mỗi ngày một ống hoà với một ít nước trước bữa tối hay trước khi đi ngủ. Mỗi kỳ tẩy độc như vậy trong vòng hai tuần là đủ. ●

mùa xuân gọi

Một mùa xuân năm nào hai đứa
Bên hiên ngắm hoa đào rơi
Cành táo ngọt rung rinh bật khóc
Mưa bụi bay, mây tím một khoảng trời.

Rồi lặng lẽ bước xuống thuyền, xa xứ
Để sau lưng xác hoa rụng, và em
Tôi vô định như mây trời lữ thứ
Chẳng dám nhìn cành táo chín bên hiên.

Buổi chiều nay chợt nghe xuân gọi
Trên biển xanh và đỉnh núi Bạc Đầu
Chua xót lắm, cũng mùa xuân nhiệt đới
Mà hai màu xanh-trắng kháo xa nhau.

Xuân giục già mấy lần rồi, ai biết
Cõi sầu riêng chìm giữa nỗi đau chung
Súng vẫn nổ, khói cay còn mù mịt
Tiếng xuân kêu vắng vắng giữa khốn cùng.

Hoa đào nở có còn em đứng ngắm
Theo gió xuân từng cánh rụng tả tơi
Cành táo ngọt rung rinh bên thềm vắng
Có còn đâu? Xa là hết, xuân ơi!

lê văn thịnh



Hương Xuân

Nguyễn Hoàn Nguyên

"...**Đ**ã nhiều lần chị bàn với em rồi, em thấy được thì quyết định mau lên. Em chần chờ cũng mấy năm rồi. Lại thêm một cái Tết nữa sắp đến. Năm nay, chú Hoàng, cô Tâm cũng sẽ về thăm anh chị, ở chơi ít bữa. Vậy là gia đình tụ họp gần đủ mặt. Chỉ còn thiếu em. Chị cứ xót xa khi nghĩ đến cảnh em sống một thân một mình ở cái thị xã lạnh lẽo bên đó. Nếu em quyết định sang Mỹ sống với anh chị và các cháu thì hãy trả lời dứt khoát để anh chị còn lo liệu. Trả lời dứt khoát, nhớ nghe em..."

Đoạn thư của chị Trinh cứ vương vất đâu đó trong tâm tưởng Trúc cả tuần nay. Trời hôm nay thật lạnh nhưng Trúc vẫn không bỏ thói quen đi dạo ngoài rừng vào buổi trưa cuối tuần. Không gian là một khối rau câu đông đặc, có thể cắt ra thành từng mảnh. Nhưng đồng thời cũng là khối pha lê trong suốt, tưởng chừng một va chạm vụng về cũng làm vỡ tung ra từng mảnh. Trúc hít vào một hơi dài. Khí lạnh có mùi trong vắt của nước suối đang chảy róc rách qua buồng phổi nàng.

Chị Trinh, chị cô cậu của Trúc, lớn hơn nàng sáu tuổi. Nhưng đối với Trúc thì chị Trinh già dặn hơn nàng đến sáu mươi tuổi. Khi Trúc lên mười, để dễ dàng theo học trường trung học tỉnh lỵ, chị phải ở trọ nhà Trúc. Thường thường sau bữa ăn trưa, chị thích đi dạo thơ thẩn dưới tàn cây măng cụt râm mát. Vóc dáng chị làm sáng rực khu vườn âm u cây lá. Chị không hề khó chịu khi thấy Trúc cứ lẩn quẩn theo sau. Những buổi trưa

như vậy, chị ngồi dưới tàn cây, kể cho Trúc nghe những mẩu chuyện nhỏ nhặt, vặt vãnh. Thỉnh thoảng tiếng chim chích choè hót lạnh lốt trên cao làm nhòa đi âm giọng êm êm của chị trong khoảnh khắc. Chị Trinh kể những gì, giờ đây Trúc đã quên mất. Gương mặt con gái tuổi mười sáu của chị cũng trở thành mơ hồ. Tất cả chỉ còn lại một vóc dáng mảnh khảnh làm rực sáng khu vườn thời thơ ấu.

Năm Trúc mười ba tuổi thì chị Trinh đang chuẩn bị thi tú tài hai. Gương mặt chị trong giai đoạn này hiện rõ hơn trong tâm trí nàng. Mái tóc ngắn để lộ chiếc cổ dài thon trắng. Đôi mắt đen lấp lánh, thoáng chút tinh nghịch nằm ẩn dưới đôi chơn mày mỏng nhưng đậm. Chiếc mũi cao thanh tú làm tăng thêm nét bừng bình trên khuôn mặt xinh xắn. Một nốt ruồi duyên dáng bên khoé miệng trái làm chị thêm duyên dáng, mời gọi hơn. Thời gian này, cũng vào những buổi trưa, chị đã đọc cho Trúc nghe lần đầu tiên những bài thơ tình của các thi sĩ tiền chiến. Cô bé Trúc dường như cảm thấy mình bắt đầu yêu thơ, và càng mê chị Trinh. Khoảng vườn măng cụt rậm lá càng rực sáng dù những đám mây đen mùa mưa đang lữ lượt kéo về.

Trúc ít gặp chị hơn trong những năm chị theo học Văn khoa ở Sài Gòn. Vắng bóng chị Trinh, khu vườn rậm mát không còn là cảnh giới huyền thoại nữa. Tiếng chim chích choè cũng phai đi ít nhiều cung điệu lạnh lốt. Nhưng chị Trinh vẫn giữ liên lạc với Trúc qua những lá thư ngắn. Cuối



năm học thứ nhất, chị mang từ thành phố về cho Trúc một món quà bất ngờ: một cây đàn tranh và một số bài bản thực hành. Tết năm đó, chị lại về thăm gia đình Trúc. Chị mặc áo dài đỏ thắm đào thêu hoa lan trắng, quần sa-teng trắng, dạo thanh thoát qua những hàng mai vàng đang nở rộ ở khu vườn phía trước nhà. Thỉnh thoảng gót chân chị dẫm lên những chiếc lá mai khô. Tiếng rên khê của mùa xuân vang động. Xuân rồi cũng trôi qua, những nỗi niềm tương tư chị Trinh ở Trúc vẫn không hề thuyên giảm.

Ra trường, chị Trinh được bổ đi dạy tại một tỉnh lỵ miền tây. Trong giai đoạn này, chị gặp và yêu anh Dũng. Trúc cảm nhận rõ ràng sự mất chị dù chị vẫn liên lạc thư từ với nàng. Chị Trinh vẫn khuyến khích Trúc tiếp tục chơi đàn tranh và chia sẻ những quan niệm về thi ca cũng như tư tưởng về đời sống với Trúc. Những ý tưởng của chị vượt quá tầm hiểu biết của Trúc nhưng nàng vẫn cố gắng hồi hã đuổi bắt dù chỉ cảm nhận thật mơ hồ dấu vết của chị cố tình để lại.

Ngày nhận thiệp cưới của chị Trinh, Trúc có cảm giác như người bị tình phụ và điều này khiến nàng cảm thấy hổ thẹn. Rồi Trúc chưa kịp hoàn tất chương trình trung học thì biến cố 75 xảy ra. Những biến động theo

nhau đổ ụp xuống bao gia đình, trong đó có chị Trinh, có Trúc... Cho đến khi anh Dũng, chị Trinh và các con định cư ở Mỹ, chị trở thành thư ký của một đại học thành phố. Niềm ngưỡng mộ chị Trinh biến thành nỗi thất vọng lớn lao. Trúc mong đợi ở chị Trinh nhiều hơn. Mong đợi những gì thì chính Trúc cũng chỉ cảm thấy mơ hồ. Nhưng chị phải nổi bật, phải khác thường. Chị Trinh của Trúc hoàn toàn tan biến vào đời sống cơm áo bình thường...

- *Mooi meisje! Mooi meisje!*

Tiếng reo rộn rã của ông Van Dale vang động giữa con đường hẹp trong khu rừng nhỏ. Chuỗi âm thanh ngân dài tựa dải lụa, bay len lỏi qua những cội thông rồi treo lơ lửng trên những nhánh phong trụi lá. Ricky, con chó trắng vά đen, cũng sủa theo vài tiếng phụ họa với chủ. Từng ngụm khói trắng phà ra theo hơi thở của ông Van Dale như ông đang thưởng thức một tàu thuốc lá thơm ngon. Người và thú chiếu rọi về ấm áp, sống động, tương phản với cái co ro của những gốc phong trụi lá chung quanh.

Như một tính toán chuẩn xác, cứ bách bộ đến khoảng rừng này, vào đúng giờ này thì Trúc gặp ông Van Dale và con chó trắng vά đen đi từ hướng ngược lại. Bao giờ ông già Hoà Lan cũng reo lên một tràng "*mooi meisje* (cô gái đẹp) rộn rã. Vừa như một lời khen tặng quen thuộc, vừa thay cho tiếng chào hỏi thông thường. Trời lạnh làm da mặt ông trắng thêm, những sợi gân máu li ti hiện rõ mồn một. Dưới vành nón bê-rê, đôi mắt ông như mỉm cười, tươi hơn cả đôi môi giữa hàng râu rậm bạc trắng. Con Ricky cũng quẩn quít bên chân nàng. Người, vật và thiên nhiên đều quen thuộc.

- Trời lạnh hả? Mùa đông mà! Tuyết, băng. Đẹp phải không?

Đây là một cố tật của ông Van Dale. Gặp nhau ở ngoài rừng hay bất cứ nơi nào, sau một tràng chào hỏi theo cung cách của ông, ông nói với nàng bằng một thứ tiếng Hoà Lan rất bồi. Câu cú cụt ngủn, cộc lốc, chẳng theo qui tắc văn phạm nào cả. Dường

như ông cho rằng như thế Trúc dễ hiểu hơn, bất kể những câu trả lời rõ ràng, đúng văn phạm và có âm giọng Hoà Lan của Trúc. Nhưng những lúc ngồi vào bàn uống trà hay cà phê, ông lại nói với nàng theo cung cách bình thường. Nếu cần, ông sử dụng vô số tục ngữ Hoà Lan hay lôi ra hàng pho sách để chứng minh cho lập luận của mình. Lâu dần, Trúc cũng quen với cố tật của ông. Điều làm nàng thú vị là ông vẫn gọi nàng là *moois meisje* dù ông biết rõ nàng đã qua tuổi ba mươi từ lâu.

Vừa thở ra khói với tia mắt reo vui, ông Van Dale vừa hỏi:

- Cô rảnh? Lát ghé uống trà? Tôi còn hộp chocolate Bỉ hôm Giáng Sinh chưa mở.

Trúc mỉm cười gật đầu.

- *Gazellig*. Đi dạo vui! Hẹn lát nữa gặp lại.

Đi được vài bước, ông Van Dale quay lại nói vọng theo một câu mà Trúc không hiểu ông ngụ ý gì:

- Đi dạo cẩn thận nghe cô. Cái lạnh mùa đông có khi dẫn mình đi xa lắm đó.

Trúc dừng lại, mỉm cười khẽ lắc đầu rồi rảo bước tiếp. Nàng nghe rõ âm thanh xào xạc của từng bước chân mình giữa khu rừng êm vắng. Lá thư của chị Trinh báo tin xuân ở Trúc, ông già Hoà Lan kéo nàng về với cái lạnh thực tại của mùa đông. Một bóng chim lớn bay vút qua những tàn cây cao. Tiếng vỗ cánh vang động làm Trúc khẽ giật mình. Chắc là một con *fazant*. Trúc hít mạnh một hơi thở vào lồng ngực. Mùi lá cây mục thoang thoang quen thuộc đã bị lớp băng mỏng bọc kín lại bên dưới mặt đất.

- Cứ nhận lời đi Trúc. Dù thị xã này chỉ có mình Trúc là người Việt, nhưng Trúc cũng đại diện một sắc dân, một dân tộc chớ bộ.

Bà Stegeman đang thuyết phục nàng nhận lời tham dự Đêm Văn Hoá do thị xã tổ chức. Mỗi sắc dân định cư trong thị xã sẽ có một gian hàng để trưng bày văn hoá phẩm và giới thiệu về đất mẹ của mình. Sau các sinh hoạt, chương trình sẽ kết thúc

bằng một buổi trình diễn văn nghệ cũng do các sắc dân tham dự, nhằm giới thiệu các nét đặc thù của dân tộc mình. Tất cả mọi chi phí đều do thị xã trợ cấp. Chính ông bà Stegeman đã thông báo, khuyến khích Trúc tham dự buổi sinh hoạt này. Nhưng cũng như với lá thư của chị Trinh, Trúc chưa trả lời ông bà dứt khoát.

Trúc cảm thấy dửng dưng, không chút hứng thú trong việc tham dự Đêm Văn Hoá. Nhất là buổi sinh hoạt lại trùng vào đêm giao thừa. Giao thừa, hai âm thanh khô khan đơn độc, rơi ngổ ngàng giữa một ngày mùa đông, chẳng dính dáng gì đến đám đông chung quanh vẫn đang túi bụi làm việc bình thường; nhưng vẫn là khoảng thời gian đặc thù của Trúc. Nàng chỉ muốn thu mình trong căn phòng nhỏ, tránh mọi tiếp xúc. Bà Stegeman tiếp tục động viên Trúc. Rồi ông Stegeman trầm trầm lên tiếng, trình bày về phương thức bày biện gian hàng và màn đóng góp văn nghệ. Trúc biết rồi mình cũng sẽ nhận lời. Giữa ông bà và Trúc có những thân tình mà nàng không thể từ chối.

Căn phòng khách trở lại im vắng sau khi ông bà Stegeman từ giã ra về. Trúc rót đầy một ly nước suối, buông thả mình vào lòng chiếc ghế rộng ngó quanh. Phía bức tường đối diện là bộ tranh sơn mài tứ bình mẹ nàng gửi qua cho cách đây nhiều năm cùng với bức "Vinh qui bái tổ". Khi nhận tranh, Trúc buồn cười không hiểu tại sao mẹ lại gửi cho Trúc bức tranh này. Nàng treo tranh vì trân quý món quà kỷ niệm của mẹ hơn vì cảm nhận vẻ đẹp của bức tranh. Ông Stegeman đề nghị sẽ bày những bức tranh đó trên gian hàng văn hoá. Trúc cho rằng tranh không có gì đặc biệt, kém phẩm chất nghệ thuật, đề tài khuôn sáo, sợ rằng không xứng đáng để trưng bày. Nhưng bà Stegeman đã trấn an, không sao đâu, có bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, vậy là quý lắm rồi!

Trong góc phòng, thùng đàn tranh nằm dựa vào tường. Cây đàn đó Tranh đã nhờ người bạn mua ở Paris. Từ lâu nàng không đụng đến đàn. Nơi tủ kiếng kế cận bày biện những đồ vật

lĩnh kính. Chiếc hộp gỗ mang tên Trúc khắc tỉ mỉ, con thiên nga bằng pha lê, bức tượng đồng thiếu nữ tí hon... Trong mớ đồ vật đó, có những món còn vương lại dấu vết của những người đàn ông tham dự ít nhiều vào đời sống nàng. Tính, nồng nhiệt nhưng trẻ con. Athur, thông minh nhưng tính toán sòng phẳng. Đông, điềm đạm nhưng khuôn mẫu, nghiêm ngặt... Cuối cùng rồi Trúc vẫn còn là Trúc một mình một bóng, hồ hững với mối tình kế tiếp, với sự khó tánh của mình; hồ hững với cảm giác thèm muốn giữa đêm... Ngoài khoảng thời gian bù đầu ở sở, Trúc không còn khả năng tưởng tượng phong phú một khuôn mặt tình yêu lý tưởng. Hóa hoàn toàn là vài nét lơ mơ đậm nhạt của một chân dung Á đông pha lẫn Tây phương, không biểu lộ rõ một cá tính nào. Những lá thư của mẹ đã từ lâu không còn câu hỏi chùng nào con cho ba mẹ uống rượu mừng.

Đã có thời gian Trúc hoàn toàn không tha thiết gì ngoài công việc làm tám tiếng bắt buộc ở sở. Những cây kiểng trong phòng khách không được Trúc chăm tưới đều chết khô. Rồi hình ảnh chị Trinh lại hiện đến với Trúc như một mảnh gỗ trôi lênh đênh giữa đại dương trống vắng. Chị Trinh không biến mất trong đời sống bình thường như Trúc nghĩ. Chị đang tham dự, đang tiếp tục chi phối phần nào đời sống nàng. Thời gian chị dạy học, rồi giai đoạn anh Dũng nằm trong trại cải tạo cho đến lúc cả gia đình chị định cư ở Mỹ, chị Trinh - cũng như những người đàn bà khác cùng hoàn cảnh - đã làm tất cả những gì có thể làm. Trúc không thể đòi hỏi điều gì hơn ở chị. Nỗi thất vọng về chị tan biến tự lúc nào Trúc chẳng rõ.

Sau khoảng thời gian đó, Trúc lại tần mẩn mang về phòng khách toàn những cây họ xương rồng. Không tưới nước một vài tuần cũng chẳng sao. Ngoại cảnh đã tố cáo tâm hồn nàng khô khốc và đầy gai góc. Nhưng rồi Trúc lại tự an ủi, chắc mạch sống nàng vẫn còn tuôn chảy đâu đó. Bằng cố là mình vẫn bận rộn với cây kiểng, vẫn chưa vứt bỏ hết những món qu

kỷ niệm lĩnh kính trong tủ kiểng.

Tháng cùng năm tận, Trúc ngồi điểm qua những khuôn mặt của quá khứ. Có những khuôn mặt hiện ra, được Trúc xếp trang trọng vào một ngăn ký ức nào đó. Có những khuôn mặt nhạt nhòa, rồi biến dạng như những bóng ma. Nhưng một khuôn mặt chẳng những không biến dạng mà càng lúc càng hiện ra rõ nét. Khuôn mặt có chiếc mũi cao kiêu hãnh, đôi mắt reo vui dưới đôi chơn mày rậm, râu quai hàm bạc trắng. Khuôn mặt của ông già Van Dale.

Khi Trúc dọn về thị xã này thì ông Van Dale đã cư ngụ ở đây từ lâu. Nhà ông ở sát nhà nàng. Phía sau nhà là con đường nhỏ dẫn ra khu rừng nơi Trúc và ông vẫn thường đi dạo. Ông sống độc thân như Trúc. Vợ ông mất sớm, hai đứa con trai ở xa, ông xin về hưu non. Hầu hết thời giờ rảnh, ông dành cho mỗi đam mê đọc sách và đi dạo qua các tiệm bán sách cũ ở các thành phố lân cận. Lần đầu tiên đến thăm ông, Trúc đã choáng ngợp giữa bao nhiêu sách là sách. Ngoại trừ đôi chỗ ông dành kê một tủ rượu con, bộ bàn ghế gỗ sồi lót nệm màu rượu chát và một bàn ăn nhỏ, những khoảng trống còn lại đều dành cho mấy kệ sách cao dựng trần nhà. Sách tràn ra cả ngoài hành lang, chui vào phòng ngủ, lên tận trên gác xếp. Sách mới, sách cũ, sách bìa cứng, sách bìa da... nằm lẫn lộn chen chúc nhau có vẻ hỗn độn nhưng thật ra rất ngăn nắp theo một trật tự riêng. Một tia nắng yếu ớt chiếu xuyên qua cửa kiểng, rơi thành mảnh vàng nhợt nhạt trên một quyển sách rất cũ, ngả màu phèn lốm đốm, nằm chơ vơ trên đầu tủ rượu. Quyển sách to gần bằng chiếc rương loại trung, bìa bọc da rất dày với những hàng chữ Latin chạy ngoằn ngoèo. Đường viền của bìa sách là những cọng sắt với một ổ khoá bằng đồng gắn liền bìa trước với bìa sau như một thể giới bí mật phong kín. Sau này Trúc mới biết đó là cuốn Thánh kinh. Mùi giấy cũ bốc lảng dăng trong căn phòng, quyện với hương trà Djaling, thứ trà ông Van Dale vẫn uống, thành một mùi đặc

thù khó tả. Cái mùi kỳ dị đó trong khung cảnh mờ tối của căn phòng như cuốn Trúc trôi về một quá khứ cổ kính nào đó rất xa xăm, nhưng bình an và ấm cúng.

Dĩ mắt vào những kệ sách cũng là làm một cuộc hành trình phiêu lưu vào thế giới nội tâm của ông già Hoà Lan này. Hình như chiến tranh là một trong những đề tài ông đam mê. Ông dành hai kệ lớn riêng biệt, sắp trên đó toàn là sách biên khảo về các cuộc chiến tranh kim cổ, từ Đông đến Tây. Trúc đã thấy ở đó các sách về chiến tranh thời La Mã, Hy Lạp, Napoléon, Thế chiến thứ hai... đến cuộc xâm chiếm của Hoà Lan ở thuộc địa Nam Dương. Ngay cả cuộc chiến tương tàn trên quê hương Trúc cũng có mặt trong khối sách đồ sộ đó. Chính đề tài chiến tranh đã giúp ông Van Dale và Trúc hiểu nhau dễ dàng, vượt qua ranh giới khách sáo ban đầu.

Khi mối liên hệ trở nên thân thiết, ông đã kể cho Trúc nghe đoạn đời thơ ấu của ông:

- Năm tôi 12 tuổi thì Hoà Lan bị Đức Quốc Xã chiếm đóng. Một đứa bé 12 tuổi thì đâu biết nhiều về chiến tranh nhưng vẫn cảm nhận được những đau thương và căng thẳng. Nhà tôi ở gần nhà ga Amersfoort. Một buổi chiều chạy chơi thơ thẩn với cái niên xe đạp cũ, tình cờ tôi đến gần khoảng đường rầy sau sân ga. Mẹ tôi vẫn cấm tôi không được léo hánh tới đến khu này. Tôi thấy lính Đức đang đứng gác chung quanh các toa xe lửa, quát tháo vang động. Từng lũ người già trẻ lớn bé bị lừa lên toa như những bầy súc vật, trong đó có những đứa trẻ trạc tuổi tôi. Chiếc xe lửa là một con quái vật có nhiều miệng, đang nuốt dần những con người làm lùi bước tới. Trở về nhà, tôi không tài nào quên được cảnh tượng chiều hôm đó. Nó bám vào tâm trí tôi một cách dai dẳng, lì lợm không cách nào tẩy xoá.

Tia mắt reo vui của ông Van Dale vụt tắt khi ông kể chuyện. Trúc tò mò hỏi tiếp:

- Ông còn chứng kiến cảnh nào khác trong chiến tranh ngoài cảnh

tượng chiều hôm đó không?

- Còn chớ! Nhiều nữa là khác. Sau đó ba tôi không may có chuyện bất hoà với một viên chức ở thị xã thuộc đảng thân Đức Quốc Xã. Sợ bị vu cáo có hoạt động chống đối hay giúp đỡ người Do Thái, cả nhà tôi phải gấp rút dọn về Rotterdam. Ở đây ba tôi tìm được việc làm khác. Tôi bỏ cái nhà ga ác mộng đó để rơi vào cơn ác mộng khác. Thành phố Rotterdam bị dội bom dữ dội. Cả nhà tôi lại phải tản cư, tá túc nơi nhà chú tôi ở Drachten. Cô thấy đó, tôi cũng chạy giặc đâu thua gì dân Việt Nam của cô. Thấy cảnh nhà cửa sụp đổ, người chết cũng nhiều, đã trải qua cảnh mùa đông đói lạnh. Nhưng cảnh tượng ở sân ga vẫn ám ảnh tôi sâu sắc. Cho đến bây giờ, đêm đêm thỉnh thoảng tôi vẫn thường tự hỏi, chuyến xe lửa hôm đó chở người về trại tập trung nào, bao nhiêu người sống sót trở về, những đứa trẻ đồng trang lứa với tôi ngày hôm đó bây giờ ra sao?

Ánh mắt của ông Van Dale trở nên xa xăm hơn. Ông nói tiếp, giọng đều đều:

- Hình như đứng vào một nơi chốn, một giây phút nào đó, khi một cảnh tượng lọt sâu vào trí não thì nó lì lợm nằm đó, an toàn trong ký ức và cứ hiện lên mãi. Cảnh tượng đó có thể không có gì đặc biệt đối với người khác hay ngay cả với những gì chính mình đã trải qua sau đó. Nhưng nó có khả năng gọi lên toàn thể những đau thương mà đương sự đã trải qua. Tuổi thơ của tôi chấm dứt kể từ buổi chiều hôm đó ở phía sau nhà ga Amersfoort.

Trúc yên lặng nghe ông Van Dale kể. Chuyện ông không lạ, quen thuộc nữa là khác. Bom đạn, người chết, những đoàn người lầm lũi, những trại tập trung, tiếng quát tháo, bạo lực... Chuyện của ông già Hoà Lan cũng chính là chuyện của Trúc, của quê hương nàng. Chuyện của loài người. Trúc đã kể cho ông nghe những mẩu chuyện tương tự. Cũng như trên quê hương Hoà Lan của ông Van Dale, chiến tranh đã chấm dứt từ lâu trên quê hương nàng. Nhưng điều khác là bạo lực, lòng tham, sự xảo trá và vô

Cõi giới

*Tôi dâng một nén hương đêm
Để nghe bão ngớt rên trên mái nhà
Để sớm mai mở cửa ra
Bình nguyên òa thức bao la cỏ mềm
Đắng cay rồi cũng lãng quên
Chân vui nhịp hát tới miền đất mơ
Ngày qua - một đoạn cổ thư
Có đọc lại cũng xa, mờ như em.*

Ông thế hùng

trách nhiệm vẫn còn ngự trị. Ông già Hoà Lan lắng nghe với tất cả sự chia sẻ, cảm thông. Rồi những buổi chiều trà đàm khác, Trúc lại kiên nhẫn ngồi nghe ông nói. Ông Van Dale có thói quen kết thúc câu chuyện bằng một đoạn cổ văn được dịch ra từ tiếng Latin. Có lần ông đọc cho nàng nghe một đoạn trong bức thư của một nghị viên La Mã, báo cáo tình hình núi lửa Vesuvius nổ tung, chôn vùi thành phố Pompei dưới tro tàn. Ông đọc, giọng ngân nga:

*Khắp mọi nơi ngày đã trở về
Riêng chốn này vẫn còn là đêm tối
Không, dày đặc hơn cả đêm tối.*

Chiến tranh đôi khi cũng có bộ mặt tích cực. Trong trường hợp này, nó là nhịp cầu thông cảm giữa Trúc và ông già Hoà Lan. Liên hệ giữa ông và Trúc không đơn thuần là liên hệ giữa hai người hàng xóm khác chủng tộc, văn hoá, tuổi tác. Trúc cảm nhận được mối liên hệ giữa hai con người đã nếm qua ít nhiều đau thương, mất mát. Rồi những bài thơ con con của ông nữa. Nó cũng ít nhiều vận vào hoàn cảnh của quê hương nàng. Trong căn phòng lãng đãng hương trà và mùi giấy cũ, ông Van Dale đã nhiều lần ngấm hộ cho những cảnh ngộ tăm tối của nhiều người ở quê hương nàng. Rất nhiều người.

Trúc về đến nhà thì đã gần 1 giờ sáng. Đêm văn hoá chấm dứt lúc 11 giờ đêm nhưng ông bà Stegeman còn khẩn khoản mời nàng đến nhà uống



một ly rượu mừng đầu năm. Gian hàng văn hoá của Trúc khiêm nhường nhất trong các gian hàng được trưng bày. Mấy tấm tranh sơn mài nằm rời rạc. Ít tài liệu về Việt Nam. Thêm chiếc áo dài đỏ thêu hoa cúc vàng Trúc đang mặc và cây đàn tranh. Bù lại, phần trình tấu của nàng khá thành công. Trong lúc tập trung tinh thần đánh bài *Tứ đại cảnh*, hình ảnh chị Trinh với món quà bất ngờ năm xưa lại hiện về trong tâm tưởng Trúc.

Trúc để nguyên quần áo ngã xuống giường. Con mọt bây giờ mới thật sự xâm chiếm nàng. Trúc bận rộn suốt ngày hôm nay, cả đêm hôm qua.

Đã hơn nửa đêm mà Trúc vẫn chưa ngủ. Khoảng hơn 4 giờ sáng, Trúc vừa chớp mắt thì con chó Ricky của ông Van Dale bỗng sủa lên từng hồi dữ dội. Dù vách tường đã được cách nhiệt và âm thanh khá tốt, tiếng sủa của con Ricky vẫn vang lên rõ mồn một. Nhưng rồi Trúc vẫn chìm vào giấc ngủ chập chờn, giữa mớ âm thanh hỗn độn. Khi giật mình tỉnh dậy, qua kẽ hở nơi bức màn của cửa sổ phòng ngủ, Trúc chợt thấy một luồng ánh sáng xanh chớp tắt liên tục. Tò mò, Trúc bước xuống giường, vén màn ngó xuống khoảng đường phía trước nhà. Luồng ánh sáng đó phát ra từ ngọn đèn trên nóc chiếc xe cứu thương và xe cảnh sát đậu bên dưới. Hai y tá đang đẩy nốt chiếc băng ca có người nằm, phủ vải trắng kín mít, vào xe. Đứng lẫn trong vài khuôn mặt hàng xóm quen thuộc, người cảnh sát

nắm giữ con Ricky đang chực xông lại chiếc xe cứu thương. Trúc biết ngay chuyện gì vừa xảy ra. Trong đầu nàng vang tiếng kêu thảng thốt. Thôi rồi, ông Van Dale!

Khu Trúc khoác áo chạy xuống đường, chiếc xe cứu thương và xe cảnh sát đã đi khuất. Người hàng xóm sát bên kia vách nhà ông Van Dale ngậm ngùi kể: Khoảng 5 giờ sáng, không thể nào ngủ được với tiếng tru sủa dồn dập của con Ricky, ông ta bước qua bấm chuông nhà ông Van Dale, toan than phiền vì bị phá giấc ngủ. Đèn phòng khách nhà ông Van Dale vẫn còn cháy sáng. Bấm chuông hai ba lượt vẫn không thấy mở cửa. Con Ricky càng sủa dữ dội. Ông ta ngó vào qua khung cửa kiếng thì thấy ông Van Dale nằm sóng soài giữa mớ sách vở bừa bộn. Chắc ông bị tim, từ trần khoảng đâu chừng hơn một giờ. Giọng ông hàng xóm trở nên thương cảm hơn. Trước khi ngã xuống, ông Van Dale còn kéo đồ theo gần một chục quyển sách... Trúc đứng im nghe chuyện. Khi ông hàng xóm từ giã Trúc trở vào nhà, nước mắt nàng đã tuôn chảy tự bao giờ.

Biến cố xảy ra bất ngờ quá, đến nỗi Trúc vẫn còn ý nghĩ ngày mai sẽ mời ông Van Dale sang nhà nàng uống trà. Chốn bình an của Trúc, căn phòng có hàng kệ sách biên khảo về chiến tranh, có ông già Hoà Lan chia sẻ những chuyện nhỏ nhặt trong đời sống, có tia nắng nhạt rơi trên quyển Thánh kinh đồ sộ. Mùi giấy cũ pha lẫn hương trà Djaling vẫn thoang thoảng đâu đây. Nàng tự nhủ, bây giờ là giao thừa. Không, đã qua ngày mừng một rồi. Thêm một năm tuổi chông chất trên đời sống nàng. Cảm giác khối thời gian lạnh lùng, càng ngày càng trở nên to lớn, cứ trở lại đều đặn mỗi năm đè nặng ngực nàng. Bao giờ Trúc cũng thấy một niềm hối tiếc mênh mông, sự bất lực muốn nắm giữ một vật cứ thản nhiên vượt khỏi những ngón tay bầu vuu của nàng. Như sự ra đi bất ngờ của ông Van Dale. Khi đứng nhìn những xác pháo vương vãi trên mặt đường, những cây thông Giáng Sinh nằm chỏng gọng

ven lề sau Tết tây chờ xe đổ rác mang đi, Trúc như kẻ sau buổi tiệc vui ồn ào đã tàn, đứng cô độc đối diện với sự đổ vỡ ngổn ngang, với nỗi hoang vắng vô bờ.

Nhưng cũng chính trong khoảng thời gian này, một nỗi rạo rực của lộc non đang chuyển mình, của dòng nhựa tuôn chảy dâng lên trong Trúc. Nàng tựa như loài cá hồi, loài chim đi nghe bản năng gõ nhịp. Trúc như cội mai nghe thời tiết báo tin xuân dù mùa đông còn ngự trị. Mười mấy năm sống đơn độc ở xứ người, cái bản năng đó vẫn không biến mất nơi Trúc. Nó sẽ còn tồn tại bao năm nữa, Trúc không biết. Mặc dù nàng cũng tham dự những lễ Giáng Sinh và Tết Tây cùng bạn bè bản xứ và đã nhiều lần lỡ đi Tết ta, nhưng nỗi bức xúc cứ trở về quấy rầy nàng trong những ngày này. Trúc thơ thẩn đi ra đi vào, nhìn trời bất an. Trong giây phút đó, Trúc chợt cảm nhận rằng trong con người yếu đuối bất an là Trúc, vẫn có một người đàn bà khác, vững chãi, bền bỉ. Chính người đàn bà lạ lùng mà quen thuộc đó, có thể đã tồn tại từ bao ngàn năm, đã trở về an ủi, vỗ về, truyền sức sống cho Trúc. Để rồi sau một buổi tan sở, Trúc đi đến tiệm thực phẩm của người Nam Dương gần đó, mua đầy đủ các thức về nấu nướng làm món cải chua, thịt kho, dưa giá, khổ qua hầm... Cả tháng sau đó, ngăn đá tủ lạnh của Trúc vẫn còn đầy áp những món ăn nàng làm.

Nằm thừ người với cơn mệt mỏi và những ý tưởng lan man, cuối cùng Trúc cũng chìm dần vào giấc ngủ. Giữa khoảng cách của mơ màng và ý thức còn sót lại, Trúc vẫn nghe đâu đó tiếng sủa của Ricky. Dường như những âm thanh hỗn độn đêm trước vẫn nối tiếp nhau không gián đoạn cho đến đêm nay. Rồi Trúc mơ hồ nghe tiếng vó ngựa gõ trên nền đất, tiếng người hò reo, bóng cờ bay phất phới trong gió, những sắc đỏ xanh vàng trộn lẫn nhau của xiêm áo; bầu trời, ánh nắng, tiếng đàn tranh điệu Bắc điệu Nam trộn lẫn, thay đổi đột ngột...

Lúc Trúc thức giấc, đồng hồ chỉ

hơn 9 giờ sáng. Trước khi bước vào phòng tắm, Trúc với tay bật radio trên đầu giường. Tin thời tiết cho biết hôm nay lạnh khoảng 5 độ âm. Từ phòng tắm bước ra, nàng chải sơ lại mái tóc rối, vẽ viền mắt, thoa một lớp kem mỏng lên má, tô lớp son nhạt lên môi. Đôi mắt thiếu ngủ của Trúc có quầng xanh, nhưng gương mặt nàng lại có vẻ huyền hoặc, thu hút hơn. Trúc cười với chính nàng, mình lại đẹp hơn năm ngoái!

Trúc khoác áo, mở cửa bước ra ngoài. Hơi lạnh ập vào mặt nàng. Trời tuy lạnh nhưng rực nắng. Buổi sáng mùng một của Trúc. Trước khi rảo bước, Trúc đứng tần ngần thật lâu nhìn vào phòng khách của ông Van Dale. Nàng đi về phía rừng, lắng nghe tiếng chân mình vang trên mặt đất đông cứng. Hình như vẫn còn treo lơ lửng đâu đó chuỗi âm thanh *mooi meisje, mooi meisje* của người bạn vong niên trên những nhánh cây trụi lá. Trúc sẽ tiễn đưa ông Van Dale đến nơi an nghỉ cuối cùng. Ông sẽ an nghỉ vĩnh viễn giữa mùa xuân của Trúc. Nàng hít vào một hơi dài theo thói quen rồi thở hắt ra. Tưởng như để hắt bỏ mối bận tâm nặng nề trong những ngày qua. Tưởng như bầu khí quyển pha lê có vị ngọt nước suối đang từ tốn cuộn tròn giữa lồng ngực nàng.

Trúc dự định sẽ trả lời thư chị Trinh nội hôm nay. Trả lời dứt khoát như ý chị mong muốn. Trong sự im vắng tịch mịch của khu rừng buổi sáng, Trúc tự nhủ rồi ngày nào đó nàng sẽ về thăm lại ba mẹ nàng. Đất nước và con người bên đó chắc chắn sẽ có vô vàn đổi thay. Chính Trúc cũng có nhiều thay đổi. Có thể nàng sẽ lạc lõng, xa lạ ngay giữa quê hương mình. Nhưng những cội mai trước nhà nàng sẽ mãi mãi còn đó. Rồi Trúc cũng sẽ thơ thẩn dạo bước giữa những cội mai già đang nở rộ. Bước chân nàng có thể không tạo nên những âm thanh đam mê của mùa xuân như những bước chân của chị Trinh ngày xưa. Nhưng bước chân nàng sáng nay có lẽ vô tình khuấy động những bụi crocus đang nằm yên dưới lòng đất lạnh kiên nhẫn chờ xuân. ●

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy
phóng tác



(tiếp theo)

Chương 29

Francis Dolarhyde phải ra khỏi lãnh địa của hắn để đi lấy cái hắn cần.

Hắn là trưởng phòng tráng in phim gia đình của Gateway nhưng nhà này còn bốn phòng khác.

Cuộc suy thoái kinh tế trong những năm 70 đã giáng một đòn nặng vào công nghiệp in tráng những cuộn phim gia đình. Thêm vào đó là sự cạnh tranh của loại phim mới: video có âm thanh trực tiếp. Nhà Gateway phải rời rộng địa bàn phục vụ. Họ làm thêm công việc chuyển từ phim nhựa sang băng video, in những bản đồ kiểm soát chụp từ phi cơ.v.v.. Năm 1979, một cơ may đến, Gateway ký hợp đồng với bộ Quốc Phòng và bộ Năng Lượng để phát triển và thí nghiệm những dung dịch mới cho phim ảnh hồng ngoại. Gateway mua lại một công ty nhỏ ở bên cạnh: công ty hoá chất Beader và chuyển công ty này thành phòng phát triển phim ảnh hồng ngoại.

Dolarhyde đi sang nhà Beader trong giờ ăn trưa dưới bầu trời xanh trong. Cái chết của Freddy Lounds khiến hắn vui vẻ.

Dường như tất cả nhân viên nhà

Beader đều đi ăn trưa. Francis tìm thấy cánh cửa căn phòng hắn cần đến ở cuối dãy mê cung hành lang. Tấm bảng trên cửa mang những hàng chữ lớn: *Phim hồng ngoại cực nhạy. Không đèn. Không ánh sáng. Không hút thuốc. Không rượu.* Bóng đèn đỏ sáng trên cánh cửa phòng.

Dolarhyde nhấn một nút điện. Hắn đứng chờ cho đến lúc bóng đèn đỏ đổi thành xanh mới đẩy cửa bước vào để đến cánh cửa thứ hai bên trong. Hắn gõ nhẹ lên cửa.

- Mời vào.

Tiếng đàn bà trả lời vang ra.

Mát lạnh, bóng tối tuyệt đối. Tiếng nước chảy. Mùi thuốc D-76 tráng phim quen thuộc và một mùi hương phảng phất.

- Tôi là Francis Dolarhyde. Tôi đến vì cái máy sấy.

- Ô... xin lỗi. Tôi vừa ăn trưa xong.

Hắn nghe tiếng vò giấy và tiếng giấy bỏ vào giỏ rác.

- Ferguson chịu trách nhiệm về cái máy - tiếng người đàn bà vang lên trong bóng tối - Anh ấy hiện đang nghỉ. Tôi biết chỗ, để tôi chỉ cho anh. Xin chờ một phút nữa thôi. Anh đứng dựa lưng vào cửa, bước tới ba bước, bên trái anh có cái ghế đầu.

Dolarhyde làm theo. Bây giờ hắn đã đến gần người đàn bà hơn. Hắn

nghe tiếng thở nhẹ, ngửi rõ mùi nước hoa.

- Anh là trưởng phòng tráng phim ở nhà lớn bên kia? Người vẫn được gọi là ông D., phải không?

- Chính hắn.

- Tôi là Reba McClane. Có gì rắc rối không anh?

- Không. Tôi chỉ muốn kiểm soát cái máy sấy đó thôi. Tôi là người thiết kế phòng tối này, nhưng sáu tháng nay tôi không qua đây.

Trong bóng tối, Francis nói được dễ dàng hơn.

- Tôi mới đến đây được 3 tháng. Thiếu phụ nói.

Dolarhyde thấy thoải mái khi được đứng gần người đàn bà trong bóng tối như thế này. Hắn mong thời gian bóng tối ngự trị kéo dài nhưng đồng hồ báo giờ rung chuông.

- Xong rồi đó - thiếu phụ nói - Để tôi đưa lô hàng này vào hầm lạnh đã.

Ánh đèn sáng lên. Thiếu phụ đứng bên cửa, mặt hướng về phía anh, miệng mỉm cười. Đôi mắt nàng mở nhưng vô hồn. Có lần Francis nghe nói Reba McClane, chuyên viên phụ trách phòng tối phim hồng ngoại, là người mù. Nhưng khi nhìn thấy mặt nàng, cây gậy trắng dựng bên cửa, hắn mới yên tâm. Nàng không nhìn thấy mặt hắn, hắn dễ chịu hơn.

Reba McClane trạc ba mươi tuổi, khuôn mặt khá xinh của những thiếu nữ miền đông cổ. Một vết sẹo nhỏ hình ngôi sao in trên sống mũi. Mái tóc màu lúa mạch chín pha màu vàng đỏ được cắt ngắn như tóc thiếu niên, kiểu tóc lúc này đã hết thời. Làn da nàng có màu hồng nắn. Trên màu trắng của nền phòng gạch men, giữa những dụng cụ, đồ đạc bằng nhôm, thép, nàng sáng trong như mùa thu.

Dolarhyde được tự do nhìn ngắm nàng. Tia nhìn của hắn có thể vờn vờn trên thân thể nàng như không khí. Nàng không có cách nào tránh né cái nhìn của hắn.

Dolarhyde thường cảm thấy da thịt hắn nóng lên khi nói chuyện với phụ nữ. Ngay cả khi họ không nhìn hắn, hắn cũng cảm thấy sự ghê tởm của họ. Với Reba McClane, hắn hoàn

toàn thoải mái, da thịt hần mát rượi.

Reba đưa Francis đến xem chỗ đặt máy sấy. Xong việc, Francis nói:

- Tôi muốn cô giúp tôi một việc.
- Vâng, anh cứ nói.
- Tôi cần một số phim hồng ngoại.

Loại cực nhạy.

- Anh phải để phim trong tủ cực lạnh. Chụp xong, cũng phải giữ nó trong tủ lạnh. Anh định dùng phim trong những điều kiện như thế nào, nói tôi biết để lựa phim cho anh?

- Chụp cách đối tượng khoảng bảy, tám thước. Dùng hai kính lọc Wratten. Chụp trong vườn thú, trong thế giới bóng tối. Họ muốn có hình ảnh của loài thú hoạt động ban đêm.

- Chắc là họ khó tính lắm nên mới không chịu dùng loại phim hồng ngoại có bán ở thị trường. Tôi có thể giúp anh nhưng phải nói trước, sản phẩm này thuộc bộ Quốc Phòng nên anh phải ký nhận và khai dùng phim vào việc gì.

- Vâng, cảm ơn cô.

- Bao giờ anh cần phim?

- Ngày 20 tháng này. Không chậm hơn được.

Sau khi Dolarhyde ra khỏi phòng, Reba đếm lại số những trái táo của nàng, nàng thấy mất một trái. Người đàn ông này kỳ lạ đấy, Reba nghĩ thầm. Anh ta đã không tỏ vẻ ngỡ ngàng khi đèn sáng và thấy nàng mù. Anh ta không bối rối và cũng không thương hại nàng. Tốt. Nàng thích gặp một người đàn ông không để ý đến tình trạng tật nguyền của nàng.

Chương 30

Đám ma Freddy Lounds được cử hành khá lớn với đầy đủ nghi lễ ở Chicago. Toà báo *The Tattler* đài thọ hết chi phí mai táng. Nhà báo cần nhiều ảnh để đăng số báo tới với mục đích khai thác thêm vụ Ròng Đỏ.

Tang lễ diễn ra dài lâu từ giáo đường sang nghĩa địa. Một nhà truyền giáo quen mặt trên màn ảnh truyền hình hùng hồn và xúc động nói những lời ca tụng người chết. Ban đồng ca được mướn, biểu diễn tận tình xứng đáng với số tiền trả. Nhiếp

ảnh viên, máy chụp và máy quay, làm việc tới tấp. Lẫn lộn trong số nhiếp ảnh viên là các cảnh sát Chicago mặc thường phục, giả dạng phóng viên, chụp ảnh những người đưa đám với hy vọng bắt được bộ mặt Quỷ Răng Nanh tức Ròng Đỏ trong nghĩa trang.

Trong số những người đưa tiễn ký giả Freddy Lounds đến nơi gọi là "an nghỉ cuối cùng", có nàng Wendy nữ chủ nhân tiệm rượu Wendy City. Nàng ngồi cạnh quan tài, bận váy đen được đo may cấp tốc, mớ tóc vàng búi gọn sau đầu.

Khi đoạn ca tiễn cuối cùng vang lên, Wendy đứng dậy. Nàng đi tới không chút loạng choạng hay run rẩy, quì xuống quan tài, đặt trán trên nắp quan, hai tay vòng ra ôm quan tài và những vòng hoa tang đặt trên nắp. Những bóng đèn flash nháy liên hồi, những tiếng nổ lộp bộp, tiếng máy quay phim rì rì.

Graham đi cạnh Wendy trên đường ra khỏi nghĩa trang.

- Cô thế nào? Bình yên không?

Họ đứng lại bên hàng mộ chí. Đôi mắt Wendy khô và sáng nhìn thẳng Graham:

- Cảm ơn. Tôi khá hơn anh. Anh say xin dài dài hả?

- Có say, nhưng không xin. Họ có cho người bảo vệ cô không?

- Có. Họ cho cả cảnh sát bạn thường phục đến ngồi trong tiệm tôi. Mấy hôm nay đông khách, Thiên hạ có nhiều người kỳ cục, chỉ thích đến những nơi có người chết.

- Tôi rất khổ tâm khi thấy cô gặp vụ này. Tôi thấy... ở bệnh viện, thái độ của cô được lắm. Tôi phục cô đấy.

- Cảm ơn anh đã đưa tôi vào gặp Freddy.

Nhiều người đi ngang liếc nhìn họ. Đám thợ chụp hình lại kéo tới. Họ đứng quay lưng lại. Wendy nhìn ra khoảng xa, ánh mắt trầm xuống. Rồi nàng lại nhìn thẳng vào mặt Graham:

- Này anh, báo *Tattler* chi cho tôi một khoản tiền, chắc anh biết? Chi về mục tôi nhào ôm quan tài và để họ phỏng vấn. Tôi chắc Freddy không phản đối việc tôi cầm tiền của họ.

- Tất nhiên. Nếu cô không cầm

tiền, Freddy mới phản đối.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Họ dùng tôi để bán báo, nhưng họ chịu chi. Thế là sòng phẳng. Chuyện tôi muốn nói với anh là họ yêu cầu tôi nói những lời đụng chạm đến anh, như chuyện anh cố tình dùng Freddy làm con mồi để nhử thằng Quỷ Răng Nanh, chuyện anh chụp ảnh thân mật với Freddy. Nhưng tôi không nói những câu như thế. Nếu anh đọc thấy những lời ấy trên báo, đó là do họ bịa ra, đăng bậy mà không có sự đồng ý của tôi. Họ viết láo nếu họ bảo là chính tôi nói.

Graham im lặng.

Vẫn nhìn thẳng vào mặt chàng, Wendy tiếp:

- Tôi biết anh không có cảm tình với Freddy, song tôi vẫn nghĩ rằng anh chỉ muốn lợi dụng anh ấy để chọc cho thằng Quỷ Răng Nanh nổi khùng lên. Anh không ngờ nó lại hại Freddy. Nếu anh có chủ ý dùng Freddy làm con mồi, anh đã giăng bẫy quanh Freddy và anh đã tóm được thằng quỷ sống đó. Tôi nói có đúng không?

- Cô nói đúng. - Graham gật đầu - Tôi thật không ngờ nó phản ứng như thế.

- Anh có tìm được dấu vết gì không?

- Không được gì đáng kể. Thằng quỷ sống ấy làm gọn quá. Nó gặp nhiều may mắn.

- Còn anh?

- Tôi làm sao?

- Anh có thường gặp may không?

- Lúc may, lúc không.

- Freddy chẳng bao giờ gặp may cả. Trước đây mấy ngày, Freddy nói với tôi là cơ may của anh ấy đã đến, anh ấy sẽ bỏ đây để về Hollywood.

- Có thể như thế lắm, nếu...

Hai người cùng im lặng trong vài giây.

- Chào anh, Graham. Nếu anh còn ở đây và buổi tối nếu anh cần uống chút cho đỡ buồn, mời anh đến tôi.

- Cảm ơn.

- Nhưng tôi không muốn thấy anh say, nhất là khi anh ở ngoài phố.

- Vâng. Cảm ơn.

Hai cảnh sát viên mở đường cho

Wendy đi qua đám người tò mò vẫn còn đứng vây quanh cổng nghĩa trang. Một gã mặt mũi nặng nề ngu ngốc, ngớ ngẩn, bận cái áo thun trắng ở ngực có in hàng chữ đỏ: "Quỉ Răng Nanh vô địch" huýt gió khi Wendy đi ngang và ra hiệu cho nàng nhìn vào ngực áo gã. Người đàn bà to mập đứng bên thẳng cánh giáng cho gã một bạt tai.

Một nữ cảnh sát viên vạm vỡ theo Wendy ngồi vào xe. Graham đứng

nhìn theo. Chàng cô đơn và buồn rầu.

Gió thổi lá khô và những cánh hoa tang khô chạy lạt sạt dưới chân chàng. Graham đứng lặng, tưởng nhớ lại tiếng những cành lá dừa rì rào trong gió biển. Chàng rất muốn trở về nhà, về với Molly, với biển xanh, gió lồng, cát trắng, những ngày làm việc mệt thân xác nhưng thoải mái tinh thần, những đêm ngủ bình yên. Nhưng cùng một lúc chàng cũng thấy rõ chàng không thể nào trở về được

trước khi Quỉ Răng Nanh - không - trước khi Ròng Đỏ, Đại Xích Long, Đại Nhân Long... chết.

Chương 31

- Tưởng anh không đến chứ. Nàng nói.

- Xin lỗi, giàn máy bên tôi trục trặc nên tôi đến trễ.

Phòng sáng đèn. Nàng đang sửa soạn ra về.

- Tôi đã có phim cho anh. Anh biết loại phim 1000 C chứ?

- Tôi biết.

- Tôi nghĩ anh dùng loại 1000 C hơn loại 1200. Đồ rắc rối hơn. Được không?

- Được. Cảm ơn.

Reba McClane đã bận áo đi mưa nhẹ, tay cầm sắc. Dolarhyde lùi lại khi nàng ra tới cửa, cây gậy trắng đi trước. Nàng không chờ đợi được giúp.

Dandridge - một nam nhân viên phòng tối, gã và Dolarhyde không ưa nhau - thò đầu vào phòng:

- Reba, Marcia về thẳng nhà rồi. Cô về một mình được không?

Đôi má Reba dường như ửng hồng. Nàng khó chịu nhưng vẫn hoà nhã:

- Tôi về được chứ sao lại không. Cảm ơn, Danny.

Nàng khó chịu không phải vì không có người đưa nàng về. Nàng không muốn được săn sóc vì thương hại. Dolarhyde nhìn theo, nghe và hiểu tâm trạng nàng. Gã Dandridge vụng về quá. Sự săn sóc sỗ sàng của gã làm cho nàng tủi hơn là được ấm lòng.

- Tôi muốn đưa cô về quá nhưng mà tối nay tôi cũng bận. - Gã trâu lăn tổ thêm - Anh Dolarhyde, nhờ anh đưa Reba về, được không?

- Tôi về một mình được mà - Reba lại nói - Tôi vẫn về, vẫn đến một mình, có sao đâu!

Dolarhyde nói hơi muộn:

- Để tôi đưa cô về.

- Cảm ơn anh. Anh cứ để tôi về một mình.

Reba nghĩ có thể Dolarhyde sẽ đề

những câu thơ dương tính

Có những năm tháng ở người này có nhớ
Thì ở người kia lại chạy tuột ra ngoài
Có những mạch máu trong veo nước lã
Mỗi tế bào thừ ra một chiếc lá khoai
Có những cái bắt tay để lại đường vân trong sọ não
Có hàng triệu lời chào như tà áo búp bê
Có những buổi sáng mặt trời ngoi lên trễ
Có câu thơ chưa hết vần, người đọc bấu môi che.
Có những mặt ao cứ ngỡ là mặt bể
Lăn tăn ven bờ ảo tưởng sóng trùng khơi
Có những chức quyền cứ lỏng nhõng rong chơi
Mà đến tháng vẫn lãnh lương đều đặn
Có những kiểu tư duy ngủ vùi trong chiến thắng
Để vàng trắng vỡ mộng cuối chân đời.
Có những nông nổi dễ thương như trẻ nhỏ
Có cuộc phiêu lưu trên mỏ ác con người.
Có những làn hương từ cơ thể toát ra
Lập tức bị choáng váng bởi nước hoa hảo hạng
Có những thế kỷ khai sinh những thiên tài cách mạng
Có thập niên buồn như một chiếc áo quan.
Có những thợ săn đơn phương thâm lặng
Có lắm ma cô theo đóm ăn tàn.
Có những tập quán mang hành vi dối trá
Hiện nguyên hình tên đồ tể của loài ma
Có những kẻ vĩ cuồng đến nỗi
Chưa mọc răng khôn cứ nơm nớp sợ đời quên

Những triệu chứng này có thể có trong tôi
Có thể có trong mỗi người đang sống
Giá tất cả đám ngẩng mặt thì khoảng trời cao rộng
Ắt sẽ trả lại ta những kỳ vọng ở con người
Còn mặt trời ăn cánh với loài dơi
Câu thơ tôi dành chìm trong bóng tối.

nguyễn quốc chánh

(Việt nam)



nghe đưa nàng về, và nàng sẽ nhận lời. Nhưng anh chàng Dandridge doãng vị đã làm hư mọi chuyện. Nàng không muốn bất cứ ai bị ép buộc phải giúp đỡ nàng. Tuy mù nhưng nàng có thể đi đến bất cứ nơi nào nàng muốn.

Reba vào phòng vệ sinh và ở trong đó đủ lâu để cho những nhân viên khác ra về hết. Người gác dan mở cửa cho nàng.

Ngồi trên chiếc xe van, Dolarhyde nhìn Reba McClane đi trên vỉa hè về phía trạm xe buýt.

Reba nghe tiếng máy xe rì rì sau lưng mình, rồi chiếc xe tiến lên ngang chỗ nàng.

- Mời cô lên xe.

Nàng mỉm cười nhưng vẫn bước đi:

- Cảm ơn. Tôi về bằng xe buýt quen rồi.

- Tôi mời cô mà.

em còn có nụ cười

Này em,
ta có gì đâu
Bốn mươi tuổi
một nỗi sầu rong rêu
Mộng xưa,
gió thổi qua đèo
Một thân lưu xứ lêu bêu cõi người.
Cuộc đời nửa thật, nửa chơi
Tình yêu
ngọt
đắng
nửa cười, nửa đau...

Này em,
ta còn gì đâu
Dăm ba sợi tóc đổi màu thời gian
Quê hai mươi tuổi hoang tàn
Mà thiên hạ vẫn xanh xang công hầu.

Này em,
giữa cuộc biển dâu
Vẫn ta ngồi hát rêu rao một đời
vì em
còn có nụ cười...

phạm tâm phổ

Nàng đứng lại. Chiếc xe cũng ngừng nhưng máy vẫn nổ. Nàng nghe tiếng người xuống xe.

Thường thì khi dắt nàng, người ta vẫn nắm cánh tay nàng. Reba không thích bị nắm tay như thế. Người mù chẳng ai thích bị nắm tay hay bị đẩy đi. Nhưng người đàn ông này không chạm tay vào người nàng. Reba chờ đợi rồi nói:

- Anh đưa tay cho tôi nắm, tôi lên xe dễ hơn.

Reba đã có nhiều kinh nghiệm về đàn ông qua cánh tay của họ. Nhưng cánh tay của Dolarhyde làm cho những ngón tay của nàng phải ngạc nhiên. Nó cứng như thành cầu thang bằng gỗ gụ.

Với nàng, chiếc xe van có vẻ cao và to. Tiếng động và mùi vị trong xe cũng khác với những chiếc xe khác. Reba ngồi yên để Dolarhyde thắt dây nịt an toàn. Một dây nịt đè lên vú nàng. Nàng đẩy nhẹ nó sang bên cạnh.

Họ không nói gì nhiều với nhau trong chuyến đi. Nhà nàng nằm trong một khu gia cư yên tĩnh gần đại học Washington.

- Mời anh vào nhà, tôi mời anh một ly.

Suốt bốn mươi năm sống, Dolarhyde chỉ đặt chân vào chừng mười căn nhà riêng. Trong vòng mười năm nay, hắn chỉ vào có bốn nhà riêng: nhà hắn, nhà Eileen, nhà

Jacobi và nhà Leeds.

Cửa xe bên cạnh Reba mở ra. Xe cao nên khi bước xuống nàng chạm vào người Dolarhyde. Nàng có cảm giác như nàng đụng phải thân cây lớn. Hắn khỏe, nặng và vững chãi hơn nàng tưởng khi nghe giọng nói và tiếng chân của hắn. To, khỏe, cứng cáp nhưng nhanh nhẹn. Reba từng gặp một cầu thủ hậu vệ đội bóng bầu dục ở Denver khi cầu thủ này đến thăm trường mù để quay phim kêu gọi những nhà hảo tâm giúp đỡ.

Vào đến nhà, sau khi đặt cây gậy cạnh cửa sổ, Reba McClane đi lại tự do thớ thớ. Nàng bật đèn, treo áo, mở máy nghe nhạc.

Dolarhyde trở mắt nhìn. Hắn không thấy nàng có vẻ gì là người mù. Hắn bị xúc động vì nàng, hơn nữa vì hắn đang ở trong nhà riêng của một người khác.

- Anh uống gin-tonic nhé?

- Tonic thôi.

- Pha nước trái cây?

- Tonic.

- Anh không thích rượu mấy, phải không?

- Phải.

- Mời anh vào đây.

Nàng mở tủ lạnh:

- Anh ăn miếng bánh pie nhé?

- Vâng.

Lấy đĩa bánh ra, Reba dùng ngón tay đo chiếc bánh, dùng dao cắt bánh gọn gàng. Dolarhyde cố gắng nói chuyện để nàng khỏi cảm thấy đang bị nhìn chăm chú. Chưa bao giờ hắn được tự do nhìn ngắm một người đàn bà nào như đang nhìn ngắm nàng.

- Cô đến đây bao lâu rồi?

- Ba tháng. Anh không nghe họ nói gì về tôi à?

- Có, nhưng ít lắm.

Reba rót ly tonic cho Dolarhyde. Nàng tự pha cho mình một ly gin-tonic khá đậm. Hắn giúp nàng mang bánh và rượu trở ra phòng khách. Reba đặt tay lên chụp che cây đèn đứng gần cửa. Không thấy nóng, nàng bật chốt cho đèn sáng.

Dolarhyde ăn ba miếng hết phần bánh. Hắn ngồi thẳng người nhìn Reba. Nàng ngồi dựa đầu vào thành



ghế trước mặt, hai chân đặt lên cái ghế đầu. Cặp đùi nàng trông hấp dẫn quá. Nàng dùng dao cạo lông chân. Có một vết dao nhỏ ở mắt cá chân trái nàng.

- Tôi dạy người mù ở trường Reiker, Denver trong mười năm - Reba nói - Đây là việc làm thứ nhất của tôi ở ngoài đời.

- Ngoài đời... nghĩa là...?

- Là ngoài xã hội, là làm việc chung với mọi người. Điều mâu thuẫn ở trường Reiker là chúng tôi dạy người mù cách sống chung với những người sáng mắt, dạy họ bí quyết để đi đây đi đó, nhưng chính chúng tôi lại cứ sống quanh quẩn trong trường, sống thu hẹp, chỉ giao thiệp với nhau thôi.

Nàng uống và nói nhiều về nàng cho đến lúc nàng ngừng lại:

- Sao anh nói ít quá vậy?

Nhưng yêu cầu của nàng mới làm hấn sững sốt:

- Cho tôi sờ tay lên mặt anh. Tôi muốn biết anh vừa cười hay vừa nhăn mặt. Tôi cần biết để tiếp tục nói hay là im miệng.

Reba đưa bàn tay lên, chờ đợi.

Nàng sẽ sống ra sao nếu những ngón tay này bị cắn gãy? Dolarhyde tự hỏi. Dù lúc này hấn không mang hàm răng quỉ răng nanh, hấn vẫn có thể cắn gãy những ngón tay nàng dễ dàng như cắn miếng bánh mì. Nếu hấn ngả người lên ghế, lấy gân chân, nắm chặt cổ tay nàng, nàng sẽ không thể nào rút tay thoát được.

Dolarhyde cầm bàn tay Reba bằng ngón cái và ngón trỏ, đưa ra trước ánh đèn. Bàn tay nàng đẹp nhưng là bàn tay lao động, mang những vết sẹo, vết phỏng trên da.

"Gần nhà quá, chưa làm được. Hãy còn sớm. Làm thì sẽ không còn nàng nữa để tha hồ nhìn ngắm. Nàng đòi sờ mặt mình tức là nàng chưa từng nghe ai nói gì về mình".

- Cô phải tin tôi, tôi đang cười thật mà...

Dolarhyde nói thật. Hấn buông tay nàng ra.

- Tôi phải về thôi.

- Vâng, anh về. Nếu tôi có làm gì

hay nói gì không phải, anh bỏ qua cho.

- Có gì đâu.

Reba ngồi im nghe tiếng cửa đóng loại. Rồi nàng đi pha ly gin-tonic thứ hai, đặt đĩa nhạc Segovia lên máy và quay trở lại nằm co người trên ghế. Dolarhyde đi rồi nhưng hơi hướng của hấn vẫn vương vất - mùi si-ra đánh giày, mùi dây lưng da mới, mùi nước xoa sau khi cạo râu...

Người đàn ông này lạ đấy, Reba nghĩ. Nàng rất ít khi nghe người ta nói về chàng. Nàng nhớ có lần nghe Dandridge nói với người gác đàn: "Thằng chó đẻ Dolarhyde...". Nàng thấy chàng có sự riêng tư. Và riêng tư là cái nàng không có kể từ khi bị mù. Vì không nhìn thấy gì cả nên nàng có cảm giác như nàng đang bị rình mò, nhìn ngó. Reba McClane biết nàng có thân hình đẹp, hấp dẫn, nhiều đàn ông thèm muốn nàng. Nàng rất thích, rất hào hứng làm tình, nhưng nàng cũng sớm nhận biết là đàn ông chỉ muốn hưởng thụ nhưng rất sợ trách nhiệm. Họ lại càng sợ vì nàng bị mù.

Ralph Mandy vẫn thường tới đưa nàng đi ăn. Với nàng, anh là người tương đối tốt. Nhưng anh có cái tật nhất sợ trước cuộc sống. Anh công nhận anh có tật này và thường làm cho nàng thấy anh nhất sợ quá nhiều lần. Trong lòng, Reba không thấy hào hứng kéo dài cuộc liên hệ với Ralph Mandy.

Reba nghĩ đến Dolarhyde, người đàn ông ít nói, đầy riêng tư, tấm thân cứng như đá. Nàng mong chờ được gặp một người đàn ông can đảm, một người muốn nàng và chấp nhận mọi hậu quả. Người đó đến, công khai yêu nàng, muốn nàng - yêu và muốn chứ không thương hại - ở lại với nàng hay đưa nàng đi...

Chương 32

Reba McClane hân hoan, hứng khởi nhưng bình yên với cuộc đời khi chiếc xe van đưa nàng đi xa vườn bách thú. Nàng nghiêng mình về phía Dolarhyde:

- Cảm ơn anh nhiều lắm. Nếu có thể, anh cho tôi một ly Martini...

Sáng nay nàng được Dolarhyde đến đón, đưa vào vườn bách thú gặp thú y Warfield, người được chia một nửa cuộn phim hồng ngoại siêu nhạy 1000 C. Dolarhyde đề phòng và chặn đứng trước cả việc mai sau có người tò mò đến chuyện hấn xin cuộn phim hồng ngoại ấy để làm gì. Sáng nay thú y đánh thuốc mê con hổ Bengale lớn nhất nước để chữa răng cho nó. Ông vui vẻ để Dolarhyde đưa cô bạn đến xem con hổ. Reba McClane không nhìn thấy nhưng nàng được sờ từ đầu đến đuôi con hổ. Một kinh nghiệm mà nàng chưa từng bao giờ nghĩ đến.

Reba McClane mừng thầm khi thấy Dolarhyde không đưa nàng về nhà nàng. Không nói song nàng cũng biết anh ta đưa nàng về nhà hấn.

Dolarhyde ngừng xe trong vườn tảo bên nhà:

- Cô ngồi đây chờ tôi một phút thôi.

- Đừng sửa soạn, dọn dẹp gì - Nàng nói - Cứ đưa tôi vào và nói nhà sạch là được.

- Tôi ra đón cô vào ngay.

Dolarhyde xách túi thực phẩm và rượu vào nhà. Như thường lệ, hấn đi kiểm soát một vòng. Đứng lại trong bếp, hấn bỗng cảm thấy có sự nguy hiểm rình rập. Hấn không biết có nên làm việc này hay không. Có nguy hiểm đấy, nhưng nguy hiểm không đến từ người đàn bà đang chờ hấn ngoài xe. Hấn cần phải làm một việc gì đó, song không biết chắc đó là việc gì. Có lẽ hấn nên đưa Reba về nhà nàng.

Trước khi Dolarhyde "siêu thăng", hấn không dám nghĩ đến chuyện làm việc này. Nhưng giờ đây hấn bỗng thấy hấn có thể làm được tất cả những gì hấn thích.

Ra khỏi nhà, Dolarhyde đi vào vùng nắng chiều, đi vào bóng chiếc xe van đỗ dài trên mặt đất khô đầy lá vàng. Reba McClane ôm lấy vai hấn cho đến khi chân nàng chạm đất. Nàng cảm thấy bóng dáng toà nhà lù lù bên nàng, cảm được chiều cao của nó qua tiếng vang từ cánh cửa xe

đóng lại.

- Bốn bước trên cỏ là đến thềm. Có đường dốc đi lên.

Nàng nắm cánh tay hắn:

- Anh mà cũng cần có đường dốc lên thềm ư?

- Trước đây nhà có nhiều ông già bà già.

- Bây giờ còn ai không?

- Không.

Vào đến tiền sảnh toà nhà, Reba ngửa mặt nhìn quanh bằng đôi mắt vô hồn:

- Nhà mát và có vẻ lớn quá.

Không khí ở đây như trong viện bảo tàng. Hình như có mùi hương đốt. Có tiếng tích tắc của một loại đồng hồ cổ.

- Nhà lớn, phải không ạ? Có bao nhiêu phòng?

- Mười bốn phòng.

Reba biết Dolarhyde là người nhút nhát với phụ nữ. Nàng biết hắn bị kích động khi nàng vòng hai tay cánh tay ra ôm lấy con hổ. Việc đưa nàng đến vườn thú là cách biểu lộ tình cảm của anh ta đối với nàng.

- Martini?

Nàng gỡ đôi giày ra khỏi chân:

- Cho tôi cùng đi pha rượu với anh.

Reba ghi nhận ngay những mục điểm trong nhà - chỗ treo đồng hồ nhờ tiếng tích tắc, chỗ đặt máy điều nhiệt nhờ tiếng cánh quạt rì rì, cửa sổ nhờ hơi lạnh từ bên ngoài thoảng vào. Có một khoảng sàn nhà âm ẩm dưới chân nàng, Reba biết đó là chỗ có ánh nắng chiếu qua cửa sổ.

Pha rượu xong, Dolarhyde đưa Reba trở ra phòng khách. Hắn để nàng ngồi trong cái ghế bành da. Mở máy nhạc, nhạc Debussay, rồi hắn trở lại ngồi ngắm nàng.

Với Dolarhyde, gian phòng rộng, cả toà nhà lớn, chiều nay dường như khác hẳn. Nàng là người đàn bà thứ nhất tự nguyện đi vào đời hắn. Mà thực ra cả đời hắn chưa từng ngỏ lời mời người đàn bà nào đến nhà.

Chiều xuống, tối lên, ánh sáng mờ dần.

Dolarhyde hỏi Reba về những ngày nàng sống ở Denver. Nàng lơ

đãng trả lời, nhưng đang mãi nghĩ một chuyện gì khác. Hắn mô tả toà nhà, những vườn táo bỏ hoang chung quanh cho nàng nghe. Họ không có nhiều đề tài để nói.

Khi Dolarhyde đi thay đĩa nhạc, Reba bỗng nói:

- Toà nhà này... lớn thế mà chỉ có mình anh ở. Chuyển đi xem hổ ở vườn thú. Dolarhyde, anh là người đàn ông đầy bí mật và kỳ dị. Tôi chắc rằng chẳng ai hiểu anh là người thế nào đâu.

- Cô có hỏi họ không?

- Hỏi ai?

- Hỏi những người cùng làm với cô ấy. Họ nói gì với cô về tôi?

- Tôi không hỏi nhưng có mấy chị nhìn thấy anh đưa tôi về trên xe hôm nọ. Mấy chị ấy tò mò nên gọi chuyện cho tôi nói, khi thấy tôi không có chuyện gì để nói cả, họ để tôi yên.

- Họ nói về tôi ra sao?

- Họ cũng chỉ nói như tôi vừa nói. Nghĩa là anh là người bí mật và hấp dẫn. Anh đừng có mặc cảm. Đàn bà mà nói như thế về đàn ông tức là ca tụng đấy.

- Họ nói mặt mũi tôi ra sao?

Hắn hỏi bằng giọng bình thản, như hỏi chơi, không có gì quan trọng. Nhưng nàng biết đây là chuyện hết sức quan trọng đối với hắn. Nàng trả lời thật khéo:

- Tôi không hỏi mà các chị ấy cũng chẳng nói gì nhiều. Chỉ có một chị, Eileen thì phải, nói anh là người rất sạch sẽ, tập thể dục đều, rất có sức mạnh. Nhưng... anh dễ bị xúc phạm vì mặt anh có dị tật bẩm sinh. Eileen nói tại anh có mặc cảm chứ mọi người không thấy gì lạ ở anh cả.

Reba uống cạn ly rượu, đứng lên:

- Anh D., anh đi đâu vậy?

Nàng biết khi hắn từ giàn nhạc trở về với nàng:

- A... anh đây rồi... Còn tôi, anh có muốn biết tôi nghĩ thế nào về anh không?

Nàng đưa tay lên sờ mặt Dolarhyde. Ngón tay nàng tìm môi hắn, rồi nàng ghé môi hôn lên môi hắn.

Dolarhyde không mở miệng đón

cái hôn của nàng, cũng không hôn lại. Nhưng Reba biết anh ta nhất định chứ không phải không muốn hôn nàng.

Dolarhyde đứng sững vì ngạc nhiên.

- Đưa em vào phòng tắm.

Nàng nói với hắn ở cửa phòng:

- Để em ở đây, em về một mình được.

Khi trở lại phòng khách, Reba nghe tiếng máy chạy rè rè. Nàng biết ngay đó là tiếng cuộn phim đang được quay trở ngược lại trên máy.

- Tôi phải xem lại vài đoạn phim ở nhà.

Đưa cho nàng ly Martini mới, Dolarhyde nói.

Reba phân vân, nhưng nàng quyết định thật nhanh:

- Em về để anh làm việc. Taxi có chịu đến đây đón không anh?

- Không, cô ở lại đây. Tôi muốn cô ở lại. Thật mà. Không có gì quan trọng. Tôi chỉ coi lại mấy đoạn phim này thôi. Không lâu đâu.

Reba hài lòng. Giọng khản khản của Dolarhyde cho nàng biết anh ta thực tình muốn nàng ở lại. Anh chỉ sợ hãi thôi. Không có gì phải sợ cả. Nàng sẽ giúp anh.

Dolarhyde đưa nàng trở về cái ghế bành da, nhưng nàng sang ghế dài ngồi với hắn.

- Phim có tiếng không anh?

- Không.

- Nếu vậy cứ để nhạc em nghe nhé. Được không? Cho em ngả lưng một chút. Không, anh cứ ngồi đấy. Đủ chỗ em nằm mà. Nếu em ngủ, đánh thức em dậy nhé.

Reba nằm xuống. Tóc nàng chạm vào bàn tay Dolarhyde để ở cạnh đùi hắn.

Dolarhyde bấm bộ phận điều khiển từ xa và cuộn phim bắt đầu chiếu.

Hắn muốn thưởng thức hai bộ phim cảnh nhà Jacobi và nhà Leeds với Reba bên cạnh. Nàng không nhìn thấy những hình ảnh này. Nếu nhìn thấy, nàng có thể chết vì kinh sợ. Chỉ có hắn là nhìn thấy vợ Jacobi, vợ Leeds, và cùng một lúc nhìn thấy nàng. Hắn không thể làm với nàng

những việc anh làm với hai người đàn bà kia. Nhiều người đã trông thấy hắn đưa đón nàng.

Thường thức lại hai người đàn bà đã chết xong, Dolarhyde chuyển sang thường thức người đàn bà đang sống, người đàn bà hắn - đúng hơn là Ròng Đỏ, Đại Nhân Long, Đại Xích Long - sắp đến gặp. Người đàn bà này là bà Sherman, Tulsa, Oklahoma. Hắn thường thức bà Sherman bên cạnh Reba.

Thiếu phụ bận áo tắm trong hồ bơi hiện ra. Nàng ngước mặt nhìn lên, ngực căng đầy, sáng ánh nước. Nàng đứng trước gương. Nàng quay lại, một tay đưa lên sau đầu. Trên ngực nàng có sợi dây chuyền. Dolarhyde bắt đầu nói thầm với nàng như hắn đã nói với bà Jacobi, với bà Leeds: *"Em thấy anh chưa, thấy chưa? Em biết anh chưa? Biết chưa?"*

Reba cự mình. Nàng nằm lên cao hơn, bây giờ đầu nàng đặt trên lòng Dolarhyde.

Hắn thấy sợ. Chưa lần nào hắn hứng tình với một người đàn bà còn sống. Nhưng hắn là Ròng Đỏ, là Đại Xích Long, Đại Nhân Long, tại sao hắn lại sợ chứ? Hắn mang ân huệ đến cho đàn bà, đàn bà phải phục vụ hắn...

- Ôi... anh khoẻ quá... Em chịu anh quá...

Tiếng nói của người đàn bà đang sống vang lên từ lòng hắn. Hắn muốn biết nàng nói thật đến chừng nào. Bàn tay nàng áp chặt bàn tay hắn ở đó.

Nàng nói. Tự ý nàng nói. Hắn không cần tưởng tượng là nàng nói. Những người đàn bà trước chỉ nằm yên, nhưng người đàn bà này nói. Bằng sức mạnh siêu nhiên của Đại Xích Long, hắn nhắc bổng nàng lên trên hai cánh tay. Hắn nhắc nàng lên dễ dàng vì nàng còn sống, nàng nhớ người lên theo hắn, không trì lại như những người đàn bà kia. Không. Không nên bỗng nàng lên lâu. Vào đâu bây giờ? Phòng bà ngoại. Phải đây. Tắm trải giường sa-tanh êm mát chào đón nàng và hắn.

- Chờ em chút... Để em cởi... Rách rồi. Không sao. Yêu em đi, anh yêu

oi. Thích quá... Á... đừng dè em... Để em rướn lên đón anh...

Với Reba, người đàn bà đang sống đầu tiên trong đời, Dolarhyde lần thứ nhất cảm thấy hắn cũng đang sống. Hắn đang sống trong nàng, trong vùng trời đầy sao của nàng. Con bảo ngọc sáng ào ào bay trong dòng Thiên Hà. Hiện lại cảnh pháo bông năm nào ở Hongkong ngày Tết trắng. Cảnh pháo có tên là Hồng Long Phún Ngọc...

Nằm bên nàng trong bóng tối, Dolarhyde ôm nàng để biểu hiện tình trạng hắn là chủ nhân của nàng. Khi nàng ngủ êm, Francis Dolarhyde, tên sát nhân đã giết mười một người, áp má nghe tiếng trái tim nàng đập.

Dolarhyde ngủ say khi trời gần sáng.

Reba McClane tỉnh giấc, nghe tiếng hắn ngáy đều. Nàng lười biếng duỗi mình trên giường. Hắn vẫn ngủ. Reba nhớ lại vị trí những đồ vật trong nhà rồi sơ đồ toà nhà. Khi đã xác định được vị trí và phương hướng, nàng lẳng lặng ra khỏi giường, đi vào phòng tắm.

Nàng tắm khá lâu nhưng khi trở ra, Dolarhyde vẫn ngủ. Reba tìm áo trên giường mặc vào người. Quần lót của nàng bị rách, nằm dưới chân giường. Nàng nhặt nó lên cho vào sọt tay. Rồi nàng tìm cây gậy, đi ra cửa.

Gió buổi sáng còn lạnh nhưng nắng ấm. Nàng đứng trong vườn để gió vuốt ve, ôm ấp thân thể vừa mới tắm. Nàng giơ hai tay lên. Gió thổi vào ngực, vào giữa hai đùi nàng. Những con ong vo ve bay qua. Nàng không sợ chúng và chúng để nàng yên.

Dolarhyde tỉnh giấc. Hắn ngạc nhiên khi thấy mình không nằm trên chiếc giường nhỏ trên lầu. Đôi mắt vàng sáng lên khi hắn nhớ lại. Nhìn sang mặt gối bên cạnh, nàng không còn nằm đó.

Reba McClane lấy đồng hồ dành cho người mù ra xem giờ. Đã đến lúc nàng phải về nhà. Nàng trở vào đánh thức Dolarhyde dậy.

Có tiếng cửa mở rồi đóng.

- Chào anh.

Tiếng chân đi đến, cùng tiếng chùm chìa khoá. Reba không có vẻ ngượng ngùng hay xấu hổ vì những gì họ đã làm trong đêm. Nàng cũng không tỏ ra hờn giận hay tránh né.

Reba ôm lấy hắn. Nàng ngả đầu trên lồng ngực nở và cứng cáp của Dolarhyde. Nàng nghe tiếng tim hắn đập:

- Đêm qua tuyệt quá - Nàng khẽ nói trong tiếng gió rì rào - Nhưng bây giờ em phải về thôi. Hôm nay có bà chị em đến chơi.

- Để anh đưa em về. Anh cũng phải ghé xưởng có chút việc.

Một sự việc không mấy đẹp xảy ra trên đường đưa Reba về nhà cho Dolarhyde biết thêm về tình cảm của hắn đối với nàng.

Dolarhyde cho xe vào trạm đổ xăng. Gã đổ xăng trạc tuổi hắn, to con, mặt mũi hung tợn khó thương, hơi thở nồng mùi rượu rẻ tiền. Gã hăm hăm làm theo yêu cầu của khách như khách là những người đến làm phiền gã vậy.

Dolarhyde vào quầy trả tiền. Khi trở ra, hắn thấy gã đổ xăng leo lên bọc xe, một tay cầm khăn lau cửa kính, nhưng hai mắt hau háu nhìn vào lòng xe.

Reba McClane ngồi trên ghế cao, hai chân vắt lên nhau, gấu váy cao hơn hai đầu gối. Gã đổ xăng nhìn mê mải cho đến lúc Dolarhyde đến sau lưng gã. Gã nháy xuống cười gượng.

- Đồ chó đẻ. Mày nhìn cái gì vậy?

- Nhìn gì đâu?

Gã đổ xăng tuy cao to nhưng không có vẻ cứng cỏi như Dolarhyde, gã mềm xiu và gã biết gã có lỗi.

- Đồ heo! Đồ chó! Đồ dơ dáy.

Chỉ với một cái đẩy, Dolarhyde làm gã bán xăng đập mạnh lưng vào thành xe. Hắn nhìn lên. Khuôn mặt Reba hiện ra sau cửa kính. Nàng muốn hạ kính nhưng không được. Nàng đang tìm hắn, muốn nói với hắn một điều gì đó.

- Mẹ mày... Lần này ông tha cho mày...

Dolarhyde trở lên xe với nàng.

(còn tiếp)

cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tống Minh Long Quân



(tiếp theo)

Chương 27

Tracy đề nghị gặp Gunther Hartlog ở Majorca. Đây là hòn đảo nhỏ, một trong những thắng cảnh đẹp nhất thế giới.

Vì hình cảnh quốc tế gọi lệnh truy nã Tracy khắp nơi nên khi nàng vừa bay đến Palma, thủ đô của Majorca thì đã có một đội hình cảnh theo dõi nàng suốt ngày đêm.

Cảnh sát trưởng Ernesto Marze liên lạc với thám tử Trignant thuộc văn phòng Interpol thì được cho biết sẽ có một người khách Mỹ đến gặp, tên ông ta là Daniel Cooper.

Trong suốt mấy ngày liền, những thám tử có bốn phen theo dõi Tracy không thấy nàng có hành động nào khả nghi. Tracy đi ăn, đi coi đấu bò, dạo phố, lúc nào cũng chỉ một mình như một du khách bình thường.

Được thông báo có Daniel Cooper đến, cảnh sát trưởng Marze vội vã ra tiếp. Ông thích người Mỹ và có nhiều bạn Mỹ. Mặc dù được thám tử Trignant nói sơ qua về tánh tình kỳ cục của người khách sắp gặp nhưng ông vẫn nghĩ là ông sẽ không có vấn đề với Daniel Cooper. Nhưng ông đã

làm.

Vừa gặp nhau, Daniel Cooper đã thô lỗ:

- Ông thiệt là ngu xuẩn. Hết thấy các ông! Cô ả đâu có đến đây để du lịch! Cô ả đang âm mưu gì đó.

Marze cố gắng bình tĩnh, ôn tồn giải thích:

- Thưa ông Cooper, cô Whitney dù có âm mưu chuyện gì cũng không thể thực hiện được ở đây. Tôi đã kiểm soát rất cẩn thận. Thành phố Majorca không có gì đáng để cô ta ra tay.

- Cô ta có tiếp xúc và nói chuyện với ai không?

- Không. Hoàn toàn không.

- Vậy thì cô ả đến đây để tiếp xúc.

Daniel Cooper lạnh lùng nói.

"Bây giờ ta mới hiểu chữ 'người Mỹ xấu xí' như thế nào!" Marze thầm nghĩ.

Có khoảng hơn hai trăm hang động thạch nhũ ở Majorca, nổi tiếng nhất là Cuevas del Drach, nghĩa là Hang Rồng, gần Porto Cristo cách Palma một giờ xe. Hang này nằm sâu trong lòng đất với những thạch nhũ đủ hình thù đẹp mắt, với dòng suối chảy ngang có sắc xanh hoặc trắng tùy độ sâu của hang. Có nhiều ngõ ngách ngoằn ngoèo trong lòng hang, du khách phải cầm đuốc mới thấy rõ.

Vào mùa hè, hang động mở cửa, du khách đến thăm đông nghịt.

Tracy chọn sáng thứ bảy để đi thăm hang thạch nhũ. Nàng mua vé và lần vào đám đông. Daniel Cooper cùng hai nhân viên cảnh sát chìm theo dõi sát nút. Đến một hồ nước nhỏ nằm sâu trong vùng ánh sáng lơ mơ với những con đường ngoằn ngoèo, họ mất dấu Tracy. Daniel chạy ngược chạy xuôi tìm kiếm nhưng không tìm ra bóng dáng nàng.

Dưới tầng sâu của hang động có nhà hát Roman, đối diện với Great Lake với các băng ghế bằng đá để du khách ngồi xem diễn kịch mỗi đầu giờ. Tracy đi đến dãy ghế thứ 10 và tìm ghế số 20. Người đàn ông ngồi ở ghế 21 quay sang nàng:

- Cô có gặp rắc rối gì không?

- Không, Gunther!

Nàng nghiêng người hôn lên má ông ta.

- Tôi nghĩ chúng ta tốt hơn đừng nên gặp nhau nếu cô đang bị theo dõi.

Tracy liếc nhìn chung quanh hang động rộng lớn và tối om, thì thào:

- Chúng mình an toàn ở đây. Có chuyện gì vậy?

- Có một khách hàng giàu có nôn nóng mua một họa phẩm của Goya tên Puerto. Ông ta sẽ trả nửa triệu tiền mặt cho bức tranh này.

Tracy có vẻ suy nghĩ:

- Có ai thử chưa?

- Thành thật mà nói: rồi. Theo tôi, cơ hội thành công rất ít.

- Bức tranh hiện ở đâu?

- Ở bảo tàng viện Prado, thành phố Madrid.

Gunther chồm người ghé sát tai Tracy bàn nhỏ, không để ý đến những tiếng rì rầm của du khách đang chen lấn tìm chỗ ngồi:

- Chuyện này đòi hỏi nhiều thông minh và khéo léo nên tôi nghĩ đến cô.

- Ông quá khen. Giá nửa triệu đô-la?

- Đúng.

Vở kịch bắt đầu. Có tiếng còi huýt và những ngọn đuốc thấp sáng cùng với tiếng nhạc trời lên. Giữa sân khấu là hồ rộng đối diện các hàng ghế khán giả. Đèn rọi chiếu về phía đó làm nổi

rõ một người đàn ông ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, dạo dương cầm. Tiếng nhạc vang rền trong hang động. Khách giả ngồi yên thưởng thức cho đến khi ánh đèn chiếu về hướng khác, chiếc thuyền từ từ biến mất. Thật tuyệt vời, đáng công lặn lội đến xem. Tracy nói:

- Tôi thích du lịch. Ông Gunther có biết thành phố nào tôi sẽ đến không? Madrid đấy!

Đứng ngay ở cửa chính ra vào hang động, Daniel Cooper thấy Tracy đi trở ra. Nàng cũng chỉ có một mình.

Chương 28

Khách sạn Ritz nằm ngay thương xá Plaza de la Lealtad ở Madrid được xem là khách sạn bậc nhất ở Madrid từ hơn thế kỷ nay, tiếp đón toàn những bậc vua chúa quý tộc ở các nước Âu châu. Tracy nghe danh tiếng của khách sạn này từ lâu nhưng nàng lấy làm thất vọng khi đến nơi. Hành lang khách sạn cũ kỹ và không được chăm sóc cẩn thận.

Ông phụ tá giám đốc đưa nàng đến tận phòng 411-412 nằm ở cánh phía nam của khách sạn.

- Tôi hy vọng cô Whitney hài lòng.

Tracy bước đến cửa sổ nhìn ra ngoài. Đối diện bên dưới là bảo tàng viện Prado.

- Phòng này dễ thương lắm. Cảm ơn ông.

Tiếng động cơ xe cộ dưới đường vang lên đến tận phòng nhưng được một điều là từ đây, nàng có thể dễ dàng quan sát viện bảo tàng Prado.

Tracy kêu bồi mang thức ăn tối lên phòng và đi ngủ sớm. Nàng cần một giấc ngủ ngon, không lo nghĩ.

Giữa khuya, người bảo vệ an ninh ở hành lang khách sạn được báo tin:

- Cô ta không ra khỏi phòng. Có lẽ cô ta đã ngủ.

Tổng nha cảnh sát Madrid nằm ở đường Puerta del Sol, trong một toà nhà gạch đỏ có tháp cao vươn lên, chiếm cả khu phố rộng. Ngay lối vào là lá cờ vàng đỏ của Tây Ban Nha và

một viên cảnh sát mặc đồng phục màu beige với mũ lưỡi trai màu nâu canh gác suốt ngày đêm. Văn phòng này liên lạc trực tiếp với văn phòng Interpol.

Ngày hôm trước, một điện tín khẩn đã gửi đến cho vị chủ huy trưởng Santiago Ramiro cho biết Tracy Whitney đang trên đường đến Madrid. Ramiro đọc kỹ tờ điện tín rồi gọi điện thoại cho Trignant ở văn phòng Interpol tại Paris:

- Tôi không hiểu tín hiệu của ông. Ông yêu cầu chúng tôi tích cực hợp tác với một người Mỹ không phải là cảnh sát. Xin ông cho biết lý do?

- Thưa ông, tôi nghĩ ông sẽ thấy là ông Cooper có ích cho ông. Ông ta biết rõ về cô Whitney.

Ông tư lệnh thở phò qua điện thoại:

- Cần gì phải biết rõ? Cô ta sẽ phạm tội, phải không? Có thể cô ta thông minh nhưng trại tù của chúng tôi đầy đầy những tội nhân thông minh. Cô ta sẽ không thoát khỏi mạng lưới của chúng tôi được đâu.

- Nếu vậy thì tốt. Vậy ông có cần tham khảo ý kiến với ông Cooper không?

Ramiro miễn cưỡng:

- Nếu ông nghĩ ông Cooper có lợi cho công việc thì chúng tôi cũng không từ chối làm gì.

Xếp Ramiro cũng như các đồng nghiệp ở Paris không mấy có thiện cảm với người Mỹ. Ông ta thấy họ sỗ sàng, chỉ biết vật chất và có vẻ khờ khạo, nhưng biết đâu Cooper lại khác và có thể ông sẽ thích ông ta.

Nhưng Ramiro đã có ác cảm với Daniel Cooper ngay từ khi gặp mặt.

Daniel vừa bước vào văn phòng đã nói ngay:

- Cô ả này đã qua mặt bao nhiêu lực lượng cảnh sát ở Âu châu. Chắc chắn cô ả sẽ chơi các ông y như vậy.

Chỉ huy trưởng Ramiro cố nén giận:

- Thưa ông, chúng tôi không cần ai chỉ dẫn chúng tôi cách làm việc. Cô Whitney đã bị theo dõi ngay từ lúc cô ta vừa đặt chân xuống phi trường Barajas sáng nay. Tôi bảo đảm với

ông, bất cứ ai thả cây đinh xuống đường mà cô Whitney của ông cúi xuống nhặt cũng sẽ bị bắt ngay. Có ta chưa biết tay cảnh sát Tây Ban Nha đó thôi.

- Cô ta không đến đây để nhặt cây đinh dưới đường.

- Vậy chứ ông nghĩ cô ta đến đây để làm gì?

- Tôi không rõ lắm, nhưng tôi cho ông biết là cô ta làm chuyện lớn chứ không vừa đâu.

Ramiro gật gù:

- Càng lớn càng tốt. Chúng tôi sẽ theo dõi từng cử động nhỏ của cô ta.

Sáng hôm sau, Tracy thức dậy và cảm thấy văng vát sau một giấc ngủ đầy ác mộng. Nàng gọi bồi mang điểm tâm lên buồng. Tracy đến cửa sổ nhìn xuống viện bảo tàng Prado. Đó là một toà nhà kiên cố bằng gạch đỏ, chung quanh có các bãi cỏ và cây cối bao bọc. Hai cột lớn ngay cổng với hai cầu thang dẫn về lối cửa chính. Mặt tiền đường cũng có cổng vào. Học sinh và du khách từ các nước láng giềng xếp hàng dài trước cổng. Đúng 10 giờ sáng, cổng chính được nhân viên an ninh mở và du khách tiến vào lối cửa xoay từng người một.

Chuông điện thoại reo vang khiến Tracy giật bắn người. Ngoài ông Gunther ra, không ai biết nàng đang ở Madrid. Tracy nhắc vội điện thoại. Một giọng nói quen thuộc vang lên:

- Chào cô. Tôi gọi từ Phòng Thương Mại ở Madrid. Chúng tôi được lệnh phục vụ du khách để quý vị hài lòng trong thời gian trú ngụ tại thành phố chúng tôi.

- Sao anh biết tôi ở Madrid hả Jeff?

- Thưa cô, Phòng Thương Mại chúng tôi biết hết mọi việc. Chắc lần đầu tiên cô đến đây?

- Đúng thế.

- Vậy để tôi đưa cô đi thăm vài thắng cảnh. Cô định ở đây bao lâu?

Tracy nhẹ nhàng:

- Tôi cũng không biết nữa. Có lẽ đủ lâu để đi mua sắm và ngắm cảnh. Còn anh làm gì ở đây?

- Cũng như cô. Mua sắm và ngắm cảnh.

Tracy không tin có sự trùng hợp ngẫu nhiên. Jeff Stevens có cùng mục đích với nàng: ăn cắp bức Puerto. Anh chàng hỏi:

- Có rảnh đi ăn tối không?

Nàng sợ gì mà không nhận lời.

- Tốt. Tôi sẽ dành chỗ ở nhà hàng Jockey.

Lúc Tracy bước ra khỏi thang máy, thấy Jeff đang đứng đợi nàng, tự dưng nàng cảm thấy vui không duyên cớ. Jeff cầm tay nàng:

- Thật vui khi gặp cung. Hôm nay cô đẹp lắm!

Daniel Cooper ngồi ở một bàn nhỏ trong góc phòng với chai nước suối trước mặt. Anh chàng nhìn lom lom người cùng đi với Tracy, cảm thấy mình có một quyền lực rộng lớn: "Công lý là của ta. Ta đại diện cho Thượng Đế để thưởng phạt. Ta sẽ trừng phạt tội này". Cooper biết chắc rằng không một lực lượng cảnh sát nào đủ khôn ngoan để tóm được Tracy. Chỉ có mình chàng là người độc nhất có thể bắt cô ta. Tracy không còn là nhiệm vụ của Daniel Cooper nữa mà là một vật sở hữu chàng quyết lòng chiếm cho bằng được. Anh chàng ôm cả xấp hình và hồ sơ tội phạm của Tracy bên mình như hình với bóng. Tối tối, anh chàng lấy hình cô gái ra trêu mếu ngắm nghía. Trong những giấc mơ, Daniel thấy Tracy trần truồng, bị nhốt trong một cái chuồng lớn, van lạy chàng thả tự do. Chàng đã nói trong mơ: "Tôi yêu cô nhưng không bao giờ tôi trả tự do cho cô".

Nhà hàng Jockey ấm cúng, lịch sự. Jeff và Tracy thưởng thức một bữa ăn tuyệt vời. Dưới ánh đèn, Jeff trông thật đẹp. Ở một khía cạnh nào đó, Tracy thích Jeff vì cả hai cùng theo đuổi một mục đích, đấu trí để giành phần thắng. Tracy nghĩ mình sẽ thắng. Nàng sẽ tìm cách lấy trộm bức tranh trước khi hắn ra tay.

- Có những tin đồn kỳ cục... Jeff nói.

- Tin đồn gì vậy?

- Cô có nghe tên Daniel Cooper chưa? Hắn là thám tử một công ty bảo hiểm, rất thông minh.

- Không. Có liên quan gì cơ chứ?

- Phải cẩn thận. Hắn ta nguy hiểm lắm. Tôi không muốn có chuyện gì xảy ra cho cô.

- Đừng có lo.

- Tôi lo chứ, Tracy.

Nàng cười lớn:

- Lo cho tôi? Tại sao?

Jeff đặt tay lên tay nàng, nhẹ nhàng:

- Em rất đặc biệt. Cuộc sống có ý nghĩa khi có em bên cạnh, em yêu.

Tracy nghĩ thầm: "Thằng cha này đóng kịch tài thật. Nếu không biết rõ hắn thì có lẽ mình đã tin hắn rồi".

Những ngày kế tiếp, Jeff và Tracy đi thăm viếng khắp nơi ở Madrid. Họ không rời nhau một bước. Hai nhân viên của Ramiro theo họ bên gót, cộng thêm anh chàng người Mỹ xấu xí. Cái ông Mỹ này thật cứng đầu. Ông ta cứ khẳng khẳng cho là cô Whitney định ăn cắp một kho tàng nào đó trước mũi cảnh sát. Thật điên khùng!

Quan sát hai người từ đằng xa, Daniel Cooper cảm thấy bối rối, không hiểu vai trò của Jeff Stevens như thế nào. Hắn là ai? Nạn nhân kế tiếp của Tracy? Hay hai người đang âm mưu chuyện gì?

Cooper hỏi Ramiro:

- Ông có tin tức gì về người đàn ông tên Jeff Stevens không?

- Không. Hắn ta không có hồ sơ tội phạm. Hắn đến đây với tư cách du khách. Tôi nghĩ hắn ta chỉ là một bạn đường mà cô Whitney bắt được.

Linh tính của Daniel cho biết không phải vậy. Nhưng chàng không có nhiệm vụ theo dõi Jeff.

Khi Jeff và Tracy trở về khách sạn vào giữa khuya, Jeff đưa nàng đến cửa phòng và đề nghị:

- Tại sao anh không vào ngủ chung với em một đêm nhỉ?

Tracy suýt nữa xiêu lòng. Nhưng nàng chồm người về phía trước và hôn nhẹ lên má hắn:

- Coi em như một người em gái đi, Jeff.

Jeff định nói thêm vài câu nhưng cửa phòng đã đóng. Vài phút sau hắn điện thoại cho Tracy từ phòng riêng của hắn:

- Ngày mai em có muốn đi Segovia với anh không? Đó là một thành phố cổ chỉ cách Madrid vài giờ xe thôi.

- Ý kiến hay đấy. Cảm ơn anh về buổi tối này. Chúc anh ngủ ngon.

Tracy trần trọc hồi lâu, lẩn quẩn với những ý nghĩ không nên có. Đã lâu nàng không dính líu tình cảm với bất cứ người đàn ông nào. Charles đã gây tổn thương cho nàng và Tracy không muốn bị tổn thương lần nữa trong đời. Jeff Stevens là một người bạn vui tính nhưng nàng không cho phép mình tiến xa hơn trong quan hệ tình cảm với hắn. Ngã vào vòng tay hắn là ngu.

Chuyến đi Segovia thật vui. Cả hai lái dọc theo thành phố đến các ruộng nho ở miền quê. Một chiếc xe hơi hiệu Seat chạy theo sau hai người.

Seat là loại xe độc nhất được Tây Ban Nha sản xuất và được cảnh sát dùng trong công vụ. Xe thường chỉ có 100 mã lực nhưng xe cảnh sát thì tới 150 mã lực cho nên khó mà lẩn trốn họ.

Jeff và Tracy đến Segovia vào giữa trưa. Dừng cơm tại một tiệm ăn nhỏ xong, hai người thả bộ ngắm cảnh. Jeff là một hướng dẫn viên giỏi. Hắn cất giọng từng lời kiến trúc, về các loại đá quý cũng như lịch sử mỗi nơi. Đi chơi với Jeff thật thích nhưng Tracy luôn luôn tự nhủ đừng bao giờ quên hắn là một tay đại bịp.

Viên cảnh sát chìm José Pereira cầu nhàu:

- Tôi thấy chúng ta mất thì giờ vô ích. Họ chỉ là hai kẻ yêu nhau ông không thấy sao? Ông có chắc là cô ta đang âm mưu chuyện gì không?

Daniel gất lên:

- Tôi chắc.

Cooper cũng bối rối vì thái độ của chính mình. Chàng muốn bắt Tracy và trừng phạt nàng. Tracy chỉ là một kẻ phạm tội, một công tác của chàng.

Nhưng mỗi khi thấy người đàn ông đi với Tracy ôm cánh tay nàng thì Cooper cảm thấy máu nóng tràn lên cổ.

Khi trở về đến Madrid, Jeff đề nghị:

- Nếu em không mệt thì mình kiếm chỗ ăn tối.

Tracy không muốn rời hân. Nàng dự định sẽ hiến thân cho hân đêm nay. Nàng muốn trở thành một người đàn bà bình thường như bao nhiêu người khác.

Dân Madrid ăn tối rất trễ. Rất ít

tiệm ăn mở cửa trước 9 giờ tối. Không khí nhà hàng Zalacain thật ấm cúng, thức ăn thật ngon miệng. Tuy không gọi món tráng miệng nhưng nhà hàng vẫn cho dọn một loại bánh đặc biệt mà Tracy chưa từng thưởng thức. Nàng ngồi dựa lưng ra ghế, vẻ hạnh phúc:

- Bữa ăn thật tuyệt vời. Cảm ơn anh.

- Anh rất vui khi em thích. Đây là chỗ mình muốn chia sẻ một kỷ niệm đẹp với người mình quý.

Tracy quan sát hân:

- Bộ anh muốn em phải nghĩ đến

anh sao?

Jeff nhăn mặt:

- Có lẽ vậy. Em chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra.

Kế tiếp, hai người đi uống cà phê trong một quán Tây Ban Nha đặc thù, với khói thuốc lá nồng nặc và những nhạc thủ tây ban cầm liên tiếp biểu diễn.

Buổi tối thật tuyệt diệu. Trên đường về, cả hai ít nói hân. Khi về đến cửa phòng, Tracy quay đầu định nói: "Buổi tối hôm nay..." thì cặp môi của Jeff đã dán chặt lên môi nàng. Hai cánh tay nàng ôm ngang lưng hân, siết chặt.

- Tracy....

Nàng định nói "đồng ý" nhưng không hiểu sao lại vọt miệng:

- Hành trình ngày hôm nay dài quá, Jeff. Em cần phải ngủ.

- Ồ...

- Ngày mai em sẽ ở trong phòng, không đi đâu cả.

Giọng Jeff có vẻ khàn đi khi trả lời:

- Em có lý. Có lẽ anh cũng cần nghỉ ngơi.

Cả hai đều biết mình đã nói dối.

Chương 29

Đúng 10 giờ sáng hôm sau, Tracy đã xếp hàng trước công viên bảo tàng viện Prado để chờ vào cửa.

Tracy mua vé, theo đoàn người qua cửa xoay tiến vào bên trong. Daniel Cooper và thám tử Pereira theo bên gót. Cooper cảm thấy phần khích. Chắc chắn Tracy không đến đây chỉ để thăm viếng bình thường. Bất cứ kế hoạch nào của nàng, đây là lúc khởi đầu.

Tracy đi từ phòng này qua phòng khác, bước chầm chậm qua những họa phẩm nổi tiếng. Những danh họa của Goya được triển lãm ở tầng dưới.

Nàng để ý thấy các nhân viên an ninh án ngữ trước mỗi phòng. Dưới khuỷu tay mỗi người là một nút đỏ báo động. Một khi bấm vào nút này thì tất cả các lối ra vào bị đóng kín, không một ai có thể thoát.

Tracy ngồi trên một băng ghế giữa



phòng triển lãm, ra về say sưa ngắm những kiệt tác của Flemish nhưng thực ra ánh mắt nàng di chuyển quan sát khắp phòng. Nàng thấy một đốm nhỏ ngay ở cửa xoay ra vào. Đó là những con bọ báo động được bật lên vào ban đêm. Ở những bảo tàng viện khác, nhân viên an ninh có vẻ nhàn hạ và không mấy để ý đến khách xem tranh. Nhưng ở đây nhân viên có vẻ đề cao cảnh giác.

Xem hết các phòng triển lãm ở tầng trệt xong, Tracy theo cầu thang bước xuống tầng dưới nơi có triển lãm tranh của Goya.

Thám tử Pereira nói vào tai Cooper:

- Ông thấy không, cô ta đâu làm gì khác hơn là ngắm tranh. Cô ta...

- Ông làm rồi!

Daniel vội vã chạy theo xuống tầng dưới.

Trên các bức tường treo đầy những họa phẩm nổi tiếng. Kia rồi, bức Puerto! Tracy dừng chân và nhìn trũng trũng vào bức tranh. Có khoảng hơn mười người ăn mặc sang trọng cũng đang đứng đó ngắm nghía, trầm trồ bức tranh. Tim nàng bắt đầu đập mạnh. Mục tiêu chính là đây. Nửa triệu đô-la.

Tracy đảo mắt nhìn quanh. Một nhân viên an ninh đứng ngay cửa ra vào. Sau lưng ông ta là hành lang dài dẫn đến các phòng triển lãm khác. Ngoài ông ta ra không có nhân viên nào khác. Tracy đứng đó thật lâu, tính toán. Khi nàng dợm bước đi thì một đám đông du khách vừa bước xuống thang. Trong số này có Jeff Stevens. Tracy cúi đầu bước nhanh ra cửa. "Chúng mình cùng chạy đua, Jeff. Thế nào tôi cũng thắng".

- Cô ta dự định ăn cắp bức Prado.

Ramiro nhìn Daniel Cooper với ánh mắt của người vừa nghe một chuyện kỳ quái nhất trên đời:

- Không ai có thể ăn cắp tranh ở bảo tàng viện Prado được!

Cooper vẫn ngoan cố:

- Cô ả vừa đến đó sáng nay.

- Chưa bao giờ có vụ trộm nào ở Prado và sẽ không bao giờ có. Ông

biết tại sao không? Tại vì không thể!

- Cô ta sẽ tìm ra cách! Ông phải tăng cường bảo vệ hệ thống thoát hơi trong trường hợp các ống gas bị phá. Kiểm soát nước uống, để ý xem nhân viên an ninh mua cà phê ở đâu trong giờ làm việc vì họ có thể bị đầu độc...

Kiên nhẫn có giới hạn, Ramiro không thể chịu đựng được nữa. Ông đã cố gắng nhẫn nhịn thằng cha gàn dở khó ưa này suốt mấy tuần qua. Ông đã phí nguồn nhân lực để theo dõi Whitney suốt ngày đêm trong lúc bộ Tư lệnh Cảnh sát đang thiếu nhân viên trầm trọng. Thế mà thằng cha người Mỹ này còn lên mặt chỉ dạy ông cách làm việc khiến ông chịu hết nổi.

- Theo tôi, cô Whitney đến Madrid này để nghỉ hè. Tôi sẽ cho bãi bỏ lệnh theo dõi.

Cooper há hốc mồm:

- Đừng. Ông không thể làm vậy. Tracy Whitney là..

Ramiro đứng thẳng người lên:

- Ông làm ơn câm miệng lại, đừng dạy bảo chúng tôi phải làm gì. Và bây giờ, xin lỗi ông, chúng tôi còn nhiều việc khác phải làm.

Cooper đứng đó, tràn ngập thất vọng:

- Nếu vậy tôi tiếp tục theo dõi một mình.

Viên cảnh sát trưởng mỉm cười:

- Canh chừng bảo tàng viện Prado vì mối đe dọa khủng khiếp của cô gái này? Xin ông cứ tự nhiên. Bây giờ chúng tôi có thể ngủ ngon rồi.

Chương 30

Tracy nhớ lời ông Gunther dặn: "Hy vọng thành công rất ít nên công việc đòi hỏi một trí thông minh cao độ".

Nàng đang đứng nhìn qua cửa sổ nóc viện bảo tàng Prado, ôn lại những gì nàng biết bên trong. Cửa mở từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều. Trong khoảng thời gian này chuông báo động tắt nhưng nhân viên an ninh án ngữ khắp mọi lối ra vào và ở mỗi cửa phòng. Dù lấy được bức tranh thì cũng không cách nào mang ra được.

Mọi túi xách đều bị kiểm soát ở cửa.

Tracy quan sát nóc viện bảo tàng để xem thử ban đêm có cơ hội nào trốn thoát bằng lối này không. Nhưng có nhiều trở ngại: Mọi người đều nhìn thấy dù đứng cách xa mấy dặm. Ngay cả lúc vào được bên trong thì vẫn bị phát hiện bởi những con bọ báo động và những người đi tuần ban đêm. Bảo tàng viện Prado đúng là bất khả xâm phạm. Không biết Jeff tính kế ra sao? Nàng sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để được biết anh chàng này đang toan tính gì. Nhưng thế nào đi nữa, nàng nhất quyết không để cho hấn qua mặt và cười vào mũi nàng.

Tracy trở lại bảo tàng viện vào sáng hôm sau.

Mọi việc vẫn y như cũ ngoại trừ khuôn mặt những khách viếng thăm. Tracy để ý tìm Jeff thì không thấy hấn đâu cả. Nàng thầm nghĩ: "Có lẽ thằng cha này đã nghĩ ra cách ăn cắp rồi. Hấn sử dụng hết vẻ duyên dáng để mình không để ý rồi ra tay hành động". Tracy phải dần cơn giận để giữ bình tĩnh. Nàng bước đến bức Puerto ngắm nghía lần nữa. Tim nàng bỗng đứng đập mạnh. Nàng đã nghĩ ra một kế.

Tracy dùng điện thoại công cộng ở Gran Vía trong lúc Daniel Cooper đứng trước cửa tiệm cà phê gần đó theo dõi. Chàng sẵn sàng trả một năm lương để biết cô ả gọi cho ai. Chấn chấn đó là một cú điện thoại viễn liên nên không thể theo dõi được. Daniel để ý chiếc váy màu xanh lá cây của cô gái vén cao, để lộ cặp chân thon trần trụi. Chàng thầm nghĩ: "Dụng ý của cô ả là để đàn ông chiêm ngưỡng mà quên đi. Đồ đĩ ngựa!" Chàng thấy mình giận dữ vô cớ.

Trong phòng điện thoại, Tracy cũng vừa nói chuyện xong:

- Nhớ dặn hấn phải nhanh lên mới được, Gunther. Hấn chỉ có hai phút hành động mà thôi. Thành công hay thất bại là ở đó.

Nội dung bức điện tín:

"Người nhận: J. Reynolds

Người gửi: Daniel Cooper

Vấn đề: Tracy Whitney

Theo tôi nhận xét thì có âm mưu lường gạt ở Madrid. Mục tiêu là bảo tàng viện Prado. Cảnh sát Tây Ban Nha không chịu hợp tác nhưng tôi sẽ theo dõi một mình và sẽ tóm cổ cô ả trong thời gian thuận tiện".

Hai ngày sau, vào lúc 9 giờ sáng, Tracy ngồi trên băng ghế cho bồ câu ăn trong vườn Retiro, một công viên với hồ rộng và cây cỏ cắt xén tỉ mỉ nằm ngay trung tâm phố Madrid. Cesar Poretta, một ông lão tóc bạc trắng, chống gậy đi trên lối mòn công viên đến băng ghế chỗ Tracy và ngồi xuống, mở bao giấy cầm ở tay, lấy bánh mì vụn thả cho chim ăn. Ông lão gật đầu chào Tracy.

- Ông có gặp rắc rối gì không? Tracy hỏi.

- Thưa cô không. Tôi chỉ cần biết ngày nào.

- Tôi chưa quyết định - Tracy mỉm cười - nhưng không lâu đâu.

Ông lão cũng cười, miệng móm mém không có răng:

- Cảnh sát phen này điên đầu. Chưa có ai làm như vậy bao giờ.

- Vì vậy mình mới dễ hành động. Tôi sẽ liên lạc với ông sau.

Tracy tung nắm hạt cuối cùng trong tay cho bầy chim và đứng dậy đi thẳng. Chiếc váy lụa quần quít theo bước chân nàng trông thật quyến rũ.

Trong lúc Tracy Whitney gặp Cesar Poretta ở công viên thì Daniel Cooper đang lục lọi phòng nàng ở khách sạn. Sáng nay Tracy không gọi bồi đem điểm tâm lên phòng có nghĩa là cô ta sẽ ăn sáng bên ngoài. Daniel cho phép mình có ba mươi phút để hành động. Vào phòng ngủ của nàng dễ dàng. Chỉ cần không thấy bồi phòng lảng vảng là chàng dùng chìa khoá giả mở cửa. Chàng biết mình tìm gì: phóng ảnh của bức họa. Daniel không biết kế hoạch của Tracy ra sao nhưng chàng biết chắc chắn là cô ả sắp ra tay.

Daniel lục lọi nhanh nhẹn, không gây tiếng động mà cũng không bỏ sót một vật gì. Chàng lại túm quần áo của

tháng tư còn đó

Lâu rồi, một vết thương liền vết,
Cứ tưởng vui nồng nỗi xót xa
Dẫu mấy đau thương rồi cũng hết
Nhật nhòa thế sự, bóng mây qua...

Nhưng vẫn còn đây một tháng tư
Máu còn rỉ máu giữa thâm u
Hai mươi năm đó, đầy hoang tịch
Ràn rạt trong tim mạch oán thù.

Vẫn còn nhức nhối trong tiềm thức
Một thuở nhà tan, nước loạn cuồng
Đâu nữa yêu thương và hạnh phúc?
Ôi, ngày "cách mạng" hoá tai ương!

Hai mươi năm, đất vẫn còn xương trắng
Nước vẫn đầy nanh lũ cáo hồ,
Dân vẫn lầm than, đời đói rách
Sang giàu chỉ rất lũ ma cô.

Suốt dải giang san gấm vóc dài,
Chỉ còn loang lỗ vết tham ô
Cây cỏ rừng cao thành núi trọc
Biển biếc kinh ngư vết tận bờ.

Tay vẫn thêm dài tay cướp bóc
Mặt còn trơ mặt lũ vô lương
Ngực tù thăm thẳm màu tang tóc
Biết bao giờ ấm lửa quê hương?

Tháng tư, ôi, tháng tư còn đó
Còn những oan khiên những oán hờn
Còn kẻ nô dân, người nguy trị
Lửa còn âm ỉ khắp sơn thôn.

Chiều nay từ góc trời đâu đó
Chớp mắt lòng nghe lệ ứa thâm
Có ai vấy máu lên cờ đỏ
Mà tháng tư đen vẫn tím bầm?

nguyễn huy phước

Tracy, ngấm sơ quần áo treo trong đó và trở lại bàn giấy. Kéo học tủ ra. Trong đó đây nhóc quần áo lót và vớ mỏng. Daniel cầm chiếc quần lót màu hồng áp lên má, tưởng tượng đến mùi thơm của da thịt phụ nữ. Chàng bỏ



chiếc quần lót trở vào học tủ và mở ngăn khác xem có hình bức tranh hay không. Không có.

Cooper bước vào nhà tắm. Trong bồn tắm vẫn còn lấp xấp nước. Chàng hình dung Tracy trần truồng, rần

chắc, quyến rũ với bờ mông tròn trịa đưa lên đưa xuống trong bồn nước. Tự dưng chàng thấy hứng tình. Chàng chụp một khăn lông ướt trên bồn rửa mặt và đưa lên môi. Mùi hương con gái nhẹ nhẹ thoảng...

Mấy phút sau, Daniel rời phòng ngủ, âm thầm như lúc đến, nhắm hướng nhà thờ trực chỉ.

Sáng hôm sau, Tracy rời khách sạn thì Daniel Cooper cũng theo bèn gót. Có một cái gì gần gũi thân mật giữa hai người. Chàng đã biết mùi da thịt của nàng, đã hình dung ra nàng trần truồng trong bồn tắm. Nàng phải thuộc về chàng hoàn toàn. Nàng phải để chính tay chàng hủy diệt. Daniel theo dõi nàng đi dạo phố Gran Via, ngắm nghía hàng hoá bày trong tủ kính và theo chân nàng vào tiệm bách hoá, cẩn thận không để nàng bắt gặp. Chàng thấy cô nàng nói chuyện với một nhân viên bán hàng rồi đi về phòng vệ sinh đàn bà. Cooper đứng gần cửa, thất vọng. Đó là chỗ duy nhất chàng không được phép vào.

Nếu Daniel được phép thì chàng đã thấy Tracy đang nói chuyện với một bà mập thù lù, tuổi độ bốn mươi.

Tracy vừa nói vừa đưa cây son lên tô môi:

- Sáng mai, lúc 11 giờ.

Người đàn bà lắc đầu:

- Không được đâu! Ông ta không chịu đâu. Cô chọn ngày xấu rồi. Ngày mai hoàng tử Lục Xâm Bảo sẽ đến thăm viện bảo tàng Prado. Nhân viên an ninh được tăng cường tối đa và cảnh sát mai phục khắp nơi.

- Càng nhiều càng tốt. Ngày mai.

Tracy bước ra khỏi cửa trong lúc người đàn bà nhìn theo, lăm bằm những gì trong miệng.

Theo chương trình, phái đoàn hoàng gia sẽ đến Prado đúng 11 giờ. Trên khắp các đường dẫn đến viện bảo tàng đều có lính canh gác cẩn mật. Vì nghi thức rườm rà ở phủ Hoàng gia nên mãi gần trưa phái đoàn mới tới. Một chiếc xe cảnh sát hú còi dẫn đầu một đoàn xe chạy thẳng vào cổng bảo tàng viện Prado.

Ngay cổng chính, Giám đốc Christian Machada đang nôn nóng chờ khách. Từ sáng sớm ông đã cẩn thận kiểm soát khắp mọi ngõ ngách và ra lệnh nhân viên an ninh cảnh giác tối đa. Ông muốn Hoàng tử có ấn tượng tốt về lễ lối làm việc của xứ sở ông. "Được làm bạn với những người quyền quý cũng tốt chứ sao", Machada thầm nghĩ, "Biết đâu mình được mời dự cơm tối tại phủ Hoàng gia không chừng!" Ông chỉ tiếc một điều là không thể ngăn chặn đám khách đang dạo chơi trong đó. Nhưng nhân viên bảo vệ hoàng gia và nhân viên an ninh của viện bảo tàng sẽ bảo vệ Hoàng tử. Mọi việc đã sẵn sàng.

Phái đoàn hoàng gia đi viếng tầng trên. Ông giám đốc cung kính hướng dẫn vị khách quý đi từng phòng ngắm tranh, sau lưng là cả một đoàn quân hộ tống.

Hoàng tử Lục Xâm Bảo bước chậm chậm, ngắm nghía từng bức tranh với đôi mắt nhà nghề. Tuy không vẽ được tranh nhưng Hoàng tử biết rõ bức nào có giá trị. Thấy vị khách quý có vẻ không được ưng ý lắm, ông giám đốc mỉm cười, nói với giọng kiêu hãnh:

- Bây giờ mời ngài theo chúng tôi về tầng dưới, nơi triển lãm tranh của Goya.

Thần kinh Tracy căng thẳng từ sáng. Khi phái đoàn hoàng gia Lục Xâm Bảo không đến viện bảo tàng đúng 11 giờ như đã ấn định, nàng bắt đầu bồn chồn. Nàng đã hoạch định từng chút và tính kỹ từng giây. Nàng cần sự có mặt của hoàng tử.

Tracy đi từ phòng này qua phòng kia, lẩn trong đám đông để tránh bị chú ý. Nàng thất vọng nghĩ phải chăng hoàng tử đã hủy bỏ ý định thăm viếng? Vừa định cho đồng loã biết thì Tracy nghe tiếng còi hú hộ tống của cảnh sát. Daniel đang theo dõi Tracy từ phòng bên cạnh cũng nghe thấy tiếng còi hú. Theo lý luận thì không ai có thể ăn cắp tranh trong tình trạng này nhưng linh tính chàng vẫn báo động là Tracy sắp ra tay. Chàng tin ở giác quan thứ sáu của

mình. Daniel tiến lại gần cô gái. Chàng dự định sẽ theo dõi nàng sát nút.

Tracy đang có mặt ở phòng triển lãm bên cạnh phòng treo bức Puerto. Nhìn xuyên qua cánh cửa mở rộng, nàng có thể thấy Cesar Poretta đang ngồi trước giá vẽ, họa lại bức tranh treo bên cạnh bức Puerto. Một nhân viên an ninh đứng gần đó. Bên cạnh Tracy ở phòng kế bên có một nữ họa sĩ khác cũng đang vẽ lại một bức họa khác của Goya.

Vừa lúc đó, một đoàn du khách Nhật tiến vào, nói cười như chim. "Thật đúng lúc", Tracy thầm nghĩ. Đây là cơ hội bằng vàng mà nàng đang chờ đợi. Tim nàng đập thình thịch khiến nàng có cảm tưởng nhân viên an ninh cũng có thể nghe thấy. Tracy tiến đến gần đoàn du khách đang đứng sau lưng người nữ họa sĩ. Lợi dụng lúc một người đàn ông Nhật đi ngang qua mặt nàng, Tracy giả bộ trượt chân té ngã ra, tông vào cô họa sĩ và quơ tay khiến cả giá vẽ, màu, cọ đều đổ xuống đất. Tracy la lên:

- Xin lỗi, để tôi giúp cô thu nhặt đồ lại.

Trong lúc cúi xuống nhặt dụng cụ, Tracy làm như vô tình dẫm lên mấy tuýp màu vẽ khiến màu sắc vọt ra tung toé khắp sàn nhà. Daniel Cooper chứng kiến từ đầu, vội vã chạy lại. Chàng chắc chắn là Tracy bắt đầu hành động.

Một nhân viên an ninh chạy tới, hốt hoảng hỏi:

- Chuyện gì vậy? Chuyện gì vậy?

Tai nạn làm đám đông du khách tò mò đứng nhìn. Một số người cúi xuống phụ nhặt những ống màu đã bị dẫm chằm nhẹp tạo thành một bức tranh lập thể trên sàn nhà. Thật là một tai họa không đúng lúc trong khi phái đoàn hoàng gia sắp xuất hiện ở ngưỡng cửa. Nhân viên an ninh vội vã gọi to:

- Sergio, lại đây giúp một tay ngay lập tức!

Tracy liếc thấy người an ninh phòng bên cạnh vội vã chạy tới. Chỉ còn một mình Cesar Poretta trong phòng tranh.

Hai nhân viên an ninh cố gắng giải tán đám đông du khách ra khỏi chỗ lấy lụa màu sắc với mùi sơn bốt lên nòng nặc. Sergio la to:

- Mời ông giám đốc đến gấp!

Một nhân viên khác vội vã chạy về hướng cầu thang. Hai phút sau, ông giám đốc Christian Machada đã có mặt tại chỗ. Ông cuống quýt la lớn:

- Kêu nhân viên quét dọn ngay! Nhanh lên!

Một nhân viên vệ sinh cấp tốc làm theo chỉ dẫn. Machada quay sang Sergio:

- Anh trở về vị trí canh gác của anh đi.

Tracy theo dõi Sergio đang len lỏi trở về căn phòng có Cesar Poretta. Cooper không rời mắt khỏi Tracy. Chàng chờ đợi cô gái ra tay tiếp, nhưng không thấy gì lạ. Cô nàng không đến gần tấm tranh nào cũng như không tiếp xúc với một ai khác. Tất cả hành động của cô ả chỉ là té vào giá vẽ và làm tung toé màu ra sàn. Tai nạn thật hay có mưu đồ? Nhưng nếu có dụng ý thì cô ả định làm gì đây? Tuy nhiên Daniel linh tính rằng nếu có âm mưu nào đó thì nó cũng đã được thực hiện. Chàng nhìn khắp tường phòng triển lãm. Không có tấm tranh nào mất tích cả. Cooper vội vã bước sang phòng bên cạnh. Không ai khác ngoại trừ nhân viên an ninh và ông lão đang ngồi trước giá vẽ, mô phỏng họa phẩm *Clothed Maja*. Mọi thứ đều ở nguyên vị trí. Nhưng phải có một cái gì khác thường, chàng tin chắc như vậy.

Daniel trở lại gần viên giám đốc mà chàng đã tiếp xúc từ trước, nói to:

- Tôi tin rằng có một bức tranh vừa bị mất cắp trong lúc xảy ra lộn xộn.

Christian Machada trợn mắt nhìn ông khách Mỹ như không hiểu:

- Ông nói gì lạ vậy? Nếu có việc gì xảy ra thì nhân viên an ninh đã nhấn còi báo động rồi.

- Tôi nghĩ có một bức tranh thật vừa bị đánh tráo.

Ông giám đốc mỉm cười thông cảm:

- Có một chút sai lầm trong giả

thuyết của ông. Tôi nói riêng với ông một điều mà không mấy ai biết, là sau mỗi bức tranh đều có gắn hệ thống kiểm soát. Nếu bất cứ ai nhấc bức tranh ra khỏi tường thì lập tức chuông báo động sẽ reo ầm lên.

Daniel Cooper vẫn chưa hài lòng:

- Có khi nào hệ thống báo động bị cắt dây không?

- Không. Vì nếu dây điện bị cắt thì hệ thống báo động cũng reo lên như thường. Thưa ông, việc ăn cắp tranh ở viện bảo tàng này không thể nào thực hiện được. An ninh của chúng tôi tại đây phải nói là tuyệt hảo.

Cooper lắc đầu thất vọng. Những điều ông giám đốc nói đều có lý cả. Mọi việc chàng nghĩ có vẻ như không thể nào xảy ra. Thế nhưng tại sao Tracy lại làm đổ giá vẽ để làm gì?

Cooper cố vớt vát:

- Ông cười thì tôi chịu nhưng ông làm ơn ra lệnh cho nhân viên kiểm soát kỹ khắp viện bảo tàng để chắc chắn không mất một món gì. Ông có thể liên lạc với tôi ở khách sạn.

Đúng 7 giờ tối, giám đốc Machada gọi cho Daniel Cooper:

- Tôi đã đích thân kiểm soát. Tất cả các bức tranh đều ở nguyên vị trí. Không mất một món nào cả.

Vậy thì thôi. Chắc chỉ là một tai nạn ngẫu nhiên. Nhưng đối với Cooper, với linh tính của kẻ săn mồi, chàng biết rằng con mồi của chàng đã thoát.

Jeff mời Tracy đi ăn tối tại phòng ăn ở khách sạn Ritz. Vừa gặp nàng, hán đã khen:

- Tối nay trông em tươi tắn quá.

- Cảm ơn anh, em thấy yêu đời lắm.

- Tại tụi mình ở bên nhau. Tuần sau đi với anh đến Barcelona, Tracy! Đó là một thành phố đẹp nổi tiếng và em sẽ thích...

- Xin lỗi anh, em không thể đi được. Em sẽ rời Tây Ban Nha nay mai.

Giọng Jeff có vẻ tiếc rẻ:

- Thật vậy sao? Bao giờ em đi?

- Vài ngày nữa.

- Em làm anh thất vọng quá.

Tracy thầm nghĩ: "Anh sẽ còn thất vọng hơn nữa khi biết em đã lấy được bức Puerto". Không biết anh chàng định ăn cắp bức tranh bằng cách nào, nhưng chuyện này đối với nàng bây giờ không quan trọng nữa. Nàng đã qua mặt được Jeff Stevens. Tuy nhiên trong thâm tâm nàng cảm thấy hơi ái ngại cho hán.

Giám đốc Machada đang ngồi thưởng thức ly cà phê đen đậm buổi sáng và tự hài lòng về cuộc viếng thăm toàn hảo của hoàng gia Bỉ vừa rồi. Ngoại trừ một tai nạn nhỏ, mọi việc đều đầu vào đấy. Ông mỉm cười nhớ đến anh chàng Mỹ gần cứ khẳng cho rằng có người âm mưu ăn cắp bức họa Puerto.

Vừa lúc đó, cô thư ký riêng của ông bước vào:

- Xin lỗi ông, có một người khách muốn gặp ông. Đây là lá thư của ông ta.

Đó là thư giới thiệu của viện bảo tàng Kunsthau ở Zurich:

"Bạn đồng nghiệp thân mến,

Tôi xin giới thiệu ông Henry Rendell là chuyên viên nghệ thuật của viện bảo tàng chúng tôi. Mục đích của ông Rendell là nghiên cứu các bảo tàng viện trên thế giới. Ông ấy nóng lòng muốn được thưởng thức những tác phẩm nghệ thuật tại quý bảo tàng viện. Tôi xin cảm ơn mọi sự hợp tác của các ông trong việc hướng dẫn này".

Ông giám đốc vui vẻ ra lệnh cho cô thư ký mời khách vào.

Henry Rendell cao lớn, đầu sói, đôi mắt tinh anh. Ông ta phát âm với giọng Thụy Sĩ:

- Tôi rất cảm ơn ông đã dành thì giờ cho tôi. Đây là lần đầu tiên tôi viếng thăm bảo tàng viện ở Madrid...

Giám đốc Machada khiêm tốn:

- Tôi mong ông sẽ không thất vọng, thưa ông Rendell. Mời ông theo tôi...

Hai người thông thả đi từ phòng này qua phòng nọ. Henry Rendell ngắm kỹ từng bức tranh. Họ trao đổi những kiến thức chuyên môn trong lãnh vực nghệ thuật, phê bình từng

giá trị từ màu sắc đến đường lối của mỗi họa sĩ.

Ông giám đốc trình trọng:

- Bây giờ tôi xin giới thiệu đến những tinh hoa của nước tôi.

Ông đưa khách xuống tầng triển lãm những bức họa của Goya.

Henry trầm trồ khen ngợi:

- Thật là sướng mắt! Làm ơn ngừng lại để tôi được chiêm ngưỡng lâu một chút.

Machada kiên nhẫn đứng đợi, lòng đầy hãnh diện. Rendell dừng chân trước bức Puerto ngắm nghía hồi lâu rồi nói:

- Họ vẽ lại y như thật!

Nói rồi ông ta dậm bỏ đi. Giám đốc Machada chụp tay ông ta lại:

- Ông nói gì?

- Dạ, tôi nói bức tranh giống y như thật.

- Ông làm to rồi! - Machada giọng bức tức - Đây là bức tranh thật. Tôi có đủ bằng chứng xuất xứ của nó.

Henry Rendell bước lại gần bức tranh và ngắm kỹ hơn:

- Ông nói vậy thì xuất xứ của nó cũng giả luôn. Bức này làm đúng theo nguyên tác của Goya. Ông biết Lucas là thiên tài mô phỏng, đã từng vẽ lại hàng trăm bức của Goya giống y như đúc rồi chứ?

- Tôi biết chứ. Nhưng bức này không phải là bức mô phỏng.

Rendell nhún vai:

- Tôi chịu thua!

Ông ta vừa nói vừa quay bước.

- Dích thân tôi đã mua bức tranh này. Nó đã được các chuyên viên giỏi kiểm nghiệm, cả về màu sắc nữa...

- Thì tôi có nói gì sai đâu. Lucas là họa sĩ đồng thời với Goya và đã dùng cùng một thứ nguyên liệu với Goya mà.

Henry Rendell cúi xuống xem xét kỹ chữ ký của tác giả ở góc rồi ngừng lên:

- Nếu muốn biết rõ cũng dễ thôi.

Ông đem bức tranh này vào phòng thử nghiệm xem chữ ký như thế nào.

- Ông ta búng tay, vui vẻ - Ông Lucas này cũng tự tôn lắm, mặc dù vẽ lại tranh Goya nhưng lúc nào ông cũng ký tên vào góc bức tranh, đôi khi cực

chẳng dă ông ta phải giả cả chữ ký, có lẽ để tranh có giá hơn chăng?

Henry Rendell nhìn đồng hồ tay, nói:

- Xin phép ông, tôi có một cái hẹn khác. Cảm ơn ông đã trao đổi ý kiến với tôi.

Giám đốc Machada lạnh lùng:

- Không có chi.

Trước khi cáo từ, Henry Rendell còn nói:

- Tôi hiện ngụ tại Villa Magna, nếu ông cần gì xin cứ dă bảo. Xin cảm ơn ông lần nữa.

Giám đốc Machada nhìn theo Henry cho đến khi khuất bóng. "Thằng cha Thụy Sĩ này dă bảo bức tranh quý giá nhất viện bảo tàng là đồ giả, lăo thật!" Ông ngắm kỹ họa phẩm một lần nữa. Thật đúng là một kiệt tác. Ông cúi sát mặt nhìn chữ ký của Goya. Bình thường, có gì lạ đâu! Nhưng ông khách đã gieo vào đầu ông mầm nghi ngờ. Chuyện cũng dă xảy ra lắm! Ai chả biết Lucas là một họa sĩ có tài nghiêng ngửa với Goya, đã vẽ lại hàng trăm bức tranh của Goya giống y như thật, người nổi tiếng về tài mô phỏng mà mắt thường không phân biệt nổi. Machada đã mua bức tranh này với giá ba triệu rưỡi. Nếu ông mua lăm thì đó đúng là một vết nhơ trong sự nghiệp của ông khiến ông không dăm nghĩ tới.

Henry Rendell có lý, chỉ cần đem thử nghiệm lại là biết bức tranh thật giả thế nào. Ông sẽ kiểm lại chữ ký của họa sĩ trước khi điện thoại lễ phép khuyên thằng cha Thụy Sĩ dăo đổi nghề đi cho rồi.

Giám đốc Machada bấm chuông ra lệnh cho viên phụ tá đem bức tranh Puerto xuống, đưa vào phòng thử nghiệm.

Công việc thử nghiệm một kiệt tác đòi hỏi sự khéo léo và cẩn thận từng ly từng tí vì sơ hờ một chút có thể làm hỏng, không cách gì cứu vãn. Những nhân viên kiểm nghiệm của viện bảo tàng Prado đều là những chuyên viên xuất sắc. Phần đông họ là các họa sĩ thất bại trên đường nghệ thuật nhưng vẫn muốn làm việc trong những

ngành có liên quan đến hội họa. Họ học nghề với những người già kinh nghiệm và theo thời gian leo dăn lên những vị trí cao hơn trong việc thử nghiệm các tác phẩm giá trị nhưng lúc nào cũng chịu sự giám sát của các bạn đồng nghiệp lăo thành khác.

Juan Delago, người phụ trách thử nghiệm tranh của viện bảo tàng Prado, nhẹ nhàng đặt bức Puerto lên giá gỗ. Giám đốc Machada đứng cạnh, chăm chú quan sát.

Juan lấy một miếng bông gòn tẩm cồn để lên chiếc bàn con bên cạnh. Ông dùng miếng gòn khác chấm chất dău đặc biệt như một dung dịch chặn đứng tác dụng của cồn.

- Bắt đầu đi. Cẩn thận nhé.

Ông giám đốc ra lệnh.

Machada cảm thấy hơi hộp muồn nghẹt thở. Ông mở to mắt nhìn Delago dùng miếng bông gòn thấm cồn chùi nhẹ lên chữ G của chữ ký. Ông ta dùng miếng bông thứ nhì chặm ngay vào để chất cồn không thấm sâu vào bức tranh. Cả hai nhìn lại bức tranh. Delago cau mày:

- Xin lỗi, tôi không thể xác định được. Phải dùng chất cồn mạnh hơn một chút.

Giám đốc găt đầu đồng ý. Người chuyên viên mở nút một chai cồn khác, thấm vào miếng bông trước khi để nhẹ lên chữ ký Goya. Trong phòng nồng nặc mùi hoá chất. Giám đốc Machada trợn mắt nhìn trừng trừng như không thể tin được những gì trước mắt. Chữ G của chữ ký phai dăn đi, để hiện lên một chữ L rõ nẻ. Delago biến sắc, lắp bắp nói:

- Ta có nên tiếp tục không?

Giám đốc Machada nghe như có vật gì chặn ngang cổ họng. Ông chỉ găt đầu. Từng mẫu tự của chữ ký Goya phai dăn và chữ ký Lucas hiện lên rõ mồn một. Mỗi một mẫu tự như một nhát dao dăm sâu vào bụng ông giám đốc. Một người cầm đầu một bảo tàng viện nổi tiếng trên thế giới mà bị lừa! Thế nào cũng đến tai ban giám đốc, rồi đến tai vua Tây Ban Nha, rồi cả thế giới sẽ biết... Sự nghiệp ông kể như tiêu tùng. Machada vội vã trở lại văn phòng điện thoại

cho Henry Rendell.

Hai người ngồi trong văn phòng. Giám đốc Machada bắt đầu một cách khó khăn:

- Ông bạn nói đúng, đây là mô phỏng của Lucas. Nếu tin này loan ra ngoài thì mọi người sẽ cười thúi óc.

Rendell nói, vẻ thông cảm:

- Ông đừng buồn. Lucas đã từng làm bao nhiêu nhà nghệ thuật kỳ cựu bị lầm. Thú vui của tôi là nghiên cứu các họa phẩm do Lucas mô phỏng.

- Nhưng tôi đã trả ba triệu rưỡi cho bức tranh này đó chứ.

Rendell nhún vai:

- Ông có cách nào đòi lại số tiền này không?

Machada lắc đầu thất vọng:

- Không. Tôi mua trực tiếp từ một goá phụ. Bà ta nói bức tranh này là của gia bảo bên nhà chồng bà ta, lưu truyền đã được ba thế hệ. Nếu tôi kiện bà ta thì vụ này sẽ nổ to, mọi người sẽ nghi ngờ những kiệt tác ở bảo tàng viện Predo đều là đồ giả.

Henry Rendell có vẻ khó nghĩ:

- Không có lý do gì để mình cần tiết lộ tin này. Tại sao ông không trình bày sự thật lên cấp trên rồi âm thầm dẹp bỏ nó? Ông có thể gửi tranh đến những nơi chuyên môn bán đấu giá để xem kiếm được bao nhiêu, coi như của đồ rồi hốt vạy mà!

Giám đốc Machala lắc đầu:

- Không được, cả thế giới sẽ biết.

Mắt Henry Rendell bỗng sáng lên:

- Tôi biết một người khách thích sưu tầm tranh của Lucas, ông ta rất kín đáo.

- Tôi muốn vớt của nợ này đi. Tôi không muốn nhìn lại nó nữa. Tôi không thể để của giả trà trộn trong kho tàng kiệt tác của viện bảo tàng chúng tôi.

Giọng ông ta đầy cay đắng.

- Tôi sẽ giúp ông. Ông khách của tôi có thể sẽ mua bức tranh này, với giá năm chục ngàn chẳng hạn, ông nghĩ sao? Ông có muốn tôi điện thoại thử cho ông ta không?

- Vâng, xin nhờ ông. Tôi thật không bao giờ dám quên ơn ông.

Ban giám đốc bảo tàng viện họp

khẩn để quyết định vận mạng của bức tranh giả mạo. Người nào người nấy xúng vũng như bị sét đánh. Tất cả đều đồng ý là bức tranh Puerto phải được hạ xuống và âm thầm tống khứ đi càng sớm càng tốt. Thôi thì đành phải nhờ Henry Rendell thu xếp bán đồ bán tháo bức tranh chớ biết làm sao!

Henry Rendell ra ngân hàng, đem về một chi phiếu được chứng thực năm mươi ngàn đồng. Bức tranh Puerto gói ghém sơ sài như một vật ghê tởm cần được tống đi gấp. Machada nhăn nhó nói như muốn khóc:

- Ban giám đốc rất lấy làm khó chịu về tai nạn xảy ra và không muốn tin này được tiết lộ. Tôi đã phải quả quyết với họ là ông khách của ông là người kín miệng.

- Ông có thể tin nơi tôi.

Điều này Rendell nói thật.

Rời viện bảo tàng, Henry Rendell lấy taxi đến thẳng một ngôi nhà ở cực bắc thành phố Madrid, chạy vội lên lầu ba, gõ cửa.

Tracy Whitney bước ra mở cửa. Sau lưng nàng là Cesar Poretta. Tracy nhìn Henry, vẻ dò hỏi. Ông ta nheo mắt, cười:

- Thắng lợi hoàn toàn! Họ muốn phải tay cho lệ!

Tracy mừng rỡ:

- Đi vào đi!

Poretta đỡ tám tranh đặt lên bàn, vừa nói vừa cười:

- Bây giờ mời quý vị xem một phép lạ. Chữ ký Goya sẽ hiện ra!

Ông ta lấy miếng bông gòn thấm đầu nóng. Mùi thuốc xông lên nồng nặc. Trong lúc Tracy và Henry chăm chú nhìn, Poretta cầm miếng chùi nhẹ lên chữ ký Lucas. Chữ này phai đi dần và chữ ký Goya hiện lên từ từ. Rendell mở to mắt:

- Thật là độc đáo!

- Sáng kiến của cô Whitney đó! Cô ấy đề nghị tôi tìm cách che chữ ký thật bằng chữ ký giả và phủ lên bằng tên thật của tác giả. Chuyện này cũng dễ thôi. Tôi dùng một lớp sơn đặc biệt phủ lên chữ ký Goya để bảo vệ nó. Sau đó tôi sơn tên Lucas bằng lớp sơn dầu và dùng một lớp khác phủ

chào người

*Đã muộn rồi, bụi xám
Quấn quít trên vai người
Xót xa dòng tóc nhuộm
Đắm giọt sầu chia phôi.*

*Chân theo hồn viễn xứ
Nhắc chi thuở hẹn hò
Rừng rưng màu mắt cũ
Dối tình vai áo xưa...*

phan các chiêu hằng

lên, rồi lại nhái chữ ký Goya. Nhân viên thử nghiệm thấy chữ ký Lucas là thất vọng rồi, phải chi họ chùi sâu thêm chút nữa thì đã thấy chữ ký Goya hiện ra trở lại.

Tracy lấy ra hai bao thơ dày cộm trao cho hai người:

- Tôi xin cảm ơn hai ông.

Henry Rendell nháy mắt:

- Chẳng nào cô cần một vai chuyên viên nghệ thuật nữa thì tôi rất sẵn sàng.

- Cô định đem tranh ra khỏi nước bằng cách nào? Poretta hỏi.

- Tôi sẽ cho người giao thư đến nhận hàng tại đây. Ông chờ họ đến nhé.

Nói xong, nàng bắt tay hai người đàn ông và đi về.

Trên con đường trở về khách sạn, Tracy lâng lâng vui. Mọi chuyện chỉ là vấn đề tâm lý. Tracy tưởng tượng đến vẻ thất vọng của Jeff Stevens khi biết bị nàng qua mặt mà thích chí, bật cười to lên.

Tracy ngồi chờ người giao thư đến khách sạn. Khi họ đến, nàng điện thoại ngay cho Cesar Poretta:

- Người giao thư đến rồi, tôi cho địa chỉ để họ đến ông ngay. Ông nhớ coi...

Poretta hét to, giọng hốt hoảng:

- Cô nói cái gì vậy? Người giao thư đã đến và mang bức họa đi được nửa tiếng đồng hồ rồi mà?

(còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYỄN PHONG
dịch



(tiếp theo)

Thái độ cương quyết của Hayakawa làm tôi ngạc nhiên và thần phục. Trong khi tôi còn đang buồn bã âu sầu thì Hayakawa vẫn dũng mãnh tiếp tục con đường đạo. Bà chuẩn bị tìm kiếm ngay một vị thầy khác để hướng dẫn cho chúng tôi tu học.

Tiện đây, tôi muốn nói qua vài hàng về người bạn đồng tu này. Nếu xét về công phu tu học thì Hayakawa xứng đáng là một đại tướng oai phong lẫm liệt trong khi tôi chỉ là một thứ binh nhì, một lính mới tò te, ngây ngô chẳng biết gì. Ngoài sự hiểu biết thâm sâu về Phật học, Hayakawa còn có một khả năng lắng nghe thật tuyệt vời. Bà có thể ngồi hàng giờ chăm chú nghe giảng về Phật pháp mà không mệt mỏi. Bà thường cùng tôi đến nghe giáo sư giảng dạy, mặc dù tôi biết bà đã nghe giảng nhiều lần về những đề tài đó rồi. Hayakawa cho biết: Không có một cái gì là cũ. Mỗi câu, mỗi chữ đều có những ý nghĩa sống động của nó. Nếu biết nghe một cách chăm chú, từng giây, từng phút, người ta sẽ học hỏi được nhiều điều mới mẻ. Trên đường từ nhà giáo sư trở về, chúng tôi thường đi ngang một ngôi chùa. Gặp hôm nào có buổi

thuyết pháp, Hayakawa đều rủ tôi vào nghe. Tôi đã chán ngán việc nghe các giáo sĩ đạo mạo đăng đàn thuyết pháp đó rồi nên phản đối:

- Việc gì phải mất thì giờ với những người ăn nói chán ngắt đó? Chúng ta đã có thầy là giáo sư Shibata, liệu mấy ai có thể giảng hay hơn thầy chúng ta được?

Hayakawa nhẹ nhàng từ tốn khuyên:

- Này chị bạn, làm sao có thể mất thì giờ được khi mình đi nghe pháp? Chị không nghe cổ nhân có câu: Làm người khó được, Phật pháp khó tìm, thiện tri thức khó gặp đó sao? Hiện nay mình đã sinh làm người, gặp được Phật pháp, được nghe thiện tri thức giảng dạy, quả là hi hữu lắm rồi, bỏ qua cơ hội này thì biết bao giờ mới gặp được cơ hội như thế nữa?

Là người ít nói, nhưng một khi đã nói, Hayakawa rất cương quyết nên dù thân, chúng tôi vẫn hay bất đồng ý kiến với nhau. Có lần trong một buổi đàm đạo, tôi đã phát biểu cảm tưởng:

- Nếu quán triệt được những điều đức Phật chỉ dạy thì chúng ta có thể thoát ly luân hồi sinh tử, xa lìa những nơi chốn khổ đau.

Hayakawa lắc đầu nói một cách

ôn tồn:

- Này chị bạn, phải cẩn thận không nên tuyên bố như vậy. Nếu cứ ăn nói hàm hồ như thế thì không chừng chị sẽ phải đầu thai thành loài chồn hoang đấy.

Tôi biết Hayakawa muốn nhắc đến câu chuyện Bách Trượng thiền sư và Hồ Ly tăng (chồn hoang): Khi tổ Bách Trượng đến giảng dạy Phật pháp tại núi Chung Nam thì có một ông già râu tóc bạc phơ bước ra nói: "Thưa ngài, tôi đã ở núi này mấy trăm năm rồi, xưa tôi là một vị tăng hay đăng đàn thuyết pháp, nhân có người đến hỏi: 'Bậc đại giác có bị luật nhân quả chi phối không?' Tôi trả lời: 'Không'. Vì thế nên khi chết đầu thai thành một con chồn hoang ở mãi nơi đây, xin ngài thương xót giúp cho tôi câu trả lời để tôi thoát kiếp chồn". Tổ bèn nói: "Được, ông cứ hỏi đi". Ông lão bèn hỏi: "Bậc đại giác có bị luật nhân quả chi phối không?" Tổ Bách Trượng trả lời: "Họ vẫn không tránh khỏi nhân quả đâu". Ông lão tóc trắng hốt nhiên đại ngộ, vội quỳ xuống đánh lễ tổ Bách Trượng: "Đa tạ hoà thượng chỉ dạy, nay con đã thoát thân chồn, xin ngài thương xót mà làm lễ hoả thiêu cho". Nói xong ông già hiện hình thành xác con chồn lông trắng. Tuy biết Hayakawa muốn khuyên tôi không nên chấp trước vào những phân biệt nhị nguyên, nhưng bản tính ương ngạnh không cho phép tôi chịu thua:

- Nếu nói như vậy thì tất cả đều chịu sự chi phối của nghiệp lực và người ta không thể thoát ra khỏi nó hay sao?

- Chị không nên kết luận vội vàng. Nếu quả quyết như thế thì có khác gì một kẻ chủ xướng thuyết tiền định đâu.

- Như vậy là sao? Chị ăn nói hàm hồ, chẳng có mà cũng chẳng không nghĩa là thế nào? Phải chăng chị muốn nói đến cái tự tánh trong Tánh Không...

Hayakawa ngắt lời tôi:

- Cái gì mà tự tánh trong tánh không? Làm gì có chuyện như vậy!

- Tại sao lại không?

- Chị nói nhiều quá, không đúng với tinh thần của đạo Phật.

- Tại sao không đúng?

Hayakawa không muốn cãi với tôi nên chỉ nói băng quơ:

- Nếu muốn biết rõ hơn thì hãy đi kiếm giáo sư mà hỏi.

Tôi bật cười nghĩ thầm: “Chị chẳng hiểu gì hơn tôi mà còn làm bộ. Chị tưởng tôi không dám hỏi giáo sư hay sao? Tôi sẽ mang điều này ra hỏi cho ra lẽ và rồi chị sẽ biết tay tôi”. Một hôm nhân lúc rảnh rỗi tôi đã mang câu chuyện này ra hỏi giáo sư:

- Thưa thầy, nếu đã quán triệt được các diệu lý trong kinh điển, liệu con có thể nói cho người khác nghe được không?

- Được chứ sao không?

- Nếu không thể nói được thì chắc hẳn con đã không hiểu rõ chứ gì?

- Có lẽ thế.

- Tóm lại, một khi đã hiểu được thì phải nói được, có đúng không?

- Dĩ nhiên rồi, nhưng không phải người nào hiểu cũng mang ra nói. Có người hiểu rất nhiều nhưng lại không thích nói ra. Hayakawa chẳng hạn...

Câu nói vô tình của giáo sư làm tôi bật ngửa. Tôi có cảm tưởng như vừa bị ai đập cho một nhát búa chí tử. Tôi toan cãi nhưng giáo sư đã tiếp:

- Cổ nhân đã dạy: “Biết thì không nói mà nói thì không biết”. Có những sự việc không thể nói ra bằng lời được vì khi nói ra đã rời xa sự thật rồi. Có những việc người ta chỉ có thể kinh nghiệm chứ không thể diễn tả. Do đó ai uống nước thì biết nóng lạnh nhưng kẻ chưa uống thì làm sao biết được! Ngôn ngữ chỉ là những gì tượng đối, không thể diễn tả được cái tuyệt đối. Tóm lại, con đừng quá tin tưởng vào lý luận, ngôn từ mà rời xa sự thật.

Tôi cảm thấy hai tai nóng lên, không biết vì xấu hổ hay vì điều gì khác. Giáo sư nhìn tôi một lúc. Đường như ông hiểu tâm trạng bối rối của tôi nên ôn tồn khuyên:

- Một kẻ thích nói thì không thể nghe thêm một điều gì khác, do đó sự hiểu biết thường hời hợt nông cạn mà thôi. Một người chỉ có thể nghe hoặc nói chứ không thể làm cả hai việc một

lúc. Phật pháp cao siêu vô cùng, thoáng nghe tưởng giản dị nhưng thật ra người ta phải nghe đi nghe lại nhiều lần mới vỡ ra được. Như ta đây đọc kinh Phật nhiều lần mà mỗi lần đọc lại đều tìm thấy những điều mới lạ. Thế mới biết biển học thật bao la vô cùng, đừng bao giờ bằng lòng với cái mình đã biết mà phải đào sâu thêm nữa. Càng học nhiều càng thấy mình không biết gì thì mới đúng với tinh thần học. Đừng tự hào về kiến thức nhỏ nhoi của mình. Hẳn con biết chuyện học giả Mito đến viếng thiền sư Nan In chứ gì? Học giả Mito tự hào lâu thông kinh điển nhưng vẫn đến thăm viếng thiền sư Nan In để hỏi về thiền. Thiền sư mời nhà học giả uống trà nhưng khi rót, mặc dù chén trà đã đầy ắp, ông cứ tiếp tục rót nữa khiến trà tràn đầy ra ngoài. Học giả Mito ngạc nhiên hỏi: “Trà đã đầy rồi, sao ngài cứ rót mãi như thế?” Thiền sư chỉ vào chén trà đầy ắp nói: “Tâm ông giống như cái chén trà đã đầy ắp thành kiến và tư tưởng thì làm sao ta rót trà của ta vào đó được nữa?”

Ngưng lại một lúc như để cho tôi thấm thía câu chuyện trên, giáo sư nói tiếp:

- Hẳn con biết chuyện mười bảy vị tăng đi tìm đạo trên đỉnh Tuyết Sơn rồi chứ gì? Họ đi từ Nhật đến Tuyết Sơn để cầu đạo giải thoát nhưng khi đến chân núi Tuyết thì họ dừng lại rồi quay về Nhật. Họ cho rằng họ đã giác ngộ và phải quay về để lo việc cứu độ chúng sinh. Con nghĩ thế nào về những người đó?

Tôi có cảm tưởng như vừa bị khâu chặt miệng, không nói năng gì được. Giáo sư thông thả tiếp:

- Tại sao họ không leo lên đỉnh Tuyết Sơn như đã dự định? Phải chăng khi đến chân núi, họ thấy việc tìm đạo như vậy đã đủ? Dù sao họ cũng đã đi từ Nhật qua Tuyết Sơn, trải qua một cuộc hành trình khá gian nan. Một khi nghĩ rằng “đã đủ” nghĩa là đã bằng lòng với cái mình có thì không bao giờ người ta có thể vượt qua bờ bên kia được. Đó là lười biếng, khiếp nhược, thiếu dũng cảm. Những kẻ tìm đạo như thế sẽ không bao giờ

giải thoát được cho mình chứ đừng nói cứu được ai. Đó là những kẻ không biết bơi nhưng vẫn nói rằng họ sẵn sàng nhảy xuống sông cứu người chết đuối. Họ sẽ chẳng cứu được ai mà còn làm hại đến mình nữa. Đó là những kẻ viển vông, tu hành để giải trí, tiêu khiển; những kẻ chỉ thích ngộ nửa chừng mà thôi.

Sau bài học thấm thía đó, tôi không dám tranh luận với Hayakawa nữa và cũng bỏ bớt bản tính hiếu thắng, ương ngạnh đi. Như đã nói, sau khi đến học hỏi với giáo sư Shibata được một thời gian thì tôi quyết định dọn đến Toyohira-cho để tiện việc đi lại. Hayakawa đã giúp tôi tìm được việc làm cho một gia đình khá giả gần đó. Công việc tương đối nhàn hạ nên tôi có thể đến học với giáo sư một cách dễ dàng. Ít lâu sau, gia đình chủ tôi mở một quán ăn và giao cho tôi việc quét dọn nơi này. Công việc này còn nhàn hơn trước vì tôi chỉ phải quét dọn trước khi quán mở cửa khoảng xế chiều, và sau khi quán đóng cửa lúc nửa đêm mà thôi. Thời giờ còn lại tôi muốn làm gì tùy ý nên tôi có thể đến học hỏi với giáo sư Shibata thường xuyên hơn. Đó là một nhà hàng lịch sự, sang trọng, thực đơn gồm những sơn hào hải vị do một đầu bếp nổi tiếng phụ trách, nhưng thật ra đặc điểm của quán là những chiêu đãi viên xinh đẹp, được tuyển lựa cẩn thận để đón tiếp những loại khách thượng lưu, quý phái. Chỉ một thời gian ngắn sau khi khai trương, quán ăn đã trở nên nơi tụ tập của những người giàu có, tiền rừng bạc biển, những người có địa vị trong xã hội. Đêm nào tôi cũng phải nghe tiếng nhạc ồn ào phức tạp, tiếng người cười cợt nô đùa, tiếng súc sinh bị bắt mổ thịt, phải ngửi mùi xào nấu, rượu thịt hôi tanh, rồi chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt khiến tôi vô cùng khó chịu. Tôi quyết định phải xa rời nơi chốn tối tăm sa đọa đó. Tôi kể mọi sự cho Hayakawa nghe rồi kết luận:

- Tôi không thể tiếp tục làm việc tại những nơi bẩn thỉu, ô uế đó được.

Hayakawa im lặng nghe tôi rồi ôn tồn khuyên:

- Chị không nghe giáo sư giảng “phiền não tức bồ đề” hay sao? Chị tưởng mình có thể xa rời được những nơi phiền toái, bản thủ để tìm đến một chỗ yên tĩnh, trong sạch không một chút bợn nhơ nào hay sao? Chị tìm đâu được một nơi chốn thanh tịnh như vậy nếu tâm chị không là một đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm trước đã?

- Nhưng làm sao người ta có thể nghe ngày đêm những chuyện thị phi, những điều ngang trái trong trà đình tửu quán mà không bị ảnh hưởng

được?

- Đã có lần giáo sư giảng kinh Hoa Nghiêm: “Đức Phật thị hiện trăm ngàn ức loại âm thanh để diễn tả pháp mầu cho chúng sinh”. Ông đã nhấn mạnh rằng tất cả mọi âm thanh trên thế giới đều là tiếng thuyết pháp của chư Phật, từ tiếng nước chảy, tiếng chim hót, tiếng gió thổi đều nói pháp cho mình nghe...

- Nhưng điều đó thì ăn nhập gì đến những tiếng động ồn ào náo nhiệt của quán ăn? Không lẽ tiếng nhạc kích động, tiếng súc sinh bị bắt giết mổ

thịt, tiếng người nói láo cũng là tiếng pháp hay sao?

- Đúng thế. Nếu biết lắng nghe thì chị sẽ hiểu được rằng mọi sự vật trong thế giới này đều nói pháp cho mình nghe đấy. Người lành thì nói pháp lành, người ác thì nói pháp ác, súc sinh thì nói pháp của súc sinh, còn khách hàng thì nói pháp của khách hàng. Tất cả đều làm cho mình hiểu được vì sao mà những sự việc lại xảy ra như vậy. Vì nhân duyên nào mà súc sinh bị bắt giết mổ thịt cho khách ăn? Phải chăng con gà con vịt khi xưa cũng đã có lúc làm người, vì không hiểu thảo với mẹ cha, không làm đầy đủ bốn phận làm người, không biết sống theo đạo lý nên kiếp này mới sinh ra làm súc vật như thế? Phải chăng những kẻ đang say sưa ăn uống thịt cá rồi khen ngon mà không biết rằng họ đang ăn thịt cha mẹ vợ con của họ từ những kiếp trước? Phải chăng những kẻ đang mổ thịt súc vật không gớm tay kia không biết rằng trong một kiếp tương lai, y cũng trở nên nạn nhân của những cuộc chém giết tàn bạo như vậy? Chiến tranh là gì? Phải chăng nó bắt nguồn từ những chém giết trong bàn tiệc, bữa ăn mà ra? Miếng thịt trong bữa ăn chứa đựng cả một biển oán hận, con người càng sát sinh nhiều thì thế giới càng lắm chiến tranh chứ đâu có gì lạ. Nay chị bạn, con mèo bắt con chuột, cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, phải chăng tất cả đều đang nói pháp cho mình nghe về luật nhân quả, gieo nhân nào gặt quả đó. Kẻ ăn cướp đồ vật của người khác vì biết đâu kiếp trước y đã bị người kia cướp mất đồ vật và kiếp này đến đòi nợ? Nếu không vậy thì kiếp sau y cũng sẽ bị người kia cướp lại. Có vay ắt có trả, mọi vật đều là luật nhân quả báo ứng. Nếu cái đó không phải là Phật pháp thì là gì?

- Như vậy chị khuyên tôi phải làm gì?

- Trong những nơi chốn thị phi đó, hiển nhiên có nhiều người làm lạc đau khổ, cần được an ủi giúp đỡ. Đó là cơ hội tốt để chị khuyên bảo những người này, giảng dạy cho họ một chút



về Phật pháp, giúp họ tìm được ý nghĩa chân thật của đời sống. Đức Phật đã nói: “Mọi chúng sinh đều có Phật tánh” thì dù làm thầy tu hay làm chiêu đãi viên cũng đều có Phật tánh như nhau. Sở dĩ đa số không biết vì họ đang bị lôi kéo bởi nghiệp lực, trí tuệ của họ mờ tối, chẳng hiểu được bản tánh thật sự của mình nên cứ trầm luân điên đảo trong bể khổ đó mãi. Nếu phát lòng từ bi muốn giúp đỡ người khác thì tại sao chị không bắt đầu với những người chiêu đãi viên đó?

Mặc dầu không hiểu được hết lời khuyên sâu xa của Hayakawa nhưng trong lòng tôi cũng nhen nhúm một cái gì đó nên tôi không nghĩ đến việc xin nghỉ việc nữa. Năm sau, đại học Hokkaido có mở phân khoa về Phật học, Hayakawa rủ tôi ghi tên tham dự. Tôi e ngại tuổi tác đã lớn không biết có được thu nhận hay không nhưng Hayakawa đã nói: “Trong việc học, tuổi tác không có nghĩa gì cả. Việc quan trọng là mình có muốn học hay không mà thôi”. May mắn thay, sau khi nộp đơn, cả hai chúng tôi đều được thu nhận làm sinh viên dự thính. Năm đầu chúng tôi ghi tên theo học lớp Phật học Đại cương do giáo sư Hiragawa giảng dạy. Ông này ăn nói lưu loát nhưng tôi thấy ông chẳng nói được điều gì mới lạ. Qua năm sau, chúng tôi ghi tên vào lớp Các Tông phái của Phật giáo do giáo sư Harunobu giảng dạy. Ông này biên soạn bài giảng rất công phu nhưng cũng chỉ chú trọng về phương diện lịch sử nhiều hơn là đào sâu vào nguyên nhân hay các chi tiết. Tuy nhiên đến năm thứ ba thì các lớp học bắt đầu khó hơn nhiều nhưng nhờ đã có sẵn một căn bản vững nên tôi và Hayakawa không gặp trở ngại nào. Đến khi đó chúng tôi mới phục công trình giảng dạy của giáo sư Shibata. Thời gian qua nhanh, chẳng mấy chốc tôi và Hayakawa đã học xong chương trình Phật học ở đây. Tôi còn nhớ khi ghi danh vào năm thứ nhất, lớp học có khoảng bốn mươi học sinh, nhưng đến khi học lên năm thứ tư thì cả lớp chỉ còn vồn vện có ba

người. Trong ba năm đầu tại đại học, chúng tôi vẫn tiếp tục đến học hỏi thêm với giáo sư Shibata. Khi ông này qua đời, chúng tôi vẫn theo đuổi việc học cho đến khi tốt nghiệp. Nhờ Hayakawa khuyến khích và khuyến bảo nên tôi bỏ ý định trở nên người quét dọn nghĩa trang cho chùa Hongaji nhưng sau đó, vì không có môi trường học hỏi chung nên chúng tôi không có dịp gặp nhau thường xuyên như trước.

Đối với tôi, việc ra đi của giáo sư Shibata là một mất mát rất lớn. Tôi cảm thấy khó có thể tìm được ai thay thế cho vị thầy hiền từ, uyên bác này. Thiếu người hướng dẫn, tôi đành trở lại chùa Chuoji tiếp tục những khoá tu thiền dưới sự chỉ dạy của vị trụ trì. Tóm lại, sau một thời gian học hỏi, nghiên cứu về Phật học, tôi lại thấy mình trở về với pháp môn thiền. Sau khoá tu, tôi thường mang những thắc mắc của mình ra hỏi để vị trụ trì hướng dẫn cho nhưng tiếc thay, đã quen với lối suy luận về Phật học, tôi không thể hiểu được những câu trả lời có tính cách nghịch lý của thiền, dù hỏi đi hỏi lại mãi tôi vẫn không thể hiểu thêm được bao nhiêu. Khi học hỏi với giáo sư Shibata, vì chỉ có hai người là Hayakawa và tôi nên việc đặt câu hỏi rất thoải mái, không có gì e ngại. Giáo sư Shibata là người kiên nhẫn và nhiều kinh nghiệm nên ông có thể trả lời tùy theo trình độ của người đặt câu hỏi. Hỏi cao thì ông nói cao, hỏi thấp thì ông trả lời thấp nhưng vị trụ trì tại chùa Chuoji thì không được như thế. Lúc đó khoá tu có đông người tham dự, một câu hỏi ngớ ngẩn thường làm mất nhiều thì giờ của người khác nên hôm đó một người đã phát biểu: “Thật đáng tiếc cho những kẻ tu tập Pháp môn vi diệu mà không có một chút kiến thức căn bản gì. Làm sao họ có thể tiến bộ được nếu một chữ cũng không thể hiểu nổi?” Nghe vậy tôi thấy khó chịu vì có cảm tưởng họ đang chế giễu mình. Tôi nghĩ thầm: “Không hẳn thế. Một là tất cả. Nếu tôi có thể hiểu được một chữ thôi, nhưng hiểu thật hoàn toàn, thì tôi có thể hiểu được

trăm ngàn những chữ khác”. Người kia lại nói tiếp: “Người ta không thể nghĩ bàn đến những cái không thể nghĩ bàn, những điều tuyệt đối vô thượng với cái kiến thức bé nhỏ tối thiểu đó được do đó họ cần phải tin, không nên hỏi quá nhiều”. Nghe vậy tôi phải cố gắng lắm mới không khỏi buồn bực. Tôi thầm nghĩ: “Ai nói rằng người ta không thể quán triệt được những điều lớn lao, vi diệu? Điều này không hợp lý chút nào. Làm sao có thể tin tưởng suông khi không hiểu gì hết?” Đáng lẽ tôi đã lên tiếng dạy cho người kia một bài học nhưng khi nghĩ đến sự ung dung điềm đạm của Hayakawa tôi lại cố giữ im lặng, không bày tỏ thái độ.

Người ta nói rằng: “Thiền là nghệ thuật soi sáng thể tánh của con người; con đường giải thoát giúp người ta cởi bỏ những ràng buộc vào các khổ lụy thế gian. Thiền trực tiếp kêu gọi sự chứng nghiệm bản thân, vượt qua các kiến thức của sách vở để đưa ta đến thực tại mẫu nhiệm”. Khi nghe những lời giải thích như trên, tôi nghĩ rằng tôi có thể hiểu được phần nào nhưng không hiểu sao, trong tâm tôi vẫn có một cái gì đó không được ổn. Tôi có cảm tưởng như mình muốn đi mà không sao đi được, muốn vùng lên mà cứ bị giữ chặt xuống. Càng suy gẫm đầu óc tôi càng quay cuồng với những câu hỏi không được giải đáp. Sau cùng tôi đánh bạo đến gặp vị trụ trì để hỏi cho ra lẽ: “Thưa thầy, khi nghe pháp con có thể hiểu được đôi ba phần nhưng không hiểu sao con vẫn không thể tin được. Con nghĩ rằng khi hiểu được thì sẽ phát lòng tin nhưng không hiểu sao con vẫn không thể tin được. Phải chăng sự hiểu biết của con còn nhiều thiếu sót?” Lúc đó một vị tăng ngồi gần đấy đã buột miệng nói: “Lạ thật! Sao có thể như thế được? Ta đây chẳng hiểu biết gì nhưng rất tin vào Phật pháp”. Sau khoá thiền hôm đó, vấn đề tin tưởng đã được đem ra thảo luận một cách sôi nổi và sau cùng vị trụ trì đã kết luận: “Có người nói rằng họ có thể hiểu nhưng không thể tin. Những kẻ thiếu đức tin như vậy khó có thể tiến

xa vì thiếu nhiệt thành, thiếu một nội tâm bùng lửa đốt..." Tôi ngồi nghe mà có cảm tưởng như bị đóng đinh vào người. Từ đó tôi lại rơi vào trạng thái dần vật đau khổ như trước. Tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không thấy lối thoát. Tất cả vẫn hoàn toàn đen tối. Tôi biết thời gian không còn bao lâu nữa, cuộc đời của tôi đã đến lúc gần đất xa trời mà sao tôi vẫn loay hoay trong những bế tắc, không thấy được một chút hy vọng gì ở cuối chân trời.

Chương 8

Thỉnh thoảng tôi có đến thăm Hayakawa. Mỗi khi gặp nhau chúng tôi thường hỏi: "Chị đã tìm được vị thầy nào chưa?" Trong một khoá tu tại chùa Chuoji, tôi có nghe vài người nhắc đến tên thiền sư Suga Sama tại tỉnh Chitose và nói rằng đó là một vị thầy cự phách. Tôi bèn kể cho Hayakawa nghe, bà có vẻ thích lắm nhưng vốn cẩn thận, bà bảo tôi: "Chị hãy để tôi đến đó trước xem thế nào. Lời đồn đãi nhiều khi không đúng sự thật đâu. Nếu quả là một vị chân tu đạo hạnh, chúng ta sẽ cùng nhau đến đó cầu đạo". Hôm sau Hayakawa thu xếp đi Chitose ngay. Khi trở về, bà đến tìm tôi và nói vắn tắt: "Vị thầy đó rất giỏi, tôi đã xin phép gặp ngài vào tuần sau, chúng ta sẽ cùng đi với nhau". Tôi biết Hayakawa là người cẩn thận, có nhận xét thâm trầm. Một khi bà đã nói vậy chắc chắn thiền sư Suga Sama phải là một người đặc biệt hiếm có.

Chitoji là một ngôi chùa khá lớn, chánh điện trần thiết giản dị nhưng nghiêm trang. Thiền sư Suga Sama dáng người cao lớn, trông có vẻ lạnh lùng khắc khổ hơn những vị tăng mà tôi đã gặp. Vừa nghe Hayakawa giới thiệu, ông đã nói ngay: "Tôi nghe nói bà nghiên cứu rất nhiều về Phật học?" Tôi ngượng ngập vì kiến thức hạn hẹp của mình nên chỉ ấp úng nói vài câu lấy lệ nhưng thiền sư Suga Sama đã nói: "Học nhiều mà không biết áp dụng chỉ là một mớ kiến thức suông,

không ích lợi gì cho việc giải thoát hết". Mặc dù đó chỉ là một câu nói bình thường nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy nó có một sức mạnh vô cùng. Dường như ông đã đánh trúng vào tâm lý đang hoang mang của tôi nên tôi không thể chịu được nữa, bao nhiêu nghi ngờ bất mãn trong lòng tôi trào ra như suối. Bỏ qua các đề đặt thường lệ, tôi kể lại việc theo học với giáo sư Shibata như thế nào và những khó khăn tôi gặp phải sau khi ông này qua đời. Thiền sư Suga Sama im lặng nghe tôi nói rồi đặt câu hỏi:

- Bà đã tọa thiền bao giờ chưa?

- Thưa có. Con đã từng tọa thiền tại chùa Chuoji và đã tham dự khoá nhiếp tâm tại Zuiganji với thiền sư Joten.

- Thiền sư Joten đã dạy những gì?

- Con được dạy phải tham công án Vô.

- Bà đã kinh nghiệm được những gì khi tham công án đó?

Đây là lần đầu tiên có người hỏi tôi về những kinh nghiệm khi tu thiền, tôi bèn kể lại công phu tu tập suốt mấy năm và nói rõ về kinh nghiệm lạ kỳ mà tôi đã trải qua khi còn ở trên núi Hokkaido. Tôi cũng kể thêm việc xin đặc tham và sự im lặng, không trả lời một cách bí hiểm của thiền sư Joten. Thiền sư Suga Sama lập tức nói ngay:

- Thiền sư Joten đã từ bi chỉ dẫn như thế mà bà vẫn không hiểu ư? Nếu không có sự im lặng sấm sét đó thì giờ này bà đâu được như thế này.

Câu nói bất ngờ của thiền sư Suga Sama làm tôi giật mình và chồm lên một hy vọng. Phải chăng hoàn cảnh của tôi không đến nỗi bi đát như tôi nghĩ? Thiền sư Suga Sama nói tiếp:

- Bà hãy lập tức đến tu viện Mitaka tại Tokyo xin nhập thất tĩnh tu trong thời gian một năm. Tôi sẽ viết thư giới thiệu. Bà phải đi ngay, không nên chần chờ gì nữa.

Lời nói của thiền sư Suga Sama như có một sức mạnh kỳ lạ, vừa nghe xong tôi đã quyết định đi Tokyo nhập thất tu thiền ngay. Có lẽ cũng cảm nhận được điều đó nên ông mỉm cười có vẻ hài lòng. Lần đầu tiên tôi thấy

một nụ cười trên khuôn mặt khắc khổ của ông. Thiền sư Suga Sama chỉ tay ra chính điện:

- Bà hãy vào đó lạy Phật và đừng quên cảm ơn lòng từ bi của thiền sư Joten. Tôi sẽ thỉnh chuông cho bà.

Chúng tôi bước vào chính điện làm lễ. Thiền sư Suga Sama đích thân thỉnh ba hồi chuông. Sau khi lễ Phật xong, ông chỉ vào một bức tranh bằng giấy treo trên vách bị thủng mấy lỗ, ôn tồn nói:

- Nhờ công phu tu tập, bà đã chọc thủng được bức màn vô minh, ít ra cũng thủng được hai lỗ nhỏ như bức tranh kia, dù chưa hoàn toàn, dù vẫn còn nông cạn nhưng ngộ vẫn là ngộ.

Lời nói của ông như luồng ánh sáng chiếu thẳng vào tâm thức đen tối, đầy hoang mang của tôi. Lạ lùng thay, tôi cảm nhận được một sức mạnh kỳ lạ phi thường từ ông rót qua tôi. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thoải mái sung sướng như lúc đó. Hình như tôi vừa tìm lại được một cái gì quý báu nhất đời. Câu trả lời mà tôi tìm kiếm bao lâu bỗng được giải đáp một cách ngắn gọn và bất ngờ. Trước đây tại chùa Chuoji, tôi đã kể về kinh nghiệm này cho hai vị tăng nghe. Một người cười lớn, vào nói rằng tôi đã "mê ngủ", người kia nói rằng đó chỉ là một "cảm hứng nhất thời" mà thôi. Có lẽ vì thế, tôi không bao giờ muốn nói đến cái kinh nghiệm kia nữa. Thiền sư Suga Sama nói:

- Bà nên biết kỷ luật nhập thất tại Ni viện Mitaka rất nghiêm khắc nhưng đã khổ công tu hành trong suốt mấy năm, tôi nghĩ bà có thể chịu đựng được. Bà hãy đi ngay trước khi thân thể bà không chịu đựng nổi nhưng kỷ luật gay gắt này.

Hayakawa vẫn im lặng từ trước đến nay nhưng đến lúc đó thì bà vội vã can thiệp:

- Thưa thầy, chị bạn tôi đã già yếu lắm rồi, tu nhập thất với những kỷ luật khắt khe tôi sợ bạn tôi chịu không nổi. Tại sao thầy không thu nhận và hướng dẫn cho chị ấy ngay tại đây có hơn không?

- Ta rất bận, không thể thu nhận

đệ tử trong lúc này.

- Nếu thế thì cứ để chị ấy ở lại đây, khi nào rảnh rồi thầy chỉ dẫn cho chị ấy cũng được.

- Không được. Bà phải lên đường ngay trước khi nghiệp lực đời trước của bà làm giảm đi lòng nhiệt thành cầu đạo. Bà nên biết đây là cơ hội cuối cùng.

Tôi cương quyết nói ngay:

- Xin cảm ơn lòng từ bi chỉ dẫn của thầy, con xin đi ngay.

Quay qua Hayakawa, tôi khẩn khoản:

- Xin cảm ơn lòng tốt của chị nhưng ý tôi đã quyết rồi.

Hayakawa rưng rưng nước mắt nhìn tôi nhưng tôi biết chị đang mừng cho tôi.

Tôi trở về Toyohiro-cho thu xếp hành trang để lên đường ngay. Tôi

cho đi tất cả mọi vật sở hữu, chỉ giữ lại ba chiếc áo. Trước khi lên đường, tôi trở về làng cũ để thăm mộ song thân. Được tin tôi sẽ xuất gia nhập thất trong một tu viện tại Tokyo, gia đình tôi phản đối kịch liệt. Đứa con rể nói: "Mẹ đã lớn tuổi rồi, không thể mạo hiểm như thế được. Không ai ở tuổi đó mà xuất gia tu hành nữa. Tu như vậy thì được lợi ích gì? Bây giờ mẹ đã có cháu, đã trở thành bà ngoại rồi mà sao không hành động như người đã có tuổi?" Đứa con gái vốn ít nói cũng can ngăn: "Mẹ già rồi, đã chịu đựng cực nhọc cả đời rồi, bây giờ là lúc mẹ nên ở nhà tĩnh dưỡng cho con cháu báo hiếu". Tôi cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của đứa con mà tôi không hề nuôi nấng chăm sóc. Hai đứa cháu ngoại cũng chạy đến ôm chầm lấy tôi, không

muốn để cho tôi ra đi. Trước tình cảm gia đình, tôi cũng mủi lòng nhưng lại nghĩ: "Đời người nhanh như bóng câu qua cửa, ta chưa tìm được con đường giải thoát thì một phút chưa đạt ngộ là một phút phí phạm. Ta không thể lưu luyến nơi đây được". Chiều hôm đó, chúng tôi mang hương hoa phẩm vật ra lễ trước mộ song thân của tôi. Đứng trước hai nấm mộ, tôi đã khóc hết nước mắt. Tôi biết mình là một đứa con bất hiếu, một người mẹ không ra gì, một bà ngoại chẳng bao giờ biết đến các cháu nhưng làm sao được khi tâm tôi không hề yên ổn, lúc nào cũng bị dằn vặt bởi khổ đau. Sau cùng tôi gạt nước mắt khuyên hai con: "Thời gian rất quý, một phút giây ngẩn ngui cũng là một chút mạng sống rồi cho nên mẹ không thể lãng phí thời gian được. Mẹ không muốn chờ đến ngày mai khi chân tay đã mỏi, mắt mờ, tai điếc không tu hành được nữa. Có lẽ vì kiếp trước mẹ không chịu tu hành nên kiếp này mới gặp khó khăn trở ngại như vậy, nhưng nay mẹ đã gặp được cơ hội thì phải bắt lấy ngay. Cả đời mẹ chỉ chờ đến lúc này. Nếu các con thương mẹ, hiểu mẹ thì hãy vui vẻ để cho mẹ ra đi".

Trước khi rời làng, một người bạn cũ rất giỏi về khoa tử vi bói toán đã đến gặp tôi, cảnh cáo: "Số chị năm nay gặp nhiều tai họa lớn, có thể thiệt mạng. Chị hãy đợi đến năm sau đi cũng không muộn". Tôi cương quyết trả lời: "Cảm ơn bạn đã khuyên nhưng tôi đã chờ cơ hội này từ bao nhiêu nay rồi. Một phút chờ đợi là một phút khổ đau, xin hãy để cho tôi ra đi một cách thoải mái". Một cô đồng (Miko) khi xưa đã học hỏi về Thần Đạo với tôi cũng khuyên: "Tôi được chư thần cho biết chuyến đi này của chị dữ nhiều lành ít, chị hãy xét lại". Tôi trả lời: "Tôi không còn bao nhiêu thời giờ nữa mà cơ hội chỉ đến một lần thôi. Xin hãy để cho tôi nắm bắt lấy cơ hội cuối cùng này. Dù chết tôi cũng cam lòng".

Tôi rời Hokkaido vào ngày 2 tháng 6 năm 1955. Khi đó tôi vừa được 59 tuổi.

(còn tiếp)

mưa tháng tư

Mưa tháng tư bất chợt về trên phố
Mắt em sầu còn đọng hạt mưa qua
Giọt buồn rơi, chùng xuống đời mê lộng
Thành phố buồn theo năm tháng mưa sa.

Tôi, lữ khách muốn về thăm quê cũ
Mắt cay nồng còn in dấu mưa xưa
Tháng tư đến tẻ người, từng cơn vũ
Quê hương ơi! Thương tiếc mấy cho vừa.

Hai mươi năm... tháng tư không màng đến
Em sợ lạc loài đi dưới đêm mưa
Nghe ớn lạnh trên vai gầy, xương sống
Nhắc làm gì về câu chuyện năm xưa.

Một năm lịch có mười hai tháng chẵn
Em bảo tôi rằng: Ghét nhất tháng tư
Mưa sao đến nỗi nề trên phố vắng
Cũng vì mưa, anh nói tiếng: tạ từ.

Em bên đó mỗi lần mùa mưa tới
Tháng tư buồn tóc gió chẳng vờn bay
Anh viễn xứ mưa về trong trí nhớ
Vẫn lạnh lùng nhìn khói thuốc vàng tay.

ngọc hân





BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-dáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-da ba câu. Đa tạ.

Họ Tàu, họ ta

Hỏi: 1) Tôi đọc sách, thấy nói người Việt xưa man di mọi rợ không có họ, nhờ quan Thái-thứ Sĩ Nhiếp của Tàu đặt họ cho, có đúng không? Và các họ đó là họ nào? Họ người Việt và họ người Tàu có trùng nhau không? Người Tàu có bao nhiêu họ (bách tính là trăm họ)?

2) Người ta thường nói "thông-minh đĩnh-đạc". Lại có người viết là "đĩnh đạt" hay "đĩnh đặc". Chữ nào đúng nhất?

3) Trong các chữ "phản-bạn", "phản-bội", "phản-phúc", "phản-trắc", chữ nào nặng hơn?

*Lê Ngọc Em
Pháp*

Đáp: 1) Người Việt xưa có họ riêng, điển hình là họ Hồng-bàng.

Trong dân gian ngày xưa không thiếu những người cùng khổ, quê

mùa, dốt nát, không biết họ mạc, gốc gác của mình để khai khi làm giấy tờ, sổ bộ. Quan lại Trung-hoa đã chọn một số họ thuộc loại hiếm và không phải danh gia vọng tộc ở nước họ, mang sang đặt cho một số người Việt. Các họ này là: Âu-dương, Bạch, Bàng, Bành, Bùi, Cao, Cổ, Cù, Cung, Chung, Chử, Dịch, Doãn, Dư, Dương, Đái, Đàm, Đặng, Đậu, Đinh, Đỗ, Đồng, Gia, Giang, Hoàng-phủ, Hồ, Hồng, Hứa, Kiều, Kỳ, Khang, Khổng, Khuất, Khúc, Khương, La, Lã, Lại, Lam, Lãng, Lâm, Lê, Long, Lỗ, Lộ, Lôi, Lương, Lưu, Lý, Ma, Mã, Mạc, Mai, Nông, Nghiêm, Ngô, Ngụy, Nguyễn, Nhan, Nhậm, Nhĩ, Ông, Phạm, Phan, Phí, Phùng, Phương, Quách, Quan, Quản, Quảng, Tạ, Tiêu, Tô, Tôn, Tư-đồ, Từ, Thạch, Thái, Thái-thức, Thành, Thân, Thâm, Trang, Trần, Triệu, Trình, Trịnh, Trương, Văn, Vi, Võ, Vũ, Vũ-văn, Vương...

Người Trung-hoa có hơn 500 họ. Chữ *bách tính* (trăm họ) dùng với nghĩa "con dân", "dân-chúng mọi nhà".

2) "Thông-minh" thường đi kèm với "đĩnh ngộ" hơn là "đĩnh đặc." *Đĩnh-ngộ* nghĩa là thông-minh hơn người.

Ba chữ "đĩnh-đặc", "đĩnh đạt" hay "đĩnh đặc" đều gốc hán-việt, đều có nghĩa tốt.

Về chữ *đĩnh-đặc*, *đĩnh* là thẳng; *đặc* là đo. *Đĩnh đặc* (đo thẳng) là cử-chỉ nghiêm-nghị, đứng-đắn, tề-chỉnh, vững-vàng.

Thí-dụ:

- Ông ta ăn nói *đĩnh-đặc* xứng đáng bậc trượng-phu.

- Thằng bé còn nhỏ, mặt mũi khôi-ngô, cử chỉ *đĩnh-đặc* như người lớn.

Về chữ *đĩnh-đạt*, *đĩnh* là thẳng; *đạt* là thấu. *Đĩnh đạt* là thẳng tới, thấu tới, thẳng-thần.

Thí-dụ:

- Bạn cứ *đĩnh-đạt* mà đi qua, đừng lộ vẻ lúng-túng, rụt-rè, dễ bị nghi-ngờ.

Về chữ *đĩnh-đặc*, *đĩnh* là giỏi; *đặc* là riêng một, vượt khỏi quần chúng. *Đĩnh-đặc* là giỏi đặc-biệt.

Thí-dụ:

- Nếu không là người *đĩnh-đặc*, ông ta đã không đối-phó nổi với tình-thế ngặt-nghèo ấy.

3) Các chữ ấy đều nặng, tùy trường-hợp áp-dụng mà tăng tác-dụng.

Tất cả các chữ *phản* trong *phản-bạn*, *phản-bội*, *phản-phúc*, *phản-trắc* đều là xoay lại.

Bạn là lật lại. *Phản-bạn* là xoay-lật.

Bội là quay lưng. *Phản-bội* là xoay lưng.

Phúc là úp lại. *Phản-phúc* là xoay úp.

Trắc là nghiêng. *Phản-trắc* là xoay nghiêng.

Trong bốn chữ này, chữ "phản-trắc" hàm ý đe hèn, ti tiểu, thường dùng mắng kẻ dưới.

Hăm hở trả ơn

Hỏi: Xin bác bình giải câu tục-ngữ "Hăm-hở trả ơn người cũng là một cách bội-bạc."

*Yên Hà
Hoa-kỳ*

Đáp: Câu này bàn về cách xuất-xử trong thái-độ "cho" và "nhận": *nhận* cũng là một cách *cho*. Người *cho* có cái sung sướng, hạnh phúc khi chia sẻ, giao truyền một niềm vui. Không nhận thì thôi, nếu nhận, mở lòng ra mà đón-nhận và cảm ơn, không nên vội-vàng ...móc tiền ra trả hay tìm món khác dúi lại liền. *Hăm hở trả ơn người cũng là một cách bội-bạc* là thế. Thái độ sốt sắng trả lễ đôi khi lại có vẻ như không muốn chịu ơn, dễ bị coi là một cách phũ ơn.

Bất hiếu hữu tam...

Hỏi: Thường thấy nói: "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại", vậy còn hai điều bất hiếu kia là gì, xin bác cho biết.

*Nguyễn Hoàng
Brossard, PQ*

Đáp: Theo người xưa, có ba tội bất hiếu:

- không có con trai nối dõi.
- không vâng lời cha mẹ.
- không lo học hành.

Đa-thê hay độc-thê

Hỏi: 1) Xã-hội Việt-nam thời xưa thiết xưa, ý cháu muốn nói thời Hùng vương, trong gia-đình tổ tiên ta theo polygamie hay monogamie? Vì cháu nghe ba cháu nói ông cố ông sơ hồi xưa nhiều vợ lắm.

2) Và ai cưới ai: chồng cưới vợ hay vợ cưới chồng?

3) Tôn giáo nguyên thủy của người thờ Phật hay thờ Chúa, hay Khổng tử, Lão tử?

André Vĩnh An
Pháp

Đáp: 1) Theo truyền cổ và sử mà đoán, tổ-tiên ta thời Hùng vương theo chế-độ một chồng một vợ (monogamie). Thí-dụ Chử Đồng Tử chỉ kết duyên với My Nương; Lưu thị trong truyện Trầu Cau chỉ lấy Tân trong hai anh em Tân và Lang; Sơn Tinh chỉ lấy My nương; như Trưng Trắc chỉ lấy Thi Sách.

2) Cũng thế mà đoán, thì trai cưới vợ, không phải gái cưới chồng: Sơn Tinh cưới My nương, đưa về Ba Vì.

3) Chư vị này lúc đó chưa ra đời. Tôn giáo nguyên thủy của người Việt thờ chim Mê-linh (chim lạc, giống như chim phượng) và giao long (ngạc thần, giống như cá sấu). Chim lạc là vật tổ của bộ-tộc Văn-lang.

Người Văn-lang còn thờ mặt trời. Hình mặt trời còn lưu lại trên mặt trống đồng.

Ngoài ra, người xưa còn thờ một số vật thiêng liên quan đến đời sống nông-nghiệp. Nghề nông rất cần nước (sợ khô hạn) nhưng cũng rất sợ nước (ngập lụt), nên thờ:

- Cóc: tượng-trưng cho quyền-năng làm ra mưa. Người xưa tin rằng mỗi khi cóc nghiêng răng thì trời mưa.

- Nai: tượng-trưng cho khô hạn. Khi nai tràn xuống đồng-bằng là lúc

trời khô-hạn nên khi ngập lụt, người xưa cầu cho nai xuất-hiện để trừ nước.

Nhà nông cần ánh nắng và mặt trời nên thờ gà. Gà tượng-trưng cho nắng, cho mặt trời, vì ban đêm khi gà gáy đồn thì mặt trời mọc. Tượng gà còn lưu lại rất nhiều ở vùng Gia-thành, Chiền Vay. Chuyện thần gà còn lưu dấu trong truyền-thuyết An Dương vương và địa danh vùng Cổ-loa.

Nhà nông cần nhân-lực nên theo tính-ngưỡng phồn-thực, thờ sinh-thực khí, cầu mong sinh-sản thịnh-vượng, nhà đông con là có phúc.

Ngoài ra người Văn-lang còn thờ nhân thần: tổ-tiên (vua Hùng), ông bà cha mẹ, anh-hùng trận mạc.

Liên-hệ giữa Đát Ma lão-tổ với Thiếu-Lâm Tự

Làng Văn số 135, trang 38, đã đăng "Lộ trình của Đát Ma tổ sư", đề cập về Đát Ma, Thiếu Lâm tự, công phu Trung Hoa, do đặc phái viên F. Gautier viết cho *Le Figaro*. Nay tôi xin trích ghi ra đây một số tài liệu về Đát Ma, Thiếu Lâm, quốc kỹ công phu của Trung Hoa.

Tài liệu này là một phần của cuốn *Trung Hoa võ thuật* mà tác giả là Cam Long Trì, tăng tôn của Cam Phượng Trì, gốc ở Đan Điền thôn (Dương Châu) do Lam Bì ấn thư quán xuất bản tại Thượng Hải thập niên trước khi Nhật xua quân vào duyên hải Trung Hoa.

Đát Ma Lạt ma gốc Tây Tạng, tăng nhân Phật giáo (chuyển biến ra Lạt Ma giáo), vào Trung Hoa theo độc lộ Tứ Xuyên giữa thời kỳ Triệu Khuông Dẫn hành quân bình định và được chư tướng tôn lên ngôi thái tổ Tống triều. Trong dịp tình cờ hội kiến, Đát Ma truyền cho Triệu Khuông Dẫn 32 đường quyền cước gọi là Hồng Quyền. Đường quyền cước này chỉ là môn võ phụ giúp, không phải chỉ nhờ nó mà Triệu Khuông Dẫn thấu gồm được thiên hạ lập nên nhà Tống.

Thấy Phật giáo thịnh hành ở

Trung Hoa (từ đời Đường) hợp với sở trường của mình, Đát Ma vân du khắp ngũ nhạc (5 dãy núi lớn): Hằng sơn Bắc nhạc, Hoa sơn Tây nhạc, Thái sơn Đông nhạc, Hành sơn-Nam nhạc, và Trung sơn Trung nhạc (còn gọi là Tung sơn) thuộc địa phận Hà Nam. Trong các ngọn thuộc Trung sơn có ngọn Thiếu Thất cao 800 trượng ở phía tây bắc huyện Đăng Phong và ngọn Thái Thất cao 1400 trượng kế giáp huyện Tân Mật. Cả hai ngọn này đều thuộc Tuyên Châu. Ở giữa Thiếu Thất và Thái Thất là một khu đầm nước tròn như trăng rằm nên thành tên Lộng Nguyệt hồ. Phía bắc Thái Thất, kế giáp Thiếu Thất có một đầm nước độ chừng 5, 6 mẫu; nước trong vắt sáng như gương phản chiếu ánh thái dương y hệt một vùng trời, đến nổi bầy nhạn bay trên cao tưởng đó là một trời xa lạ, nhào xuống mặt đầm, vì thế thành tên Lạc Nhạn đầm. Trước kia, Lạc Nhạn đầm còn có tên là Thạch Trung hồ, chung quanh là bãi cát vàng, vị trí ở đông nam Thiếu Thất sơn. Núi Thiếu Thất không có chòm, bằng phẳng như được bàn tay thiên tạo san bằng ngay từ thuở khai thiên lập địa. Lưng chừng sườn núi, phía nam, có một động đá sâu chừng 5 trượng.

Đát Ma thấy cảnh Thiếu Thất vừa đẹp vừa huyền bí lại vừa tiếp giáp với miền dân cư trù mật, nên ngừng gót giang hồ vào tu trong thạch động, diện bích hàng ngày.

Một ngày kia, một vị hoà thượng đạo hiệu Huyền Không đến Đăng Phong dò kiếm Đát Ma. Theo lời chỉ dẫn của dân địa phương, Huyền Không lần vào Thiếu Thất sơn tìm thạch động, thấy Đát Ma đã viên tịch từ hồi nào rồi, thì thể khô đét lại, ngồi diện bích với 5 chữ khắc trên vách đá: "Thiếu Lâm Trần Võ Động". Huyền Không là vị tăng do Triệu Khuông Dẫn phái đi tìm Đát Ma từ khi họ Triệu lên ngôi Tống Thái Tổ. Khi Huyền Không đến thạch động thì Tống Thái Tổ đã ở ngôi được 4 năm, đóng đô ở Biện Lương.

Được báo cáo, Tống Thái Tổ vốn rất thượng võ, liền phái Huyền Không

trở lại Đấng Phong xây cất ngôi Thiếu Lâm tự. Huyền Không chẳng những là một tăng nhân đạo hạnh cao mà còn là một nhân vật rất tài ba về võ thuật. Trên bước giang hồ hành đạo, Huyền Không đã kết giao với nhiều tăng nhân cao thủ cùng một chí hướng, nghĩa là muốn phục vụ giáo đạo, tinh thần phải tinh khiết vững chãi, thể xác phải mạnh mẽ mới có thể giang hồ đây đó truyền đạo cho nhân gian được. Và lại thời đó tặc đạo nhan nhản, nếu không có bản lĩnh, mặc dầu là tu sĩ, cũng chẳng ai dám cất bước đi đây đi đó truyền đạo.

Nhờ địa thế bằng phẳng trên đỉnh Thiếu Thất sơn, Thiếu Lâm tự được xây rất khang trang. Số tăng hữu nghe tiếng Huyền Không trụ trì đều lục tục kéo về Thiếu Lâm tự. Dân chúng Tuyên Châu đến lễ bái rất đông.

Huyền Không xây mộ và đặt linh vị Đạt Ma ngay trong Trấn Võ động, suy tôn Đạt Ma là sư tổ Thiếu Lâm tự. Thực sự, chính Huyền Không mới là vị hoà thượng sáng lập Thiếu Lâm tự. Sau đó, Huyền Không cùng số

tăng hữu, ngoài thì giờ kinh kệ, bỏ công nghiên cứu, biên chép, canh tân toàn thể các phương pháp võ thuật từ quyền cước đến thập bát ban võ khí, tạo thành phái võ Thiếu Lâm nổi danh hậu thế.

Tổng Thái Tổ lên ngôi, lập nên Tống triều năm 960 sau Tây lịch. Căn cứ vào thế lịch này, Đạt Ma vào Trung Hoa trước đó ít năm chứ không phải là từ thế kỷ thứ 4. Võ phái Thiếu Lâm đời thứ nhất thành lập dưới thời Tống Thái Tổ.

Trong các thế kỷ trước đó, từ đời Ngũ Đế, Đường Nghiêu, quân đội đã có, dĩ nhiên võ thuật và các phương pháp chiến trận phải hiện hữu, duy chỉ nằm trong khung cảnh võ thuật của họ này, họ kia mà thôi. Kế tiếp triều Hán, triều Đường, các danh gia võ thuật bắt đầu bành trướng, như Phật gia ở Thành Đô (Tứ Xuyên), Tần gia ở huyện Lịch Thành (Sơn Đông), Liễu gia ở Quý Châu, La gia ở Yên Sơn (bắc Sơn Tây), Hàn gia ở Hồ Nam, Quan gia ở Giải Lương (Hà Đông) và về sau nữa có Hồng gia ở Hồ Nam, Dương gia ở đất Biện (Khai Phong)...

Sau đời Tống, lần lượt các võ phái ra đời như Côn Lôn ở Tân Cương, Nga My ở Tứ Xuyên, Bạch Hạc ở Vân Nam, Võ Đang ở đất Mân. Chính Thiếu Lâm cũng thành Bắc Thiếu Lâm (Sơn Đông) chuyên về lực, Nam Thiếu Lâm (chánh gốc) chuyên về thuật. Phái võ nào cũng đủ quyền

cước, thập bát ban võ khí. Nhưng Nga My và Côn Lôn chuyên về kiếm pháp; Bạch Hạc thương pháp. Thiếu Lâm có đủ hạng, chi nhánh khắp nơi trên phương diện thiên tự. Môn sinh Thiếu Lâm cũng lập võ đường và tự lấy tên họ để đặt cho võ đường của mình.

Người Trung Hoa rất hãnh diện về nền võ thuật của họ cho nên họ gọi là quốc kỹ dưới hình thức công phu, bởi lẽ phải dày công tập luyện mới đạt được mức độ danh gia.

Các võ phái toàn thịnh thời Minh triều. Khi Mãn Thanh xâm lăng, do viên Tổng binh Ngô Tam Quế mở cửa Sơn Hải quan, đưa Bát Kỳ Quân tiến chiếm, các võ phái càng hăng hái hơn, chú tâm luyện nhân tài cách mệnh chống xâm lăng. Thấy thế, Ung Chính và Càn Long nhà Thanh mới gieo mầm mâu thuẫn, tương tranh giữa các võ phái để họ sát hại lẫn nhau và Thanh triều đóng vai "ngư ông đắc lợi".

Đến nay, tại Trung Hoa lục địa vẫn còn nhiều võ gia đại tài.

Mặc dầu còn rất nhiều đoạn lịch sử hấp dẫn về Thiếu Lâm tự, tôi chỉ lướt qua với định ý để quý vị độc giả *Làng văn* nhận thức sự liên hệ giữa Đạt Ma và phái Thiếu Lâm. Môn võ thuật Thiếu Lâm hoàn toàn không do kỹ thuật của Đạt Ma tạo thành, mà nguồn gốc là do sự tham khảo, hội thảo, phổ biến của một số tăng nhân cao thủ trong thời sơ Thiếu Lâm.

Vạn Lý Chinh Quân
(Paris, Pháp quốc)

em về

*Em về như thoáng mưa
Chập chờn bay đầu ngõ
Lòng ta xanh ngọn cỏ
Đong đưa đón giao mùa.*

*Em về như chút nắng
Soi nghiêng bóng hoàng hôn
Cuối ngày dài trống vắng
Còn vương khúc tình hồng.*

*Em về như nét hoa
Tô khung trời ảm đạm
Giữa cơn sầu vô hạn
Ta mơ những ngọc ngà.*

*Em về cho ngọt lịm
Chất đắng của trần ai
Ta xin say từng ngụm
Để quên nỗi dọ đầy!*

bùi hữu trí



gôm

Đính chính bài *Tông tích họ Lý* đăng trên số 139, tháng 3.1996:

- Trang 24, cột 2 về kinh Tam Tạng (Kinh, Luật, Luận) thay vì Phật, Pháp, Tăng.

- Trang 25, cột 2, về thi sĩ Cao Tiêu, xin sửa lại là sử gia Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, tác giả quyển *Việt Nam phong sử*, Huế, Duy Tân 8 (1914).

chuyện lạ xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn



Phép lạ

(tiếp theo)

Một cuộc thử lửa qui mô

Khoảng đầu năm 1921, Giám mục Công giáo địa phận Mysore (miền nam Ấn-Độ) được vị tiểu vương sở tại mời đến cung điện để chứng kiến một cuộc biểu diễn đi trên lửa.

Thực hiện cuộc biểu diễn là một người Hồi giáo từ miền bắc Ấn-Độ xuống. Giống như ông giám mục, chính vị tiểu vương cũng không mấy tin chuyện đi trên lửa, nên đã dặn người Hồi giáo kia cần thứ gì cho cuộc biểu diễn, thì bảo ông để ông ra lệnh cho thuộc hạ làm. Ông không muốn người kia trực tiếp nhúng tay vào, e có mảnh khoé gì chẳng. Theo giám mục Despatures, thì cuộc biểu diễn không có tính cách tôn giáo, mà là một cuộc thí nghiệm để giải tỏa sự hoài nghi của giới trí thức. Hôm ấy, có nhiều người tai mắt trong địa phương tới coi. Sau đây là ghi chú của giám mục:

“Một cái hầm dài khoảng 4 thước, rộng khoảng 2 thước, sâu chừng 3 tấc. Khi tôi đến nơi, người ta đang đem củi khô chất đầy dưới hầm, rồi đốt cho khắp hầm cùng cháy lên một lượt. Khi lửa đã cháy to, đứng cách xa đến

20 thước, cũng thấy nóng.

Người Hồi giáo kia đến vái trước mặt vị tiểu vương, rồi tiến thẳng ra chỗ hầm lửa. Tôi nghĩ là anh ta sắp bước vào, nhưng không phải. Anh ta dừng lại trên bờ, quay lại ra lệnh cho một người hầu của vị tiểu vương tiến ra. Nhưng người này không tuân lệnh. Người Hồi giáo bước lại vịn vào vai, như dìu đi, rồi đẩy anh ta vào lửa. Anh ta vùng vẫy cố gắng thoát ra. Nhưng kìa, tôi thấy rõ nét mặt anh ta bỗng nhiên thay đổi: Từ hoảng sợ đổi ra tươi cười. Anh ta thông thả bước đi trong lửa, dáng điệu vừa trịnh trọng vừa hân hoan. Đôi chân trần dẫm sâu trong lớp than hồng, mình mấy ẩn hiện trong ngọn lửa đang bốc lên ngùn ngụt. Khi anh ta bước ra, những người hầu khác chạy lại hỏi thăm. Xong, những người này cùng nhau bước vào lửa. Rồi đến phiên những người trong ban nhạc của vị tiểu vương. Trong số này, có mấy người Công giáo. Giữa lúc đó, người ta đem nhiều tàu lá cọ ném thêm vào hầm, nên ngọn lửa bùng lên thật mạnh, cao ngang đầu người. Đám nhạc công kia mang theo nhạc cụ trong khi đi qua hầm lửa. Lửa ngọn bốc lên quanh mình họ, loang loáng như nuốt lấy họ. Nhưng y phục họ mặc trên người, những bản nhạc họ ghim trên nhạc cụ, vẫn không bắt lửa. Khi họ bước ra, tất cả đều an toàn nguyên vẹn.

Trước sau, có khoảng 200 người đi trên than hồng, và chừng 100 người đi trong lửa ngọn.

Đứng bên cạnh tôi lúc bấy giờ là hai người Anh, một người là chỉ huy trưởng lực lượng cảnh sát của tiểu vương, một người là kỹ sư công chánh. Hai người này xin tiểu vương cho phép họ thử. Tiểu vương đồng ý, nhưng bảo họ tự chịu lấy trách nhiệm. Hai người quay về phía người Hồi giáo. Người này ra hiệu cho họ bước vào. Họ đi qua hầm lửa bình yên. Khi trở lại bên cạnh tôi, họ cho biết cũng cảm thấy nóng khi đang đi trong lửa, nhưng không hiểu tại sao lửa không gây ra thiệt hại gì cho họ.

Khi vị tiểu vương đứng dậy ra lệnh chấm dứt cuộc biểu diễn, thì người Hồi giáo này giờ vẫn đứng sát cạnh đồng lửa, đột nhiên ngã xuống, quần quai như đau đớn lắm. Anh ta đòi uống nước, và khi nước được đem lại, anh ta uống lấy uống để. Một người Bà-La-Môn đứng cạnh tôi giải thích rằng người Hồi giáo kia này giờ nhận lãnh hết vào mình tất cả sức nóng của đồng lửa.

Hai tuần sau, người Hồi giáo lại biểu diễn một lần nữa trong thành phố Mysore. Nhiều người đã thực sự bước vào đồng lửa, đi qua đi lại trong đó, và bước ra bình yên. Nhưng cuối cuộc biểu diễn, lại xảy ra biến cố: Người Hồi giáo vừa ra hiệu chấm dứt cuộc biểu diễn, thì có ba người còn nhảy vào đồng lửa. Họ bị lửa đốt cháy hết cả quần áo, tuy chạy ra được, nhưng bị phỏng rất nặng”.

Cuối tài liệu, giám mục Despatures ghi nhận xét: “Quả tình, tôi không thể hiểu được. Chính mắt tôi theo dõi sự việc từ khi người ta đào hầm, chất củi, ném lá gồi vào. Ngọn lửa là ngọn lửa thật, sức nóng rất cao. Không có một thứ vật chất nào để giảm sức nóng; cũng không có mưu chước gì để che mắt người xem. Thế sao những người lội trong đồng lửa ấy không hề bị phỏng? Và quần áo không bị hề cháy? Tôi buộc lòng phải tin có một quyền năng nào đó can thiệp vào”.

Chuyện Jack Traynor

Jack Traynor là người ở Liverpool, Anh quốc. Trong Thế chiến I, ông ta bị 2 viên đạn bắn trúng. Một viên trúng vào đầu, và vết thương không chịu lành. Một viên làm đứt một số dây thần kinh của cánh tay mặt, khiến cánh tay này teo lại và bị liệt hẳn. Traynor hưởng trợ cấp tàn phế toàn phần.

Đến năm 1923, Traynor bắt đầu bị những cơn động kinh, có lẽ vì vết thương ở đầu. Ông không đi bộ được nữa. Người nhà liền đưa ông sang Pháp, đến Lourdes hành hương. Tại đây, ông được người ta cho ngâm mình trong dòng suối thiêng. Mấy ngày sau, ông có thể ra khỏi giường bệnh, đi dạo hoặc đi tắm một mình. Ông hoàn toàn bình phục.

Sau khi trở về Anh, Traynor làm nghề buôn bán than đá, rồi lấy vợ, rồi có 2 đứa con. Ông sống bình thường và khỏe mạnh trong 20 năm, cho đến năm 1943, thì chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng ông vẫn được hưởng trợ cấp tàn phế toàn phần trọn đời, vì nhà Hưu Bổng không bao giờ tin có trường hợp tàn phế mà bình phục.

Những nhà sư Tây-tạng

Sau 14 năm sống ở Tây-Tạng, Alexandra David-Neel có viết cuốn *Magic and Mystery in Tibet* (Huyền thuật và đạo sĩ Tây Tạng, Nguyễn Phong dịch, Làng Văn xuất bản năm 1992). Trong cuốn này, bà thuật lại chuyện các nhà sư ẩn tu ở đây có thể dùng thân nhiệt để chống lại khí lạnh.

Bà kể: “Ở độ cao từ 4.000 đến 6.000 thước, giữa một vùng băng tuyết, có khi mặc áo mỏng, có khi không mặc gì cả, mà họ chịu được, thì rõ ràng là họ khác chúng ta. Họ nói cho tôi biết là họ đã luyện thành một phép đặc biệt để phát thân nhiệt. Đây là một phép bí truyền, chỉ nghe nói, hoặc đọc sách không thôi, thì không thể nào luyện được. Phải được một nhà khổ tu tinh thông phép này truyền dạy. Sau một thời gian thọ giáo, người học phép phải qua một

cuộc “trắc nghiệm” để xác định là đã luyện thành.

Một đêm mùa đông có trăng sáng và gió mạnh, người ta dẫn thí sinh ra bờ một con sông, hoặc một cái hồ đang đóng băng. Nếu cả mặt nước đều đóng băng, người ta đục một cái lỗ để mức nước.

Thí sinh ngồi xếp bằng trên mặt đất, hoàn toàn khỏa thân, im lặng như nhập định. Những người đi theo dùng những tấm khăn nhúng vào chất nước lạnh buốt kia, rồi đem phủ lên mình người thí sinh. Khi nào tấm khăn khô, thì họ lại đem những ướt để đắp lại. Cứ làm như thế cho đến khi trời sáng mới thôi. Có thí sinh đã làm khô trong một đêm, 40 tấm khăn như thế. Họ vận dụng thân nhiệt cách nào đó, để chống sức lạnh khủng khiếp bên ngoài, và thân nhiệt của họ tỏa ra, làm khô những tấm khăn. Người thường mà làm như thế, thì chắc chắn không sống nổi sau chừng 10 phút.

Còn sức chịu lạnh của những nhà khổ tu Tây-Tạng thì tôi chứng kiến hàng ngày, trong những năm sống tại miền đất cao nhất thế giới này. Trong khi những người trong đoàn thám hiểm chúng tôi mặc quần áo dày cộm, lại có mang theo dụng cụ sưởi, mà có lúc còn phải run lên, thì họ lại ở trần hoặc chỉ khoác một chiếc áo mỏng, nhưng vẫn thản nhiên sinh hoạt, không hề biết lạnh”.

Năm 1981, theo lời mời của đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng đang lưu vong tại Ấn-Độ, giáo sư Herbert Benson hướng dẫn một phái đoàn gồm nhiều khoa học gia thuộc phân bộ y khoa của đại học Harvard, đến Ấn-Độ để mở một cuộc điều tra về hiện tượng tăng thân nhiệt. Chịu trắc nghiệm là ba nhà sư Tây-Tạng, tu theo phép thiền định.

Các nhà khoa học gắn khắp người ba nhà sư những dụng cụ để ghi nhận sức nóng phát ra. Kết quả như sau: Trong khi nhiệt độ bên trong thân thể của họ vẫn bình thường (37 độ), thì nhiệt độ ngoài da ở nhiều vùng tăng lên 2, 3 độ. Riêng ở những đầu ngón tay ngón chân, nhiệt độ phát ra cao đến trên 45 độ.

Người nút chai

Ngày 13.8.1931, tờ *New York Herald Tribune* đăng cáo phó về Angelo Faticoni, chết mấy ngày trước đó, tại Jacksonville, tiểu bang Florida. Kèm theo cáo phó là một bài báo ngắn, với cái tựa *Người “Nút Chai” đã chết, màn bí mật không vén được*. Theo bài báo, Faticoni không bao giờ chìm xuống nước. Ông ta có thể nổi trên mặt nước suốt ngày, với một vật nặng buộc ở chân. Và người ta không hiểu tại sao.

Faticoni có thể ngủ trong nước, chỉ thò mũi lên để thở, còn thân thể ngập lơ lửng trong nước theo tư thế nào cũng được: Hoặc cuộn tròn lại như trái banh, hoặc nằm nghiêng, nằm ngửa. Có một lần, người ta cột vào chân ông ta một viên đạn đại bác nặng cỡ 10 ký, rồi bỏ ông ta vào một cái túi vải may miệng lại. Xong, họ đem ném cái túi xuống chỗ nước thật sâu. Mấy phút sau, đầu ông ta trồi lên mặt nước và giữ yên lặng như thế trong suốt 8 tiếng đồng hồ. Một lần khác, ông ta bơi qua sông Hudson, trong khi bị trói vào một chiếc ghế có gắn chì cho thêm nặng.

Cũng đã có lần, Faticoni được mời đến trường đại học Harvard, biểu diễn khả năng “không chìm” cho các giáo sư và sinh viên coi. Nhân dịp này, các bác sĩ của trường có khám ông ta rất kỹ, để tìm hiểu xem trong nội tạng ông có cơ quan nào khác thường giúp cho thân thể nổi trong nước. Nhưng họ không tìm được gì cả.

Lúc còn sống, mỗi lần có ai hỏi về cái “tài nổi” đó, Faticoni hứa: “Để lúc nào tiện, tôi sẽ nói. Giản dị lắm”. Nhưng “người nút chai” chưa kịp tiết lộ, thì đã không còn dịp.

Đức Mẹ nhân từ với người không tin

Bé Mariette Beco 12 tuổi, đang sống cùng gia đình tại Banneux, nước Bỉ. Khoảng 7 giờ tối ngày 12.1.1933, bé đang đứng bên trong cửa sổ nhìn ra vườn, thì bỗng thấy ngoài vườn

sáng rực lên, rồi hình ảnh một người đàn bà hiện ra. Trong vùng ánh sáng, người đàn bà đứng thẳng, đầu hơi nghiêng về một bên. Mariette liền gọi mẹ.

Bà Beco chạy lại, nhìn ra vườn, thì cũng thấy như con gái. Vài phút sau, hình ảnh kia mờ đi, rồi biến hẳn cùng với vùng ánh sáng. Bà Beco nói với con: “Đó là Đức Mẹ Nhân Từ”. Và hai mẹ con đọc kinh cầu nguyện. Nhưng ông Beco thì không tin. Khi nghe chuyện, ông ta chỉ cười.

Gia đình Beco nghèo nhất trong làng. Họ theo Công giáo nhưng không có nhiều thì giờ để đi nhà thờ. Riêng Mariette thì vẫn chuyên cần tham dự lớp học giáo lý. Nó cũng đem chuyện thấy được sau vườn kể cho linh mục Jamin nghe. Ông không nói gì, nhưng trong bụng nghĩ rằng đứa bé đã “mơ” ra như vậy, vì trước đó không lâu, có chuyện Đức Mẹ hiện ra ở Beauraing, chỉ cách nhà con bé một quãng ngắn.

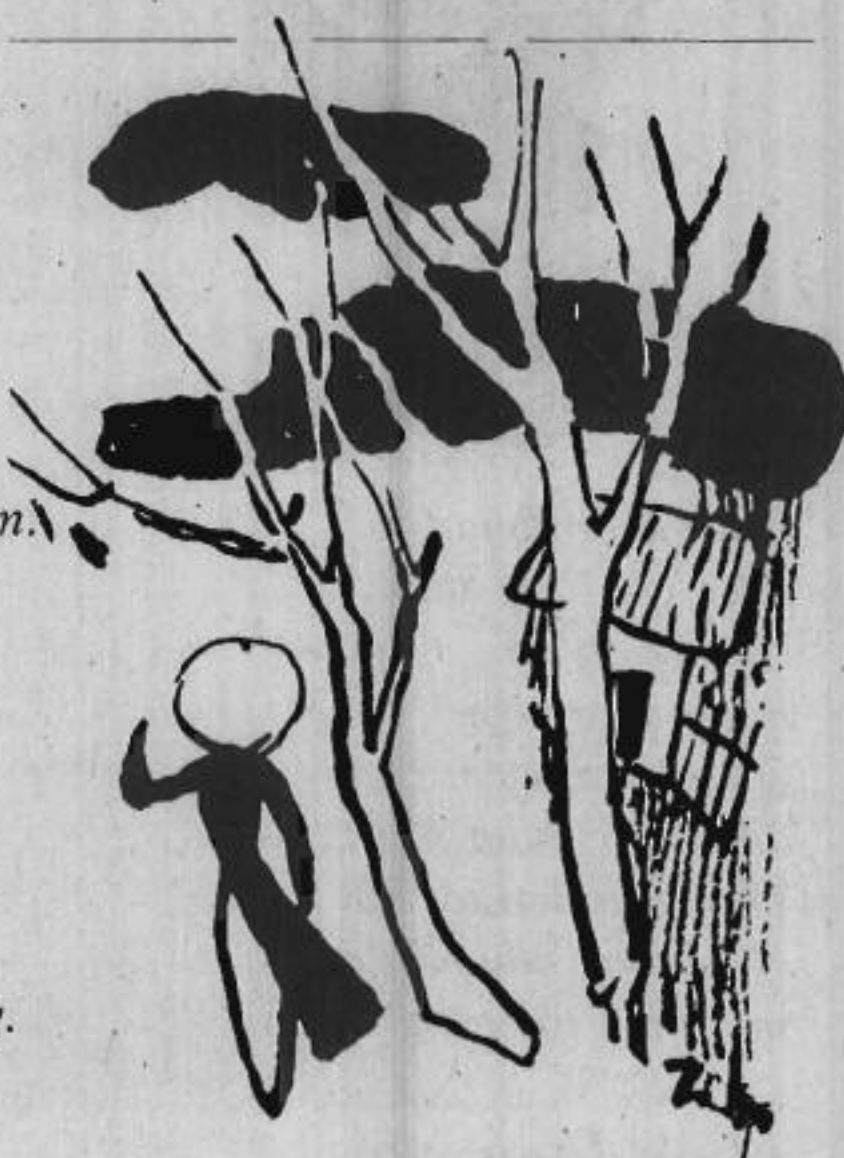
Một tuần sau, ngày 19.1, ông Beco lại thấy con gái đang quỳ cầu

nguyện ở vườn sau. Ông ta lo lắng cho tình trạng tâm thần của con, liền chạy đi tìm linh mục Jamin. Nhưng linh mục đi vắng. Beco gọi một người bạn cùng đi vào vườn. Họ khuyên con bé đi vào trong nhà, nhưng nó nói: “Đức Mẹ gọi con”, rồi đi ra đường. Hai người lớn đành phải đi theo nó.

Mariette đi tới bờ một con suối nhỏ, quỳ xuống. Trông bộ dạng của nó lúc bấy giờ, dường như nó đang trông thấy và lắng nghe cái gì. Nhưng hai người lớn thì không nghe, không thấy gì khác lạ. Họ chỉ nghe Mariette nói, khi nó nhúng hai bàn tay vào nước: “Con suối này dành để chữa bệnh”.

Sau đó ít lâu, ông bà Beco lại trông thấy Mariette đứng sau vườn, cất tiếng hỏi: “Thưa Bà, Bà là ai?” Rồi nó lại tự trả lời: “Ta là Mẹ Nhân Từ của người nghèo”.

Trước sự kiện ở Banneux chừng một năm, tại thành phố Barcelona ở Tây-Ban-Nha, một người thợ nhà máy tên là Benito Pelegri Garcia bị tai nạn. Nồi hơi nước nổ khiến cánh tay mặt của ông ta bị trọng thương. Chủ nhà máy đã đưa ông đi chữa tại nhiều bệnh viện, trong nước cũng như ở Ý, ở Đức nhưng cánh tay mặt của ông vẫn không cứu được. Ông phải nghỉ việc.



Vợ Garcia là người Bỉ, đã nghe được chuyện con suối thiêng ở Banneux, liền giục chồng làm một chuyến hành hương. Nhưng Garcia vốn là người không tin thần quyền, chỉ coi chuyện con suối kia là chuyện “mê tín”. Nhưng con gái duy nhất của ông ta lúc ấy 13 tuổi, dọa rằng nếu cha không chịu đi hành hương chữa tay cho lành lại, để đi làm việc nuôi gia đình, thì nó sẽ đi ở đợ. Trước áp lực của vợ con, Garcia chịu đi. Lại còn tự nguyện không uống rượu, không hút thuốc trong suốt lộ trình, để biểu lộ thành tâm.

Ngày 4.7.1933, vợ chồng Garcia lên đường hành hương. Hai người đi bộ từ Tây-Ban-Nha, xuyên qua nước Pháp, để lên Bỉ. Họ cứ ngày đi đêm nghỉ. Nhưng họ không có tiền để thuê phòng trọ, cũng không đủ tiền để mua thức ăn. Người vợ phải lãnh làm việc vất vả dọc đường, để kiếm cơm và chỗ trú.

Khi đã đến gần Banneux, tinh thần và thể xác của Garcia gần như rã rời. Chán nản, ông ta định bụng khi đến nơi mà không được việc gì, thì ông sẽ để vợ lại đó, một mình trở về Tây-Ban-Nha. Khi hai vợ chồng chỉ còn cách chỗ con suối chừng non cây số, Garcia lại trở chứng, không chịu đi nữa, bảo vợ: “Bà có tin thì cứ một mình đi tới đó cầu xin. Tôi trở về”. Nói xong, ông ta bỏ đi ngay. Bà vợ chẳng biết làm sao, phải nhờ cảnh sát can thiệp.

Khi tìm được Garcia, họ bảo ông ta rằng đã vượt hàng ngàn dặm đến đây, bây giờ không thử cầu xin, mà trở về không thì có khác gì điên khùng. Ông ta lại cùng vợ đi tiếp. Khi đến bờ suối, ông được người ta múc cho một thùng nước suối. Ông ta cho bàn tay mặt bị thương vào, ngạc nhiên thấy nước nóng gần như nước sôi. Ông ta cho luôn bàn tay trái không bị thương vào, thì lại thấy nước mát như nước thường. Thấy có điều khác lạ, nhưng ông ta vẫn không tin tưởng.

Garcia thọc sâu cánh tay bị thương vào thùng nước suối, nói:

- Nếu bà đúng là Đức Mẹ của người nghèo, thì xin hãy chứng minh.

em đi để gió vô thường bay qua

mòn đôi mắt của nhớ thương
em đi để gió vô thường bay qua
mười năm trắng lẻ bên nhà
bên ni mấy độ trăng già trăng non.
thương đêm con nước hao mòn
thương em quên cả lối mòn qua sông.
đến nay năm tháng mịt mù
xa xôi chi nẻo cố cùng của nhau.
người về chờ suốt đêm thâu
vẫn không thấy được bóng câu qua thềm.
mòn đôi mắt của nỗi niềm
mấy năm cách biệt đã mềm tuổi tôi
mấy năm rồi cũng pha phôi
và trăng nước cũng đơn côi một mình
người đi lẻ bóng xa hình
nhân gian chìm xuống với mình tôi đây
thương đêm một bóng hao gầy
thương tôi lạc mất tháng ngày cố hương.

huỳnh liễu ngạn

Tôi là một người nghèo từ Tây-Ban-Nha tới.

Phép lạ tức thì xảy ra. Trước mắt mọi người, cánh tay mặt của Garcia chưa kịp rút ra khỏi thùng nước đã trở thành lành lặn. Garcia gần như không cảm thấy, nhưng những vết thương trước đó vài giây vẫn còn mở miệng, bây giờ đã thành sẹo.

Những hỏa nữ đồng trinh ở Surinam

Surinam là một lãnh địa thuộc Hòa-Lan, nằm ở Nam-Mỹ, giáp ranh với Ba-Tây. Thổ dân ở đây có tục chọn “nữ pháp sư” để điều khiển những cuộc múa trong lửa theo truyền thống. Những vũ công múa trong lửa toàn là đàn ông, nhưng người điều khiển luôn luôn là một nữ đồng trinh.

Nữ văn sĩ Rosita Forbes sống tại

Surinam khoảng giữa thập niên 1930, đã công bố một tài liệu về tập tục nói trên. Bà đã nhiều lần chứng kiến thổ dân trong vùng nhảy múa trong lửa, cũng như đã tìm hiểu thật kỹ về tục chọn nữ đồng trinh làm pháp sư.

Những người đàn ông vừa đi vừa múa trong đám lửa cháy cao tới ngực, có người ôm trong tay những cành cây đang cháy, có người bốc than đỏ bỏ vào miệng nhai. Nhưng họ chỉ làm được những việc này trong khi người nữ pháp sư còn đang trong tình trạng “xuất thần”. Tình trạng xuất thần này chấm dứt, nữ pháp sư ra hiệu, những người biểu diễn phải lập tức nhảy ra khỏi hố lửa. Nếu không, họ sẽ bị phỏng.

Các nữ pháp sư được chọn từ ngày còn nhỏ. Qua những hành động “không sợ nóng”, như cầm than đỏ, thò chân vào lò sưởi, v.v., cha mẹ cô bé nhận ra con gái của mình có thể

trở thành “nữ pháp sư”, và họ sẽ nuôi con theo truyền thống. Cô gái “ở vậy” trọn đời, để điều khiển những cuộc múa lửa.

Những đứa con của thủy thần

Mbengga là hòn đảo nhỏ nhất trong nhóm quần đảo Fiji nằm phía tây nam Thái-Bình-Dương. Đảo là một vườn cây ăn trái, nhiều nhất là dừa, cam, chanh, và chuối. Thổ dân trên đảo sống an nhàn và khá sung túc. Nhưng quyến rũ du khách phương xa và người hiếu kỳ, là một tục lạ của họ.

Năm nào thổ dân Mbengga cũng làm lễ cúng thần *Tui Namoliwai* (thủy thần), để tổ chức một cuộc “đi qua lửa”.

Họ đào một cái hố dài chừng 7 thước, rộng chừng 2 thước, sâu độ 6 tấc. Dưới hố, họ xếp những cục đá to bằng trái dừa lẫn lộn với củi khô, rồi đốt cho cháy suốt đêm. Củi cứ được bỏ thêm vào để giữ ngọn lửa cháy cho tới lúc làm lễ ngày hôm sau. Những hòn đá bị đốt mãi, cũng đỏ lên.

Trong khi đó, những người sẽ tham dự cuộc biểu diễn đang cầu nguyện trong một căn lều gần đó. Họ đã cầu nguyện suốt đêm, và bây giờ đã sẵn sàng chờ lệnh người dẫn đầu. Người này đọc to một câu thần chú, rồi đứng dậy, bước ra khỏi lều, hướng về phía hố lửa. Những người kia tự động xếp hàng một, bước theo. Từng người, chậm rãi, họ bước vào hố lửa, đi trên những hòn đá nóng. Tất cả đều đi chân không. Họ đi nhiều vòng, cuối cùng bước theo người dẫn đầu ra khỏi hố lửa, đứng chỗ họ đã bước vào. Tất cả đều an toàn, không bị vết phỏng nào, quần áo vẫn nguyên vẹn.

Năm 1950, bác sĩ Harry B. Wright của đại học Philadelphia có đến Mbengga điều tra về tục “đi lửa” này. Ông viết: “Tôi đã quan sát những hòn đá trong hố lửa, và khám chân họ rất kỹ. Chắc chắn họ không có dùng chất gì để bảo vệ đôi chân của họ, chống lại sức nóng. Trước khi họ bước vào hố lửa, cũng như liền sau khi họ ra

dòng sông đầm lợ

Kính dâng hương hồn
quân dân, cán chính hy sinh
tại tỉnh lộ 7 Phú Yên

Dòng sông Ba
bổng nhiên đầm lợ
Giữa mùa xuân hoa bướm chịu tang
Biết về đâu
đoàn người ngã ngựa!
Đất diu nhau
vào địa ngục trần gian.
Tử lộ Bẫy ngậm ngùi máu hận
Nghìn cây râm nắng lá rừng chôn!
Súng đạn nào
gây kinh động trời xuân!
Kẻ thù nào
đang gieo màu tang tóc!
Nước mắt nào
pha mặn giòng sông!
Xác lương dân
bềnh bồng xuôi bể cả.
Máu oan cừu
rơi đọng nơi nơi...
Việt Nam ơi!
Phú Yên ơi!
Sao đây oan nghiệt



Lạnh không gian
Buốt giá lòng xuân.
Hoa buồn nở
Bướm dừng bay
Quê hương nếm chút
đắng cay thảm sầu
Tháng tư đen tối bắt đầu
Non sông nhuộm đỏ
một màu tóc tang!

phan long yên

khỏi chỗ đó, tôi trặc nghiệm thì thấy chân họ vẫn nhạy cảm với sức nóng, và những mũi kim chích. Họ không chịu nổi một điều thuốc đang chảy dí sát vào da, cũng như họ giựt chân khi bị mũi một cây ghim giấy châm nhẹ. Không hiểu tại sao họ lại không hề hấn gì sau khi lội nhiều vòng trong cái hồ lửa kia. Tôi hỏi người thổ dân cầm đầu, thì ông ta nói:

- Thủy thần đã cho mấy trăm "thủy hài nhi" tới giúp. Chúng nó nằm sấp trên lớp đá nóng. Chúng tôi đi trên lưng tụi nó, nên chân mát lạnh, đâu có hề gì".

Bác-sĩ không cấp bằng

Năm 1918, tại quận Belo Horizonte, nước Ba-Tây, một gia đình nông dân sinh được một đứa con trai, đặt tên José Pedro de Freitas. Khi còn nhỏ, cậu bé này thường được gia đình và người làng gọi là "Arigo" (Thằng Ngổ), là vì cung cách của nó có hơi chậm chạp. Không ngờ, chính cái tên Arigo này về sau lại nổi danh.

Arigo là nhân vật thần bí nhất trong lịch sử "chữa bệnh không dùng thuốc", không riêng ở Ba-Tây, mà gần như khắp thế giới. Số người đã được Arigo chữa lành bệnh rất đông, đa phần trường hợp là hiển nhiên, dù có ai muốn phủ nhận, cũng không được. Khi ông ta chết (1971), đi đưa tang và khóc than thương tiếc có đến mấy vạn người. Nhưng cho đến bây giờ, câu chuyện ông ta chữa lành bệnh cho nhiều người, đối với những nhà khoa học đa nghi, vẫn còn là một câu chuyện huyền hoặc.

Lúc còn thơ ấu, Arigo không có triệu chứng gì khác lạ. Nhưng khi đến tuổi đi học, cậu thường bị nhức đầu và bị ảo giác. Có khi tự nhiên cậu trông thấy một luồng ánh sáng, rồi nghe một thứ tiếng lạ nói bên tai. Sau khi nghỉ học, Arigo đi làm ở một mỏ sắt gần nhà. Sau mấy năm làm việc, cậu được bầu làm chủ tịch nghiệp đoàn công nhân của mỏ. Điều kiện làm việc ở đây quá tồi tệ, Arigo lãnh đạo anh em biểu tình phản đối. Kết quả chưa có, nhưng Arigo và nhón

công nhân cầm đầu bị chủ mỏ sa thải. Sau, anh ta đi làm quản lý cho một tiệm rượu trong thị trấn Congonhas do Campo.

Khoảng này, đêm nào Arigo cũng nằm mộng thấy những giấc mơ thật lạ, để rồi hôm sau thức dậy, đầu nhức không chịu nổi. Trong giấc mơ nào, anh ta cũng trông thấy một căn phòng giải phẫu, một ông bác sĩ to béo và hói đầu đang ra lệnh cho những ông bác sĩ khác và y tá, bằng một giọng oai quyền mà anh ta đã nghe từ hồi còn nhỏ. Những giấc mơ và những cơn nhức đầu đeo đuổi giày vò anh ta mãi. Anh ta phải thường xuyên đến cầu nguyện tại giáo đường Bom Jesus do Matosinho, để hi vọng tìm yên ổn cho tâm hồn.

Cuối cùng, Arigo cũng biết ông bác sĩ trong những giấc chiêm bao. Ông ta nói cho Arigo biết ông là bác sĩ Adolpho Fritz, người Đức, đã chết trong Thế Chiến I. Sự nghiệp lương y của ông giữa đường đứt đoạn, ông không cam tâm, nên chọn Arigo làm người nối chí. Vậy, Arigo chỉ còn một cách tìm yên ổn cho tâm hồn, là sẵn sàng giúp đỡ cho những người đau ốm xung quanh.

Trong nhiều năm, Arigo phải chịu đựng những giấc mơ kỳ dị và những cơn nhức đầu dai dẳng. Cứ như thế cho đến năm 1950, thì sự việc trở nên trầm trọng, Arigo không còn tự chủ được nữa.

Năm đó là một năm bầu cử tổng thống Ba-Tây. Một ứng cử viên đến thị trấn Congonhas (quê của Arigo), vận động tranh cử là Lúcio Bittencourt. Ông này ngày trước đã tích cực ủng hộ cuộc tranh đấu của công nhân mỏ sắt. Khi gặp lại Arigo tại đây, ông ta mừng lắm, liền mời anh ta tới dự cuộc mít-tinh ở thành phố Belo Horizonte gần đó. Khi cuộc mít-tinh được hoãn lại, Bittencourt mời Arigo đến trọ cùng khách sạn với mình. Trong khi đó, Arigo không hề biết là Bittencourt bị ung thư phổi, và đã được bác sĩ khuyên nên lập tức đi Hoa-Kỳ để giải phẫu.

Tối hôm ấy, lúc Bittencourt sắp thiếp ngủ, thì cửa phòng chợt mở ra,

rồi ai đó bật đèn lên. Chính là Arigo. Mất anh ta ngồi sáng. Tay anh ta cầm một lưỡi dao cạo. Nhưng thật lạ, Bittencourt không sợ. Arigo bắt đầu nói, nhưng giọng khác hẳn, không giống lúc bình thường. Nghe như người Đức nói tiếng Anh. Anh ta nói: "Đây là một trường hợp khẩn cấp, cần phải mổ ngay". Bittencourt liền bất tỉnh.

Khi tỉnh lại, ông ta nhận thấy áo của mình bị rách và dính máu, và sau lưng có một vết mổ, nhưng không cảm thấy đau. Ông ta liền đi sang phòng bên, hỏi Arigo. Arigo nghĩ là ông ta say rượu, nhưng đến khi nhìn thấy vết mổ trên lưng ông, anh ta phải tin có một việc kỳ dị nào đó đã xảy ra. Phần Bittencourt thì hoảng sợ, phải tức tốc đáp máy bay đi Rio de Janeiro, để gặp bác sĩ của mình.

Cho đến lúc đó, Arigo mới cảm thấy sợ. Anh ta nghĩ, có thể là mình đã "mổ" ông ta trong cơn mê. Chắc là ông bác sĩ Đức kia sai khiến. Bây giờ biết làm sao? Chỉ cầu mong cho ông ta không bị nguy hiểm.

Anh ta khỏi phải lo sợ lâu. Bác sĩ của Bittencourt đã khám cho ông ta, xác nhận chỗ u trong phổi đã được lấy đi. Vết mổ đã lành, và sức khỏe người bệnh đã hồi phục. Nghĩ là Bittencourt đã được giải phẫu tại Hoa-Kỳ, bác sĩ nói: "Trình độ phẫu thuật phổi như thế này, tại Ba-Tây chưa đạt được". Nhưng Bittencourt đã đem câu chuyện Arigo kể lại cho mọi người nghe, và qua ngày hôm sau, tất cả báo chí Ba-Tây đều có bài tường thuật.

Tại Congonhas, người hướng dẫn tinh thần cho Arigo, linh mục Pernido, coi sự việc xảy ra là rất nghiêm trọng, nên đã khuyên anh ta đừng bao giờ thực hiện giải phẫu nữa. Nhưng Arigo làm sao nghe lời ông, trong khi sự việc không thuộc ý chí của anh ta. Trong khi các nhà tâm linh học địa phương nghĩ rằng một bác sĩ "ma" đã mượn xác Arigo để chữa bệnh cho Bittencourt, thì anh ta cứ một mực phủ nhận. Nhưng dù vậy, bác sĩ Fritz vẫn bám sát anh ta.

Trong 6 năm tiếp theo, ngày nào Arigo cũng chữa bệnh cho khoảng

300 người. Để có chỗ chứa số bệnh nhân đó, anh ta phải dời “phòng mạch” từ nhà mình đến một ngôi nhà thờ phía bên kia đường. Đến năm 1956, dưới áp lực của các cơ chế y tế và của giáo hội Công-Giáo, Arigo bị truy tố về tội “hành nghề y sĩ trái phép”.

Trước tòa, thẩm phán Eleito Soares hỏi Arigo:

- Anh chữa bệnh như thế nào?

Arigo đáp:

- Tôi bắt đầu cầu xin Chúa giúp đỡ. Sau đó, tôi không biết gì nữa. Có người nói tôi đã kê toa, nhưng tôi không nhớ gì cả.

- Còn việc giải phẫu thì như thế nào?

- Cũng như những việc khác. Lúc đó tôi ở trong tình trạng không biết gì hết. Ý tôi là chỉ muốn giúp đỡ những người nghèo khổ.

- Nhưng anh có phạm điều anh bị truy tố là “hành nghề y sĩ”, phải vậy không?

- Tôi không phải người làm việc đó. Vong hồn bác sĩ Fritz đã mượn tay tôi...

Nhưng ông thẩm phán đâu có thể phán định theo một lời khai như thế? Và làm sao Arigo có thể triệu bác sĩ Fritz đến tòa để nhận lãnh trách nhiệm đây?

Báo chí Ba-Tây tờ nào cũng có bài tường thuật phiên tòa, và có hàng vạn nhân chứng sẵn sàng bênh vực cho anh ta. Giáo sư triết và sử học J. Herculano Pires công khai bày tỏ ý kiến trên báo: “Thật là khôi hài nếu chúng ta cứ cố chấp phủ nhận “hiện tượng Arigo”. Bao nhiêu chuyên gia y học, bao nhiêu ký giả và trí thức, bao nhiêu chính trị gia, đã chính mắt nhìn thấy hiện tượng ấy ở Congonhas. Tại sao chúng ta vẫn còn phủ nhận?”

Công luận thuận lợi như thế, nhưng Arigo vẫn bị tòa phạt tù 15 tháng, và phạt tiền 5.000 đồng tiền Ba-Tây (tương đương 270 Mỹ-kim). Tòa Thượng thẩm giảm án tù xuống còn 8 tháng, và cho Arigo hưởng chế độ quản chế thử thách một năm. Trong thời gian này, anh ta phải ngưng hẳn việc chữa bệnh cho người

ta, và chỉ được rời Congonhas khi có phép của tòa án.

Nhưng hễ Arigo không chữa bệnh cho người ta, thì chính anh ta bị bệnh. Những cơn nhức đầu lại trở lại hành hạ anh. Arigo đành phải lén lút “hành nghề”, và cảnh sát cũng phải làm ngơ.

Tháng 5.1958, Tổng thống Ba-Tây Juscelino Kubitschek ban lệnh ân xá cho Arigo. Nhờ đó, việc chữa bệnh của anh ta không bị dòm ngó nữa. Đến 1961, lúc này Kubitschek không còn cầm quyền, các giới y học và nhà thờ lại muốn truy tố Arigo. Nhưng người ta tìm không được nhân chứng cho quyền công tố, nên cuộc điều tra không thể tiến hành. Thế rồi, đến tháng 8.1963, Arigo thực hiện giải phẫu cho bác sĩ Andrija Puharich, một người từ Mỹ xuống Ba-Tây cốt để điều tra về “hiện tượng Arigo”.

Puharich là chuyên gia về hiện tượng tâm linh, tốt nghiệp y khoa tại đại học Illinois. Ông ta đã được nghe rất nhiều về những thành tích chữa bệnh của Arigo, và muốn đích thân đến tận nơi để tìm hiểu. Khi gặp nhau, Arigo nói: “Ông và các bạn của ông cứ việc quan sát trong khi tôi làm việc. Ngoài ra, cần hỏi gì, thì cứ hỏi những người bệnh đến chữa”.

Ngày đầu tiên, Puharich và 3 người đi theo ghi nhận khi Arigo mở cửa, người có bệnh đến xin chữa đã ngồi chật cả ngôi giáo đường. Arigo từ bên trong bước ra nói: “Tôi xin thưa là tôi không có tài phép gì để chữa lành bệnh cho các bạn. Chính Chúa Jesus sẽ giúp các bạn. Nhưng ở đây, không có sự phân biệt tôn giáo. Tôn giáo nào cũng tốt, và ai cũng sẽ được chữa lành”. Rồi Arigo yêu cầu mọi người đọc kinh theo anh ta. Xong, anh ta lui vào bên trong một lúc.

Khi Arigo trở ra, Puharich ngạc nhiên thấy cung cách và giọng nói anh ta hoàn toàn khác với lúc nãy. Cử chỉ, thái độ đổi thành đĩnh đạc; giọng nói trở nên oai vệ. Người thông ngôn cho bác sĩ Puharich nhận ra trong tiếng Bồ-Đào-Nha Arigo nói bây giờ có giọng Đức, và thỉnh thoảng lại có xen tiếng Đức. Và Arigo đưa tay mời

Puharich: “Xin mời các ông đi theo tôi vào phòng mạch. Không có điều gì giấu giếm ở đây. Tôi rất vui được các ông quan sát”.

Những điều Puharich trông thấy sau đó, khiến cho ông ta choáng váng.

Một người đàn ông đứng tuổi bước vào. Arigo chẳng hỏi gì cả, đẩy ngay ông ta đứng dựa vào tường, rồi lấy một con dao lưỡi dài cỡ một tấc, thọc mũi vào con mắt bên trái của ông ta, cạy cạy, nạo nạo. Động tác vừa nhanh vừa mạnh, làm Puharich rợn người. Nhưng người bệnh lại không tỏ vẻ gì là đau đớn hay sợ hãi. Cuối cùng, Arigo thu con dao lại, chỉ cho mọi người thấy một đốm mủ ở mũi dao, đẩy người bệnh ra phía cửa, nói: “Con mắt trái của anh ngày mai sẽ lành hẳn”. Chúi con dao dơ vào áo sơ-mi, Arigo lớn tiếng gọi người bệnh tiếp theo. Puharich khám con mắt của người kia, thì thấy không có dấu vết gì cả, cũng không chảy máu. Ca “phẫu thuật nhãn khoa” đã diễn ra không đầy một phút.

Quan sát suốt buổi sáng, Puharich thấy Arigo trước sau vẫn không đổi cách chữa bệnh: Không hề dùng thuốc mê, thuốc tê; không hề sát trùng; cũng không hề thôi miên bệnh nhân. Tất cả đều làm cực kỳ nhanh chóng và chính xác. Phần nhiều không thấy chảy máu; có đôi trường hợp có chảy máu, nhưng rất ít. Không một bệnh nhân nào tỏ ra đau đớn. Người nào cần toa mua thuốc, thì Arigo viết rất nhanh, không cần suy nghĩ.

Đến 11 giờ trưa, Arigo tuyên bố tạm nghỉ, để chiều tiếp tục. Khi bước ra khỏi phòng mạch, cung cách và giọng nói của anh ta lại trở lại bình thường.

Tối hôm ấy, Puharich cùng Jorge Rizzini, một nhà báo từ São Paulo tới, trở lại phòng mạch của Arigo. Họ thiết trí một hệ thống thu hình trong căn phòng này. Nếu Arigo có “xảo thuật” gì, thì cuộn phim sẽ ghi nhận. Đêm ấy, Arigo làm việc cho tới 1 giờ sáng.

Puharich cảm thấy mình hoàn

toàn thất bại trong mục đích “lật tẩy” Arigo. Ông chưa tìm được một kẻ hở nào cả. Ông nghĩ có lẽ phải cần nhiều thời gian, nhiều tiền bạc, nhiều trang bị, mới thu được kết quả. Nhưng hiện giờ, ông không có. Phải trở về Mỹ tay không sao?

Bác sĩ Puharich quyết định đem chính mình ra làm vật thí nghiệm: Từ lâu, trong cùi chỏ tay mặt của ông có một cái bướu mỡ. Tuy là bướu hiền, nhưng cũng khó chịu. Sáng hôm sau, vừa bước vào phòng mạch, ông đến mặt Arigo, chỉ vào cùi chỏ tay mặt, nhưng chưa kịp nói gì, thì Arigo đã gật đầu:

- Được rồi, tôi sẽ mổ lấy cái bướu mỡ ấy cho ông.

Ra đứng ở cửa phòng, Arigo hỏi lớn:

- Ai có con dao găm cho tôi mượn để mổ cho ông bạn Mỹ này không?

Bốn năm con dao được đưa ra, và Arigo chọn lấy một, quay lại với Puharich. Puharich chợt cảm thấy sợ, nhưng đâu còn rút lui được nữa. Phía bên kia, Rizzini đã bấm cho máy quay phim chạy.

- Xin bác sĩ vén tay áo lên, và nhìn đi chỗ khác.

Nhưng Puharich chăm chú nhìn vào cùi chỏ của mình. Chưa kịp nhận định được điều gì, thì ông ta đã bị Arigo kéo bàn tay trái lên, quẹt mũi dao vào đó. Một cục lầy nhầy. Đúng là cục bướu mới lấy ra. Chỗ cùi chỏ có một vết cắt nhỏ đang rỉ máu. Nhưng ông không cảm thấy đau chút nào.

Chiều hôm ấy, bác sĩ Puharich và các bạn rời Congonhas. Puharich vẫn cẩn thận canh chừng vết mổ của mình. Nhưng chỉ qua ngày hôm sau là nó lành, miệng khép rất khéo, mặc dù không được may. Puharich nhớ lại: Tất cả những trường hợp mổ của Arigo, không có lần nào được sát trùng, may miệng. Còn dao mổ, thì Arigo dùng bất kỳ con dao nào có sẵn tại chỗ.

Khi về đến São Paulo, Puharich và các bạn đem rửa ngay cuộn phim. Nhưng khi chiếu lên, họ chẳng tìm được điều gì khác lạ. Chỉ thấy động

tác của Arigo quá nhanh. Nhanh trong mọi việc. Nhanh gấp mười lần so với những y sĩ khác.

Báo chí Ba-Tây, Mỹ châu, và khắp thế giới lại một phen nữa làm ồn ào về “hiện tượng Arigo”. Nhưng lần này, sự hoài nghi giảm đi rất nhiều, vì người bệnh được chữa lành là một người xuất thân từ nền y học hiện đại của Hoa-Kỳ.

Nhưng những người chống đối Arigo lại lấy đó làm bằng chứng để cáo tố anh ta. Ngày 20.11.1964, anh ta bị tòa án phạt 16 tháng tù, cũng về tội “hành nghề y sĩ trái phép”. Tòa ra lệnh cho Arigo phải thụ hình ngay, nhưng cho phép anh ta được về nhà để thu xếp vào tù. Anh ta thu xếp và từ biệt vợ con cùng láng giềng xong, ngồi chờ cảnh sát đến dẫn đi. Nhưng không có một cảnh sát viên nào chịu đến giải Arigo vào nhà giam. Trong khi đó, trước nhà anh ta, có cả ngàn người chịu ơn chữa bệnh đang tụ tập, kêu oan cho anh ta. Cuối cùng, anh ta phải ra cảm ơn đám đông, rồi tự mình đi tới nhà lao.

Ở tù lần này, Arigo vẫn tiếp tục chữa bệnh, không chỉ cho bạn tù, mà còn cả cho người bên ngoài. Biết Arigo chỉ làm công việc “phước thiện”, các giám thị cứ mặc nhiên để cho anh ta ra khỏi nhà lao, mỗi khi cần đi chữa bệnh cho ai.

Đến tháng 11.1965, Arigo được phóng thích. Nghe tin, Puharich lại đến Congonhas, cùng với một trợ tá. Mục đích của ông lần này là thử tài Arigo về mặt chẩn bệnh. Chính cái khả năng này của Arigo đã làm cho cả Hiệp Hội Y Sĩ Ba-Tây nổi giận.

Trong chỉ 3 ngày, Arigo đã chẩn bệnh cho trên 1.000 bệnh nhân. Mỗi người chỉ mất chừng 1 phút. Từng người, họ bước tới đứng trước mặt Arigo. Anh ta nói ngay triệu chứng và căn bệnh của họ, hoàn toàn không khám gì cả. Trong số bệnh nhân đó, có 545 người đem theo hồ sơ bệnh lý, do bệnh viện hoặc bác sĩ tư cấp. Puharich so sánh, thì có đến 518 trường hợp, lời chẩn đoán của Arigo phù hợp với hồ sơ.

Sau đó, Puharich hỏi Arigo:

- Tại sao anh có thể chẩn đúng bệnh mà không cần khám? Và tại sao anh không theo học trường thuốc mà lại dùng đúng những thuật ngữ y khoa như thế?

Arigo nói:

- Chính bác sĩ Fritz chẩn và nói, chớ tôi có biết gì đâu.

Người ta còn làm nhiều lần trắc nghiệm nữa. Nhưng càng trắc nghiệm, thì càng phải công nhận Arigo có “khả năng chữa lành bệnh”, gần như bất cứ bệnh gì. Còn tại sao anh ta có khả năng đó, thì anh nói ra rồi, nhưng người ta không tin.

Hàng trăm phóng viên báo chí từ khắp nơi đổ về Congonhas, vây bọc Arigo và Puharich. Ông này không “trắc nghiệm” gì được nữa. Và lại, cũng đã đủ. Ông liền cùng người trợ tá trở về São Paulo, mở cuộc họp báo. Trong cuộc họp báo, ngoài các phóng viên, còn có nhiều nhà khoa học, nhiều bác sĩ, và mấy nhà thần học, tâm linh học.

Rồi khi trở về đến New York, Puharich đem những cuộn phim quay những pha giai phẫu của Arigo, chiếu cho Bác sĩ Robert Laidlaw coi. Laidlaw là cựu giám đốc khoa thần kinh tại bệnh viện Roosevelt. Sau đây

→

Sách mới phải đọc, không thể bỏ qua!

Bạn đọc đã từng say mê với “*Lột mặt nạ những con thò lò chính trị*” của Cửu Long Lê Trọng Văn, xin hãy tìm đọc tác-phẩm mới: “*Bước qua ngưỡng cửa hi vọng hay đến bờ ảo vọng?*”

- Nổ hơn bom nguyên tử

- Hấp-dẫn, li-kỳ chưa từng thấy trên văn-đàn hải-ngoại.

Đặt mua tại:

Mr. Lê

P.O. Box 710091

San Diego, CA 92171

USA

Giá sách: \$16.00

là nhận xét của Bác sĩ Laidlaw:

"Trong khi mổ, Arigo có nét mặt rất lạ, gần như vô cảm. Đôi tay của anh tay nhanh và khéo đến mức kỳ lạ, trong khi đôi mắt anh ta có khi nhìn đi chỗ khác. Những vết mổ hình như liền lại ngay, mặc dù không được may mũi nào. Tôi chưa hề nghe bác sĩ giải phẫu nào có tài làm nhanh và khéo như vậy".

Mọi người biết đến "hiện tượng Arigo" đều phân vân.

Tin ư? Một hồn ma của một bác sĩ người Đức nhập vào Arigo để chữa bệnh ư? Liệu có hoang đường quá

không?

Không tin ư? Đã bao nhiêu người được Arigo chữa cho lành bệnh rồi đấy. Những vết sẹo do Arigo giải phẫu vẫn còn kia. Và những người đã thấy tận mắt công việc làm của Arigo vẫn còn sống kia. Không tin sao được.

Và cũng nên biết là Arigo không hề nhận thù lao trong việc chữa bệnh. Anh ta vẫn phải đi làm việc tay chân để nuôi bản thân và gia đình.

Một điều bất công khó hiểu nữa: Suốt đời cứu nhân độ thế, nhưng ngày 11.1.1971, Arigo lại chết vì tai nạn xe

hơi.

Nước thánh

Joe Riker, người vùng New Haven, tiểu bang Connecticut, bị ung thư ở xương sọ. Khoảng giữa năm 1974, bác sĩ khám, bảo anh ta phải vào bệnh viện để mổ. Nhưng anh ta không chịu, chỉ hàng tuần đến, để bác sĩ băng bó. Bác sĩ cố thuyết phục:

- Xương sọ của anh có một chỗ hư thành lỗ. Cái lỗ sẽ ăn tới trong não.

Cũng có thể sẽ thành bệnh đau màng óc. Rất nguy hiểm. Anh nên mổ sớm đi.

Nhưng Joe vùng vằng:

- Không, tôi không mổ đâu... Không mổ đâu.

Rồi có một tuần, Joe không tới để bác sĩ thay băng. Rồi tuần tiếp theo, rồi cả tháng cũng vắng luôn.

Sau đó, ông bác sĩ vẫn thường thay băng bôi thuốc cho chỗ đau trên đầu Joe, đến ăn tại nhà hàng anh ta làm đầu bếp. Thấy anh ta đang đứng phía trong, ông hỏi sao lâu nay không tới xúc thuốc. Anh ta bảo chiều sẽ tới.

Chiều, Joe tới thật. Nhưng khi coi lại chỗ đau, thì bác sĩ thấy cái lỗ đã kín lại, trên mặt có lớp da non, tình trạng như gần lành. Ngạc nhiên, ông hỏi:

- Lạ thật! Anh chữa như thế nào?

- Bà chị vợ tôi đi Pháp, đem về cho tôi một chai nước lấy ở suối Lourdes. Trong một tháng nay, tôi xúc bằng nước đó. Bác sĩ xem giùm coi có lành không.

Sau khi khám thật kỹ, bác sĩ nói:

- Chắc chắn là lành.

Chúc mừng tiến-sĩ Bùi Tiên Khôi

Từ 48 năm nay, quyển sách ALMANAC do công ty Houghton Mifflin xuất bản, đã bán hàng chục triệu quyển trên toàn thế giới, và đây là một quyển sách dùng để tham khảo, đầy đủ tất cả tài liệu, sự kiện và số thống kê về những vấn đề quan trọng trên toàn cầu.

Ngoài tên các vị nguyên thủ quốc-gia, ông Huy-Lực Bùi Tiên Khôi là người Việt nam duy nhất có tên trong quyển sách ALMANAC 1995, tại trang 796, in lại nguyên bản như sau:

796 U.S. Cities

HOUSTON, TEX.

Mayor: Robert C. Lanier (to Dec. 1995)

1990 census population, sex, & (rank): 1,630,553 (4); % change, 2.2; Male, 809,048; Female, 821,505; White, 859,069; Black, 457,990 (28.1%); American Indian, Eskimo, or Aleut, 4,126 (0.3%); Asian or Pacific Islander, 67,113 (4.1%); Other race, 242,255; Hispanic origin, 450,483 (27.6%). 1990 percent population under 18: 28.7; 65 and over: 8.3; median age: 30.4.

Land area: 581.44 sq mi. (1,506 sq km); Alt.: Highest, 120 ft; lowest, sea level

Avg. daily temp.: Jan., 51.4° F; July, 83.1° F

Churches: 1,750²; City-owned parks: 334 (32,500 ac.); Radio stations: AM, 25; FM, 29¹; Television stations: 10 commercial, 1 PBS

Poet Laureate: HUY-LUC Khoi Tien Bui

CIVILIAN LABOR FORCE: 883,777; Unemployed: 77,160, Percent 8.7; Per capita personal income: \$17,598³

Chamber of Commerce: Greater Houston Partnership, 1100 Milam Building, 25th Fl., Houston, Tex. 77002

1. Includes annexations since 1970. 2. Harris County. 3. PSMA

Houston, the largest city in Texas and seat of Harris county, is located in the southeastern part of the state near the Gulf of Mexico.

Sam Houston was the commander in chief of the Texas troops who fought a successful war of rebellion against the domination by Mexico, which had been in possession of Texas. On April 21, 1836, Houston's men won a decisive victory in which the Mexican dictator, Gen. Santa Anna, was taken prisoner, and signed the treaty which launched the Republic of Texas. In

September, a constitution was ratified, and Houston was elected President. The Texas Republic was recognized by the U.S. and by the major European powers. The present city of Houston was incorporated in 1837 and named after Sam Houston, who was president of the erstwhile republic. This was its first capital.

The port of Houston leads the U.S. in foreign tonnage handled. The city is a major business, financial, science, and technology center. Houston is outstanding in oil and natural gas production and is the energy capital of the world. It is the home of one of the largest medical facilities in the world—The Texas Medical Center—and the focus of the aerospace industry. The Lyndon B. Johnson Space Center is the nation's headquarters for manned spaceflight.

Famous natives: Debbie Allen, choreographer; Lance Alworth, football player; Denton Cooley, heart surgeon; Jim Demaret, golfer; Allen Drury, novelist; Shelly Duvall, actress; A.J. Foyt, auto racer; Howard Hughes, industrialist; Barbara C. Jordan, educator, lawyer, politician; Barbara Mandrell, singer; Annette O'Toole, actress; Dennis and Randy Quaid, actors; Kenny Rogers, singer; Patrick Swayze, actor, dancer;

Trân trọng chúc mừng thầy Huy Lực Bùi Tiên Khôi.

Hội Sinh-viên Việt-nam tại đại học Houston, UT tại Austin, và A&M.

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh



Thơ và Người

1.

Nhà thơ Bùi Giáng, tác giả thi phẩm lừng danh *Lá hoa còn*, tức "...hoa cá", vô cùng sững sốt khi nhận được hai bài thơ bất hủ sau đây:

KHE

Khe về rú lạc đầu truông
rã năm ngón vốc nhỏ buồn gieo riêng
Dẫn xanh sai nhiếp tuổi miền
bướm xiêu phấn đổ, vọng tuyền phi âm
Gánh đau tuần quảy trắng ngăm
bờ phôi tin gió dựng nhằm cội hoa
Cỏ em về rắc thán ba
hồng in tin hạnh trang già xuống rêu.

RÚ

Rú đầu khe lạc về truông
vốc năm ngón rã gieo buồn nhỏ riêng
Nhiếp sai dẫn tuổi xanh miền
phấn xiêu phi bướm vọng tuyền đổ âm
Trắng đau tuần quảy gánh ngăm
dựng bờ tin gió cội nhằm phôi hoa
Rắc về em cỏ thán ba
xuống in trang hạnh hồng già tin rêu.

Ông bèn đánh ngay fax sang cho Sắc Không, hỏi:

- Đâu ra cái thứ của quý "vay"?

Sắc Không vị tình mà phải thưa thật:

- Thằng cu của nhà cái dĩ của mẹ dĩ nhà tôi nó xóc chữ ra hai bài trên từ bài thơ của ông đấy, quên rồi sao?

Rất có thể, theo nhà văn Mai Thảo, thì trước và sau ba bài này: không có thơ!"

THƠ BÙI GIÁNG

Lạc về đầu rú khe truông
vốc năm ngón nhỏ gieo buồn rã riêng
Tuổi xanh nhiếp dẫn sai miền
đổ xiêu phấn bướm phi tuyền vọng âm
Tuần trắng quảy gánh đau ngăm
cõi bờ phôi dựng gió nhằm tin hoa
Em về rắc cỏ thán ba
xuống trang hồng hạnh tin già in rêu.

2.

Cùng lúc, Sắc Không cũng nhận được "*Thư của Viên Linh gửi các nhà văn Việt Nam*". Sẵn đang mơ ước trở thành nhà văn nên Sắc Không "sướng quá, sướng quá!

Song, đọc đi đọc lại, cứ ngỡ ngỡ có một cái gì đó không ổn, vội quay số (714) 897-2559 để hỏi:

- Ông muốn thay đổi định chế Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, sao không thông qua tiếng nói của Ủy-ban Định-chế mà chủ-tịch là nhà thơ Lưu Nguyễn, ghi bên lề thư?

- Chưa liên lạc được với Thiên Thai!

Sắc Không chợt nhớ nhà văn Viên Linh, tác giả truyện *Hạ đỏ*, cũng là nhà thơ với tập *Thủy mộ quan* (Mồ cửa nước), vội hỏi tiếp:

- Làm văn thơ: lên. Làm chủ tịch: xuống. Ông nghĩ sao?

- Nghe đây, bài thơ mới nhất:

Muốn xuống nó cứ lên hoài,
ngược đời chẳng thấy một ai giống mình.

Vào tù ra tội vì tình,
nước non xuống dưới, thân mình lên trên.

Âu đành Lạc thú lãng quên,
vào nơi Thanh Hải ra tiền giấy bay!
Hoá Thân từ bấy đến rày,
xe bon Mã Lộ, Cúc bầy Tà huy.

3.

Mỗi người Việt là một nhà thơ, trừ Sắc Không, một kẻ gần thành... nhà thơ, bởi "sở trường gồm rất nhiều sở đoán và sở đoán là chẳng có sở trường nào cả". Ngay cái tên Sắc Không, nằm trong câu hỏi - dao chém đá có sắc không - cũng đủ sắc mùi quê rồi. Nào có biết chi về "sắc tức thị không, không tức thị sắc" trong Tâm Kinh nhà Phật, xin quý bạn đọc đừng hỏi gì cao xa thêm nữa.

Trong số những người cật vấn Sắc Không, hân hạnh thay có cả nhà văn Nhật Tiến, tác giả tập *Chim hót trong lồng* (có giê), hôm qua đã gay gắt hỏi Sắc Không:

- Này! Anh thấy tôi và Nguyễn Chí Thiện khác nhau ở chỗ nào?

- ...

- Cứ nói! Giữa hai lần đạn bắn ra. Một mình đi tới mà ta chẳng sờn. Hướng hồ...

- Khác ở chỗ này: Bùi Nhật Tiến là nhân vật cai ngục trong thơ Nguyễn Chí Thiện và Nguyễn Chí Thiện là nhân vật bà sơ trong truyện của Bùi Nhật Tiến!

Chưa hết, nhà văn Nhật Tiến còn cố hỏi thêm:

- Người ta bảo ở hải ngoại này có "tam Bùi qui độc". Hai người kia là Bùi Duy Tâm và Bùi Tín. Lại thật, tên ba anh em chúng tôi, cùng khác cha mẹ, đều văn T. Nhưng anh thấy ai đáng mặt "đệ nhất độc"?

- Không dám. Nhưng nhà thơ Mậu Bình Hà Huyền Chi có một bài thơ nói về việc ấy. Ông có thể nghe?..

- Được!

- Tôi xin đọc:

Chó săn thua đứt chim mồi,

những tên cầm-bút-làm-bồi, gáy vang
Sông Đà bọt nổi sớm tan,
giả làm Mặt Thật càng tàn rụi nhanh.
Quê Người hết em lại anh,
ra công giấu vuốt, che nanh Quê Nhà.
Sự thật sao không nói ra,
bởi đâu con trẻ, người già dối ăn?

4.

Trong lúc nhà thơ Phạm Thiên Thư đang sống ở quê nhà, vẫn không làm cách nào cho in nổi tập bản thảo *Trường ca Hồ Chí Minh*, viết nắn nót, xong ngày 30 tháng 4 năm 1975. Qua bài thơ mới nhất, gửi Sắc Không, giọng ông dường cay đắng, rất Đoạn trường vô thanh:

Sóng lòng bật nước toé ra,
vô thanh nhưong ấy mới là vô thanh.
Đào phai lá biếc tàn nhanh,
máu se hạt đọng trên nhành quắt khô.
Triều dâng ngọn bạc nhấp nhô,
chân va ghềnh đá đầu xô tiếng thẳm.
Kiếp sau anh làm sóng ngầm,
lật em thuyền úp chôn dằm dĩa sương.

5.

Quen toàn các tay tổ, thú thật! Sắc Không xin nói thêm về tác giả *Động hoa vàng* và *Suối mây hồng*: Trước 1975, vốn là thiền sư Tuệ Không, sau cởi áo dài nâu, ra đời lần thứ hai, thích làm thơ Tình và thơ Đạo, ký tên Phạm Thiên Thư. Thường ông chỉ mơ ước được làm con chí trong mái tóc nàng Tây Thi. Nên nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật trên tờ *Khởi hành* ở Sài Gòn, do nhà thơ Viên Linh làm tổng thư-ký, đã cho đăng bài thơ sau đây:

Kiếp sau xin chớ làm người,
làm con chí đực rong chơi tóc nàng.
Em nằm ngủ *Động Hoa Vàng*,
Suối Mây Hồng vuốt đôi hàng bờ
xanh.
Sự đời qua cái liếc nhanh,
chim chưa mở mắt, bướm đành ngậm
sương.
Biết người còn cuộc tang thương,
giấu trong hạt lệ vô thường đêm qua
Người về kinh tỵng xót xa,

trông toà sen lại tường toà thiên
nhiên.

Nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật, giờ ở Na Uy, cho biết nay đã già, lấy làm tiếc về những trò chơi chữ thời trai trẻ mà ông gọi là loại thơ lộn... hàng. Hiện ông có 500 bài Tục-thi, chỉ cho in sau khi chết.

6.

Chưa chắc gì Tục-thi đã "lộn hàng" bằng thơ Mai Thảo, trong tập *Ta thấy hình ta những miếu đền*, như:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
cười tùm: "Còn thương đặt chỗ nào?"

Chỗ nào? Phải chăng cái chỗ mà trẻ con cũng biết song người lớn chẳng tiện nói ra. Hay là... đúng như nhà thơ Nguyên Sa đã tả:

Chỗ đào có lá sen xanh,
bờ xa cỏ thấp nghiêng mình dáng
sông.

Sắc Không đành phải cầu cơ bút, hồn nhà thơ Xuân Diệu hiện về. Rõ là vua thơ Tình:

Chỗ, mà anh đã đặt tay/
của em / ngày trước tới nay vẫn còn
Mưa nhiều / dấu nhạit ngôi son
rướn cong / mái cũ / từng hôn bám rêu
Mười năm tình cũ / càng yêu
lò tôn / đượm lửa than nhiều / nóng
ran
Lòng em hề phố / mê man
tay thương đặt cả hai bàn / nhé / anh.

7.

Dù bài "*Cười tùm*" của nhà thơ Mai Thảo đã được ca kỹ Khánh Ly ngợi khen là "bất hủ, thiêng liêng, cao cả..." vẫn thua xa bài *Thừa thắng xông lên* của nhà thơ vĩ đại Hồ Chí Minh. Trong và ngoài nước đều chưa ai biết bài thơ này, trừ Bộ Chính-trị, được kể là Quốc-tế Thi-ca chi bảo,

cầm phổ biến bữa bãi. Nhà thơ Sóng Hồng Trường Chinh Đặng Xuân Khu, trước khi tạ thế đã gửi cho Sắc Không một bản sao "để lưu". Người còn dạy: "Nhạc điệu dồn dập. Ý tứ xoắn xuýt. Hơi thơ keo quánh. Hồn hển. Hết ý!"

Khẩn trương lên! Khẩn trương lên!
dù không trắng, chẳng đóm đèn, xá
chì

Khắc phục đi! Khắc phục đi!
bú mồm xong đến ôm ghì múa đôi
Cái cốc đáng, cái nôi ngời
cà phê nhỏ giọt, mồ hôi vãi giòng
Hết hợp tác lại vắn công
tình yêu giai cấp bần nông cực kỳ
Mai này lỡ Đảng tan đi
vẫn lòng ơn Bác mất vì khẩn trương
Khắc phục còn tới bộ xương
rung lên bần bật trên giường nhân
dân.

8.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiệu, vốn khó tính, vừa mới tới Mỹ đã vội lên tiếng:

Dân tộc còn đang quần quai
dưới hầm chông
Ta làm sao có thể viết
lông bông
Ca ngợi cái đùi, cái ngực,
cái mông
Tán tụng mây trời hoa lá
viển vông

Vậy mà khi nghe bài *Thừa thắng xông lên*, ông cũng phải xuýt xoa: "Quả là cần phải có một định nghĩa mới cho thi ca Việt trong và ngoài nước, cuối thế kỷ 20. Thơ là cái ở dưới cái ngực, trên cái đùi và trước cái mông".

Nhưng nhà văn thời danh kiêm thi sĩ Milan Kundera, người Tiệp, trên tờ tạp chí văn học *Figaro* xuất bản tại Paris, lại nghĩ khác:

Cứ nhìn vào thơ phú
dù của dân tộc nào
Bạn sẽ hiểu vì sao
ta khinh hay quý họ.

lê làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:	75\$ (máy bay); 55\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 75 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ: 55 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không: 85 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy: 55 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1.800 quan / hàng-không 3.000 quan
Đan-mạch:	đường thủy 450 đan-kim / hàng không 600 đ-kim
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ. mã.
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.
Na-uy:	đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6.500 yen / hàng-không 11.000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.
Úc:	đường thủy 90 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Hoa-kỳ:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Trương Sĩ Lương
Postfach 104122	Björn Bondesvei 153	1700 Chip-N-Dale Dr.
44041 Dortmund	1253 Oslo	Arlington, TX 76012
(ĐT: 231-656-949)	(ĐT: 047-22-618645)	(ĐT: 817-265-6356)
Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:	Nhật-bản:
Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc	Phạm Ngọc Thanh
Lyster 77	P.O. Box 225	262-69-103, Shernowada
1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177	Yamato-She
(ĐT: 0229-231666)	(ĐT: 02-823-6129)	Kanagawa-Ken, T 242

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

THIỆP XUÂN

Sau Nguyên đán, tòa soạn tiếp tục nhận được một số thiệp xuân kể sau. Xin đa tạ và kính chúc quý vị tân niên vạn phúc:

Bạn Nguyễn Như Không; Ông bà Trọng Kim, Texas; Bà Bành Ngọc Diêu, Ontario; Thi sĩ Trần Thiện Hiệp và bà Lệ Hiền, Washington; Ông Vạn Lý Chinh Quân, Pháp; Tôn Nữ Thanh Thanh, California; Thi-sĩ Huy Lực Bùi Tiên Khôi; Thi sĩ Tuệ Nga, Oregon; nhà văn Đông Nghi, Montréal.

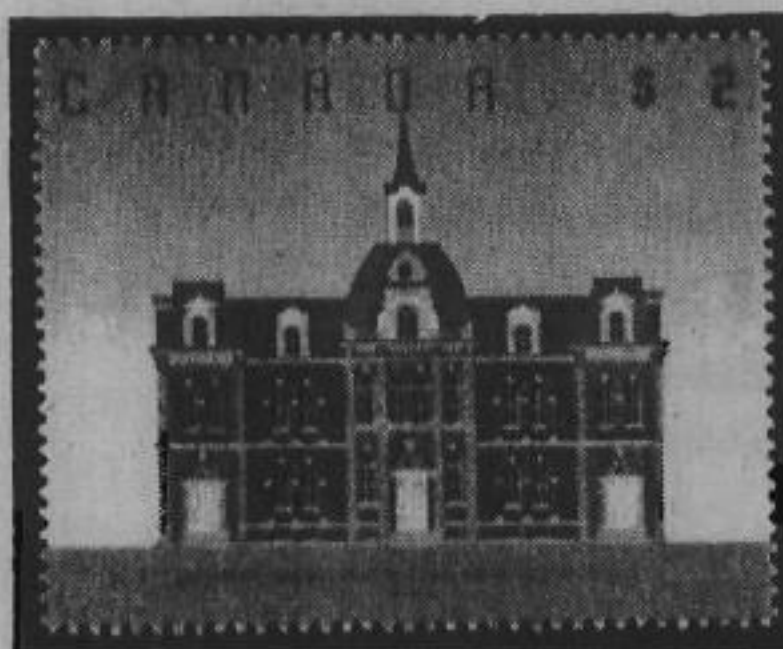
Ký giả Trọng Kim, Texas: Cảm ơn anh chị về lời chúc lành. Chuyến nam du mừng ngân khánh vui hơn 25 năm trước không?

Bà Bành Ngọc Diêu, Ontario: Cảm ơn thiệp xuân của đại tỷ. Bài thơ lạc khoản hay lắm. NH thích những bài ngắn như vậy.

Đại tỷ có tuổi, mùa đông nên bớt ra ngoài kéo ngà như vừa rồi. Sang hè, có dịp sẽ mời đại tỷ ghé tòa soạn chơi. Kính.

Thi sĩ Trần Thiện Hiệp, Washington: Cảm ơn ông về cái thiệp thật điệu. NH đang cố gắng “phát xôi” theo lời ông bà chúc. Nhiều chuyện phải làm quá, rất cần “anh hai”! Kính.

Nhà báo Vạn Lý Chinh Quân, Pháp: Đầu năm, nhà báo chúc NH “một viên đạn diệt cả lũ chúng nó”, e có hung quá chăng? NH không quen bóp cò, dùng ...hèo được không? Chinh Quân đọc mấy lô bài bôi bác NH mà lòng không thay đổi, thì tội của “lũ chúng nó” có ảnh hưởng gì



mà phải “diệt”? Vài hèo thôi, nhé? Kính.

T.T., California: Cảm ơn bạn hiền về mọi chuyện. Cảm ơn luôn về cái thiệp thơm phức.

Cặp tứ chiếng giang hồ ấy cả đời chỉ mong được người ta “đánh” để nổi tiếng. Thật là bệnh hoạn!

Này, đầu năm đầu tháng, chúc “phát tài” được rồi; còn “phát tướng”, chỉ nên chúc riêng ông Mập thôi! Thân.

Anh Phạm Phong Dinh, Winnipeg: NH đồng ý với anh về tất cả mọi điều. Khi giới thiệu anh tới quý vị “chức việc”, NH đã cân nhắc, tìm hiểu lập trường và tiền trình của anh. Xin yên tâm viết lách và làm việc. NH và Bếp Mập không có thói nịnh xằng, bók ầu cho được việc. Thân.

Hoàng Nga, Đức: Tập một thảo-chương mới không khó đâu. Nga chỉ cần lấy bút nỉ vẽ các dấu lên bàn chữ (keyboard) rồi theo đó mà gõ là xong. Đĩa chữ vẫn chưa dùng được. Thân.

Thi-sĩ Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Texas: Chúc mừng ông vụ sách Almanac in tên ông vào cột “thành-phố Houston”, là thi-sĩ tiêu-biểu của thành-phố. Kính.

Hoàng Viên Phương, Nam Dương: Sẽ tiếp tục gửi báo cho anh. Đã liên lạc các nơi, can thiệp cho gia đình anh. Mong sẽ có kết quả. Thân.

Anh Đình Khắc Thụy, Hương Cảng: Đã nhận được hồ sơ của anh

và bắt đầu việc can thiệp. Cố gắng giữ vững.

Anh Nguyễn Như Sơn, Úc: Cảm ơn anh về bài diễn đàn. Anh ở cách xa nửa trái đất mà nhìn rõ sự việc hơn nhiều nhà “trí thức” ngủ gật ở quận Cam. Thân.

Thi sĩ Sáo Bạc, Florida: Bài thơ chưa hay lắm, dụng ngữ đôi khi rất thô mà ý thơ không tục, lại có những câu chưa xốt, bùi ngùi: “Ai hay ngựa lại theo đường ngựa, Có khóc cười trong nỗi nhớ quên!...” Bếp Mập “chịu” lắm, sẽ in lại trong tập Văn Ấu xú sử.

NH thực thi chủ trương của Sáo Bạc “thêm bạn bớt thù”, nên mới có bài thơ của chương môn đầy chú! Dĩ nhiên vẫn phải mở to mắt mà nhìn, không để đất làng thành bãi hoang đầu!

Riêng bài thơ của Sáo Bạc, có lẽ kỳ rồi NH ngủ gật, gõ nháy mất bốn dòng giữa. Thành thật tạ lỗi. Thân.

Ông Võ Đệ, Montréal: Đã nhận được bài viết về thơ Lamartine, cảm ơn ông. Kính.

Thi sĩ Tuệ Nga, Oregon: Mừng chị có thêm một cháu ngoại, gia đình đông đúc hơn. Cảm ơn chị về bài thơ xuân. NH cất kỹ làm gia bảo. Thân.

Ngô công tử, Đức: Chuyện lộ bịch đó bắt nguồn từ hai gã “ký giả” cuồng danh, một ở B.C. Canada, một ở Đan Mạch. Nhưng nhờ thế mà một số người tò mò, tìm Làng Văn đọc thử và trở thành độc giả dài hạn. Không phải “tiền hung hậu kiệt” mà là “tái ông thất mã”. Thân.

Nhà văn Đông Nghi, Montréal: Đã nhận được hai quyển sách, được lắm. Đồng ý giúp anh về chuyện giấy tờ. Rán lên đi, có công mài sắt có ngày nên kim... ổng chích. Thân.

GS Đàm Quang Hưng, Texas: Tài liệu về “lịch Tàu” có giá trị cao về sưu khảo. Nếu chưa đăng ở đâu,

xin ông gửi đĩa chữ về tòa soạn. *Liều trai chí dị* thì nhiều người đã dịch. Đàm gia có nhã ý cho xem bản thảo, xin cứ gửi qua.

Chúc bà nhà sớm bình phục. Kính.

Thi sĩ Bùi Hữu Trí, CA: Xin gửi đĩa chữ bài *Thời gian* về. Vấn đề ý chuyện Cali. Chúc anh và các bạn giữ vững trận tuyến văn hóa. Kính.

Bạn Nguyễn Thị Ven, Hương Cảng: Đã nhận được bài, đang đọc. *Làng Văn* không có tính kỳ thị địa phương, tôn giáo, phái tính, chủng tộc và quá khứ chính trị. Hiện nay, khoảng 5% bài vở trên *Làng Văn* là sáng tác "chui" từ trong nước gửi ra, khoảng 15% là bài vở của các bạn văn từ miền Bắc đi tị nạn. Tỷ số bách phân này không có định mức. Bài được chọn thường vì giá trị văn chương, nghiên cứu, lý luận, đấu tranh hoặc nhân bản. Yếu tố giá trị giúp tòa soạn quyết định đăng hay không đăng. Yếu tố "tên tuổi" không được đặt ưu tiên. Tên càng lớn, bài càng phải hay. *Làng Văn* chủ trương xây dựng một lớp người mới trong sinh hoạt văn học, không dốc tâm "o bế" những gốc cổ thụ. Bạn viết được gì, cứ gửi, đừng sợ nản... "vàng hơn chuyên!"

Lê Huệ Minh, CA: Quả là có người cho rằng "NH tự ví *Làng Văn* với các tờ *Nam phong*, *Phong-hóa*, *Ngày nay*" trước đây. Điều đó hoàn toàn sai. Các tờ báo vừa kể có sự đóng góp trong một giai đoạn, NH tôn trọng những giá trị cũ, nhưng không lấy đó làm tiêu mốc để tiến tới (hay lui lại?) Văn học có đời sống của nó. Sự tiếp nối ấy không dừng lại ở một chặng nào.

Lại có người viết trên báo rằng "đi hỏi lòng vòng trong họ ngoài làng, không ai biết gì về sự nghiệp văn chương của NHN, trừ tờ *Làng Văn*."

Không hiểu "trong họ ngoài làng" là gồm những ai? NH nhớ tới chuyện một bạn văn ở Tân-gia-ba nhân dịp sang Toronto công tác, ghé một quán phở hỏi thăm địa chỉ tòa soạn để tới thăm. Ông hàng phở không đọc báo,

chả biết *Làng Văn* là cái quái sự gì để chỉ dẫn, khiến ông bạn văn thất vọng, tiu nghỉu trở về rồi sau đó viết thư than thở.

"Trong họ ngoài làng" ở Cali có biết tới tờ *Làng Văn*, là đã hơn ông hàng phở ở Toronto một bậc. Còn mười mấy cuốn sách đủ loại của ông Mập vì không hề được bán tại các tiệm چاپ phở, bánh mì, phở rang, tiệm thuốc, nên "trong họ ngoài làng" (và các nhà báo chợ) không biết tới, là chuyện dễ hiểu, xin miễn cho NH phải bình luận!

Bạch Liên nương tử, Na Uy: Đã nhận được 10 bìa sách truyện. Sẽ gửi lại 10 cái bìa hồng để nương tử xem chơi. Sách gửi bằng bưu điện, dù bằng đường hàng không, vẫn hư hỏng ít nhiều, dù đã gói thật kỹ (bằng thùng các-tông dày, cắt thêm bìa các-tông chèn kỹ 6 mặt, ngoài dán băng keo trong cả 6 mặt).. Đã có thư cho Dương Kim và gửi bản thứ hai cho Dương mẫu để tường. Thân.

Valerine Nguyễn, Hoa Kỳ: Cảm ơn về sự khích lệ. Có những độc giả quan tâm đến việc làng như bà, báo nào cũng sẽ phải "vững mạnh" hết! Kính.

Thảo Nguyễn, Hương Cảng: Công việc can thiệp cho anh chị em nghệ sĩ tại các trại vẫn tiến hành đều đặn từ bao nhiêu năm qua. Mới có tin vui, là đã có thêm một vài bạn được tái xét thanh lọc. Sẽ cố hết sức, không còn bao lâu nữa!

Anh đừng quan tâm chuyện bên ngoài. Bất cứ ai can thiệp giúp các anh, đều tốt, và do thiện chí của họ, không nên từ chối. Với NH, bất cứ ai bỏ thì giờ, tiền bạc, tâm trí lo cho người tị nạn, ít ra họ cũng có nhất điểm lương tri, vẫn còn chất "người", xin các anh yên tâm và thoải mái nhận sự giúp đỡ ấy. Tuy nhiên cũng nên cẩn thận, nếu anh cảm thấy có một điều gì đó không ổn thì xin báo ngay cho tòa soạn. Thân.

Anh Phan Chung Giản, Hương

Cảng: Anh cứ gửi thư về tòa soạn, nhờ chuyển. NH sẽ cố gắng giúp thư đến tận tay người nhận.

Nguyễn Tàn Phượng, Hương Cảng: Bên kia đã về tới bên này. Xin theo dõi cột "bài sẽ đăng."

Nhà văn Trúc Sơn, Nhật bản: Đã nhận được bản sao các thư từ liên quan vấn đề địa phương. Duyên văn giữa ông và tòa soạn càng bền chặt sau những xao động nho nhỏ vừa qua.

Chuyện loài cú ma, cú đại mộc không quá gổ, chẳng đáng quan tâm. NH còn bao nhiêu chuyện để làm hơn là vướng víu với những người cả đời chỉ tìm cách cà khịa với người khác mong được nhắc đến! Bếp Mập đã có thư riêng, mong được ông góp sức trong những chuyện công ích. Kính.

Ông Bùi Mỹ, Montréal: Cảm ơn ông đã gửi tài liệu. Chuyện Trần Bạch Đằng viết báo ca ngợi "*các anh có công đập bể Văn Bút VNHN ra làm hai*", hãy để cho ông Viên Linh nở mũi. NH đứng về phía những người phòng thủ cứ điểm cuối cùng của người quốc gia, cố gắng giữ cho tổ chức được toàn vẹn, nhưng không lệ thuộc cộng sản. Nếu toàn vẹn mà lệ thuộc, thà giữ lấy một mảnh độc lập còn hơn mất hết!

Mười ngàn tờ báo nguy danh "cộng-đồng người Việt quốc-gia", nội dung lên án các chiến sĩ tự do đang chống giữ Văn Bút, in xong dán tem gửi biểu từng nhà, đủ nói lên mọi điều. Anh chị em trong tổ chức không bao giờ chịu khuất phục bạo lực. Bất cứ loại bạo lực nào. Ông yên tâm. Kính.

Thi sĩ Hoài Việt, Pháp: Đã gửi một số tài liệu khóa học kèm theo báo kỳ này. Thân kính.

Cô Nguyễn Kiều, OK: Đề nghị cô viết thư và gửi tài liệu cho Văn Bút VNHN để yêu cầu can thiệp, vì vị hôn phu của cô là người cầm bút có tác phẩm. Địa chỉ Văn Bút: Nhà văn Sơn Tùng, P.O. Box 6203, Falls

Church, VA 22040, USA. Điện thoại: (703) 204-1745; điện thư: (301) 365-5961.

Nhà văn Hứa Hoàn, Texas: Đã gửi ngân phiếu thay chi phiếu. Trước đây ông vẫn nhận chi phiếu từ tòa soạn mà đâu có vấn đề gì, phải không? Hay ông mới đổi nhà băng? Giá ông giao thiệp với một nhà băng loại lớn, có khế ước trao đổi chi phiếu với các ngân hàng Gia Nã Đại thì NH đỡ phải xếp hàng mua ngân phiếu, và ông không bị tính tiền hành chánh quá cao. Kính.

Doãn thị Ngọc Thanh, Úc: Cảm ơn về lời chúc mừng. Đúng y như NT viết, anh em nhờ ông cụ giữ vai trò danh dự, cố vấn, tránh bị mất thì giờ viết lách, an dưỡng; và không phải "xung kích" như bọn trẻ chúng mình.

Nhớ đấy, khi nào sang thăm xứ tuyết, đừng quên về làng. Thân.

Bà Lê Ngọc Thanh, Đức: Đã gửi tập II từ lâu, vẫn không tới thì NH chỉ còn cách gửi chi phiếu bồi hoàn vậy. Rất tiếc!

Ông Bùi Văn Đại, Hương Cảng: Ông viết được gì cứ gửi, tòa soạn

hoan nghênh. Các bài thơ chưa được. NH không chê, nhưng vì phải cạnh tranh với quá nhiều bài khác gửi về tòa soạn hàng tháng, ông phải dụng công trau chuốt thêm! Kính.

Ông Nguyễn Xuân Lê, Longueuil: Đã gửi bù số 139, mong không lạc nữa. Kính.

Anh Trần Tiến, Hương Cảng: Đã nhận được tin tức anh gửi. Việc vận động bắt đầu có kết quả sơ khởi. Cố gắng lên. Thân.

Khải Hoàn, Hương Cảng: Đã được thư và thơ. Tiếp tục gửi và vững lòng. Mong tin anh.

Ông Nguyễn Hoàng, Brossard: Cảm ơn ông đã gửi cho xem các tấm ảnh chụp băng chữ của CSVN trong nước. Rất thú vị về nhận-xét của ông, sau khẩu hiệu nào cũng có dấu chấm than to tướng: "*Hồ chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp chúng ta!*" Dấu chấm than nằm ở đó như một lời ta thán!

Bà T.N. và ông T.V., Pháp: NH không thấy trong V.B. có mâm xôi thủ lợn nào cả như ông bà đề cập! NH cảm ơn ông bà đã có nhã ý gửi

khá nhiều sáng tác, tiếc là tòa soạn chưa chọn được bài nào. Không phải vì anh em tòa soạn "bận nhiều việc thuộc về chính trị hơn là văn chương thuần túy" đâu, mà vì NH người trần mắt thịt chưa nhìn ra ưu điểm văn chương trong các bài ấy. đành vậy!

Xem lại, *Làng Văn* đăng bài *Con chó đốm* của Nguyễn Văn Ba trước khi tờ báo kia đăng bài *Một kỷ niệm thời niên thiếu* của Kim Anh khá lâu. *Làng Văn* vẫn chủ trương không đăng trùng bài (trừ tin tức và một số bài nhận định quan trọng). Khi nào có chuyện trùng hợp, xin hiểu đó là một tai nạn.

K. Phương, Thụy Sĩ: Bạn hiền yên tâm, NH đủ sức đứng trên mọi phiên nào. Thứ nhất, thấy việc phải là làm, bất chấp hệ quả. Thứ hai, trước khi nhập cuộc đã cân nhắc và tiên liệu được những gì sẽ xảy ra. Thứ ba, NH không cho phép những chuyện vặt vãnh ấy làm vướng chân mình. Dù sao cũng cảm ơn bạn lắm, dù ở cách xa một biển lớn, vẫn để ý chăm sóc tinh thần cho nhau. Đó là lý do thứ tư giúp NH luôn luôn đứng vững: luôn luôn có "quối nơn phù trợ", kể cả vật chất lẫn tinh thần. Cảm ơn Phương.

Hàng, San Jose: Bên đây xuân xanh chưa về, trời đông còn giăng lê thê; bên kia tuyết mù đại mạc. Hàng ơi! Trời đất hôn mê!

Quả vậy. Mùa đông năm nay dài lạ kỳ, từ tháng 10 tuyết đã phủ dày, đến cuối tháng ba hầy còn mấy trận mù mịt đất trời. Bên Hàng, như bạn viết, thì "*ngày mưa, ngày nắng, lúc lạnh, lúc nóng bất thường như... đàn bà! Tuần trước lại có tuyết phủ trắng xóa mấy ngọn đồi quanh nhà, tội-nghiệp mấy nụ anh đào vừa hé nở.*"

Cảm ơn đã chúc một mùa xuân thật vui. Ủ, thì chờ!

Sẽ tìm cách để báo đến nhà nàng sớm hơn, đỡ phải vừa mua dài hạn, vừa mua lẻ, vừa khuôn đi biểu bạn bè, vất vả quá!

Bạn ta yên chí, đã hứa "sẽ đăng" thì sẽ đăng cho kỳ hết. Kiếp này đến

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

nhà văn NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

đã qua đời tại Montréal (Gia-nã-đại) ngày 21 tháng 2 năm 1996, hưởng thọ 59 tuổi,

xin thành-kính phân-ưu cùng chị Nguyên Ngọc và quý tang-quyển; kính chúc hương hồn anh chóng về cõi sáng.

Sơn Tùng và Ban Chấp-hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Vi Vi Võ Hùng Kiệt

Bá Dĩnh & Thủy Trang

Bác sĩ Trần Mộng Lâm và bà

Nguyễn Nghĩa & Đặng Nhung

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

lúc răng long đầu trọc (vì rụng hết tóc) mà chưa đăng hết thơ bạn, kiếp sau xin tự đọa làm báo nữa để trả nợ ân tình, đăng tiếp cho hết.

Bài thơ "*In my hometown*" của ông Hằng, nghe cảm động chứ. Dòng đầu tiên trong đời thi sĩ, viết về nơi mình lớn lên, là một ký hiệu nhân bản. Hằng muốn ông nhớ cái gì khác, ngoài *many many trees* và *many many bees*? Một bóng hồng tha thướt trong bài hát *The Red Valley River* chăng? Ô! Không nên đâu! Thân.

Nhà văn Duy Lam, California: Ngôi tỉnh lại, "các nhà văn lão thành và tâm tiếng" đi Houston về đều cúm cả. Các cụ đều ở tuổi hưu, muốn nghỉ là nghỉ, đâu cần phải cáo ốm mà hè nhau "*call in sick*" một lượt vậy kìa! Đã nhận đủ thư và bài, cảm ơn ông. Kính.

Anh Võ Văn Sáu, Seattle: Lu bu quá, tiếp tế bài vở hơi chậm. Cảm ơn anh về sự quan tâm. Chúc anh mọi sự tốt đẹp.

Mai Thị Thu Thủy, Thái Lan: Tòa soạn đã chuyển hồ-sơ vụ nhân

viên Thái tra tấn cháu Mèo (5 tuổi) đến các cơ quan nhân-quyền quốc tế và LAVAS để nhờ can thiệp.

Kim Hà, Vinh Hà, Cali: Đã nhận được thiệp cảm ơn. Cứ y như Mỹ! Mấy ngày ở Houston là một kỷ niệm đẹp. Bếp rất vui gặp lại hai bạn. Có dịp sẽ ghé thăm. Thân.

Đào thị Hồng Quyên, Đức: Hai cuốn bà hồi đều do Làng Văn phát hành. Xin xem thư mục 95-69 hoặc Thư mục 1996 (mới phát hành). Thư cho ông N.P., xin gửi về tòa soạn nhờ chuyển.

Mỹ Hạnh, Montréal: NH cũng ngạc nhiên khi biết chuyện cộng đồng cho phép "sư phụ gái" bày hàng ngay giữa chợ tết. Cộng đồng đâu nghèo đến độ cần tới mấy trăm bạc của tà môn. Hay đúng như bạn nói, "làm phát tự do"! Bạn nên viết thư thẳng cho cộng đồng để tìm hiểu căn nguyên. Thân.

Thi sĩ Nguyễn Huy Phước, NJ: Mấy bài thơ ông gửi về nặng ký hơn một cái thiệp xuân, xin yên tâm. Sẽ

gửi báo về địa chỉ mới. Kính.

Anh Phan Hồng Đạm, Nam Dương: Đã nhận được thư và thơ. Sẽ cố gắng giúp anh.

Nguyễn Kha, Hương Cảng: NH không nắm vững tình hình trong các trại tù hình sự bên đó nên không dám có lời khuyên gì mới. Đọc thư, biết em đã trở thành thợ dệt áo len, NH rất vui. Thân.

Nhà văn Nguyễn Văn Thông, MA: Đã nhận được bài đặt hàng. Sẽ gọi sang anh để bàn thêm.

Đã nhận được tiền của trường Malden, cảm ơn anh. Sẽ gửi anh các tựa sách đề nghị và các đĩa lớn.

Suýt quên, máy của anh bị *virus*. Kỳ này NH gửi anh mấy đĩa để "trị". Mong thành công. Thân.

GS Mạnh Bích, Paris: Đã nhận được băng và xấp nhạc của ông, xin đa tạ. Hi vọng sau thời gian dưỡng bệnh ở miền nam, ông đã bình phục và trở lại Paris. Thân kính.

Anh Nguyễn Minh Khánh, Toronto: Đồng ý. Xin anh tùy nghi sử dụng hai cái truyện bị động lại quá lâu. NH vẫn nghĩ tới kế hoạch đổi *Làng Văn* thành bán nguyệt san để giải quyết kịp số bài vở trong danh sách "sẽ đăng". Hiện tại thì chịu!

Bà Hồ Bá Tâm, Pháp: Tờ báo đầu tiên bà nhận được sẽ đến vào khoảng bốn tuần, vì mua báo máy bay. Sau đó cứ khoảng đầu tháng, báo lại đến. Kính.

Ông Vũ Quân, Edmonton: Cảm ơn ông đã cho đọc bài thơ đen gửi Nhật Tiến. Vì tờ *Việt Báo* chỉ phát hành ở Edmonton, Gia Nã Đại, nên NH mạn phép gửi thẳng trang bài ấy tới để vị cố tri của ông tiện thưởng lãm. Kính.

Anh Vũ Tiến Dũng, Hương Cảng: Đã nhận được thư đề ngày 12.2 của anh. Sẽ làm gấp các thủ tục

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

nhà báo CHỦ BÁ ANH

đã qua đời tại Virginia (Hoa-kỳ) ngày 12 tháng 3 năm 1996, hưởng thọ 63 tuổi,

xin thành-kính phân-ưu cùng chị Vi Khuê và quý tang-quyển; kính chúc hương hồn anh sớm tiêu-diêu lạc cảnh.

Sơn Tùng và BCH Văn Bút VNHN

Trung tâm Văn Bút VN Ontario

Học giả Thái Văn Kiểm và bà

Nhà văn Xuân Tước

Bà Bành Ngọc Diêu

Ông bà Trà Lũ Trần Trung Lương

Bá Dĩnh & Thủy Trang

Nguyễn Nghĩa & Đặng Nhung

Gia đình Trương Sĩ Lương

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

để anh đánh trận chót. Mong sẽ có kết quả tốt. Thân.

Anh Nguyễn Trọng Hiếu, Ottawa: Anh liên lạc Hội Chuyên gia Ottawa, hỏi xin thảo chương VPS. Ngoài ra, nếu anh có trương mục trong mạng *internet*, anh có thể vào <http://www.saigonnet.com> để lấy thảo chương chữ Việt (miễn phí).

Thi sĩ Hoài Nam, VA: Đôi chim trong thiếp ấy là một loại vịt, người Tàu gọi là chim uyên ương. Con trống là uyên (hay *oan*), con mái là ương, sống từng cặp, không bao giờ rời nhau; nếu một con chết, con kia sẽ sống lẻ cho tới chết, không bao giờ "tục huyền" hay "tái giá."

Anh Thanh An, Hương Cảng: Đã gửi giấy tờ cần thiết sang cho anh. Mong thành công.

Anh Phạm Quang Hợp, Hương Cảng: Các anh làm việc nghiêm chỉnh như vậy là đúng. Sức của anh em bên này chỉ đủ lo cho từng nhóm nhỏ, không thể ôm đồm, hồng cả. Xin liên lạc đều.

Ông Phan Văn Minh, Chelles: Bây giờ ông đã về hưu, thì giờ rảnh hơn nên tòa soạn mới có việc nhờ. Đã gửi thư riêng giải thích, và chờ ông trả lời. Kính.

Bà Bùi Phương Thảo, Montréal: Hạn báo của bà tới số 159 mới hết. Tòa soạn đã gửi bù số 139 bị thất lạc. Kính.

Yên Hà, Hoa Kỳ: Báo đến nhà bạn trong tuần lễ đầu tháng là đúng hạn kỳ, trừ đôi khi vì lý do gì báo ra trễ (như số 140) này, sẽ nhận vào khoảng ngày 10. Nếu báo đến sớm hơn, là do Bưu điện làm việc giỏi, không phải NH giỏi.

Tất cả báo đều gửi đi từ Toronto, Gia Nã Đại. Báo máy bay, tòa soạn mang ra bưu trạm.

Báo gửi theo "*publications mail*", tòa soạn mang ra trung-tâm phân loại

thư (*sortation centre*) của Bưu điện. *Làng Văn* có giấy phép hưởng cước phí xuất bản, do Bưu điện Gia Nã Đại cấp.

Báo gửi sang Hoa kỳ, tòa soạn giao cho một hãng tư mang sang Lewiston (tiểu bang New York, cách Toronto 130 cây số) để gửi. *Làng Văn* có giấy phép hưởng cước phí hạng nhì do Bưu điện Mỹ cấp. "Số 1700 Chip-N-Dale, Texas" là địa chỉ phát hoàn, nếu báo bị trả về.

Hiện tòa soạn không định tăng trang, mà tăng lên hai kỳ. Truyện dài mỗi loại một truyện, và giữ ở mức 4 truyện mỗi kỳ. Nhà văn bạn hỏi đã chuyển sang nghề "tay mặt".

Nếu lấy nhuận bút, xin bạn ghi hai chữ "nhuận bút" lên đầu bài, cạnh chữ "riêng" (bài gửi riêng cho *Làng Văn*).

Ông Andy Huỳnh, San Jose: Cảm ơn ông về cuốn băng tài liệu, tòa soạn chưa có, cả tờ báo *Đông Dương* cũng chưa. Hình như cái chính phủ "bài Mỹ" chỉ lo "Mỹ vận" mà thôi. NH chưa biết gì nhiều, ngoài ông Tổng trưởng "hàng xóm", nên còn phải dựa cột mà nghe. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Lê Văn Lan (4), Võ Đệ, Bùi Hữu Trí, Trần Tiến, Phạm Thành (2), Nguyễn Hiền, Lê Mai Linh, Nguyễn Như Sơn (2), Thanh Vân, Sắc Không, Bình Minh, Chinh Nguyên, Đàm Quang Hưng, Nguyễn Thế Phổ, Nguyễn Thị Vẹn, Phạm Phong Dinh (2), Thảo Nguyễn.

Thơ: Nguyễn Thạch Kiên, Nguyễn Khánh Hoà (4), Hà Huyền Chi (23), Nguyễn Đông Hàn (2), Nghiêu Minh (2), Muối Đồng Nai (2), Nguyễn Như Không (4), Vạn Giã, Phạm Chí Thành, Phan Long Yên (11), B.H.T. (8), Cao My Nhân, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Phù Sa (5), Nguyễn Vĩnh Long (3), Đỗ Mạnh Tuấn (2), Phan Các Chiêu Hằng (4), Nguyễn Văn Cường (3), Đặng Thị

Quế Phương, Thiên Di, Hồ Công Tâm, Trần Minh Hiền (4), Phạm Hồng Đạm (4), Nguyễn Như Sơn (6), Ngô Minh Hằng (2), Nguyễn Huy Phước (4), Trần Ngân Tiêu (2), Nguyễn Tiến Thìn, Ông Thế Hùng, Sơn Hải, Tuệ Nga (2), Ngọc Hân (2), EP (4), Hoàng Châu, Duy Lam (3), Nguyễn Đức Thanh (2), Ngọc Thủy (3), Hoàng Bích Thu, Thanh Thịnh, Nguyễn Tuệ Ngọc, Phạm Bách Hợp, Bảo Trân, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Hoài Ngọc (2), Trần Tiến (3), Chinh Nguyên.

Nhạc: Hoàng Viễn Phương (4), Hùng Quân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Phở, Những con chuột trong truyện Trinh Thử, Bài chòi (LVL), Chém đá (SK), Thời gian (BHT), Một án mạng tuyệt hảo (TV), Màu sắc Hongkong... (PPD).

Thơ: Dạ tâm khúc (NND), Người về (PBH), Tàu xa (NĐT), Trắng, Thiên hành mùa đông (EP), Tình bay theo gió thu (SH), Mưa tháng tư (NH), Tháng tư còn đó, Một thoáng băng khuâng, Như một cảnh sương, Mừng sinh nhật bác (NHP), Gởi người bên sông Dịch, Ngày xuân của chị (PHĐ), Anh vẫn đợi (HCT), Mai ta về (TD), Dạ khúc (PCCH), Quê người, Xuân muộn (NVL), Đáng tiếc (CMN), Xuân cô đơn, Nụ hôn đầu ngày, Áo tình, Xa, Tình bơ vơ (BHT), Mùa xuân ở Houston, Bài cuối cho Los (NM), Ngủ ôm xác bạn (PLY), Âm vang (VG), Hà Nội ơi, Nghĩ về em (NHN), Thông điệp tháng tư (NVC), Con suối hẹn (TN).

nhắn tin

Tìm cháu **Minh Châu**, bí-danh *Người đẹp Trung Chánh*, con của ông bà Nguyễn Cao Chấn. Mẹ và chú thím rất trông tin cháu, nay ở đâu, liên-lạc gấp chú thím **Nguyễn Cao Phối**, 8805 Sherbrooke Est, Montréal, PQ H1L 1C4, Canada.

CẢM TẠ

Chúng tôi thừa lệnh thân mẫu, xin chân thành gửi lời cảm tạ đến:

- Hoà thượng Thích Tâm Châu, Thượng Thủ Giáo Hội Việt Nam Thế Giới
- Chư vị Đại Đức, Tăng Ni và ban hộ niệm Tổ đình Từ Quang
- Ban hộ niệm và ban pháp hoa chùa Liên Hoa
- Cộng đồng Công giáo Việt Nam Montréal
- Cộng đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal
- Hội Cựu Học sinh Bưởi-Chu Văn An
- Gia đình Cựu Giáo chức tại Montréal
- Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại
- Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Québec
- Cơ sở Khuyến học và Phát huy Văn hoá Việt Nam Montréal
- Hội Cao Niên Thân Hữu Montréal
- Hội Cựu Quân Nhân quân lực Việt Nam Cộng Hoà Montréal
- Hội Ái hữu Cựu Học sinh Trưng Vương Montréal
- Hội Cựu Sinh viên Quốc gia Hành chánh Montréal
- Hội Dược sĩ Việt Nam tại Québec
- Hội Ái hữu Cựu Học sinh Pétrus Trương Vĩnh Ký Montréal
- Hội Phụ nữ Việt Nam Montréal
- Nhóm Sư tằm Văn thơ Sinh viên Québec
- Báo Vietnam-Canada và Fondation Vietnam-Canada
- Quý cụ, quý bác và quý vị thân bằng quyến thuộc

đã phân ưu, phúng điếu và tiễn đưa linh cữu của chồng, cha, anh, bác, ông chúng tôi là:

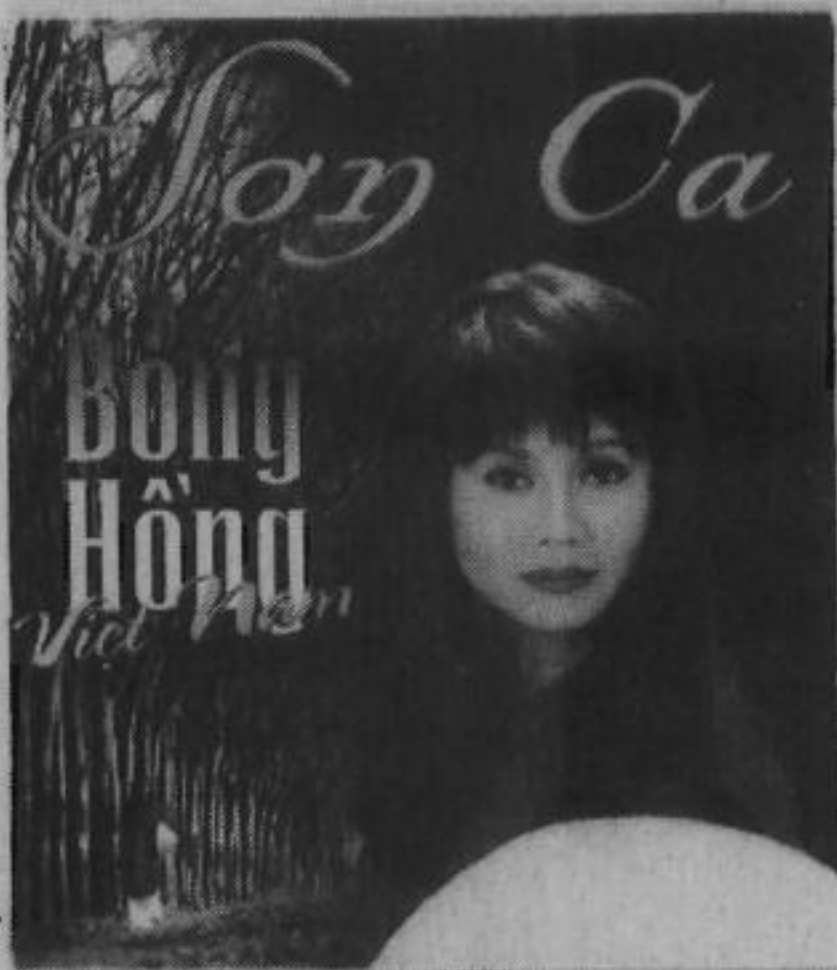
Nhà văn NGUYỄN ĐÔNG NGẠC **pháp danh TRÍ HẢI**

từ trần tại bệnh viện Jean Talon, Montreal lúc 11 giờ 14 phút ngày 21.2.1996 tức ngày 3 tháng Giêng năm Bính Tý, hưởng thọ 59 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối cùng

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều gì sơ sót, xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG CẢM TẠ

Vợ:	Nguyễn Ngọc
Trưởng nữ:	Nguyễn Thị Ngân Trang
Con rể:	Nguyễn Hồng Hào
Thứ nữ:	Nguyễn Thị Song Thanh
Em trai:	Nguyễn Văn Kiện, vợ và các con Nguyễn Văn Tạc, vợ và các con
Em gái:	Nguyễn Thị Phúc Cầu, chồng và các con, cháu Nguyễn Thị Long, chồng và các con Nguyễn Thị Lan, chồng và các con Nguyễn Thị Thanh Đạm, chồng và các con Nguyễn Thị Mộng Thuý, chồng và các con Nguyễn Thị Hồng Loan, chồng và các con



Bông hồng Việt Nam
SƠN CA

*Bông hồng việt nam *Anh sáu về quê
*Bến duyên lành *Cánh thư trời xa *Giăng câu
*Rạng đông trên quê hương Việt Nam *Theo anh
xuống thuyền *Việt Nam như đoá hoa xinh
*Thuyền hoa *Chuyện tình người trinh nữ tên Thy



Hát cho những bà mẹ
Việt Nam
CHẾ LINH

*Lòng mẹ 2 *Đêm không còn tiếng súng
* Mái tóc quê hương * Gọi nhớ quê hương
*Cho anh được về với quê em *Bông hồng cài áo
*Hai chuyến tàu đêm *Hoa vẫn nở trên đường
quê hương *Chuyện 3 người *Nó



Zuỳnh Hương
THANH HÀ - Ý LINH

*Sa mạc tình yêu *Cổ úa *Bài không tên số 3
*Em đi rồi *Về đây anh *Quỳnh hương
*Bài không tên số 8 *Như đã dấu yêu
*Mưa trên biển vắng *Trái tim còn trinh



Sao em nỡ vội lấy chồng
CHẾ LINH - THANH TUYỀN

*Nhấn cổ cho em *Có lẽ *Mưa trên phố vắng
*Đám cưới người ta *Mưa *Bàn tay trắng
*Sao em nỡ vội lấy chồng *Lại nhớ người yêu
*Người thương kẻ nhớ *Mãi lỡ mình sang ngang



Yêu người khôn người
THANHLAN

*Tiễn anh trong mưa *Người tình và mùa đông
*Bến mơ *Tình trong phút giây *Con yêu
*Yêu người khôn người *Cuộc tình làm lỡ
*Tất cả cho anh *Phố mưa *Giấc mơ



Rừng lá thay chưa
PHƯƠNG DUNG - THANH TUYỀN

*Rừng lá thay chưa *Dấu chân kỷ niệm
*Mười năm chuyện cũ *Hãy quên nhau
*Quán nửa khuya *Tình bơ vơ
*Người yêu cô đơn *Con đường xưa em đi
*Xóm đêm *Nỗi buồn hoa phượng

LÀNG VĂN
PRODUCTIONS

15101 Weststate St Westminster, CA 92683
Toll free: (800) 426-1558
Tel: (714) 894-2233 / 891-0640
Fax: (714) 894-5552

CALL VIETNAM FROM \$1.09 A MINUTE.



THE BEST SAVINGS
GUARANTEED



NO MATTER WHERE
OR WHEN YOU CALL.

Wish you could spend more time calling friends or family overseas? Switch to Sprint Canada.

Compared to your local telephone company's calling plan, THE MOST savings plan always gives you the best monthly savings, wherever or whenever you call. Guaranteed.

Here's how. With THE MOST savings plan you save 50% off the three numbers you spend the most on each month: one overseas, one in Canada, and one in the U.S.

If you don't call overseas, or if you happen to spend more calling a second number in Canada, then you save 50% off the

Let's say you spend the most calling a friend or relative in Vietnam. Your local telephone company's best rate, \$2.18 per minute, (excluding first minute) is for calls made between 12a.m. and 8a.m. The same call with Sprint Canada on the other hand, is only \$1.09 a minute (excluding first minute) – half the price!

LOCAL PHONE CO.'S BEST RATES:
12:00 A.M.-8:00 A.M.

Country Called	First Minute	Each Additional
VIETNAM Local Phone Co.	\$3.27	\$2.18
Sprint Canada	\$1.64	\$1.09

two numbers you spend the most on in Canada and one number in the U.S.

Either way, it's automatic. And you always save 15% off all your other calls. So wherever you spend the most, you save the most.

It's true: you can afford to talk for twice as long with friends and family. Call Sprint Canada today.



FOR THE BEST SAVINGS GUARANTEED CALL 1-800-456-9885 TODAY. ANY TIME, DAY OR NIGHT.

THE
MOST
Get The Most for the Least.™

CALL 1-800-456-9885

TM, ®: Sprint, the Sprint logo, THE MOST, THE MOST logo and The Most for the Least are trademarks of Sprint Communications Company L.P.; used under licence by Sprint Canada Inc. © Sprint Canada Inc., 1996.

Sách mới về...

25 năm khói lửa
Hồi ký, Lý Tòng Bá
US\$15.00 - CA\$22.50

Ba chị em nhà họ Tống
Truyện dài
Nguyễn Văn Lý
US\$14.00 - CA\$21.00

Bài quyền Karate
Võ thuật Hạ Quốc Huy
US\$7.00 - CA\$10.50

Bí quyết hạnh phúc của hôn nhân
Kiến thức phổ thông
Trần Mỹ Duyệt
US\$7.00 - CA\$10.50

Bồ tát Huỳnh Phú Sổ & Phật giáo thời đại
Sách tôn giáo
Lê Hiếu Liêm
US\$16.00 - CA\$24.00

Bức tượng thanh nữ
Truyện ngắn
Hoàng Du Thụy
US\$10.00 - CA\$15.00

Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở VN
Tài liệu
Nguyễn Xuân Thọ
US\$20.00 - CA\$30.00

Bước qua ngưỡng cửa hy vọng
Thần học Thiên Chúa giáo / Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II
US\$10.00 - CA\$15.00

Chi hồng
Truyện dài
Hà Bình Trung
US\$12.00 - CA\$18.00

Chuyện cấm đàn bà
Truyện cười
Đặng Trần Huân
US\$15.00 - CA\$22.50

Chuyện cười nửa đêm
Truyện cười
Phan Quế Phương
US\$7.00 - CA\$10.50

Con cá bảy màu
Truyện thiếu nhi Anh-Việt (bìa cứng, màu)
US\$20.00 - CA\$30.00

Cơ sở Mật giáo Tây Tạng
Phật học
Trần Ngọc Anh
US\$16.00 - CA\$24.00

Dấu khắc hoa mai
Truyện dài
Quỳnh Dao, Ái Cầm
US\$10.00 - CA\$15.00

Dấu vết văn hoá Việt
Du khảo
Phạm Quốc Bảo
Tập I:
US\$15.00 - CA\$22.50
Tập II:
US\$16.00 - CA\$24.00

Đạo Đức Kinh
Biên khảo
Nguyễn Toàn
US\$16.00 - CA\$24.00

Đi tìm sự thành công trong quản trị
Kiến thức phổ thông
Thomsa J. Peters
US\$18.00 - CA\$27.00

Địa lý biển Đông với Hoàng Sa & Trường Sa
Tài liệu, Vũ Hữu San
US\$15.00 - CA\$22.50

Hãy hiểu tình em
Truyện dài Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US\$12.00 - CA\$18.00

Hoa thơm cỏ lạ
Tuyển tập truyện dịch
Nguyễn T. Chân Quỳnh

US\$12.00 - CA\$18.00

Hồ Chí Minh chính truyện
Truyện thơ
Lê Quang Khôi
US\$10.00 - CA\$15.00

Hương vị quê hương
Song ngữ Anh-Việt
Trần Văn Điền
US\$5.00 - CA\$7.50

Ma đầu Hồ Chí Minh
Truyện dài
Hoàng Quốc Kỳ
US\$12.00 - CA\$18.00

Ngõ thoát
Truyện dài, Vĩnh Hảo
US\$15.00 - CA\$22.50

Ở một nơi nào
Truyện ngắn
Nhiều tác giả
US\$20.00 - CA\$30.00

Ra biển gọi thăm
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US\$12.00 - CA\$18.00

Sông nước Hậu Giang
Truyện dài, Xuân Vũ
US\$16.00 - CA\$24.00

Táng xác trôi sông
Truyện dài, Hồ Linh
US\$10.00 - CA\$15.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US\$8.00 - CA\$12.00

Thuật bói bài
Bói toán, Linh Việt
US\$8.00 - CA\$12.00

Thuật thôi miên
Biên khảo
Phạm Học Tân
US\$7.50 - CA\$11.00

Thư gửi bạn ta

Tạp văn, Bùi Bảo Trúc
US\$16.00 - CA\$24.00

Thức ăn chữa bệnh của Trung Quốc
Đồng y
Trần Tồn Nhân
US\$7.00 - CA\$10.50

Trái tim hoá kiếp
Truyện dài
Hoàng Thị Đáo Tiếp
US\$16.00 - CA\$24.00

Trăng ảo chim huyền
Truyện dài
Quỳnh Dao, Hồng Vân
US\$12.00 - CA\$18.00

Trên sông Hồng cuộn cuộn
Truyện dài
Nguyễn Tường Bách
US\$25.00 - CA\$37.50

Truyện cổ dân gian Na Uy
Truyện thiếu nhi
Bạch Liên
US\$12.00 - CA\$18.00

Truyện mới chọn lọc
Truyện ngắn
Duy Lam
US\$12.00 - CA\$18.00

Trường sinh luận (Đông Phương)
Y thuật
Hoàng Ngọc Đỉnh
US\$10.00 - CA\$15.00

Trường sinh luận (Tây phương)
Y thuật
Hoàng Ngọc Đỉnh
US\$10.00 - CA\$15.00

Tuyển tập Văn học miền Đông
Tuyển tập thơ văn
Nhiều tác giả
US\$8.00 - CA\$12.00

Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài trước 45
Truyện ngắn, Tô Hoài
US\$13.00 - CA\$19.50

Tuyển truyện phiêu

lưu mạo hiểm
Anh Việt
Hải Sư & Nguyễn Thị Mỹ Anh
US\$7.00 - CA\$10.50

Tự truyện
Hồi ký
Nguyễn Văn Ba
US\$10.00 - CA\$15.00

Văn sử y dược trong truyện Kim Dung
Biên khảo
Trần Văn Tích
US\$12.00 - CA\$18.00

Vết xước đầu đời
Truyện ngắn
Trần Doãn Nho
US\$12.00 - CA\$18.00

Viết cho mẹ và quốc hội
Hồi ký
Nguyễn Văn Trấn
US\$20.00 - CA\$30.00

Việt Nam y học thực nghiệm
Sách thuốc
Đỗ Phong Thuận
US\$10.00 - CA\$15.00

Vòng tay kỷ niệm
Truyện dài
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US\$12.00 - CA\$18.00

Vùng đá ngầm
Truyện ngắn
Hà Kỳ Lam
US\$10.00 - CA\$15.00

Xem tướng coi tay
Bói toán
Minh Chánh
US\$8.00 - CA\$12.00

Ý Na
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Nga
US\$12.00 - CA\$18.00

Thư-từ, chi-phiếu gửi về Làng Văn

Báo Trào Phúng Tin Tức

và Thông tin

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí : Đỗ Mười tôn thờ đô la Mỹ



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn Le Monde và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức : nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu. Mua dài hạn :
■ 30 US dollars/1 năm. ■ 200 Francs Pháp/2 năm 1/2

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41



Home Life / Experience
Realty Inc.

Realtor-Member

Steven KIEN T. DAO

Sales Representative

(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-dỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
ĐT: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442

(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

Nhà sách Việt Nam

415 Spadina Ave.

(gần góc College St.) Toronto, Ont. M5T 2G6

Tel.: (416) 595-5199

- * Nơi thanh lịch, đầy đủ tất cả các văn hóa phẩm xứng đáng cho mọi giới lui tới, sưu tầm văn học, nghệ thuật và văn hóa Việt Nam.
- * Đầy đủ băng nhạc, compact disc, video, laser discs của các trung tâm nổi tiếng.
- * Đại lý tự diễn phát âm EV555, VEC888 (Giá rất đặc biệt cho đồng hương, có quà tặng)
- * Thiệp Tết, Lịch sách Tử vi, Lịch treo tường 1996.
- * Trò chơi giải trí trong dịp lễ và Tết VN cổ truyền (bầu cua cá, cờ tướng, cờ đua ngựa, bài tứ sắc, bài tổ tôm)

**Nhằm phục vụ yêu cầu của nhiều quý khách.
Chúng tôi nhận đảm trách dịch vụ chuyển tiền,
vàng và fax về Việt Nam (đầy đủ chi tiết tại tiệm)
Phục vụ nhanh chóng - Việc làm uy tín**

Mở cửa 7 ngày
10 giờ sáng - 9 giờ tối

Nhà sách Việt Nam
kính mời

VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI



KỶ-YEU ĐẠI-HỘI KỶ V KHÓA 1 (CALIFORNIA) VÀ KHÓA 2 (TEXAS) . CÁC TRUNG-TÂM ÁU-CHÂU . BẮC CALIFORNIA (HOA-KỲ) . MIỀN ĐÔNG (HOA-KỲ) . MIỀN NAM (HOA-KỲ) . NAM CALIFORNIA (HOA-KỲ) . ONTARIO (GIA-NÃ-ĐẠI) . QUÉBEC (GIA-NÃ-ĐẠI) . SYDNEY (ÚC-ĐẠI-LỢI)

Ấn-bản II, đầy-đủ hình-ảnh, tài-liệu hai kỳ Đại-hội Văn Bút VN Hải-ngoại khóa 1 (California, 25 & 26.11.95) và khóa 2 (Texas, 24 & 25.2.1996)

*Sách dày gần 300 trang,
giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)*

Hỏi tại các nhà sách hoặc liên-lạc: Làng Văn

Bạn đã đọc chưa?



Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

QUAN-TÂM ĐẾN CHUYỆN NƯỚC NON, NÊN ĐỌC:



(giá 12 mỹ-kim - 18 gia-kim)
Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00
bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00
bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 ô: US\$60.00/1kỳ; dài hạn: US\$150/3kỳ

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang:	1 kỳ: US\$40	3 kỳ: US\$35/kỳ	dài hạn: US\$30/kỳ
1/4 trang:	1 kỳ: US\$70	3 kỳ: US\$60/kỳ	dài hạn: US\$50/kỳ
1/2 trang:	1 kỳ: US\$120	3 kỳ: US\$110/kỳ	dài hạn: US\$90/kỳ
1 trang:	1 kỳ: US\$200	3 kỳ: US\$180/kỳ	dài hạn: US\$150/kỳ

Bớt 20% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THẺ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.
 - Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.
 - Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới, số 905-607-8011)
- Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

Garage VINA Inc.

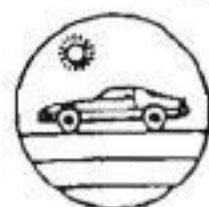
et

Les carrosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102

Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...

ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713

Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-tri
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẴN

(chuyên-khoa tâm bệnh)

2238 Dundas St.W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St.E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-dình (toàn-khoa)

TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2Z9 - Tel: 650-6003

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2 North York / ĐT: (416) 638-6303
2100 Finch W. #109 North York / ĐT: (416) 665-7264
288 King St.W., Hamilton / ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nhà hàng GIỒNG SÔNG SÀI GÒN

910 Boul. Décarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400
Đặc-biệt: Bánh cuốn trắng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Nhà hàng Hạ Long

Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant Thùy Dương

418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

Quán HƯƠNG QUÊ

7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy-đủ các món ăn
thuần-túy Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Luật-sư TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, D.D.S.

888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

NHÀ THUỐC TÂY SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe - Nhân thọ
TONY VŨ: (416) 650-1702

GLOBAL

1 HOUR PHOTO LAB
2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9098
Đảm-nhận mọi công việc về phim, ảnh

Hiệu Hoa NGỌC NỞ

Fleuriste JARDIN ROYAL
Đầy đủ các loại HOA TƯƠI, VẢI

Spécialités:



- * Hoa Hồng, Lan, hoa Exotique
- * ĐÁM CƯỚI: Thiệp cưới, Hoa cưới, vật dụng cưới hỏi.
- * ĐÁM TANG: Hoa tang, Thiệp cảm tạ.
- * Giỏ trái cây cho Noël, Cúng giỗ...
- * Bong Bóng: cho Đám Cưới, Party...

Mở cửa 7 ngày trong tuần

(514) 735-3720
6255 Victoria ave.
Montréal, Qué. Can



WINDSOR

Bác-sĩ nhãn-khoa

NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D., B. Sc.

- C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
- 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
- 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor Street, #421
Ottawa, Ontario K2P 1V3

(613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẩu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả...

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa Làng Văn:

- . Bìa 2 (bìa trước mặt trong) hoặc
bìa 3 (bìa sau mặt trong) - 1 màu:
- 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ).
- 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)
- . Bìa 4 (bìa lưng) - nhiều màu:
- 1 ô: \$60 một kỳ
- 2 ô: \$110 một kỳ
- 4 ô: \$200 một kỳ

. Liên-lạc:

- . Tòa-soạn: (905) 607-8010
- . Nguyễn Nghĩa: (905) 848-6049
- . Bá Đình: (514) 482-9153
- . Bá Thiện: (514) 256-5233

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm

Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỔ KHỔ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TUM
CƯỜI ĐỎ**
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



**NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA**

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ **LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.**
1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439

Phố Tàu Mississauga McDonald's 1090 Sanfield Road



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**NHA-SĨ
LÊ THU GIANG**

302 Spadina Ave., #303
(ngay góc Dundas)
Toronto, Ont. M5T 2E7
Tel: (416) 598-5513

**GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THỂ LẠC**

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn